UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Hà Tĩnh)

Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của **Trường Đại học Hà Tĩnh** do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của **Trường Đại học Hà Tĩnh** và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức. Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

HÀ TĨNH, NĂM 2017

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(*Kèm theo Quyết định số:553 /QĐ-ĐHHT ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh*)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Ông Nguyễn Đình Thọ	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Ông Đoàn Hoài Sơn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	Bà Phan Thị Dung	Phó trưởng phòng ĐBCL	Thư ký HĐ	
4	Ông Cao Thành Lê	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
5	Bà Lê Thị Hường	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
6	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên	
7	Ông Trần Anh Vũ	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên	
8	Bà Hồ Thị Nga	TP. QHĐN&TT	Ủy viên	
9	Bà Bùi Thị Quỳnh Thơ	TP. Quản lý Khoa học	Ủy viên	
10	Bà Trần Thị Ái Đức	TP. QL SĐH	Ủy viên	
11	Ông Ngô Tất Đạt	TP. Công tác HSSV	Ủy viên	
12	Ông Ngô Đăng Thuận	TP. Quản trị	Ủy viên	
13	Ông Nguyễn Viết Hùng	TP. Kế hoạch tài chính	Ủy viên	
14	Ông Trương Quang Duẩn	PTP. Thanh tra	Ủy viên	
15	Ông Nguyễn Hoài Sanh	TK. Lý luận chính trị	Ủy viên	
16	Ông Nguyễn Gia Việt	TK. Ngoại ngữ	Ủy viên	
17	Ông Bùi Văn Hạt	TK. Sư phạm Tự nhiên	Ủy viên	
18	Ông Nguyễn Khánh	PTK. SP Tiểu học- MN	Ủy viên	
19	Bà Nguyễn Thị Thái Hoà	TK. Tiếng Việt	Ủy viên	

20	Ông Nguyễn Sỹ Minh	TK. Kỹ thuật - Công nghệ	Ủy viên	
21	Ông Lâm Xuân Thái	PTK. Nông nghiệp	Uỷ viên	
22	Ông Hoàng Ngọc Hà	TK. KT - QTKD	Ủy viên	
23	Ông Nguyễn Văn Tịnh	TBM. Tâm lý giáo dục	Ủy viên	
24	Ông Nguyễn Viết Phú	GĐ. Trung tâm CNTT	Ủy viên	
25	Ông Đinh Văn Nam	GĐ. Trung tâm Thư viện	Uỷ viên	
26	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	GĐ. Trung tâm GDTX	Ủy viên	
27	Ông Thái Đình Hưng	GĐ. Trung tâm DV&HTSV	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 27 người)./.

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ 1
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG..... 14
TIÊU CHUẨN 1. SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC 14
Tiêu chí 1.1..... 14
Tiêu chí 1.2..... 17
TIÊU CHUẨN 2. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ..... 21
Tiêu chí 2.1..... 22
Tiêu chí 2.2..... 25
Tiêu chí 2.3..... 28
Tiêu chí 2.4..... 30
Tiêu chí 2.5..... 36
Tiêu chí 2.6..... 39
Tiêu chí 2.7..... 42
TIÊU CHUẨN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... 46
Tiêu chí 3.1..... 46
Tiêu chí 3.2..... 48
Tiêu chí 3.3..... 51
Tiêu chí 3.4..... 54
Tiêu chí 3.5..... 61
Tiêu chí 3.6..... 63
TIÊU CHUẨN 4. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO..... 66
Tiêu chí 4.1..... 66
Tiêu chí 4.2..... 69
Tiêu chí 4.3..... 72
Tiêu chí 4.4..... 75
Tiêu chí 4.5..... 79
Tiêu chí 4.6..... 82
Tiêu chí 4.7..... 84

TIÊU CHUẨN 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN 89
Tiêu chí 5.1. 89
Tiêu chí 5.2. 92
Tiêu chí 5.3. 95
Tiêu chí 5.4. 98
Tiêu chí 5.5. 100
Tiêu chí 5.6. 102
Tiêu chí 5.7. 104
Tiêu chí 5.8. 106
TIÊU CHUẨN 6. NGƯỜI HỌC 109
Tiêu chí 6.1. 110
Tiêu chí 6.2. 112
Tiêu chí 6.3. 116
Tiêu chí 6.4. 119
Tiêu chí 6.5. 122
Tiêu chí 6.6. 124
Tiêu chí 6.7. 128
Tiêu chí 6.8. 131
Tiêu chí 6.9. 133
TIÊU CHUẨN 7. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ 137
Tiêu chí 7.1. 137
Tiêu chí 7.2. 141
Tiêu chí 7.3. 143
Tiêu chí 7.4. 146
Tiêu chí 7.5. 148
Tiêu chí 7.6. 150
Tiêu chí 7.7. 155
TIÊU CHUẨN 8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ 159

Tiêu chí 8.1. 159
Tiêu chí 8.2. 163
Tiêu chí 8.3. 166
TIÊU CHUẨN 9. THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC 170
Tiêu chí 9.1. 170
Tiêu chí 9.2. 175
Tiêu chí 9.3. 177
Tiêu chí 9.4. 180
Tiêu chí 9.5. 183
Tiêu chí 9.6. 185
Tiêu chí 9.7. 187
Tiêu chí 9.8. 189
Tiêu chí 9.9. 191
TIÊU CHUẨN 10. TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH 195
Tiêu chí 10.1. 195
Tiêu chí 10.2. 198
Tiêu chí 10.3. 199
PHẦN IV. KẾT LUẬN 203
PHẦN V. PHỤ LỤC 206
Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC 206
Phụ lục 2. 227
CÁC VĂN BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG 227
Phụ lục 3 239
DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG 239
Phụ lục 4
DANH MỤC MINH CHỨNG

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANQP	An ninh quốc phòng
BCH	Ban chấp hành
BGH	Ban giám hiệu
CB	Cán bộ
CBVC	Cán bộ viên chức
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐ	Cao đẳng
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CP QLDA	Chi phí Quản lý dự án
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTCT	Chương trình chi tiết
CT-HSSV	Chính trị - Học sinh sinh viên
CTSV	Công tác sinh viên
DVHTSV	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ĐHHT	Đại học Hà Tĩnh
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
ĐTN	Đoàn thanh niên
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GDTX	Giáo dục thường xuyên
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HCV	Huy chương vàng
HCCB	Hội cựu chiến binh
HS,SV	Học sinh, sinh viên

HS	Học sinh
HSV	Hội sinh viên
HTQT	Hợp tác Quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
KH-TC	Kế hoạch - Tài chính
KHXH	Khoa học xã hội
KTXH	Kinh tế xã hội
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KTV	Kỹ thuật viên
KTX	Ký túc xá
LHS	Lưu học sinh
LLCT	Lý luận chính trị
NQTW	Nghị quyết trung ương
NCS	Nghiên cứu sinh
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS	Phó giáo sư
QHĐN&TT	Quan hệ đối ngoại & Truyền thông
QLCL	Quản lý chất lượng
QLKH	Quản lý khoa học
QLNN	Quản lý nhà nước
SHCD	Sinh hoạt công dân
SD	Sử dụng
SV	Sinh viên
TC	Trung cấp
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TCHC	Tổ chức hành chính
TDTT	Thể dục thể thao
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tiến sĩ
TT-TV	Thông tin - Thư viện
TT-PC	Thanh tra - pháp chế
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VHVN	Văn hóa văn nghệ
VLVH	Vừa làm vừa học
VP	Văn phòng
XD	Xây dựng
XHNV	Xã hội nhân văn

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng giáo dục là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của trường ĐH. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, xã hội ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu tất yếu và cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường ĐHHT đã luôn quan tâm đến chất lượng và đã áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Để rà soát các hoạt động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng, năm 2009, Trường ĐHHT đã triển khai công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục lần thứ nhất. Đến năm 2014, Trường tiến hành tự đánh giá chu kỳ 2 với chất lượng tương đối tốt nhưng chưa tham gia đánh giá ngoài. Tính từ thời điểm hoàn thành công tác tự đánh giá chu kỳ 2 đến nay đã 3 năm nên hiện nay Trường thực hiện tự đánh giá giữa kì để cập nhật Báo cáo tự đánh giá đến 31 tháng 10 năm 2017. Quá trình cập nhật này được triển khai từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 01 tháng 11 năm 2017. Trường ĐHHT đã tiến hành đánh giá tổng thể các hoạt động trong giai đoạn 2012 - 2017 theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ GD&ĐT. Qui trình tự đánh giá thực hiện theo Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Qui định về qui trình và chu kì KĐCLGD trường ĐH, CĐ và TCCN.

Mục đích của lần tự đánh giá này là nhằm giúp Nhà trường rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng để từ đó có một cái nhìn tổng thể, toàn diện về các lĩnh vực hoạt động; giúp Nhà trường nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu cơ bản, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Qua công tác tự đánh giá, nhận thức của lãnh đạo và toàn thể CBVC của Trường về công tác ĐBCL đã có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác tự đánh giá đã từng bước góp phần tạo lập văn hóa chất lượng trong toàn trường. Đồng thời, thông qua hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ các hoạt động đào

tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định. Bên cạnh đó, việc tự đánh giá giúp Nhà trường tham gia vào quá trình KĐCL để được công nhận đạt tiêu chuẩn và công khai chất lượng giáo dục.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, Trường đã cử CBVC tham dự các lớp tập huấn về ĐBCL và viết báo cáo tự đánh giá do Cục Khảo thí và KĐCLGD (nay là Cục QLCL) và ĐHQGHN tổ chức, cử 03 CBQL tham gia các lớp kiểm định viên KĐCLGD ĐH và TCCN. Nhà trường đã huy động tất cả nguồn lực sẵn có, thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch tổng thể, kế hoạch chi tiết, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng viết báo cáo và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá bao gồm 27 thành viên, đại diện cho các đơn vị, bộ phận khác nhau trong trường. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký gồm 09 thành viên và 08 nhóm công tác chuyên trách gồm 29 thành viên (Phụ lục 2).

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2012 đến năm 2017, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí KĐCLGD. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để tiến hành viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công, đồng thời tiến hành mã hóa tất cả minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, các minh chứng được sắp xếp theo quy tắc sau: Ha.b.c.d, trong đó, a: là thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến hết), b: là số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10), c: số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết trong mỗi tiêu chuẩn), d: số thứ tự của minh chứng (có giá trị từ 01 đến hết). Báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn cũng được các nhóm đọc phản biện chéo để đảm bảo đạt chất lượng. Ban Thư ký có nhiệm vụ tập hợp các báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, kiểm tra, rà soát các minh chứng và viết báo cáo tổng hợp theo đúng bố cục và nội dung quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Sau 10 tháng triển khai, công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục ĐH của Trường ĐHHT đã hoàn thành một số nội dung cơ bản. Tuy nhiên đến thời điểm

tháng 3 và tháng 7 năm 2017, Nhà trường có sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức, nhân sự do tiến hành sáp nhập, chia tách, thành lập một số đơn vị trực thuộc và một số cán bộ quản lý nghỉ hưu. Theo đó, một số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký đã thôi giữ các chức vụ chính quyền hiện tại hoặc điều chuyển vị trí công tác, một số CBVC không có trong Hội đồng tự đánh giá nay đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo tại các phòng, khoa. Vì thế, Nhà trường đã nhanh chóng kiện toàn Hội đồng tự đánh giá mới thay thế cho Hội đồng cũ để tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá đã được công bố công khai trong nội bộ Trường (từ ngày 01/11/2017 đến 30/11/2017) để các thành viên của Nhà trường (CB, GV, NV, HSSV) có thể đọc và đóng góp ý kiến. Tiếp theo, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đã hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và lưu giữ báo cáo tại Trung tâm TT-TV. Đồng thời, Nhà trường đã gửi báo cáo tự đánh giá để đăng ký KĐCLGD đến Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN cũng như gửi báo cáo Bộ GD&ĐT (qua Cục QLCL) trong tháng 12 năm 2017.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Bối cảnh chung của Trường Đại học Hà Tĩnh

Trường ĐHHT được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập và nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tĩnh, Phân hiệu Trường ĐH Vinh tại Hà Tĩnh và Trường Trung cấp Kinh tế Hà Tĩnh. Đến tháng 11 năm 2013, Trường được sáp nhập thêm Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh.

- Tên giao dịch:

+ Tiếng Việt: Trường Đại học Hà Tĩnh - Viết tắt là: TĐHHT

+ Tiếng Anh: Ha Tinh University - Viết tắt là: HTU

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

+ Cơ sở Đại Nài: Số 447, đường 26/3 phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh

Sứ mạng: "Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước".

Tầm nhìn: "Trường ĐHHT phấn đấu là trường ĐH đa cấp, đa ngành định hướng thực hành, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung".

*Mục tiêu chung: "*Trường ĐHHT đặt mục tiêu chiến lược là đào tạo, phát triển năng lực thực hành của người học, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất; NCKH và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống; cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động đa dạng của Hà Tĩnh và khu vực miền Trung, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước".

"*Giá trị cốt lõi:* "Kiến thức - Kỹ năng - Tự chủ - Trách nhiệm - Hợp tác".

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHHT là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của địa phương. Người học khi tốt nghiệp có đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng-an ninh, có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, có trách nhiệm, hòa hợp, hợp tác phát triển với cộng đồng xã hội.

Trường ĐHHT hiện có 32 đơn vị trực thuộc gồm: 07 khoa, 02 bộ môn, 10 phòng, 06 trung tâm, 02 trường trực thuộc (Mầm non, Phổ thông) 01 ban và 04 tổ chức đoàn thể. Toàn Trường có 303 CB, GV và NV. Đội ngũ GV cơ hữu gồm 212 người, trong đó có 01

GS, 02 PGS, 24 TS, 168 ThS và 17 GV có trình độ ĐH. Nhà trường hiện đang đào tạo 15 ngành học ở bậc CĐ, 22 ngành học ở bậc ĐH, chưa có đào tạo bậc ThS và TS. Tổng số HSSV của Trường tính đến tháng 12/2017 là 4.136 HSSV, trong đó hệ ĐH là 3.356 SV, hệ CĐ là 81 SV, LHS Lào học tiếng Việt là 450 SV, học sinh hệ TH, THCS, THPT là 217 HS, hệ mầm non là 32 HS. Trường thường xuyên phối hợp với các trường: Trường ĐH Bách khoa Hà Nội; Trường ĐH Xây dựng; Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn (ĐHQGHN), Trường Đại học Kinh tế (ĐHQGHN)… để đào tạo ThS.

Từ năm 2007 đến nay Trường đã đào tạo được 12.706 HSSV tốt nghiệp ra trường, trong đó: ĐH: 4.549, CĐ: 4.617, TC: 3.540. Những HSSV tốt nghiệp từ Trường ĐHHT đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện KTXH trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và trong cả nước. Ngoài ra, Nhà trường còn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho nước bạn Lào.

Nhiệm vụ NCKH luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của nhà trường, được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường và được chỉ đạo triển khai tích cực với nhiều giải pháp. Nhờ đó, từ năm 2012-2017, CB, GV của nhà trường đã hoàn thành 136 đề tài, trong đó có: 02 đề tài cấp Nhà nước, 13 đề tài cấp Bộ và tương đương, 34 đề tài cấp cơ sở và 87 đề tài NCKH của SV; tổ chức biên soạn và xuất bản giáo trình,

sách tham khảo..... phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu, trong đó có một số giáo trình được nhiều trường trong cả nước sử dụng.

Hiện tại, hệ thống CSVC, trang thiết bị ở cả hai cơ sở đều đáp ứng tốt quy mô đào tạo và NCKH cho HSSV và CB, GV của Trường. Công tác quản lý tài chính trong những năm qua đã được cải tiến mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Nhà trường và tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trường điều hành tập trung và điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời quan tâm đến việc cải thiện thu nhập cho người lao động.

Với những thành tích đạt được trong những năm qua Trường ĐHHT đã được:

- Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Lao động các Hạng Nhất, Nhì, Ba;

- Nhà nước nước CHDCND Lào tặng thưởng: Huân chương Hữu nghị, Huân chương lao động hạng Ba;

- Chính phủ, Bộ GD&ĐT, các Bộ, Ngành, UBND tỉnh Hà Tĩnh tặng nhiều Bằng khen, cờ thi đua xuất sắc.

2.2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

Trường ĐHHT đã triển khai hoạt động tự đánh giá theo các thông tư, quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác KĐCL cơ sở giáo dục ĐH. Nội dung báo cáo tự đánh giá đã bao quát toàn bộ các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn 2012-2017. Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã có những phát hiện chính như sau:

Sứ mạng và mục tiêu của Trường ĐHHT được xác định một cách có cơ sở lý luận và thực tiễn, phù hợp với mục tiêu đào tạo được quy định tại các văn bản mang tính chất pháp lý; bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và cả nước. Trong quá trình thực hiện, nội hàm của sứ mạng Nhà trường và mục tiêu phát triển luôn được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện cho phù hợp với nhu cầu phát triển KTXH cũng như xu thế phát triển của GD&ĐT.

Công tác tổ chức và quản lý của Trường thực hiện theo đúng các quy định và hướng dẫn hiện hành. Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, có cơ chế hoạt động rõ ràng và cụ thể, phù hợp với Điều lệ trường ĐH và với tình hình thực tiễn của Trường. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Trường hoạt động vững mạnh, trong sạch. Trường có hệ thống văn bản quản lý đầy đủ cho các hoạt động tuyển dụng, bồi dưỡng, tổ chức đào tạo, NCKH, tài chính,... để đảm bảo các hoạt động của Trường được thực hiện theo đúng quy định, quy trình với hiệu quả cao. Các chiến lược phát triển đều được cụ thể hoá thành những kế hoạch hoạt động ngắn hạn và trung hạn để tổ chức thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch của Trường được lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo và các bộ phận thực hiện rất nghiêm túc.

Trường ĐHHT có đầy đủ CTĐT của tất cả các ngành đào tạo. CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mạng, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo. Quá trình bổ sung, điều chỉnh CTĐT được thực hiện dựa trên việc tham khảo các CTĐT của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế cũng như dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. CTĐT của Nhà trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành đào tạo khác, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của người học và nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện theo đúng quy định, đáp ứng tốt các yêu cầu của người học. Trường đã và đang tiến hành đa dạng hoá các ngành học và hình thức đào tạo, đã thực hiện đúng chế độ tích luỹ kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo. Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường đã áp dụng được 07 năm và đã vận hành hiệu quả. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy định. Nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng ứng dụng CNTT vào quá trình dạy học. Bên cạnh việc sử dụng hệ thống sổ sách truyền thống, Nhà

trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để quản lý, lưu giữ kết quả học tập của người học một cách chính xác, đầy đủ, tạo thuận lợi trong công tác quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo; sử dụng hệ thống camera phòng học để theo dõi giảng dạy và học tập.

Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBQL, GV và NV. Quá trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ CB, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Đội ngũ CBQL được bổ nhiệm theo đúng quy trình và tiêu chuẩn quy định, đủ năng lực đảm nhiệm vị trí công tác được phân công. Trong những năm qua, Trường đã có chính sách thu hút để tuyển dụng cán bộ có học vị cao, đồng thời thực hiện nhiều chính sách ưu đãi nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ GV học tập nâng cao trình độ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Vì thế, đội ngũ GV của Trường ngày càng tăng về số lượng cũng như chất lượng. Trường ĐHHT là một môi trường dân chủ, CBQL, GV và NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến rộng rãi về các chủ trương, kế hoạch, quy chế,...của Nhà trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Với quan điểm xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo, Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp và hoạt động cụ thể nhằm tạo điều kiện để người học có một môi trường học tập và sinh hoạt tốt nhất. Ngay khi nhập trường, người học đã được phổ biến đầy đủ các văn bản liên quan; được giới thiệu chi tiết về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện. Trong quá trình học tập, người học được giải quyết kịp thời các chế độ chính sách xã hội, được chăm sóc sức khỏe theo quy định, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động VHVN, TDTT trong các tổ chức đoàn thể; tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động định hướng, tư vấn và hỗ trợ việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống văn

hóa dân tộc, đạo đức lối sống, ý thức chấp hành pháp luật và qui chế học tập, rèn luyện cho HSSV được thực hiện với nhiều nội dung và hình thức phong phú, đã mang lại những kết quả cao.

Hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN của Trường ĐHHT trong giai đoạn vừa qua đã có bước phát triển đáng kể. Việc tổ chức thực hiện cũng như kinh phí dành cho NCKH của Trường được thực hiện đúng quy định. Nhà trường có các quy định và chính sách phù hợp để thúc đẩy hoạt động NCKH cho CBVC trong toàn trường. Các hội thảo khoa học, đề tài NCKH và bài báo đều gia tăng về số lượng và chất lượng. Các sản phẩm NCKH của đội ngũ CBVC Nhà trường có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, được ứng dụng hiệu quả vào công tác quản lý của nhà trường, góp phần vào sự phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung.

Trong thời gian vừa qua, hoạt động HTQT của Trường ĐHHT có những chuyển biến mạnh mẽ. Hằng năm, Nhà trường không ngừng mở rộng đối tác hợp tác trong và ngoài khu vực bằng việc ký các bản ghi nhớ; tổ chức, đồng tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học quốc tế; trao đổi thông tin tư liệu, thăm viếng lẫn nhau với các đối tác, trao đổi SV, đưa SV đi thực tập ngắn hạn và dài hạn… Hiện nay, Nhà trường đã có quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới như Canada, Nga, Hoa Kỳ, Đài Loan (Trung Quốc), Đức; các nước trong khu vực như Lào, Thái Lan. Nhiều năm liền Trường được xem là cơ sở giáo dục có số LHS Lào đông nhất trong cả nước.

Hiện nay, hệ thống CSVC của Trường ĐHHT khá đồng bộ, có thể đảm bảo yêu cầu về đào tạo, NCKH và những hoạt động khác. Hệ thống thư viện của Trường đáp ứng được đầy đủ tài liệu và không gian học tập cho GV và SV. Trường đã xây dựng thư viện điện tử, quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, hình thức phục vụ hiện đại, hiệu quả cao. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về phát triển CSVC và đang triển khai xây dựng giai đoạn 2 ở cơ sở mới (Cẩm Vịnh - Cẩm Xuyên) với diện tích 76,76 ha, đạt tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Công tác an ninh trật

tự của Nhà trường luôn đảm bảo, là đơn vị tiêu biểu trong nhiều năm, đã nhiều lần được Bộ Công an tặng bằng khen về thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Trường ĐHHT là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, tự chủ một phần kinh phí thường xuyên. Công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường luôn được quan tâm, chú trọng từ khâu tạo lập nguồn thu hợp pháp đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH đến việc chủ động lập kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách hàng năm sát với thực tế. Các nguồn tài chính được quản lý, điều hành tập trung, phân bổ, sử dụng hợp lý, rõ ràng và phát huy hiệu quả tốt.

Bên cạnh những điểm mạnh nêu trên, quá trình thực hiện công tác tự đánh giá cho thấy Trường ĐHHT còn có một số hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

Quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đã huy động được sự đóng góp của các nhà tuyển dụng lao động và cựu người học, tuy nhiên chưa được thực sự rộng rãi và thường xuyên.

Trong công tác tổ chức và quản lý, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản đôi khi chưa theo kịp tốc độ thay đổi, điều chỉnh văn bản của cấp trên. Bộ máy tổ chức của Nhà trường tuy đã được kiện toàn song vẫn còn phải điều chỉnh theo yêu cầu của tự chủ ĐH và điều chỉnh của Luật giáo dục trong thời gian tới.

Các CTĐT của Trường chưa theo kịp tốc độ phát triển KHCN trên thế giới trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0. Một số CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh theo định hướng CDIO nên thời lượng thực hành, thực tập còn thấp. Một số ngành chưa đào tạo liên thông, chưa hợp tác được với các cơ sở giáo dục khác, chưa có các chương trình liên kết quốc tế dạng 2+2, 1+3, 3+1 nên việc phát triển CTĐT liên thông quốc tế chưa đạt được như mong muốn. Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường chưa triển khai được các hình thức đào tạo tiên tiến, ứng dụng công nghệ như dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa. Số lượng câu hỏi trắc nghiệm trong các

ngân hàng đề thi đã đáp ứng yêu cầu theo quy chế của Bộ GD&ĐT, tuy nhiên chưa nhiều, cần bổ sung thường xuyên.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ trình độ từ TS trở lên chưa nhiều. Một số CBVC chưa khai thác, tận dụng các chính sách hiện có của Tỉnh và của Trường để tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Năng lực sử dụng ngoại ngữ của một số GV trong việc tham khảo các tài liệu khoa học nước ngoài nhằm phục vụ công tác giảng dạy và NCKH còn hạn chế.

Trường ĐHHT có số lượng LHS Lào học tiếng Việt và chuyên ngành đông nhất cả nước. Việc phổ biến quy chế đào tạo, hướng dẫn CTĐT, phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng như triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho LHS Lào còn nhiều khó khăn do rào cản ngôn ngữ và một số điểm khác biệt về văn hóa.

Hoạt động NCKH hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng của Trường. Số lượng các đề tài/dự án cấp bộ, cấp Quốc gia chưa nhiều; việc công bố quốc tế chỉ mới tập trung ở một số ít CB, GV; nguồn thu từ NCKH và CGCN còn hạn chế.

Hoạt động HTQT của Trường vẫn chưa phát triển mạnh và mang tính bền vững, chưa đáp ứng được sự phát triển của Nhà trường; phạm vi hoạt động chưa mở rộng, hoạt động hợp tác trao đổi chuyên gia, liên kết NCKH vẫn còn hạn chế… Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chính vẫn là Nhà trường chưa có đội ngũ GV mạnh về chuyên môn, giỏi về ngoại ngữ; chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động HTQT.

Nguồn tài liệu cho một số ngành mới chưa phong phú, tài liệu điện tử còn ít, số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều. Một số trang thiết bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường đã cũ, cần được nâng cấp, hiện đại hóa. Quy mô và chất lượng KTX cần được cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu của người học.

Nguồn lực tài chính của Nhà trường còn hạn hẹp, nguồn kinh phí của Trường chủ yếu từ ngân sách Nhà nước và hoạt động đào tạo, nguồn thu từ các hoạt động

NCKH và các dịch vụ còn hạn chế.

Do đó, Nhà trường đã xác định các kế hoạch hành động để khắc phục các tồn tại nêu trên, cụ thể như sau:

Nhà trường giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên tiến hành khảo sát lấy ý kiến rộng rãi của các nhà tuyển dụng lao động và cựu SV trong quá trình điều chỉnh mục tiêu đào tạo.

Để thực hiện tốt hoạt động tổ chức và quản lý, Trường giao Phòng TT-PC phối hợp với các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý khi phát hiện những nội dung không còn phù hợp hoặc khi Nhà nước ban hành những VBQPPL mới liên quan đến từng lĩnh vực hoạt động của trường; giao Phòng TCHC nghiên cứu xu hướng điều chỉnh Luật GDĐH và các yêu cầu liên quan tới tự chủ ĐH, giúp lãnh đạo Trường rà soát thu gọn đầu mối, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ gần nhau; hoàn thiện cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh, gọn, hiệu quả theo tinh thần của NQTW 6.

Để nâng cao chất lượng các CTĐT, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa khi xây dựng CTĐT cần nghiên cứu cập nhật các xu hướng phát triển KHCN của thế giới phù hợp với điều kiện của nhà trường; thực hiện rà soát, cải tiến các CTĐT còn lại theo hướng thực học thực làm, giảm lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ nhiều hơn; nghiên cứu tổ chức ký kết hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước; đồng thời mở rộng tìm kiếm các đối tác quốc tế có cùng ngành đào tạo để xây dựng các chương trình liên kết quốc tế dạng 4+0, 3+1, 2+2, 1+3. Trong hoạt động đào tạo, Trường giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp Trung tâm CNTT và các khoa chuyên môn nghiên cứu triển khai ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến trên nền công nghệ Google Class và hệ thống quản lý câu hỏi trắc nghiệm ứng dụng mã nguồn mở; nghiên cứu khả thi hình thức đào tạo từ xa; triển khai xây dựng ngân hàng đề thi ngày một phong phú hơn.

Từ năm học 2017-2018, Trường chỉ đạo Phòng TCHC phối hợp Phòng KHTC tham mưu Hiệu trưởng trình UBND Tỉnh ban hành chính sách đặc thù để tiếp tục

thu hút cán bộ có trình độ TS trở lên về trường công tác. Đồng thời, Nhà trường giao nhiệm vụ và động viên các CBGV tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các lớp nâng cao năng lực ngoại ngữ.

Trong công tác quản lý người học, Phòng Công tác CT - HSSV phối hợp với ĐTN, HSV thường xuyên, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của HSSV nói chung cũng như của LHS Lào nói riêng để có những hoạt động và biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ NCKH ổn định và chuyên nghiệp, cải tiến công tác quản lý NCKH, đẩy mạnh công tác NCKH, tập trung hoạt động NCKH vào các thế mạnh của Trường trong lĩnh vực kinh tế, du lịch, KHXH nhân văn nhằm tăng nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH và CGCN.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế như trao đổi chuyên gia, liên kết NCKH, triển khai các CTĐT liên kết quốc tế,…từ đó nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Trường.

Nhà trường giao Trung tâm TT - TV phối hợp với các khoa/bộ môn rà soát lại danh mục tài liệu có trong thư viện theo từng CTĐT, đặc biệt là một số ngành mới, từ đó xây dựng kế hoạch bổ sung thêm nguồn tài liệu phong phú, đa dạng hơn; tiếp tục đầu tư kinh phí và tranh thủ các dự án để xây dựng CSVC và nâng cấp, hiện đại hoá các phòng thí nghiệm, trong đó ưu tiên đầu tư CSVC cho các bộ môn, tăng quy mô và cải thiện chất lượng KTX.

Thực hiện các giải pháp, chiến lược huy động các nguồn lực về tài chính, tăng cường các hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu, chi hợp lý và hiệu quả, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí chặt chẽ, khoa học.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1. SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu

Việc xác định sứ mạng và mục tiêu của có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định quy mô và chất lượng các hoạt động của Nhà trường trên con đường phát triển. Sứ mạng và mục tiêu của Trường ĐHHT được xác định một cách có cơ sở lý luận và thực tiễn, phù hợp với mục tiêu đào tạo được quy định tại các văn bản mang tính chất pháp lý; bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và cả nước. Trong quá trình thực hiện, nội hàm của sứ mạng Nhà trường và mục tiêu phát triển luôn được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện cho phù hợp với nhu cầu phát triển KTXH cũng như xu thế phát triển của GD&ĐT.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trường ĐHHT được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ [H1.1.1.01]. Sứ mạng của Trường ĐHHT được khẳng định tại Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2008-2013 và tiếp tục được khẳng định lại tại Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020 là: "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, truyền thống đoàn kết và những kết quả đạt được, xây dựng Trường ĐHHT trở thành trung tâm đào tạo, NCKH, trung tâm văn hóa chất lượng cao của tỉnh; một trường đại học đa cấp, đa ngành có uy tín của khu vực Miền Trung và cả nước, đáp ứng yêu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ở nhiều trình độ, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa; trở thành địa chỉ tin cậy của Đảng bộ

và nhân dân Hà Tĩnh" [H1.1.1.02]. Đến năm 2016, trong bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, sứ mạng của Trường được tuyên bố: *"Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước"*[H1.1.1.03].

Như vậy, có thể thấy, sứ mạng của Trường ĐHHT được xác định hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đã được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động: "Là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị tốt, có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, đồng thời là cơ sở NCKH và kỹ thuật phục vụ các mục tiêu phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và cả nước" [H1.1.1.04]. Trong những năm qua, Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo các nhóm ngành: Sư phạm, Ngoại ngữ, Xây dựng, CNTT, Kinh tế - Du lịch, Luật - Giáo dục chính trị,...SV sau khi ra trường phải có khả năng đáp ứng được các nhu cầu thực tiễn [H1.1.1.05], [H1.1.1.06]. Song song với hoạt động đào tạo, Nhà trường cũng chú trọng đến hoạt động NCKH của GV và SV, hằng năm GV và SV trong Nhà trường đã có nhiều đề tài nghiên cứu, nhiều bài báo, tạp chí [H1.1.1.07], [H1.1.1.08].

Nội dung của sứ mạng được xác định phù hợp với các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường là định hướng thực hành. Nhà trường có đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH. Hiện tại, Trường có 212 GV, trong đó có 01GS, 02 PGS, 24 TS, 168 ThS, 17 cử nhân ĐH [H1.1.1.09]; tỷ lệ GV có trình độ TS chiếm 12,74%; đảm bảo tỷ lệ bình quân SV/GV; có đủ CSVC phục vụ quá trình dạy và học: diện tích sàn phục vụ đào tạo không thấp hơn 2,5m^2/ 1 SV chính quy; có nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH, kinh phí chi cho hoạt động KH&CN chiếm tỉ lệ thích hợp trong tổng chi cho các hoạt động hàng năm [H1.1.1.10], [H1.1.1.11], [H1.1.1.12].

Sứ mạng của Trường phù hợp và gắn kết với Chiến lược phát triển KTXH của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt: "*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ"* [H1.1.1.13]; phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục quốc gia giai đoạn 2011 - 2020: *"Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp và ĐH; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho phát triển KTXH"* [H1.1.1.14].

Sứ mạng của Nhà trường cũng gắn kết và phù hợp với chiến lược phát triển KTXH của địa phương. Một trong những mục tiêu phát triển cụm ngành GD&ĐT của Hà Tĩnh đến năm 2020 và tầm nhìn 2050 là nâng cao năng lực, quy mô, chất lượng đào tạo và NCKH của Trường ĐHHT, nhằm xây dựng Trường ĐHHT trở thành trung tâm đào tạo, NCKH và CGCN chất lượng cao của khu vực miền Trung [H1.1.1.15]. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 20/12/2011 của Ban chấp hàng Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cũng đã chỉ rõ "*Tập trung xây dựng Trường ĐHHT sớm trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trình độ cao, góp phần tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao*" [H1.1.1.16]. Trong những năm gần đây, Hà Tĩnh là một trong những tỉnh thu hút đầu tư vào tốp dẫn đầu cả nước. Nhiều công trình, dự án trọng điểm đã được triển khai, nhất là dự án tại Khu kinh tế Vũng Áng, hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Khu kinh tế Hạ Vàng và các công trình, dự án quan trọng khác [H1.1.1.17]. Hà Tĩnh cũng là một trong 5 tỉnh của cả nước vinh dự được Đảng và Nhà nước chọn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong nhiệm kỳ 2010-2015 [H1.1.1.18]. Trong bối cảnh đó, Trường ĐHHT được giao đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của các dự án kinh tế trọng điểm [H1.1.1.19].

Công tác đào tạo của Trường ĐHHT góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Điều này thể hiện rõ tính gắn kết và phù hợp của sứ mạng Trường với chiến lược phát triển KTXH của địa phương và của cả nước.

Các văn bản về sứ mạng của Trường đều được xây dựng dựa trên trí tuệ của tập thể các phòng, ban, khoa, các đơn vị trong Trường, có sự tham khảo ý kiến của toàn bộ GV, CB, chuyên viên của Nhà trường [H1.1.1.20]. Sứ mạng của Nhà trường đã được đăng tải trên website, trên các panô đặt ở những vị trí trang trọng của Trường, được thông tin và phổ biến rộng rãi trong và ngoài trường qua các tài liệu chính thức của Trường [H1.1.1.21].

Điểm mạnh

Sứ mạng được xác định phù hợp với hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Trường; yêu cầu phát triển KTXH của Hà Tĩnh và cả nước.

3. Tồn tại

Một bộ phận SV còn chưa quan tâm và nắm rõ về sứ mạng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng Công tác CT-HSSV phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch quán triệt sứ mạng của Trường đến toàn thể SV, đặc biệt trong kì sinh hoạt chính trị đầu năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Trên cơ sở mục tiêu phát triển Nhà trường được trình bày trong "Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ trường lần thứ II nhiệm kỳ 2010-2015", được điều chỉnh trong "Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ trường lần thứ III nhiệm kỳ 2015-2020" [H1.1.2.01], mục tiêu đào tạo của Nhà trường được xác định trong Kế

hoạch chiến lược đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là: *"Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức cơ bản, chuyên môn vững vàng, có khả năng sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản; có khả năng tự học, tự nghiên cứu thích ứng với thực tiễn; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ đủ đáp ứng yêu cầu việc làm và hội nhập quốc tế; có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* [H1.1.2.02]. Những nội dung này cho thấy, mục tiêu đào tạo của Nhà trường hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục được xác định tại Điều 2 Luật Giáo dục năm 2005 "... đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", Điều 39 Luật Giáo dục năm 2005 "… đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…" và Điều 5 Luật GDĐH năm 2012 "... đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân..." [H1.1.2.03].

Mục tiêu đào tạo của trường hoàn toàn phù hợp với sứ mạng đã được xác định: *"Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu KH&CN nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước"* trong bản Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.1.03].

Như vậy, mục tiêu đào tạo của Nhà trường hoàn toàn phù hợp với Điều 2, Điều 39 Luật Giáo dục năm 2005, Điều 5 Luật Giáo dục đại học năm 2012 và sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố.

Để đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, cùng với việc rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung trong chiến lược phát triển Nhà trường, mục tiêu phát triển và mục tiêu đào tạo đã được Nhà trường xem xét, điều chỉnh thông qua các phiên họp đánh giá từng giai đoạn của quá trình thực hiện chiến lược [H1.1.2.04], các nội dung điều chỉnh bám sát điều kiện phát triển thực tế của Nhà trường. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2015-2020 của Nhà trường đã được xác định nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới, cụ thể: *"Trường ĐHHT đặt mục tiêu chiến lược là đào tạo, phát triển năng lực thực hành của người học, gắn kết đào tạo với thực tế sản xuất; nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng đã đạt được vào thực tiễn cuộc sống; cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động đa dạng của Hà Tĩnh và khu vực miền Trung, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước"* [H1.1.1.03].

Mục tiêu của Nhà trường được rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo từng giai đoạn, định kỳ hoặc hàng năm để phù hợp với Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường. Cùng với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu của Trường được công bố công khai trên website của Nhà trường và phổ biến rộng rãi thông qua Hội nghị CBVC năm học mới từ cấp đơn vị đến cấp trường [H1.1.2.05], [H1.1.2.06].

Mục tiêu của Nhà trường được cụ thể hóa trong nhiều văn bản để triển khai thực hiện như: "Quy định về thực hiện quy chế đào tạo" [H1.1.2.07], "Quy định về quản lý hoạt động NCKH và công nghệ" [H1.1.2.08]; được triển khai trong kế hoạch năm học thông qua "Báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị CBVC" hàng năm [H1.1.2.09]. Đồng thời, mục tiêu chung của Trường còn được cụ thể hoá vào mục tiêu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo. Mục tiêu cụ thể của từng ngành được

chia thành các nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Năm 2015, Trường điều chỉnh nhóm mục tiêu thái độ sang nhóm mục tiêu năng lực tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định mục tiêu cụ thể của từng ngành đào tạo đảm bảo phù hợp với mục tiêu chung của Trường [H1.1.2.10].

2. Điểm mạnh

Nhất quán trong việc xác định và triển khai thực hiện mục tiêu đào tạo; mục tiêu đào tạo được xác định hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Giáo dục, Luật GDĐH và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh và được hiện thực hoá một cách kịp thời vào các hoạt động, do đó đã tạo được động lực cho sự phát triển của Nhà trường.

3. Tồn tại

Quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đã huy động được sự đóng góp của các nhà tuyển dụng lao động và cựu người học, tuy nhiên chưa được thực sự rộng rãi và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên tiến hành khảo sát lấy ý kiến rộng rãi của các nhà tuyển dụng lao động và cựu SV trong quá trình điều chỉnh mục tiêu đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Sứ mạng của Trường ĐHHT đã được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và tính thực tiễn, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, được tuyên bố trong nhiều văn bản, tài liệu, phương tiện khác nhau; tuy nhiên cần tăng cường sự gắn kết giữa sứ mạng của Nhà trường với sự phát triển của địa phương và của cả nước.

Mục tiêu của Trường phản ánh được tính toàn diện của các mục tiêu giáo dục, phù hợp với quy định của Luật Giáo dục, Luật GDĐH và sứ mạng đã được

tuyên bố của Nhà trường. Các mục tiêu được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt 2/2 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 2. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHT được xây dựng dựa trên các quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường ĐH và được cụ thể hóa đầy đủ trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở các quy định của pháp luật Trường đã xây dựng hệ thống văn bản cụ thể, chi tiết, đầy đủ phục vụ hoạt động quản lí có hiệu quả. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, của CB lãnh đạo, quản lý, GV và NV được phân định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý điều hành, đặc biệt là cho các hoạt động đào tạo, NCKH trong Trường. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Hệ thống văn bản của Trường được phổ biến kịp thời đến từng đơn vị, từng cá nhân trong Trường để từng thành viên nắm vững và thực hiện.

Nhà trường có Phòng ĐBCL với đội ngũ CB có năng lực và được tập huấn về công tác chuyên môn, đủ khả năng triển khai các hoạt động nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm thực hiện chiến lược Nhà trường đã đề ra, phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường. Các kế hoạch này thường xuyên được giám sát, đánh giá để đảm bảo được thực hiện có hiệu quả. Trường luôn thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHT được xây dựng trên cơ sở quy định của Nhà nước, Luật GDĐH năm 2012 [H2.2.1.01], Điều lệ trường ĐH năm 2014 [H2.2.1.02], các quy định khác của pháp luật có liên quan [H2.2.1.03] và trên cơ sở điều kiện thực tiễn của Nhà trường, được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.1.04].

Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm: Hội đồng trường, Hội đồng KH&ĐT, các Hội đồng tư vấn, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng và 28 đơn vị trực thuộc (07 Khoa, 02 Bộ môn, 10 Phòng, 06 Trung tâm, 02 Trường trực thuộc, 01 Ban) [H2.2.1.05]. Song song với cơ cấu tổ chức chính quyền là các tổ chức chính trị - xã hội: Đảng uỷ, Công đoàn, ĐTN, HSV, HCCB [H2.2.1.06]. Các bộ phận này được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, có văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và của từng đơn vị [H2.2.1.07], [H2.2.1.08].

Thực hiện quy định tại Điều 9, Điều 10 Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường ĐH [H2.2.1.02], Nhà trường đã thực hiện các bước theo quy trình thành lập Hội đồng Trường, trình UBND tỉnh Hà Tĩnh xem xét để ra quyết định thành lập [H2.2.1.09].

Ở cấp đơn vị, các Hội đồng KH&ĐT khoa đã được Nhà trường thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường ĐH [H2.2.1.10]. Hội đồng Khoa có chức năng tham mưu cho Trưởng khoa về các nhiệm vụ chuyên môn được Nhà trường giao [H2.2.1.04]. Trong các khoa có các bộ môn trực thuộc làm nhiệm vụ quản lý chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ [H2.2.1.11]. Ngay từ khi thành lập, Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách về hoạt động thanh tra và ĐBCL với tên gọi Phòng Thanh tra và KĐCL [H2.2.1.12], còn hoạt động pháp chế được Nhà trường

quy định thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng TCHC [H2.2.1.13]. Trong quá trình kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy tổ chức để hoạt động hiệu quả hơn, Nhà trường đã chia tách bộ phận thanh tra và ĐBCL thành Phòng Thanh tra và Phòng KT&ĐBCL [H2.2.1.14], [H2.2.1.15]. Nhằm tăng cường vai trò của hoạt động ĐBCL, ngày 01/3/2017 Trường đã quyết định chuyển chức năng khảo thí sang Phòng Đào tạo và đổi tên Phòng KT&ĐBCL thành Phòng ĐBCL với chức năng chính là quản lý, tổ chức và hướng dẫn thực hiện các hoạt động ĐBCL trong nhà trường [H2.2.1.16], [H2.2.1.17]. Tiếp đó, Nhà trường cũng đã chuyển bộ phận pháp chế từ Phòng TCHC về Phòng Thanh tra và ra quyết định thành lập Phòng TT-PC, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị này [H2.2.1.18], [H2.2.1.19].

Nhằm tăng cường sự kết nối giữa Nhà trường với doanh nghiệp và thị trường lao động, tăng cường khả năng tìm kiếm và giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho SV tốt nghiệp, Trung tâm DVHTSV đã được thành lập và đi vào hoạt động mang lại hiệu quả tích cực [H2.2.1.20]. Hiện tại Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với 120 tổ chức doanh nghiệp, tỉ lệ SV có việc làm hàng năm đạt trên 80% [H2.2.1.21], [H2.2.1.22]. Tháng 9 năm 2016 Nhà trường ra quyết định thành lập Trường TH, THCS, THPT (Trường Phổ thông) và đến tháng 3 năm 2017 thành lập Trường Mầm non [H2.2.1.23], [H2.2.1.24]. Các Trường Phổ thông, Trường Mầm non sau khi thành lập đã đi vào hoạt động có hiệu quả được nhân dân thừa nhận, số lượng HS nhập học ngày càng cao [H2.2.1.25]. Đây không chỉ là mô hình giáo dục mới trên địa bàn Hà Tĩnh trong giáo dục công lập mà còn là cơ sở thực hành, thực tập cho các ngành đào tạo giáo viên của Trường ĐHHT.

Các tổ chức Đảng, Công Đoàn, ĐTN... cũng được thành lập và vận hành theo đúng quy định của pháp luật [H2.2.1.26].

Cơ cấu tổ chức của Trường định kỳ được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế phát triển nhà trường. Mọi sự thay đổi về cơ cấu tổ chức đều được xây dựng thành đề án, thông qua Ban Thường vụ, BGH, Đảng uỷ nhà trường sau đó Hiệu trưởng ra quyết định [H2.2.1.27]. Trong giai đoạn 2012-2017, do yêu cầu phát triển

và nhiệm vụ mới phát sinh Nhà trường đã thành lập mới 08 đơn vị trực thuộc, gồm: Phòng TT-PC, Phòng Quản lý Đào tạo sau ĐH, Ban Quản lý cơ sở mới, Phòng QLKH, Phòng QHĐN&TT, Khoa Nông nghiệp (do thực hiện chủ trương của UBND Tỉnh về việc sáp nhập Trường TC Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh vào Trường ĐHHT), Trường Phổ thông, Trường Mầm non [H2.2.1.28]. Mặt khác, do yêu cầu sắp xếp lại tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, Trường đã tiến hành sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ 06 đơn vị và giải thể 03 đơn vị, cụ thể: sáp nhập các Phòng Tổ chức cán bộ với Phòng Hành chính - Tổng hợp thành Phòng TCHC, Ban Quản lý Cơ sở mới vào Phòng Quản trị, Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non với Khoa Sư phạm Tự nhiên thành Khoa Sư phạm; Giải thể Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Nghề, Trung tâm GDTX [H2.2.1.29], [H2.2.1.30]. Những thay đổi này đều được cập nhật lên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H2.2.1.31].

Căn cứ Luật GDĐH, Điều lệ trường ĐH, các văn bản pháp luật khác và yêu cầu thực tiễn phát triển nhà trường, Trường ĐHHT đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động kèm theo Quyết định 1328/QĐ-ĐHHT ngày 07/10/2015 trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung các quyết định cũ của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành năm 2008 và 2012. Quy chế này quy định cụ thể cơ cấu tổ chức bộ máy, việc thành lập Hội đồng trường, Hội đồng KH&ĐT, các khoa, phòng, ban chức năng, các trung tâm cũng như tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các chức danh quản lý [H2.2.1.04].

Các văn bản, tài liệu về cơ cấu tổ chức của Nhà trường đã được công khai phổ biến rộng rãi đến công chức, viên chức, người lao động, người học và các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài trường thông qua website và tài liệu giới thiệu về Trường [H2.2.1.32], [H2.2.1.33].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường ĐH và được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

3. Tồn tại

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường tuy đã được kiện toàn song vẫn còn phải điều chỉnh theo yêu cầu của tự chủ ĐH và điều chỉnh của Luật GDĐH trong thời gian tới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng TCHC nghiên cứu xu hướng điều chỉnh Luật GDĐH và các yêu cầu liên quan tới tự chủ ĐH giúp lãnh đạo Trường rà soát thu gọn đầu mối, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ gần nhau; hoàn thiện cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh, gọn, hiệu quả theo tinh thần của NQTW 6.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Để tổ chức, quản lý hiệu quả các hoạt động, trong những năm qua, Trường ĐHHT đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản đầy đủ về tất cả các lĩnh vực công tác.

Về công tác tổ chức bộ máy, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.2.01]; quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường [H2.2.2.02]; quy định trách nhiệm và quyền hạn của đội ngũ CBQL, GV, NV [H2.2.2.01];… cũng như quy định việc thực hiện quy chế dân chủ trong mọi hoạt động và nguyên tắc làm việc, quan hệ công tác, trình tự giải quyết công việc của các đơn vị, cá nhân [H2.2.2.03]; [H2.2.2.04]; [H2.2.2.05]. Đảng uỷ Trường và BCH các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy chế của tổ chức do cấp có thẩm quyền ban hành [H2.2.2.06].

Trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm [H2.2.2.07], đồng thời ban hành các quy chế, quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá phân loại, nâng bậc lương và bổ nhiệm CBQL [H2.2.2.08], [H2.2.2.09], [H2.2.2.10], [H2.2.2.11], [H2.2.2.12].

Trong quản lý đào tạo, Nhà trường đã ban hành các văn bản như: Quy định việc thực hiện Quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quy định việc đăng ký học phần; quy định thực hiện quy chế đào tạo; quy chế thi kết thúc học phần; quy định về thực hành, thực tập, làm khoá luận; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy Trường ĐHHT… [H2.2.2.13]. Cùng với các quy định về đào tạo, để quản lý người học, Nhà trường cũng đã ban hành: Quy chế quản lý SV Trường; Quy định ban hành về nội quy nội trú HSSV; Quy định về quản lý lưu HS nước ngoài; Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại Trường ĐHHT; ….[H2.2.2.14].

Về công tác NCKH và HTQT, Nhà trường ban hành Quy định về quản lý hoạt động NCKH và công nghệ CB và GV Trường ĐHHT [H2.2.2.15], Quy định quản lý các hoạt động HTQT [H2.2.2.16].

Để tăng cường công tác quản lí, giám sát và minh bạch hoá hoạt động chính, Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định các mức thu, chi và quản lý tài chính; quy trình thanh lý tài sản [H2.2.2.17]. Ngoài ra, công tác thi đua khen thưởng, thanh tra pháp chế, quản lý trang thiết bị, công tác ĐBCL,… cũng đều có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể [H2.2.2.18], [H2.2.2.19], [H2.2.2.20], [H2.2.2.21].

Hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và thường xuyên được rà soát, bổ sung, hoàn thiện [H2.2.2.22]. Quá trình xây dựng văn bản quản lý có sự đóng góp ý kiến của các cá nhân, đơn vị trong trường. Hầu hết các ý kiến đều đánh giá hệ thống văn bản của Nhà trường có nội dung rõ ràng, cụ thể và không bị trùng lắp. Do đó, hệ thống văn bản của Trường có sự thống nhất, đồng thuận khi triển khai áp dụng, hạn chế vướng mắc, mâu thuẫn giữa các bộ phận liên quan, giảm thiểu xung đột, chồng chéo về nội dung giữa các văn bản [H2.2.2.23]. Hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý của Nhà trường được lưu trữ tại văn thư. Nhà trường có kho lưu trữ và có một cán bộ chuyên trách thực hiện công tác này. Hệ thống văn bản được lưu trữ

khoa học, dễ dàng cho việc tra cứu khi sử dụng [H2.2.2.24]. Các văn bản của Trường được phổ biến rộng rãi đến tất cả CBVC để biết và thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như gửi bản sao các văn bản qua đường công văn đến các đơn vị, gửi email đến các trưởng bộ phận, và được quản lý trên Google Drive, MO [H2.2.2.25]. Hàng tháng, Nhà trường đều tổ chức giao ban tháng với trưởng các đơn vị trong đó có thông báo các văn bản mới và kiểm tra đôn đốc tình hình thực hiện các văn bản, kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện [H2.2.2.26].

Nhờ có hệ thống văn bản quản lý, các hoạt động của Trường được vận hành hiệu quả. Điều này được thể hiện qua báo cáo tại các Hội nghị sơ kết, tổng kết các hoạt động [H2.2.2.27], đồng thời thể hiện qua kết quả đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, các đơn vị và cá nhân đều đạt được những thành tích tốt, nhận được danh hiệu thi đua các cấp [H2.2.2.28].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản đầy đủ và đồng bộ phục vụ công tác tổ chức quản lý các hoạt động trong toàn Trường. Hệ thống văn bản này được áp dụng hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những cá nhân, đơn vị không thực hiện đúng các nội dung của các văn bản; đồng thời phát hiện những văn bản quy định không còn phù hợp để bổ sung, thay thế kịp thời.

3. Tồn tại

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản đôi khi chưa theo kịp tốc độ thay đổi, điều chỉnh văn bản của cấp trên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 Nhà trường giao Phòng TT - PC phối hợp với các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý

khi phát hiện những nội dung không còn phù hợp hoặc khi Nhà nước ban hành những VBQPPL mới liên quan đến từng lĩnh vực hoạt động của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Trường ĐHHT có quy định cụ thể, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, các tổ chức trong Trường cũng như có đầy đủ các quy định về trách nhiệm và quyền hạn của CBQL, GV và NV. Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước đã được ban hành, Trường ĐHHT đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.3.01], trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Trường, các hội đồng tư vấn, các tổ chức và các thành viên khác trong Nhà trường.

Cùng với Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHT, chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các khoa/bộ môn, phòng, ban, trung tâm, các trường trực thuộc và các tổ chức, đơn vị được phân định rõ ràng trong các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc quy chế tổ chức hoạt động của từng bộ phận [H2.2.3.02], [H2.2.3.03], Quy định về quản lý, điều hành và giải quyết công việc của các đơn vị trực thuộc (2008) [H2.2.3.04]. Nhà trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm xác định công việc cụ thể của từng cá nhân, đơn vị, xác định số người làm việc cần thiết để có sự phân công trách nhiệm, quyền hạn cân đối giữa các đơn vị, cá nhân [H2.2.3.05]. Căn cứ Đề án vị trí việc làm, khi tuyển dụng CBVC, trên hợp đồng lao động đều thể hiện rõ nhiệm vụ, vị trí việc làm của người được tuyển dụng [H2.2.3.06]. Chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị còn được thể hiện rõ trong kế hoạch công tác năm và kế hoạch công tác tháng do trưởng các bộ phận lập và được phòng TCHC tổng hợp thông qua cuộc họp liên tịch hàng tháng [H2.2.3.07], [H2.2.3.08]. Đối với một số công việc không thường xuyên, Nhà trường có sự phân công cụ thể chức năng giữa các thành viên BGH, giữa các đơn vị trong Trường, được thể hiện trong kế hoạch tổ chức các hoạt động [H2.2.3.09].

Các tổ chức Công đoàn, ĐTN, HSV, HCCB đã căn cứ điều lệ của cơ quan cấp trên để xây dựng quy chế hoạt động nhằm quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho từng nhiệm kỳ công tác: Quy chế hoạt động của BCH Công đoàn trường; Quy chế hoạt động của BCH Đoàn trường,.. [H2.2.3.10].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng và CBQL các khoa, phòng, ban, trung tâm không chỉ được phân định rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động, trong Đề án vị trí việc làm mà còn được phân định cụ thể tại các văn bản khác. Trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên trong BGH được quy định cụ thể trong văn bản phân công công tác. Chức năng, trách nhiệm này thường xuyên được xem xét và điều chỉnh theo tình hình thực tế và định hướng phát triển của Nhà trường [H2.2.3.11]. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của CBQL các khoa, phòng, ban, trung tâm được phân định cụ thể tại văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, kế hoạch năm học của từng đơn vị [H2.2.3.02], [H2.2.3.03], [H2.2.3.07].

Đối với đội ngũ GV, Nhà trường đã căn cứ vào các VBQPPL của Nhà nước có liên quan để xây dựng và ban hành Quy định chế độ làm việc của GV [H2.2.3.12], trong đó, quy định cụ thể và rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của GV; chế độ, quyền lợi, định mức làm việc của GV. Đối với đội ngũ NV, hàng năm, các đơn vị căn cứ vào phạm vi quyền hạn của mình cũng như chức năng nhiệm vụ được giao để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên [H2.2.3.07]. Ngoài ra, việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với đội ngũ NV còn được thể hiện đầy đủ và cụ thể thông qua bản ký kết Hợp đồng lao động giữa Nhà trường với người lao động [H2.2.3.06].

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định, Nhà trường luôn nhận được sự đồng thuận, thống nhất cao từ các tổ chức đoàn thể, đơn vị đến các viên chức, người lao động thông qua việc gửi văn bản dự thảo lấy ý kiến góp ý dân chủ. Hằng năm, Nhà trường triển khai hoạt động đánh giá và phân loại CBVC theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao thông qua Hội nghị tổng kết

năm học của các đơn vị và của Trường [H2.2.3.13]. Đồng thời, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng để bình xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao [H2.2.3.14]. Việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho các đơn vị, bộ phận, cá nhân đã giúp Trường ĐHHT đạt được những kết quả rất khả quan trong công tác quản lý và các hoạt động đào tạo, NCKH [H2.2.3.15].

2. Điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và NV được phân định rõ ràng, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trong công tác được phân công.

3. Tồn tại

Đôi khi trong quá trình thực thi nhiệm vụ của các đơn vị, vẫn còn hiện tượng chưa vận dụng cơ chế phối hợp đã quy định làm ảnh hưởng đến công việc chung.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường giao Phòng TCHC và Phòng TT - PC rà soát lại cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, các cá nhân. Các đơn vị cần thường xuyên kiểm tra, giám sát việc phối hợp giữa các đơn vị và giữa các cá nhân trong từng đơn vị nhằm tăng cường hiệu quả công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo qui định của pháp luật

1. Mô tả

Trường ĐHHT có tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, ĐTN, HSV, HCCB là một khối thống nhất, có quy chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, thu hút được nhiều CB, GV, HSSV tham gia; thực hiện nề nếp sinh hoạt thường xuyên theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đảng bộ Trường là tổ chức Đảng cấp trên cơ sở trực thuộc trực tiếp Tỉnh uỷ được thành lập theo Quyết định số 396-QĐ/TU, ngày 15/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Tĩnh [H2.2.4.01]. Hiện nay, Đảng bộ có 15 chi bộ, gồm 225 đảng viên (205 cán bộ, giáo viên, 20 SV) [H2.2.4.02]; BCH Đảng bộ gồm: 16 đồng chí, trong đó có Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí [H2.2.4.03]. Quá trình hoạt động, Đảng bộ luôn thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo trong mọi hoạt động của nhà trường, như: Đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn cho phù hợp với tình hình thực tế [H2.2.4.04]; xây dựng Quy chế làm việc của BCH [H2.2.4.05], phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH [H2.2.4.06]; xây dựng Chương trình công tác toàn khóa để thực hiện thắng lợi nghị quyết của đại hội đề ra [H2.2.4.07]; kịp thời ban hành các nghị quyết chuyên đề vừa có tính cụ thể, vừa có tính chiến lược để lãnh đạo, chỉ đạo việc nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng với yêu cầu xã hội và sự phát triển của Nhà trường [H2.2.4.08].

Trong 5 năm qua, Đảng bộ luôn hoạt động hiệu quả theo đúng Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc và không ngừng lớn mạnh trong việc xây dựng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ đảng viên. Hàng năm, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức 1-2 lớp bồi dưỡng Đối tượng Đảng, 5 năm qua, đã có 883 lượt CB, GV, HS, SV được tham gia các lớp bồi dưỡng Đối tượng Đảng (trong đó: CBGV: 68; HSSV: 715) [H.2.2.4.09]. Công tác phát triển Đảng đã được Đảng ủy quan tâm, chú trọng, trung bình mỗi năm Đảng bộ kết nạp được từ 15 đến 60 đoàn viên ưu tú vào Đảng. Từ năm 2012-2017, đã kết nạp mới 215 đồng chí (trong đó 52 là cán bộ, viên chức, 164 là HSSV) [H2.2.4.10]. CB, GV, SV sau khi được kết nạp vào Đảng đều thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của người đảng viên và là hạt nhân nòng cốt trong các hoạt động của đơn vị, của nhà trường. Trong quá trình hoạt động, Đảng bộ đã kịp thời tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước [H2.2.4.11]; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cụ thể để triển khai các hoạt động của Đảng bộ [H2.2.4.12]; tổ

chức thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" [H2.2.4.13], Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) [H2.2.4.14]; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường cũng như công tác xây dựng Đảng [H2.2.4.15].

Với một tập thể đoàn kết thống nhất, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ, chính quyền, đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị và làm tốt công tác xây dựng Đảng. Năm năm qua, đã có 50/71 lượt chi bộ đạt danh hiệu "chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh" (trong đó có 12 lượt chi bộ đạt "chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu"); có 904/966 lượt đảng viên đạt danh hiệu "đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ" (trong đó 183/966 đảng viên đạt "đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ"), [H2.2.4.16]. Với những thành tích đã đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ trường luôn được Tỉnh ủy ghi nhận, đánh giá cao. Nhiều năm liền đảng bộ đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh", "Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu" [H2.2.4.17].

Công đoàn trường là tổ chức quần chúng thu hút đông đảo đoàn viên tham gia. Hiện nay, Công đoàn trường có 18 công đoàn bộ phận trực thuộc, 363 đoàn viên [H2.2.4.18], là Công đoàn cơ sở trực thuộc trực tiếp Liên đoàn Lao động tỉnh. Đại hội Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022, bầu BCH: 11 đồng chí, Ban Thường vụ: 03 đồng chí [H2.2.4.19]. Trong quá trình hoạt động, Công đoàn Trường đã chủ động xây dựng Quy chế hoạt động của BCH [H2.2.4.20], phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chấp hành [H2.2.4.21]; xây dựng Quy chế phối hợp giữa Công đoàn và chính quyền [H2.2.4.22], ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai hiệu quả, đồng bộ các hoạt động của công đoàn [H2.2.4.23].

Với vai trò là người đại diện và đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, Công đoàn Trường đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong hầu hết các hoạt động của nhà trường như: tham gia Hội đồng thi đua, Hội đồng xét nâng lương, đóng góp ý kiến vào

Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ... đảm bảo tính công khai, dân chủ trong mọi hoạt động [H2.2.4.24]. Tổ chức các phong trào, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp ngày lễ lớn, như: kỉ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), 5 năm, 10 năm thành lập Trường thu hút 100% cán bộ, đoàn viên tham gia tạo được không khí vui tươi, sôi nổi, gắn kết khối đoàn kết trong toàn cơ quan, đơn vị và phát huy được năng lực, sở trường của cán bộ đoàn viên [H2.2.4.25]; làm tốt công tác hiếu hỉ, động viên kịp thời đoàn viên khi ốm đau, hoạn nạn [H2.2.4.26]; vận động đoàn viên tích cực hưởng ứng các hoạt động nhân đạo, từ thiện như: Ủng hỗ quỹ vì người nghèo, Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ, lụt [H2.2.4.27].

Kết thúc mỗi năm học, Công đoàn đều tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của từng tập thể, cá nhân. Kết quả, 5 năm qua đã có 91/91 lượt Công đoàn bộ phận đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh (trong đó 42/91 lượt công đoàn bộ phận đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh xuất sắc), 520/1667 lượt đoàn viên đạt danh hiệu đoàn viên xuất sắc, 1147/1667 lượt đoàn viên đạt danh hiệu đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2.2.4.28].

Với những thành tích đã đạt được, Công đoàn trường đã được Liên đoàn Lao động tỉnh ghi nhận và đánh giá là tổ chức Công đoàn vững mạnh. Nhiều tập thể và cá nhân đoàn viên được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng giấy khen, bằng khen [H2.2.4.29]. Đặc biệt, năm 2016, Công đoàn trường được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen, Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh tặng bằng khen và cờ thi đua [H2.2.4.30].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, hoạt động của ĐTN, HSV luôn đi vào nề nếp, không ngừng lớn mạnh và giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua của Nhà trường. Hiện nay, Đoàn trường có 01 chi đoàn trực thuộc (chi đoàn cán bộ phòng, ban, trung tâm) và 08 liên chi đoàn (gồm các chi đoàn HSSV và chi đoàn

cán bộ, giáo viên) [H2.2.4.31]. Đại hội nhiệm kỳ 2017-2019, bầu Ban Chấp hành gồm 33 đồng chí, trong đó: Ban Thường vụ: 11 đồng chí, Bí thư: 01 đồng chí, Phó Bí thư: 02 đồng chí [H2.2.4.32]. HSV nhà trường trực thuộc Trung ương HSV Việt Nam. Nhiệm kỳ 2015 - 2018, đã bầu 21 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, trong đó: Chủ tịch 01, Phó Chủ tịch: 02, Ban Thư ký 07 [H2.2.4.33]. HSV đã thành lập 08 câu lạc bộ đội - nhóm, như: Câu lạc bộ Nói Tiếng Anh, Câu lạc bộ Dân vũ, Câu lạc bộ Tình nguyện quốc tế, Câu lạc bộ Bảo vệ động vật hoang dã... thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia [H2.2.4.34]. Trong quá trình hoạt động, ĐTN, HSV đã chủ động xây dựng Quy chế hoạt động [H2.2.4.35]; chương trình công tác toàn khóa [H2.2.4.36]; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban Thường vụ, BCH [H2.2.4.37]; xây dựng kế hoạch công tác cụ thể và tổ chức được các phong trào cho đoàn viên thanh niên, HSSV tham gia rèn luyện đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, như: Xây dựng nếp sống văn hóa, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, bảo vệ của công, phong trào "5 xây, 5 chống ", "Sinh viên 5 tốt ", "SV xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh", chung tay xây dựng Nông thôn mới, hiến máu nhân đạo, hoạt động tình nguyện [H2.2.4.38]. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về ngày truyền thống của Đảng, Đoàn, về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về "Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam", về biển đảo, về kiến thức pháp luật [H2.2.4.39]. Định kỳ tổ chức sơ, tổng kết các phong trào, hoạt động, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào Đoàn, Hội [H2.2.4.40].

Thời gian qua, công tác Đoàn - Hội và phong trào thanh niên của nhà trường đã được Đoàn - Hội cấp trên ghi nhận, đánh giá cao. Hàng năm, Đoàn trường đều được đánh giá là tổ chức Đoàn vững mạnh xuất sắc, nhiều năm được Trung ương đoàn, Tỉnh đoàn tặng bằng khen [H2.2.4.41]. HSV được Trung ương HSV tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ [H2.2.4.42].

HCCB trường có 23 hội viên, BCH gồm 03 đồng chí, trong đó: Chủ tịch: 01 đồng chí, Phó Chủ tịch: 01 đồng chí [H2.2.4.43]. Đại hội, nhiệm kỳ 2017-2022, BCH đã xây dựng Nghị quyết đề ra phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ đồng thời đưa ra giải pháp để triển khai thực hiện [H2.2.4.44]; thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí trong BCH [H2.2.4.45]; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội [H2.2.4.46]. Những năm qua Hội đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thời gian qua, các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể luôn tuân thủ theo đúng Điều lệ của mỗi tổ chức và đã không xảy ra sai phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng hoạt động theo đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và đã thể hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình hoạt động đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên trong BCH Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy. Kịp thời tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng gắn với nhiệm vụ chính trị của nhà trường để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, chính quyền và các đoàn thể triển khai thực hiện. Ban hành được các nghị quyết chuyên đề vừa có tính chiến lược, vừa có tính cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng với yêu cầu xã hội và sự phát triển của nhà trường.

Các đoàn thể Công đoàn, ĐTN, HSV, HCCB hoạt động theo đúng Điều lệ của mỗi tổ chức; có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động, thực hiện tốt vai trò đoàn kết, tập hợp quần chúng, tổ chức được các hoạt động thiết thực góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức, lao động và HSSV; phát huy được vai trò, vị trí của mình trong hệ thống chính trị của nhà trường, góp phần quan trọng cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

3. Tồn tại

Một số đoàn viên, hội viên còn thụ động trong các hoạt động, cán bộ làm công tác phong trào chủ yếu là kiêm nhiệm, thời gian còn tập trung nhiều vào nhiệm vụ chuyên môn chưa có sự đầu tư thỏa đáng cho công tác đoàn thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, giao Phòng TCHC phối hợp với Ban tổ chức Đảng ủy nghiên cứu đề xuất lãnh đạo Nhà trường xem xét, bố trí đủ cán bộ chuyên trách theo quy định. Các tổ chức đoàn thể xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình ngắn hạn, dài hạn để bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể cho cán bộ; bổ sung nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động phù hợp với điều kiện của mỗi tổ chức; đổi mới nội dung và hình thức hoạt động để thu hút, lôi cuốn đông đảo đoàn viên, hội viên hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường ĐHHT đã sớm có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL, thuộc phòng Thanh tra và KĐCL [H2.2.5.01]. Thực sự coi trọng hoạt động ĐBCL đào tạo, ngày 19/4/2011 Hiệu trưởng Trường ĐHHT đã ban hành Quyết định thành lập Phòng KT&ĐBCL, trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Phòng [H2.2.5.02]. Tháng 3 năm 2017, nhằm tăng cường vai trò hoạt động chuyên môn về ĐBCL, Nhà trường quyết định chuyển chức năng khảo thí sang Phòng Đào tạo và đổi tên Phòng KT&ĐBCL thành Phòng ĐBCL [H2.2.5.03], [H2.2.5.04].

Tính đến tháng 10 năm 2017, đội ngũ cán bộ chuyên trách về ĐBCL giáo dục có 01 Phó Hiệu trưởng và 05 viên chức thuộc Phòng ĐBCL, trong đó 01 người có trình độ tiến sĩ, 03 người có trình độ thạc sĩ, 02 người có trình độ cử nhân, là những GV, chuyên viên có kinh nghiệm công tác trong ngành giáo dục, đáp ứng đầy đủ năng lực để triển khai hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H2.2.5.05].

Để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác ĐBCL, Nhà trường đã thường xuyên cử các cán bộ viên chức tham gia các khoá đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị về công tác KĐCLGD do Bộ GD&ĐT và các Trung tâm kiểm định tổ chức [H2.2.5.06].

Bộ phận chuyên trách về công tác đảm ĐBCL của Trường ĐHHT đã tích cực hoạt động ngay khi được thành lập nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Năm 2009, Trường tiến hành tự đánh giá lần đầu tiên dựa trên 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí theo qui định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành [H2.2.5.07]. Phòng ĐBCL đã tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL như: Thực hiện báo cáo công khai chất lượng đào tạo hàng năm theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H2.2.5.08]; đánh giá môn học, đánh giá GV theo từng học kỳ [H2.2.5.09]; khảo sát ý kiến của SV sắp tốt nghiệp về chất lượng của khoá học [H2.2.5.10]; khảo sát cựu SV và nhà tuyển dụng lao động về chất lượng đào tạo của Trường [H2.2.5.11];... Kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi hàng năm cho thấy trên 90% người học hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV cũng như hài lòng về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H2.2.5.12], [H2.2.5.13]. Việc lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của khóa học được tiến hành điều tra trực tuyến qua phần mềm McEVAL [H2.2.5.14]. Đối với cựu SV và nhà tuyển dụng lao động, việc khảo sát được thực hiện bằng hình thức phát phiếu trực tiếp [H2.2.5.15]. Hầu hết các ý kiến cũng đều hài lòng với chất lượng đào tạo của Nhà trường (trên 80%) [H2.2.5.16]. Các số liệu khảo sát được thống kê, tổng hợp, phân tích và xử lý và đưa vào báo cáo tổng hợp kết quả điều tra. Thông qua báo cáo khảo sát, Phòng ĐBCL đưa ra các đề xuất, kiến nghị để giúp Nhà trường, các khoa/bộ môn và các đơn vị liên quan có các biện pháp cụ thể, tích cực để cải tiến phương pháp dạy, điều chỉnh CTĐT, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H2.2.5.17].

Năm 2014, Trường ĐHHT đã tiến hành tự đánh giá chu kỳ 2 và hoàn thành báo cáo tự đánh giá nộp về Bộ GD&ĐT với chất lượng tương đối tốt nhưng chưa tham gia đánh giá ngoài [H2.2.5.18]. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Phòng ĐBCL đã tham mưu xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2014-2020 nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H2.2.5.19]. Năm 2016, Phòng ĐBCL đã tư vấn cho Nhà trường xây dựng Kế hoạch, Chiến lược ĐBCL tới năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 bao gồm các nội dung: Tầm nhìn chất lượng, chính sách chất lượng, trách nhiệm chất lượng của các đối tượng trong Trường, mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Chiến lược ĐBCL và kế hoạch thực hiện chiến lược ĐBCL cho từng năm [H2.2.5.20]. Phòng ĐBCL thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm để triển khai các hoạt động ĐBCL qua các kế hoạch ĐBCL năm học [H2.2.5.21]. Kết quả hoạt động ĐBCL được đánh giá thường xuyên qua các báo cáo công tác tháng, báo cáo tổng kết năm học của Phòng, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch ĐBCL [H2.2.5.22], [H2.2.5.23], [H2.2.5.24].

Thông qua Hội nghị liên tịch hàng tháng và Hội nghị CBVC, Hội nghị tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường đều có đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận ĐBCL [H2.2.5.25], [H2.2.5.26], [H2.2.5.27]. Với vai trò tham mưu, giúp việc cho Nhà trường trong hoạt động ĐBCL, những năm qua, Phòng ĐBCL đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Kết quả bình xét thi đua từ năm 2012 đến nay, Phòng ĐBCL luôn đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, cán bộ của Phòng đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và cấp Tỉnh [H2.2.5.28], [H2.2.5.29].

2. Điểm mạnh

Trường đã sớm thành lập Phòng ĐBCL với đội ngũ CB có đủ năng lực và được tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ công tác ĐBCL GDĐH.

Đã triển khai các hoạt động ĐBCL nhằm duy trì, nâng cao chất lượng của Nhà trường về mọi mặt.

3. Tồn tại

Một số cán bộ chưa được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về công tác đảm bảo và KĐCLGD do mới được tuyển vào.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018 trở đi, hàng năm, Phòng ĐBCL phối hợp với Phòng TCHC cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng về công tác đảm bảo và KĐCLGD (1-2 cán bộ/năm).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện định hướng xây dựng Trường ĐHHT trở thành trung tâm đào tạo, NCKH, trung tâm văn hóa chất lượng cao của tỉnh Hà Tĩnh [H2.2.6.01], trong những năm qua, Đảng uỷ và Nhà trường đã xây dựng chương trình hành động, mục tiêu phát triển toàn diện đến năm 2010, 2015, 2020 và các năm tiếp theo thông qua các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường [H2.2.6.02].

Năm 2016, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền giáo dục đang có những chuyển biến mới, Nhà trường đã tiến hành xây dựng và ban hành *"Chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030"*. Kế hoạch chiến lược phát triển đã phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục, đồng thời đánh giá những cơ hội, thách thức của Nhà trường, tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho các lĩnh vực hoạt động cũng như xây dựng hệ thống các giải pháp, lộ trình, kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược, trong đó xác định rõ thời gian thực hiện, phân công nhiệm vụ, các chỉ số thực hiện, nguồn tài liệu kiểm

chứng và nguồn tài chính để thực hiện [H2.2.6.03]. Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược phát triển, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho giai đoạn từ năm 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H2.2.6.04]. Công tác xây dựng kế hoạch ngắn hạn được thực hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch công tác năm học [H2.2.6.05]. Hàng tháng, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị liên tịch, trong đó đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng trước và đưa ra nội dung, kế hoạch thực hiện của tháng tiếp theo [H2.2.6.06].

Với sứ mạng được xác định: "*Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước*" [H2.2.6.03]. Nhà trường cũng đã xác định chiến lược và kế hoạch phát triển cho từng nội dung cụ thể gồm: Đào tạo, NCKH, phát triển nguồn nhân lực.. ..[H2.2.6.07], đã cho thấy chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường hoàn toàn phù hợp với sứ mạng đã được xác định. Với định hướng phát triển Trường "...*trở thành trường đại học đa cấp, đa ngành định hướng thực hành, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung*" [H2.2.6.03], chiến lược và kế hoạch phát triển của Nhà trường đều hướng tới việc thực hiện các chỉ tiêu: "Phát triển các ngành nghề đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực mà địa phương có nhu cầu"; "CTĐT được thiết kế liên thông với chương trình giáo dục nghề nghiệp "10% thời lượng chương trình dành cho thực tập thực tế..."; "Liên kết với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu tham gia đấu thầu dự án, đề tài khoa học..."..."tỉ lệ tiến sĩ đạt 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75 %" ; "Tỷ lệ SV có việc làm đạt 85% sau 6 tháng tốt nghiệp",.... đã thể hiện sự phù hợp của chiến lược và kế hoạch phát triển của Nhà trường với định hướng phát triển [H2.2.6.03]. Nội dung chiến lược và kế hoạch phát triển của Nhà trường cũng phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh Hà Tĩnh được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và tầm nhìn

đến năm 2050 *"...tập trung nâng cao năng lực giáo dục đại học. Đến năm 2020, tỉnh sẽ thành lập đầy đủ các chương trình giáo dục và đào tạo nghề chất lượng cao cho các cụm ngành trọng điểm, song song với việc hợp tác chặt chẽ với các công ty giúp đảm bảo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp các chương trình này....tập trung mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu của Đại học Hà Tĩnh*" [H2.2.6.08].

Cùng với việc đề ra các chiến lược dài hạn, chương trình hành động, phương hướng hoạt động hàng năm và các kế hoạch hàng tháng, Nhà trường rất coi trọng việc kiểm tra giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch. Việc triển khai thực hiện chiến lược, các chương trình hành động hàng năm cũng như kết quả thực hiện cũng được thể hiện đầy đủ trong báo cáo tổng kết công tác Đảng hàng năm [H2.2.6.09], Báo cáo tổng kết và phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm học [H2.2.6.10], Báo cáo tại Đại hội Đảng bộ Trường [H2.2.6.11]. Việc đánh giá tổng kết thực hiện kế hoạch chiến lược được thực hiện hàng năm từ các đơn vị trong toàn Trường. Vào cuối mỗi năm học, các Khoa, các đơn vị chức năng và BGH nhà trường đều tiến hành tổng kết việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm học, trong đó đánh giá mức độ đạt được của các chỉ tiêu cụ thể, trên cơ sở đó, xét bình bầu khen thưởng cho các tập thể và cá nhân [H2.2.6.12], [H2.2.6.13]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị CBVC để công khai đánh giá tổng kết công tác năm học, tiếp thu ý kiến góp ý của CBVC, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo [H2.2.6.14]. Hàng tháng, để giám sát và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các kế hoạch Nhà trường đã đề ra, trên cơ sở Nghị quyết công tác tháng [H2.2.6.15], Đảng ủy thường xuyên tổ chức họp định kỳ hàng tháng, đánh giá và đôn đốc việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch [H2.2.6.16]. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực trong các hoạt động của Trường nhằm khuyến khích, động viên CBVC phấn đấu, cống hiến vì sự phát triển toàn diện của Nhà trường [H2.2.6.17].

Việc thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, chỉ đạo và đôn đốc thường xuyên của các cấp quản lý đã giúp cho Nhà trường cũng như từng đơn vị trong Trường rà soát lại các công việc đã thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động đúng theo định hướng chiến lược và kế hoạch đề ra.

2. Điểm mạnh

Trường có chiến lược và các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường, đồng thời, có cơ chế báo cáo, kiểm tra giám sát và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch định kỳ nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện.

3. Tồn tại

Việc đánh giá quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược dài hạn để điều chỉnh mục tiêu gặp nhiều khó khăn do biến động kinh tế, xã hội, môi trường của Tỉnh Hà Tĩnh (sự cố Formosa tại Vũng Áng), phụ thuộc vào việc điều chỉnh quy hoạch phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Ban Rà soát Chiến lược nghiên cứu, nắm bắt những thay đổi trong quy hoạch phát triển KTXH của Tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới để điều chỉnh kế hoạch chiến lược của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trường ĐHHT là cơ sở giáo dục đại học trực thuộc UBND Tỉnh Hà Tĩnh quản lý nên thường xuyên phải thực hiện chế độ báo cáo về các mặt hoạt động, các báo cáo theo chủ đề, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND Tỉnh và theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, Trường cũng thực hiện việc báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan địa phương, cơ quan Trung ương và một số tổ chức có liên quan [H2.2.7.01].

Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu của UBND Tỉnh và Bộ GD&ĐT về các hoạt động của Nhà trường như: nhân sự, CSVC, đào tạo, NCKH, HTQT, thi đua khen thưởng,... thông qua báo cáo hàng tháng, hàng quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ hàng năm, báo cáo thống kê hàng năm,... [H2.2.7.02], [H2.2.7.03], [H2.2.7.04]. Ngoài ra, Nhà trường còn báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan liên quan... [H2.2.7.05].

Để thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, cơ quản quản lý và lưu trữ các loại hồ sơ báo cáo, Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác văn thư và Danh mục hồ sơ lưu trữ tài liệu [H2.2.7.06], [H2.2.7.07]. Phòng TCHC được giao là đơn vị làm đầu mối cho việc thực hiện, tổ chức, lưu trữ và gửi các yêu cầu lập báo cáo đến các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ [H2.2.7.08]. Đối với báo cáo lập cho toàn Trường, căn cứ theo yêu cầu báo cáo của cấp trên, Phòng TCHC ra thông báo hoặc công văn yêu cầu các đơn vị chức năng liên quan trong trường cung cấp thông tin hoặc lập báo cáo bộ phận và luôn có kèm theo thời hạn hoàn thành [H2.2.7.09]. Đối với báo cáo chuyên môn của một đơn vị cụ thể, văn bản yêu cầu lập báo cáo được chuyển trực tiếp cho đơn vị đó. Phòng TCHC có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở các đơn vị hoàn thành báo cáo đúng hạn. Nhờ đó, trong vòng 5 năm gần đây, Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời, không bị các Bộ, ngành và các cơ quan quản lý liên quan nhắc nhở vì vi phạm chế độ báo cáo. Toàn bộ các báo cáo gửi lên cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý cấp trên đều được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Các loại báo cáo của Trường khi phát hành thực hiện song song cả 02 hình thức: bản giấy và bản điện tử. Trong đó, bản giấy gửi cho cơ quan cần báo cáo, đơn vị chủ trì tham mưu lập báo cáo, đơn vị cần văn bản giấy để thực hiện giao dịch với cơ quan khác và văn thư lưu bản gốc; bản điện tử gửi cho các đơn vị, cá nhân liên quan biết, phối hợp thực hiện thông qua email, MO, Google Drive [H2.2.7.10], [H2.2.7.11]. Cuối năm, các loại hồ sơ giải quyết công việc bao gồm văn bản đến

của cơ quan chủ quản yêu cầu báo cáo, văn bản đi (bản gốc) của Trường được tập hợp, phân loại và lưu vào kho lưu trữ của Trường [H2.2.7.12]. Trường có kho lưu trữ riêng để đảm bảo an toàn và an ninh cho công tác lưu trữ theo quy định [H2.2.7.13], đồng thời, bố trí viên chức chuyên trách làm công tác Văn thư - Lưu trữ [H2.2.7.14].

Công tác văn thư lưu trữ nói chung và việc thực hiện chế độ báo cáo nói riêng của Nhà trường thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước có liên quan. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo cơ quan chủ quản về công tác văn thư lưu trữ [H2.2.7.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện báo cáo đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định chung và theo yêu cầu của UBND Tỉnh, bộ, ban, ngành. Công tác lưu trữ của Nhà trường được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

3. Tồn tại

Đội ngũ CB văn thư ở một số đơn vị trực thuộc chưa được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên để phục vụ tốt công tác văn thư lưu trữ của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho phòng TCHC có kế hoạch cử cán bộ làm công tác văn thư ở các đơn vị trực thuộc tham gia lớp tập huấn ngắn hạn và cập nhật các phương pháp lưu trữ, quản lý báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả công tác này của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Cơ cấu tổ chức của Trường bước đầu đã hoàn thiện theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, thể hiện được mối liên hệ giữa các đơn vị trong phục vụ mục tiêu chung của Trường. Trường có hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý tương đối đầy đủ; các quy định về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn các đơn vị trực thuộc,

cán bộ quản lý, GV, NV được phân định rõ và đã được phổ biến trong toàn Trường để biết và thực hiện. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể triển khai công tác theo quy định, đúng pháp luật. Tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể đã phối hợp rất tốt với chính quyền trong hoạt động quản lý. Chiến lược phát triển Trường được hoạch định phù hợp với sứ mạng và điều kiện thực tế của Trường. Trường thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cho cơ quan chủ quản cũng như cơ quan quản lý khác và lưu trữ đầy đủ các báo cáo.

Tự đánh giá: Đạt 7/7 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trường ĐHHT có đầy đủ CTĐT của tất cả các ngành đào tạo. CTĐT của Trường ĐHHT được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mạng, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo. CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các CTĐT của các Trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và tổ chức khác. CTĐT của Nhà trường được thiết kế đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và CTĐT khác, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của người học và nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Xác định vai trò quan trọng của CTĐT đối với hoạt động đào tạo nói riêng và các hoạt động chung của Nhà trường, Trường ĐHHT luôn đặc biệt quan tâm tới hoạt động xây dựng và phát triển CTĐT. Hiện tại, Nhà trường có đầy đủ 27 CTĐT đại học, 17 chương trình cao đẳng hệ chính quy [H3.3.1.01]. Các CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo đúng các quy định do Bộ GD&ĐT ban hành. 16 CTĐT trình độ đại học, 17 CTĐT trình độ cao đẳng xây dựng trước năm 2012 đều được Bộ ra quyết định cho phép đào tạo và quyết định chuyển đổi tên ngành theo đúng danh mục đào tạo cấp IV [H3.3.1.02]. Từ năm 2012 đến nay Nhà trường đã xây dựng 11 CTĐT mới [H3.3.1.01], các chương trình này đều được thực hiện theo

đúng các quy định về xây dựng, thẩm định chương trình tại các Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT, Thông tư 7/2015/TT-BGDĐT và đúng với quy định tại các quy chế đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như hướng dẫn của Trường [H3.3.1.03], [H3.3.1.04]. Việc xây dựng CTĐT của Nhà trường được thực hiện theo các bước: bước 1. Quyết định giao nhiệm vụ của Hiệu trưởng về xây dựng CTĐT; bước 2. Khảo sát, xây dựng mục tiêu chung, chuẩn đầu ra của CTĐT; bước 3. Dự thảo chương trình khung, chương trình chi tiết; bước 4. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo CTĐT; bước 5. Họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo để thông qua CTĐT; bước 6. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT; bước 7. Tổ chức thẩm định CTĐT và ra Quyết định ban hành CTĐT [H3.3.1.05]. Tất cả các CTĐT Nhà trường đều đã được Bộ GD&ĐT công nhận và quyết định cho phép đào tạo [H3.3.1.06].

Trong quá trình xây dựng CTĐT, các Khoa/Bộ môn đã tham khảo các CTĐT cùng ngành hoặc ngành gần của các trường ĐH có uy tín trong nước như: Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH Xây dựng Hà Nội, ĐHQGHN, ...về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc CTĐT, khối lượng kiến thức, tên và CTCT các học phần... [H3.3.1.07]. Tất cả các CTĐT của Nhà trường xây dựng mới từ năm 2012 đều có sự tham gia góp ý của các nhà khoa học chuyên môn, GV, CBQL, nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Tổng cộng, ngoài các ý kiến góp ý trực tiếp từ các buổi sinh hoạt chuyên môn của bộ môn, khoa, đã có 240 ý kiến góp ý của các các nhà khoa học chuyên môn, GV, CBQL, nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp cho CTĐT của Nhà trường. Trong đó, có 135 ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, GV, CBQL, 105 ý kiến của các nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp [H3.3.1.08]. Các ý kiến góp ý được Nhà trường tham khảo để hoàn thiện chuẩn đầu ra, CTĐT của Nhà trường (về cấu trúc, tên và nội dung của môn học, thêm bớt một số môn học cho phù hợp hơn, năng lực ngoại ngữ, tin học, năng lực thực hành, các kỹ năng mềm ...)

2. Điểm mạnh

CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành của Bộ

Giáo dục và Đào tạo, có sự tham khảo chương trình của các trường đại học uy tín trong nước và sự góp ý của các nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động.

3. Tồn tại

CTĐT của Trường chưa theo kịp tốc độ phát triển KHCN trên thế giới trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa khi xây dựng CTĐT cần nghiên cứu cập nhật các xu hướng phát triển KHCN của thế giới phù hợp với điều kiện của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Tất cả các CTĐT đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Năm 2011, Nhà trường đã công bố chuẩn đầu ra của 14 ngành đào tạo ĐH, 22 ngành đào tạo trình độ CĐ và 05 ngành đào tạo trình độ TCCN [H3.3.2.01]. Đến năm 2016, chuẩn đầu ra được điều chỉnh, bổ sung (11 ngành ngành đào tạo trình độ đại học khối ngoài sư phạm). So với chuẩn đầu ra 2011, chuẩn đầu ra năm 2016 tăng cường các kỹ năng, năng lực thực hành cho SV nhiều hơn thông qua việc tăng cường môn học Phát triển kỹ năng, tăng thời lượng thực hành thực tập (01 năm). Trên cơ sở chuẩn đầu ra năm 2016, Nhà trường cũng đã chỉ đạo các khoa xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của từng học phần trong CTĐT. Theo đó chuẩn đầu ra của từng học phần được xác định cụ thể góp phần hướng tới đạt chuẩn đầu ra của

CTĐT [H3.3.2.02].

Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường đã bám sát hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo của từng bậc học, ngành học. Tất cả các CTĐT đều được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra Nhà trường đã công bố: mục tiêu về kiến thức; mục tiêu về kỹ năng (bao gồm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm); mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học [H3.3.2.03].

Nội dung CTĐT gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương (các môn Lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng - An ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực hành, thực tập). Tỷ lệ thời lượng chương trình dành cho từng khối kiến thức tương đối hợp lý, tương xứng với yêu cầu của từng ngành nghề. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.3.2.04], [H3.3.2.05].

Bảng 3.1: Tổng hợp cấu trúc Chương trình đào tạo

Năm	Bậc	TS TC	GDĐC		GDCN		Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%
2012	ĐHSP	134	28-52	21-39	82-106	79-61	111-120	83-90	14-23	10-17
	ĐHNSP	125	38-50	30-40	75-87	60-70	94-106	75-85	19-31	15-25
	CĐ	95	32-38	34-40	57-65	60-66	71-81	75-85	14-24	15-25
2015	ĐHSP	130	24-43	18.5-33	87-106	67-81.5	111-120	85-92	10-19	8-15
	ĐHNSP	120 125 152	25-50	20-33	76-102	63-67	94-148	75-97	4-31	3-25
2016	ĐH	120	25-54	21-45	66-99	55-79	72-120	60-89	15-48	11-40

Đặc biệt, với việc cải tiến CTĐT định hướng tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo khối ngành ngoài sư phạm năm 2016, chương trình khá mềm dẻo, linh hoạt đã tạo điều kiện cho SV được lựa chọn môn học, hình thức học (thực tập, học nghề, học thuật) từ năm thứ ba [H3.3.2.06].

Tất cả các CTĐT của Nhà trường đều được thiết kế tuân thủ hướng dẫn của

Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo cấu trúc và tính hệ thống của chương trình. Chương trình bao gồm các phần mục tiêu (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ); khối lượng kiến thức toàn khóa; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; cách thức đánh giá và nội dung chương trình với các khối kiến thức giáo dục đại cương (các môn Lý luận chính trị, Pháp luật đại cương, Ngoại ngữ, Tin học, các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh); khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ, thực hành, thực tập, khóa luận, đồ án tốt nghiệp) [H3.3.2.03].

Trên cơ sở tham khảo ý kiến góp ý của các nhà khoa học chuyên môn, cán bộ quản lý, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV, các CTĐT được hoàn thiện đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ người học cần phải đạt được. Tất cả các CTĐT của Nhà trường, bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp, thực hành, thực tập được thiết kế một cách linh hoạt, mềm dẻo giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.3.2.07], [H3.3.2.08].

2. Điểm mạnh

Chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Một số CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh theo định hướng CDIO nên thời lượng thực hành, thực tập còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo làm đầu mối, phối hợp với các khoa thực hiện rà soát, cải tiến các CTĐT còn lại theo hướng thực học thực làm, giảm lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ nhiều

hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

CTĐT chính quy và GDTX của Nhà trường được thiết kế theo quy định, ĐBCL đào tạo. Tất cả các CTĐT của Nhà trường được xây dựng, thiết kế tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật GDĐH 08/2010/QH13, Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và các quy chế đào tạo ĐH, CĐ [H3.3.3.01], [H3.3.3.02]. 100% CTĐT xây dựng từ năm 2012 đều được Sở GD&ĐT Hà Tĩnh kiểm tra, xác nhận về các điều kiện ĐBCL chương trình [H3.3.3.03]. Chương trình của tất cả các ngành đào tạo ĐH đều do khoa/bộ môn chủ quản tổ chức xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua, được tổ chức nghiệm thu theo đúng quy trình, hoàn thiện và trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành chính thức [H3.3.3.04]. 100% CTĐT của Trường đều được Bộ GD&ĐT đồng ý cho phép Trường được tổ chức tuyển sinh, đào tạo [H3.3.3.05].

Các CTĐT đều có thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức tối thiểu theo đúng quy định cho mỗi trình độ. 100% CTĐT của Nhà trường đều có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá, nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo; cấu trúc CTĐT đảm bảo các khối lượng kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo, bao gồm khối kiến thức giáo dục giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp với tỷ lệ thời lượng chương trình cho từng khối kiến thức khá phù hợp với yêu cầu của từng ngành nghề. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.3.3.06].

Bảng 3.1: Tổng hợp cấu trúc Chương trình đào tạo

Năm	Bậc	TS TC	GDĐC		GDCN		Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%
2012	ĐHSP	134	28-52	21-39	82-106	79-61	111-120	83-90	14-23	10-17
	ĐHNSP	125	38-50	30-40	75-87	60-70	94-106	75-85	19-31	15-25
	CĐ	95	32-38	34-40	57-65	60-66	71-81	75-85	14-24	15-25
2015	ĐHSP	130	24-43	18.5-33	87-106	67-81.5	111-120	85-92	10-19	8-15
	ĐHNSP	120 125 152	25-50	20-33	76-102	63-67	94-148	75-97	4-31	3-25
2016	ĐH	120	25-54	21-45	66-99	55-79	72-120	60-89	15-48	11-40

Tất cả các CTĐT đều có đầy đủ chương trình khung, chương trình chi tiết [H3.3.3.07]. Trên cơ sở chương trình chi tiết các học phần, GV đảm nhiệm dạy học học phần nào có trách nhiệm xây dựng đề cương môn học của môn học đó và phải được khoa, bộ môn phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H3.3.3.08].

Trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo 07 ngành ĐH, 02 ngành CĐ theo hình thức VLVH [H3.3.3.05]. Từ năm học 2010-2011, Trường chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ, các CTĐT VLVH được áp dụng sử dụng CTĐT của hệ chính quy. Do đó, cấu trúc, nội dung, chuẩn đầu ra của CTĐT VLVH tương đương với CTĐT chính quy chỉ giảm bớt khối kiến thức Giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh được miễn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Để ĐBCL của chương trình GDTX, Nhà trường có các quy định, hướng dẫn, giao nhiệm vụ cụ thể. Trước hết là việc thành lập Trung tâm GDTX - đơn vị trực tiếp quản lý hoạt động đào tạo VLVH với chức năng nhiệm vụ được xác định cụ thể, phân công nhiệm vụ cho từng vị trí [H3.3.3.09]. Việc khảo sát nhu cầu người học, xác định mã ngành liên kết đào tạo, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tìm kiếm đơn vị liên kết đào tạo, tổ chức tuyển sinh, xây dựng kế hoạch đào tạo, ban hành thời khóa biểu, theo dõi nền nếp giảng dạy … đều có các quy trình hướng dẫn cụ thể và được triển khai một cách nghiêm túc [H3.3.3.10]. Hiện tại, Trường đang triển khai

đào tạo 04 chương trình VLVH (ngành Kế toán, Luật, Giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học). Chương trình giáo dục VLVH được thực hiện bởi cùng đội ngũ GV giảng dạy các CTĐT chính quy [H3.3.3.11]. SV được hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn về CTĐT theo quy định [H3.3.3.12]. Các điều kiện học tập đảm bảo tương đương với đại học chính quy. Các lớp hợp đồng thuê địa điểm tại Trung tâm GDTX các huyện, Trường CĐ nghề công nghệ Hà Tĩnh đều đảm bảo các điều kiện, ĐBCL theo đúng quy định tại Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ VLVH ban hành kèm theo quyết định số 62/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Đối với các học phần như Kế toán máy, Múa, Tin học được bố trí tại các phòng học chức năng tại Trường ĐHHT và sử dụng đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên của Trường Đại học Hà Tĩnh) [H3.3.3.13]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban đào tạo hàng tháng, Nhà trường thường xuyên quán triệt, nhắc nhở việc phối hợp chặt chẽ với các đơn vị đặt lớp để quản lý tốt việc thực hiện kế hoạch giảng dạy đã đề ra [H3.3.3.14].

Tuy nhiên, do việc đặt các lớp tại các địa điểm ở xa trường (tại các huyện thị trong tỉnh Hà Tĩnh), nên công tác phối hợp tổ chức, điều hành thực hiện kế hoạch giảng dạy cũng như nền nếp các lớp học còn gặp khó khăn, vẫn còn tình trạng SV vắng học.

2. Điểm mạnh

CTĐT chính quy và GDTX của Trường được thiết kế, xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, có đầy đủ các điều kiện nhằm ĐBCL đào tạo.

3. Tồn tại

Một số môn học trong CTĐT GDTX chưa được xây dựng để khai thác kinh nghiệm làm việc của người học phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Trung tâm GDTX phối hợp với các đơn vị liên kết đào tạo và các GV nghiên cứu điều chỉnh CTĐT nâng cao kiến thức, kỹ

năng thực hành và trải nghiệm của người học gắn với hoạt động nghề nghiệp của họ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

CTĐT của Nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KTXH của địa phương hoặc cả nước. Cụ thể:

Năm học 2010-2011, toàn bộ CTĐT của Nhà trường được rà soát, chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Để thực hiện việc chuyển đổi, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.3.4.01]; có kế hoạch chuyển đổi cấu trúc chương trình từ đơn vị học trình sang tín chỉ [H3.3.4.02]; hướng dẫn phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ [H3.3.4.03]; hướng dẫn xây dựng đề cương môn học phù hợp với CTĐT theo tín chỉ [H3.3.4.04]; xây dựng đội ngũ cố vấn học tập [H3.3.4.05]; hướng dẫn đăng ký môn học cho SV các khoa [H3.3.4.06]; tổ chức Hội thảo đào tạo theo học chế tín chỉ nhằm tiếp cận và nâng cao chất lượng đào tạo của hình thức đào tạo mới mẻ này [H3.3.4.07]. CTĐT theo tín chỉ được chuyển đổi trên cơ sở rà soát, điều chỉnh từ các CTĐT trước đó, gồm 16 CTĐT trình độ ĐH và 17 CTĐT trình độ CĐ. Các chương trình bậc ĐH có thời gian đào tạo 4 năm với khối lượng kiến thức toàn khóa là 125 tín chỉ (đối với các CTĐT giáo viên là 134 tín chỉ) chưa kể Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh; chương trình bậc cao đẳng có thời gian đào tạo 3 năm với khối lượng kiến thức toàn khóa là 95 tín chỉ (đối với các CTĐT giáo viên là 105 tín chỉ) chưa kể Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh. Các học phần có cấu trúc từ 1 - 4 tín chỉ, số tín chỉ bắt buộc chiếm 80 - 85% thời lượng chương trình, số tín chỉ tự

chọn chiếm từ 15 -20% thời lượng chương trình. Cấu trúc chương trình khá cân đối, hợp lý giữa các khối kiến thức [H3.3.4.08], [H3.3.4.09].

Bảng 3.3: Cấu trúc chương trình bậc đại học năm 2012

TT	NỘI DUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	TỰ NHIÊN	KINH TẾ	XÃ HỘI - NHÂN VĂN
1	**Thời gian khóa đào tạo (năm)**	**4**	**4**	**4**
2	**Tổng số tín chỉ khóa đào tạo** chưa kể khối lượng kiến thức GDQP và GD Thể chất **Trong đó:** số tín chỉ Bắt buộc số tín chỉ Tự chọn	**125** *10* *3* *94-106* *19-31*	**125** *10* *3* *94-106* *19-31*	**125** *10* *3* *94-106* *19-31*
3	**Kiến thức đại cương** - KH Mác -Lênin *(lên lớp 50%)* - Ngoại ngữ	**50** *10* *7*	**45** *10* *7*	**38-42** *10* *7*
4	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** Kiến thức cơ sở ngành và ngành Kiến thức ngành (chuyên ngành) Thực tập Khoá luận TN	**75** *(8-20)* *30* *7*	**80** *(8-20)* *30* *5* *7*	**83-87** *(8-20)* *30* *5* *7*

Bảng 3.4: Cấu trúc chương trình bậc cao đẳng năm 2012

TT	NỘI DUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	TỰ NHIÊN	KINH TẾ	XÃ HỘI - NHÂN VĂN	C. NGHỆ Kỹ thuật
1	**Thời gian khóa đào tạo (năm)**	**3**	**3**	**3**	**3**
2	**Tổng số tín chỉ khóa đào tạo** chưa kể khối lượng kiến thức GDQP và GD Thể chất **Trong đó:** số tín chỉ Bắt buộc số tín chỉ Tự chọn	**95** *4* *2* *71- 81* *14-24*	**95** *4* *2* *71- 81* *14-24*	**95** *4* *2* *71- 81* *14-24*	**100** *4* *2* *75- 85* *15-25*
3	**Kiến thức đại cương** - KH Mác -Lênin *(lên lớp 50%)* - Ngoại ngữ	**38** *10* *7*	**34** *10* *7*	**32** *10* *7*	**35** *10* *7*
4	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** Kiến thức cơ sở ngành và ngành Kiến thức ngành (chuyên ngành) Thực tập	**57** *(0-12)* *19*	**61** *(8-20)* *19*	**63** *(8-20)* *19*	**65** *(3-24)* *28* *15*

Tháng 5 năm 2013, Trường Đại học Hà Tĩnh đã tổ chức Hội thảo *Dạy và học theo học chế tín chỉ* và đã thu hút được sự quan tâm và viết bài của cán bộ, giáo viên, sinh viên của Trường. Hội thảo đã tập trung đánh giá những kết quả đạt được của 3 năm triển khai đào tạo theo tín chỉ, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó đồng thời đề xuất nhiều ý kiến nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHHT. Hội thảo cũng đã tranh thủ ý kiến góp ý của sinh viên đối với chương trình đào tạo của Trường, với 35 ý kiến góp ý của đại diện sinh viên các khoa tham dự Hội thảo. Các ý kiến góp ý của sinh viên được tham khảo để điều chỉnh chương trình đào tạo của Nhà trường phù hợp với nhu cầu của người học [H3.3.4.10], [H3.3.4.11], [H3.3.4.12].

Năm học 2014-2015, Nhà trường đã thực hiện cải tiến CTĐT sau một chu kỳ thực hiện đào tạo theo tín chỉ của 12 CTĐT bậc đại học (SP Toán, Lý, Hóa, Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục Chính trị, Công nghệ thông tin, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng [H3.3.4.13]. Trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng cải tiến chương trình [H3.3.4.14], tổ chức Hội thảo khoa học đánh giá CTĐT theo học chế tín chỉ sau một chu kỳ thực hiện [H3.3.4.15], [H3.3.4.16], [H3.3.4.17], giao nhiệm vụ rà soát, cải tiến chương trình cho các khoa, bộ môn và tổ chức thẩm định, nghiệm thu theo đúng quy trình [H3.3.4.18], [H3.3.4.19]. Việc cải tiến CTĐT được thực hiện đúng theo hướng dẫn của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT. Các khoa, bộ môn đã tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục, xã hội và cựu SV góp ý cho CTĐT của nhà trường. Tổng cộng ngoài các ý kiến góp ý của CB, GV tại các buổi sinh hoạt chuyên môn, họp khoa, tổ bộ môn, có 360 ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, các tổ chức giáo dục, xã hội, gần 600 ý kiến góp ý của cựu SV cho CTĐT của nhà trường. Các ý kiến góp ý được Nhà trường tham khảo để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KTXH [H3.3.4.20]. CTĐT năm 2015 không khác nhiều so với CTĐT năm 2012. Chương trình các

ngành sư phạm điều chỉnh xuống còn 130 tín chỉ, chương trình các ngành ngoài sư phạm giữ nguyên 125 tín chỉ. Riêng ngành Kỹ thuật công trình xây dựng là 152 tín chỉ và Khoa học cây trồng là 120 tín chỉ. Chương trình có điều chỉnh, sắp xếp lại vị trí một số học phần trong các khối kiến thức; thêm, bớt một số học phần cho phù hợp hơ; thời lượng chương trình giữa các khối kiến thức không thay đổi nhiều.

Bảng 3.5: Cấu trúc Chương trình đào tạo năm 2015

TT	NỘI DUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	SỐ TÍN CHỈ
1	**Thời gian khóa đào tạo (năm)**	**4**
2	**Tổng số tín chỉ khóa đào tạo** chưa kể khối lượng kiến thức GDQP và GD Thể chất **Trong đó:** số tín chỉ Bắt buộc số tín chỉ Tự chọn	**125 (KSXD 152, KHCT 120)** 8 *3* *106-115* *10-31*
3	**Kiến thức đại cương** - KH Mác -Lênin *(lên lớp 50%)* - Ngoại ngữ	**25-50** *10* *7*
4	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** Kiến thức cơ sở ngành và ngành Kiến thức ngành (chuyên ngành) Thực tập Khoá luận TN	**76-102** *25-57* *42-51* *4-7* *5-6*

Năm 2016, Trường đã thực hiện cải tiến CTĐT trình độ ĐH (11 ngành ngoài sư phạm) theo hướng tiếp cận CDIO (Khoa học Môi trường, Khoa học Cây trồng, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ trung Quốc, Luật, CNTT, Kỹ sư xây dựng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành) [H3.3.4.21]. Để thực hiện cải tiến chương trình, Nhà trường đã ban Kế hoạch cải tiến CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO trong đó nêu rõ mục đích yêu cầu, các nguyên tắc xây dựng chương trình theo CDIO, quy trình, kế hoạch thời gian và phân công cụ thể nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan [H3.3.4.22]. Trường cũng đã cử đoàn cán bộ giáo viên đi học tập và tham khảo CTĐT ở các

trường ĐH phía Nam như Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Đồng Tháp, Trường ĐH An Giang, Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Trường ĐH Sài Gòn…. [H3.3.4.23], [H3.3.4.24], [H3.3.4.25]; tổ chức khóa tập huấn về chương trình CDIO [H3.3.4.26]; ban hành các biểu mẫu về chương trình khung, chương trình chi tiết, đề cương môn học …[H3.3.4.27]; khảo sát lấy ý kiến góp ý của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các tổ chức giáo dục, xã hội và cựu SV góp ý cho CTĐT của Nhà trường. Tổng cộng, ngoài các ý kiến góp ý trực tiếp của CB, GV tại các buổi sinh hoạt khoa, bộ môn, có hơn 300 ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và các tổ chức giáo dục, xã hội, hơn 500 ý kiến góp ý của cựu SV cho CTĐT của Nhà trường. Các ý kiến góp ý được nhà trường tham khảo để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KTXH của địa phương và cả nước [H3.3.4.28]. Nhà trường cũng đã tham khảo các chương trình của các Trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế như: chương trình trình độ ĐH ngành Du lịch của Trường ĐH Queensland, Australia, chương trình ĐH Quản lý khách sạn và Du lịch của Trường ĐH Kasetsrat, Thái Lan; chương trình ĐH Tài chính ngân hàng của Trường ĐH Bristol, UK; chương trình ĐH Kế toán của Trường ĐH Bách khoa Kwantlen thuộc Trường ĐH Polytechnic - KPU, chương trình ĐH Tài chính - Kế toán của Trường ĐH Bristol, Anh; chương trình ĐH ngành CNTT của Trường ĐH Queensland, Australia; chương trình ĐH Luật của Trường ĐH kinh tế - Pháp luật Maxcova, Nga, chương trình ĐH Luật của Trường ĐH Sydney, Australia…[H3.3.4.29]. Trên cơ sở phân tích, so sánh với các CTĐT của các trường quốc tế để áp dụng vào cải tiến CTĐT của Nhà trường ở những mức độ khác nhau tùy thuộc vào sự cần thiết và tính phù hợp của mỗi chương trình (ví dụ: chương trình ngành Quản trị du lịch và lữ hành đưa vào một số môn học của Trường ĐH Kasetsart, Thái Lan và Trường ĐH Queensland, Australia như môn Tâm lý du khách, Marketing, Nghiệp vụ lữ hành, Nghiệp vụ khách sạn, Marketing trong du lịch, Hành vi (tâm lý) khách du lịch, Tổ chức sự

kiện; chương trình ngành Tài chính - Ngân hàng đưa vào các môn Tài chính doanh nghiệp, Kế toán tài chính, Thuế …; chương trình Kế toán đưa vào các môn Thuế, Tài chính doanh nghiệp, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Tài chính quốc tế, Kinh tế môi trường … của Trường ĐH Bristol, UK; chương trình Luật đưa vào nhiều môn học của chương trình Luật của Trường ĐH Sydney như Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự; Luật thương mại, Luật hành chính, Công pháp quốc tế…). Tuy nhiên, một số CTĐT chưa có sự tham khảo "sâu" các CTĐT tiên tiến quốc tế. Nội dung chương trình có thời lượng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của trình độ ĐH là 120 tín chỉ (ngành Kỹ thuật Công trình xây dựng là 135 tín chỉ với thời gian đào tạo 4.5 năm) chưa kể Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh. Chương trình đảm bảo khối lượng kiến thức, số học phần, tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức theo quy định. Cụ thể:

Bảng 3.6: Cấu trúc Chương trình đào tạo CDIO năm 2016

Năm	Bậc	TS TC	GDĐC		GDCN		Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%
2016	ĐH	120	25-36	20-30	84-99	70-79	72-120	60-89	15-48	11-40

Tỉ lệ kiến thức lí thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lí; bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. Chương trình tạo điều kiện cho SV được tham gia các hoạt động thực hành thực tập nhiều hơn, tạo điều kiện cho SV trong việc được lựa chọn định hướng thực hiện chương trình học của bản thân (thực tập, học nghề, học thuật) từ năm học thứ 3, đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng tốt nhu cầu của SV cũng như doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động [H3.3.4.30]. Tất cả các CTĐT đều có đầy đủ chương trình khung, chương trình chi tiết [H3.3.4.31]. Trên cơ sở chương trình chi tiết các học phần, GV đảm nhiệm dạy học học phần nào có trách nhiệm xây dựng đề cương môn học của môn học đó và

phải được khoa, bộ môn phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H3.3.4.32].

Ngoài các đợt cải tiến chương trình lớn, hàng năm trên cơ sở ý kiến đề xuất của các khoa, bộ môn, Nhà trường đều có sự điều chỉnh CTĐT phù hợp hơn với nhu cầu của người học và nhu cầu của thị trường lao động. Việc bổ sung, chỉnh sửa chương trình được thực hiện một cách khoa học, theo quy trình: bộ môn họp thảo luận, đề xuất sửa đổi, bổ sung chương trình đồng thời có văn bản đề sửa đổi, bổ sung CTĐT trình Hiệu trưởng phê duyệt [H3.3.4.33].

Đối với bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, việc thay đổi chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần theo quy định của Bộ GD&ĐT, được Khoa Lý luận chính trị triển khai thực hiện nghiêm túc [H3.3.4.34].

Năm 2016, Trường đã thành lập Trường TH, THCS,THPT và Trường Mầm non thuộc Trường ĐHHT - đây là cơ sở thực hành thường xuyên, quan trọng của SV khối ngành sư phạm của Nhà trường. Những hạn chế của CTĐT, giáo trình, phương pháp giảng dạy nhanh chóng được nắm bắt và điều chỉnh, khắc phục nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn thông qua sự gắn kết hoạt động chuyên môn giữa Nhà trường với các cơ sở thực hành này [H3.3.4.35].

2. Điểm mạnh

Trường đã định kỳ bổ sung, điều chỉnh các CTĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Để thực hiện đánh giá, cải tiến CTĐT, Nhà trường đã tham khảo ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội liên quan và cựu SV để điều chỉnh, sửa đổi CTĐT phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

3. Tồn tại

Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh CTĐT theo chuẩn CDIO. Tuy nhiên, trong các CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh còn tồn tại một số học phần chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao trải nghiệm thực tế theo định hướng thực học, thực làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa/bộ môn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết một số học phần nhằm tăng thời lượng thực học, thực làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Trong chỉ đạo xây dựng, cải tiến CTĐT, Nhà trường luôn yêu cầu cần đảm bảo tính liên thông giữa các khối ngành, ngành và bậc đào tạo [H3.3.5.01].

CTĐT của Nhà trường đảm bảo tính liên thông dọc (liên thông giữa các trình độ đào tạo): Năm 2010-2011, Nhà trường chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch chuyển đổi cấu trúc chương trình từ đơn vị học trình sang tín chỉ, trong đó yêu cầu *Làm cho công tác đào tạo của Trường thành một thể thống nhất có tính liên thông giữa các khối ngành, bậc đào tạo*. Nhà trường đã có quy định hướng dẫn thống nhất CTĐT bậc ĐH là 125 tín chỉ (đối với các CTĐT giáo viên là 134 tín chỉ) không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh. CTĐT được thiết kế mềm dẻo, linh hoạt, kế thừa, nhằm giảm tối đa thời gian học lại kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các trình độ khác. Tỷ lệ kiến thức chung của CTĐT giữa bậc ĐH và CĐ khoảng 70 - 75% khối lượng. Với mỗi CTĐT có khoảng 40 học phần được thiết kế chung. Hiện tại, Trường ĐHHT đang tổ chức đào tạo 05 CTĐT liên thông từ CĐ lên ĐH và 03 CTĐT liên thông từ trung cấp lên ĐH [H3.3.5.02].

Các CTĐT của Trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông ngang: liên thông cùng cấp, cùng trình độ giữa các CTĐT khác trong cùng nhóm ngành và giữa các nhóm ngành. Để đảm bảo tính liên thông với các CTĐT khác, ngoài việc thiết kế các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức chung giống nhau thì khi xây dựng chương trình đều có sự tham khảo CTĐT của một số trường ĐH khác để tạo ra sự tương thích giữa các CTĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho người học khi chuyển

trường hay liên thông giữa các trình độ đào tạo, học cùng lúc 2 chương trình hoặc văn bằng 2. Tỷ lệ kiến thức chung của các ngành trong cùng bậc đào tạo đại học đạt 38-50% và bậc cao đẳng đạt 32-38% (ở chương trình năm 2012); đối với các CTĐT cải tiến năm 2016 theo CDIO, tỷ lệ kiến thức chung giữa các ngành đạt 20-25%. Tỷ lệ kiến thức chung giữa các ngành trong cùng nhóm ngành đạt 25-38% (nhóm ngành sư phạm) và 65-70% (nhóm các ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh - Tài chính ngân hàng) đối với chương trình năm 2012; đạt khoảng 50% (nhóm ngành Ngôn ngữ), 25% (nhóm ngành Công nghệ - Kỹ thuật) và 45-50% (nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh - Tài chính ngân hàng - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành), 35% (nhóm các ngành Giáo dục Chính trị - Chính trị học) đối với chương trình năm 2016 [H3.3.5.03]. CTĐT của Nhà trường liên thông với CTĐT của một số trường ĐH khác trong nước như Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng, Trường ĐH Điện lực, Trường ĐH Mỏ - địa chất, Trường ĐH Xây dựng Hà Nội ... Tính liên thông với CTĐT của các trường khác thể hiện ở việc các trường này công nhận điểm một năm rưỡi của SV học tại Trường ĐHHT đối với SV diện liên kết đào tạo cho Vũng Áng ở các ngành mà tỉnh có nhu cầu từ năm 2012 đến năm 2016 [H3.3.5.04]. Ngược lại, Nhà trường cũng công nhận điểm cho đối tượng SV chuyển từ các trường khác về học tại Trường ĐHHT [H3.3.5.05].

2. Điểm mạnh

CTĐT của Trường đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo, các ngành, nhóm ngành đào tạo của Trường cũng như liên thông với chương trình của một số các trường khác.

3. Tồn tại

Một số ngành chưa đào tạo liên thông, chưa hợp tác được với các sơ sở đào tạo khác, chưa có các chương trình liên kết quốc tế dạng 2+2, 1+3, 3+1 nên việc phát triển CTĐT liên thông quốc tế chưa đạt được như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu tổ chức ký kết hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước; đồng thời mở rộng tìm kiếm các đối tác quốc tế có cùng ngành đào tạo để xây dựng các chương trình liên kết quốc tế dạng 4+0, 3+1, 2+2, 1+3.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Chất lượng CTĐT là yếu tố quyết định chất lượng sản phẩm đào tạo, nhận thức được điều đó Nhà trường đã rất chú trọng đến công tác đánh giá, cải tiến CTĐT định kỳ và thường xuyên [H3.3.6.01], [H3.3.6.02], [H3.3.6.03], [H3.3.6.04]. Theo đó, định kỳ và hàng năm, trên cơ sở tham chiếu kết quả điều tra, khảo sát ý kiến của các tổ chức xã hội, nhà tuyển dụng, cựu SV ... các khoa/ bộ môn tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện CTĐT.

Năm học 2010-2011, Nhà trường chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ, theo đó 18 CTĐT trình độ ĐH và 19 CTĐT trình độ CĐ được rà soát, chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ với những điều chỉnh, cập nhật, bổ sung, hướng dẫn cho phù hợp với hình thức đào tạo mới mẻ này [H3.3.6.05].

Năm học 2014-2015, Nhà trường đã tổ chức cải tiến CTĐT sau một chu kỳ thực hiện đối với 14 CTĐT ĐH [H3.3.6.06]; Từ năm 2010 đến 2015, Nhà trường đã tổ chức 3 Hội thảo về đào tạo theo tín chỉ (hội thảo năm 2010, 2013, 2015). Các hội thảo chủ yếu tập trung về các vấn đề liên quan đến đào tạo theo tín chỉ, rút kinh nghiệm giữa chu kỳ và sau một chu kỳ thực hiện, làm cơ sở để điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT của Nhà trường phù hợp hơn với nhu cầu xã hội [H3.3.6.07].

Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành cải tiến chương trình 11 ngành khối các ngành ngoài sư phạm theo hướng tiếp cận CDIO [H3.3.6.08].

Ngoài các đợt cải tiến chương trình lớn, hàng năm trên cơ sở ý kiến đề xuất của các khoa, bộ môn, Nhà trường đều có sự điều chỉnh CTĐT phù hợp hơn với nhu cầu của người học và nhu cầu của thị trường lao động. Việc bổ sung, chỉnh sửa chương trình được thực hiện một cách khoa học, theo quy trình: bộ môn họp thảo luận, đề xuất sửa đổi, bổ sung chương trình đồng thời có văn bản đề sửa đổi, bổ sung CTĐT trình Hiệu trưởng phê duyệt [H3.3.6.09].

Năm 2017, Nhà trường đã ban hành kế hoạch triển khai tự đánh giá các CTĐT. Theo đó, mỗi khoa đã thực hiện tự đánh giá 01 chương trình theo tiêu chuẩn quốc gia (ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT), qui trình tự đánh giá được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.6.10].

Thực hiện Chiến lược và kế hoạch ĐBCL giáo dục Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã đặt ra mục tiêu đến hết năm 2018 mỗi khoa có ít nhất 1 CTĐT hoàn thành tự đánh giá và đến năm 2020 triển khai tự đánh giá toàn bộ các CTĐT theo tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời thực hiện KĐCL một số CTĐT truyền thống, có thế mạnh của Trường như: Chương trình Giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng [H3.3.6.11].

Như vậy, các CTĐT của Nhà trường đều được định kỳ đánh giá làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

2. Điểm mạnh

Tất cả các CTĐT của Nhà trường đều được rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung thường xuyên theo dựa trên góp ý của Nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội, cựu SV và sự tham khảo CTĐT của các Trường ĐH có uy tín trong nước và nước ngoài. Hoạt động đánh giá, cải tiến CTĐT đã trở thành hoạt động thường xuyên trong Nhà trường.

3. Tồn tại

Trường chưa hoàn thành hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cho các CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng ĐBCL phối hợp với Phòng Đào tạo và các khoa triển khai và hoàn thành công tác tự đánh giá ít nhất một CTĐT ở mỗi khoa, sử dụng bộ tiêu chuẩn mới ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT, tiến tới thực hiện KĐCL các CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Tất cả các CTĐT của Trường ĐHHT được xây dựng theo đúng quy trình, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia góp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, GV, CBQL, nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tham khảo chương trình của các trường ĐH có uy tín trong nước. Các CTĐT của Trường đều được Bộ GD&ĐT công nhận và ra quyết định cho phép đào tạo, có đầy đủ chương trình khung, chương trình chi tiết. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình được định kỳ đánh giá, cải tiến theo quy định của Bộ GD&ĐT, có sự góp ý của các nhà khoa học, GV, nhà tuyển dụng, các tổ chức giáo dục, xã hội và cựu SV. Chương trình khá linh hoạt, mềm dẻo, đảm bảo tính liên thông giữa các ngành trong cùng nhóm ngành, ngành và bậc đào tạo. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng, cải tiến CTĐT, chưa có sự tham khảo "sâu" các CTĐT tiến tiến của các Trường ĐH nước ngoài, vì vậy các CTĐT của Nhà trường mang tính hội nhập quốc tế chưa cao.

Tự đánh giá: Đạt 6/6 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 4. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Nhà trường đã chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ được 7 năm. Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo các quy chế của Bộ GD&ĐT. Các hình thức đào tạo linh hoạt phát huy tính tích cực của người học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội.

Nhà trường luôn thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV, ứng dụng CNTT vào quá trình dạy học. Tổ chức đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học theo học chế tín chỉ, thực hiện tích lũy tín chỉ theo từng học phần cho người học; quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, đánh giá được mức độ tích luỹ về kiến thức, kỹ năng và năng lực giải quyết vấn đề. Kết quả học tập của người học được thông báo công khai kịp thời, lưu trữ chính xác, đầy đủ, an toàn, tạo thuận lợi trong công tác quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo thông qua sử dụng hệ thống sổ sách truyền thống và phần mềm quản lý đào tạo.

Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, qua đó nắm bắt được chất lượng giảng dạy và để GV tự điều chỉnh, đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của từng học phần. Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của người học tốt nghiệp/chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của khóa học và ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở cho việc chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Để đáp ứng nhu cầu của người học, trong những năm qua, Trường ĐHHT đã chú trọng thực hiện đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Hiện tại, Nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo 22 ngành bậc đại học, 15 ngành bậc cao đẳng. Ngoài ra, có 04 chương trình/ngành đào tạo liên thông cao đẳng lên đại học, 04 chương trình/ngành đào tạo liên thông trung cấp chuyên nghiệp lên đại học [H4.4.1.01]. Về hình thức đào tạo, bên cạnh hình thức đào tạo chính quy tập trung, đào tạo liên thông chính quy giữa các trình độ, Nhà trường đã triển khai các hình thức đào tạo VLVH, liên thông VLVH.

Đối với đào tạo đại học chính quy, Nhà trường đã thực hiện phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ cho 100% số ngành đào tạo [H4.4.1.02]. Từ năm học 2012-2013, Nhà trường đã bắt đầu tổ chức đào tạo một lúc hai chương trình dành cho SV chính quy của Trường [H4.4.1.03]. Nhà trường cũng đã tuyển sinh đào tạo trình độ liên thông từ cao đẳng lên ĐH hệ chính quy cho 04 ngành; liên thông từ TCCN lên đại học có 04 ngành. Giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 11 năm 2017, Nhà trường đã đào tạo được 5.606 người học tốt nghiệp trình độ ĐH, CĐ [H4.4.1.04]. Đối với hệ VLVH, Nhà trường tuyển sinh đối tượng tốt nghiệp THPT (học 4,5 năm), liên thông từ trung cấp lên ĐH (học 3 năm), liên thông từ cao đẳng lên ĐH (học 2 năm). Nhà trường cũng đã triển khai đặt lớp đào tạo VLVH, liên thông VLVH tại 06 địa điểm ngoài trường. Từ năm 2012 đến 2017, Nhà trường đã đào tạo được 1.859 học viên tốt nghiệp trình độ ĐH, CĐ [H4.4.1.05].

Bên cạnh đào tạo hệ chính quy và VLVH cả 2 trình độ ĐH và CĐ, Nhà trường liên kết với một số trường đại học trong nước để đào tạo thạc sĩ đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao cho tỉnh Hà Tĩnh. Liên kết với Trường Đại học Xây dựng Hà Nội đào tạo 154 học viên cao học với các chuyên ngành: Kiến trúc (22), Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (32), Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - xây dựng cầu hầm (22), Quản lý xây dựng - Quản lý dự án xây dựng (78); Liên kết với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đào tạo 185 học viên cao

học với các chuyên ngành: Quản lý công (48), Kinh tế (30), Quản lý kinh tế và chính sách (107); Liên kết với Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN đào tạo 53 học viên cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế [H4.4.1.06]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã thực hiện liên kết với một số trường đại học thuộc khối công nghệ, kỹ thuật như: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Điện lực... trong đào tạo nguồn nhân lực cho Khu Kinh tế Vũng Áng [H4.4.1.07].

Trong thời gian qua, Nhà trường còn tổ chức các hình thức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn, đào tạo theo đơn đặt hàng của các cơ quan, ban ngành địa phương,... nhằm đảm bảo đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học như: bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, đào tạo và cấp chứng chỉ tin học theo Thông tư 03,.... [H4.4.1.08], [H4.4.1.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn hợp tác với một số trường ĐH Thái Lan và một số tỉnh của nước CHDCND Lào trong đào tạo tiếng Việt và chuyên ngành [H4.4.1.10], [H4.4.1.11].

Các hình thức đào tạo của Nhà trường đều tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và đảm bảo các điều kiện chất lượng [H4.4.1.12], [H4.4.1.13]. Đối với các địa điểm đặt lớp đào tạo thực hiện các chương trình VLVH, các thủ tục đặt lớp đều được Nhà trường tuân thủ đúng quy định [H4.4.1.14]. Các CTĐT của Nhà trường đều được các cơ quan chức năng cho phép [H4.4.1.15]. Chỉ tiêu hàng năm được Nhà trường xác định dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT về các điều kiện ĐBCL và dựa trên cơ sở tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh [H4.4.1.16], [H4.4.1.17]. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng cụ thể, điều kiện đào tạo của trường, thông tin tuyển sinh luôn được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng [H4.4.1.18], [H4.4.1.19], [H4.4.1.20]. chuẩn đầu ra của các CTĐT, tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm được công khai đến người học [H4.4.1.21], [H4.4.1.22].

Với hình thức đào tạo, ngành nghề đa dạng ĐBCL và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của người học nên những năm qua số lượng thí sinh đăng ký tuyển sinh và trúng tuyển vào trường khá ổn định [H4.4.1.23]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa triển khai được các hình thức đào tạo tiên tiến ứng dụng công nghệ như dạy học trực tuyến, dạy học từ xa, đây là những nội dung Nhà trường cần quan tâm phát triển.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng các hình thức đào tạo đa dạng, linh hoạt, phù hợp, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều đối tượng người học.

3. Tồn tại

Tuy nhiên, Nhà trường chưa triển khai được các hình thức đào tạo tiên tiến ứng dụng công nghệ như dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường giao Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp Trung tâm CNTT và các Khoa chuyên môn nghiên cứu triển khai ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến trên nền công nghệ Google Class và hệ thống quản lý câu hỏi trắc nghiệm ứng dụng mã nguồn mở; nghiên cứu khả thi hình thức đào tạo từ xa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Bắt đầu từ năm học 2010-2011, Trường ĐHHT đã chuyển từ quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ [H4.4.2.01], [H4.4.2.02]. Để có những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, Trường đã tổ chức Hội thảo "Dạy - học theo học chế tín chỉ", đồng thời có văn bản cụ thể để

hướng dẫn GV thực hiện [H4.4.2.03], [H4.4.2.04]. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc công nhận kết quả học tập của người học theo tín chỉ, 100% CTĐT có các học phần thực hiện theo học chế tín chỉ [H4.4.2.05].

Kết quả tích lũy tín chỉ được tính dựa vào Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT [H4.4.2.06], được quy định cụ thể tại Quyết định số 441/QĐ-TĐHHT ngày 07/5/2010, Quyết định số 1181/QĐ-ĐHHT ngày 21/8/2014, Quyết định số 789/QĐ-TĐHHT ngày 30/10/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHHT "Quy định về việc thực hiện quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" [H4.4.2.07]. Trong đó quy định điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích luỹ được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích luỹ để xét thôi học, xếp loại học lực SV và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Trong thời gian học, người học phải tích lũy đủ số học phần bắt buộc và tự chọn của từng CTĐT đã được sắp xếp theo trình tự từng học kỳ của khóa học [H4.4.2.08]. Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường cho SV đăng ký học các học phần bằng hình thức trực tuyến hoặc bằng giấy để thuận tiện trong việc tích lũy kết quả học tập [H4.4.2.09], trên cơ sở các học phần dự kiến giảng dạy và danh sách SV đăng ký để tổ chức dạy học theo lớp học phần [H4.4.2.10], [H4.4.2.11], [H4.4.2.12]. Nhà trường tổ chức kỳ thi chính vào cuối mỗi học kỳ và một kỳ thi phụ theo quy định về tổ chức thi [H4.4.2.13], [H4.4.2.14]. Nếu chưa hoàn thành các học phần ở học kỳ chính, SV có thể đăng ký tham gia học lại ở học kỳ phụ (gọi là học kỳ hè) hoặc có

thể chọn lớp đăng ký học để hoàn thành chương trình [H4.4.2.15]. Như vậy, có thể thấy, Nhà trường đã thực hiện chuyển đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ một cách linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Sau khi hoàn thành chương trình học và đạt các chuẩn đầu ra (Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm) người học sẽ được xét công nhận tốt nghiệp [H4.4.2.16]. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của các trưởng khoa, đại diện các đơn vị liên quan [H4.4.2.17]. Quy trình này được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường [H4.4.2.06], [H4.4.2.07].

Để đánh giá hiệu quả của quá trình triển khai chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ sau nửa chu kỳ và sau một chu kỳ thực hiện, Nhà trường đã tổ chức các Hội thảo "Dạy và học theo học chế tín chỉ" vào tháng 5 năm 2013, Hội thảo "Đánh giá CTĐT theo học chế tín chỉ" [H4.4.2.18], [H4.4.2.19]. Đồng thời, Trường cũng đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học, qua số liệu tổng hợp cho thấy SV hài lòng về tính mềm dẻo, linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi cho người học của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [H4.4.2.20]. Bên cạnh đó, vào cuối mỗi khoá học, Nhà trường triển khai lấy ý kiến người học về chất lượng đào tạo, trong đó hầu hết SV đều đánh giá tốt về công tác tổ chức quản lý đào tạo [H4.4.2.21].

Hiện nay, Nhà trường đang sử dụng phần mềm Edusoft phục vụ cho công tác tổ chức đào tạo, quản lý và lưu trữ kết quả học tập của người học một cách khoa học, công khai và hợp lý, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, kiểm tra thông tin của người học [H4.4.2.22].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đúng quy định việc tích lũy kết quả học tập của người học theo học chế tín chỉ một cách linh hoạt, tạo thuận lợi cho người học ở tất cả các hệ đào tạo.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác tổ chức quản lý đào tạo của nhà trường mới chỉ thực hiện đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường giao Phòng ĐBCL chủ trì, phối hợp với Trung tâm CNTT và các khoa chuyên môn triển khai khảo sát tất cả SV đang học tại trường về công tác tổ chức, quản lý đào tạo vào cuối mỗi năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng việc đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, thông qua các kênh: Tổ chức dự giờ và đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra hồ sơ chuyên môn khảo sát ý kiến người học, giám sát hoạt động giảng dạy của GV, đánh giá thông qua các công cụ tổng hợp và thống kê.

Hoạt động dự giờ của GV được các khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, sau mỗi đợt thao giảng dự giờ, các đơn vị tổng kết rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H4.4.3.01], [H4.4.3.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên tiến hành kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV nhằm đánh giá công tác chuẩn bị và thực hiện các hoạt động chuyên môn làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV trong năm học [H4.4.3.03].

Từ năm học 2011-2012, Nhà trường triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV do Phòng KT&ĐBCL (nay là Phòng ĐBCL) thực hiện [H4.4.3.04], [H4.4.3.05]. Nhà trường đã sử dụng phần mềm McEVAL hỗ trợ hoạt động khảo sát SV, được tích hợp vào phần mềm quản lý đào tạo Edusoft [H4.4.3.06]. SV tiến hành cho ý kiến đánh giá trước khi xem kết quả

học tập của học phần, nhờ vậy 100% SV đã cho ý kiến đánh giá về công tác giảng dạy của GV. Mức độ hài lòng của người học đối với công tác giảng dạy của GV tại Nhà trường luôn duy trì ở mức cao [H4.4.3.07]. Kết quả khảo sát được tổng hợp trực tiếp trên hệ thống là cơ sở để các đơn vị, GV rút kinh nghiệm và đưa ra phương án cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy [H4.4.3.08]. Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy,... của đội ngũ GV. Tuy nhiên, một số thông tin phản hồi chưa đạt độ tin cậy như mong muốn.

Nhà trường giao Phòng Đào tạo kiểm tra giờ lên lớp cũng như lịch trình giảng dạy của GV bằng hệ thống camera phòng học lý thuyết hoặc đi kiểm tra trực tiếp trên lớp [H4.4.3.09], [H4.4.3.10]. Kết quả kiểm tra hàng tháng được công khai tại cuộc họp giao ban để lãnh đạo các Khoa nắm bắt được tình hình giảng dạy của GV, từ đó có những góp ý và điều chỉnh thích hợp [H4.4.3.11].

Việc triển khai đồng bộ, đa dạng, hợp lý các hình thức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đã giúp cho việc thực hiện nề nếp của GV ngày càng tốt hơn qua từng năm. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV cũng cho thấy mức độ hài lòng của SV đều ổn định trong những năm qua [H4.4.3.07].

Tuy nhiên, việc tổ chức đánh giá thông qua dự giờ ở một số đơn vị chưa thực chất, nhận xét, đánh giá của đồng nghiệp còn chung chung, nể nang. Các kết quả tổng hợp, thống kê chưa được khai thác hiệu quả. Chưa có hình thức, công cụ hỗ trợ việc theo dõi việc cải tiến của GV sau quá trình đánh giá.

Nhà trường cũng thường xuyên đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng GV định kỳ hàng tháng, kết quả bình xét làm cơ sở để Nhà trường chi trả lương tăng thêm hàng tháng [H4.4.3.12].

Để tăng cường và thúc đẩy các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng công việc cũng như các hoạt động giảng dạy của GV, hàng năm Nhà trường và Công đoàn trường phát động các đợt thi đua để GV đăng ký lập thành tích hưởng ứng phong trào. Kết thúc mỗi đợt thi đua, mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng

Nhà trường tiến hành họp bình xét danh hiệu thi đua và công bố đến toàn thể GV [H4.4.3.13].

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học được Nhà trường và các Khoa chú trọng thực hiện, trang thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại được tăng cường. Kết quả khảo sát ý kiến SV trong toàn trường về hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy của GV cho thấy 95% người học đồng ý rằng GV đã có cải tiến phương pháp giảng dạy và 91% đồng ý rằng GV có đổi mới đánh giá kết quả học tập của người học [H4.4.3.07].

Trong những năm qua, Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hội thảo khoa học với trên 300 lượt (100%) cán bộ, GV tham dự như: Hội thảo khoa học "Dạy - học theo học chế tín chỉ" vào tháng 3/2010, Hội thảo khoa học "Dạy và học theo học chế tín chỉ" vào tháng 5/2013,...nhằm mục đích đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực người học [H4.4.3.14].

Bên cạnh đó, Nhà trường còn cử GV tham gia các khóa đào tạo/bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá theo năng lực,... [H4.4.3.15].

Đổi mới và đa dạng phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của người học là nội dung được Nhà trường quan tâm thực hiện. Kết quả học tập của SV được đánh giá theo quá trình bao gồm điểm đánh giá bộ phận do GV trực tiếp đánh giá và điểm thi kết thúc học phần được tổ chức thi tập trung vào cuối học kỳ. Việc đánh giá điểm bộ phận đa dạng với các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng học phần, bên cạnh việc tổ chức thi viết giữa kỳ truyền thống, rất nhiều học phần sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành trên máy,…. Đối với đánh giá cuối kỳ, các hình thức đánh giá nhằm theo hướng phát triển năng lực của người học đã được lựa chọn và sử dụng đa dạng. Các hình thức thi cũng đã được đa dạng hoá để phù hợp với đặc thù riêng và tình hình thực tế của từng học phần như: thi viết (tự luận, trắc nghiệm), thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy tính, thi thực hành, làm bài tập lớn, tiểu luận,... [H4.4.3.16].

Nhiều SVkhá, giỏi được GV, khoa, bộ môn chọn làm khóa luận tốt nghiệp [H4.4.3.17]. Bên cạnh đó, SV còn được đánh giá thông qua tham gia các chương trình thực tế, hoạt động ngoại khóa [H4.4.3.18]. Với việc áp dụng các hình thức đánh giá đòi hỏi sự nỗ lực trong tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo đã giúp đánh giá tốt hơn năng lực của người học.

2. Điểm mạnh

Các bộ môn, các khoa đã chủ động trong việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học một cách linh hoạt, phù hợp với đặc thù của từng học phần mang lại hiệu quả và được đông đảo người học đánh giá cao.

Đã xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của GV định kỳ hằng năm, trong đó có khảo sát ý kiến của người học.

3. Tồn tại

Một số GV còn thụ động trong việc ứng dụng CNTT trong đào tạo trực tuyến vào triển khai giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường giao Phòng Đào tạo phối hợp với Trung Tâm CNTT triển khai tổ chức các CTĐT, bồi dưỡng cho GV ứng dụng CNTT trong việc sử dụng kết hợp bài giảng truyền thống với bài giảng trực tuyến phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá người học liên tục trong quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích luỹ của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học. Việc đánh giá mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kĩ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề được thể hiện ngay trong đề cương chi tiết các môn học (mục tiêu môn học, yêu cầu về kiến thức, về kỹ năng, thái độ), 100% học phần/môn học có đề cương quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, bảo đảm tính đa dạng trong đánh giá [H4.4.4.01]; thể hiện trong việc bổ sung, chỉnh sửa chương trình khung, đề cương chi tiết các học phần của các bộ môn [H4.4.4.02].

Dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành các quy định và quy trình trong việc tổ chức thi kết thúc học phần theo các hình thức khác nhau nhằm đảm bảo việc tổ chức thi thống nhất, đúng quy trình, nghiêm túc, khách quan và chính xác [H4.4.4.03], [H4.4.4.04]. Các khoa/bộ môn đã tổ chức phổ biến, thảo luận để các GV hiểu một cách cụ thể, rõ ràng về các quy định, quy trình tổ chức kiểm tra đánh giá, đặc biệt là hướng dẫn kiểm tra, đánh giá, cho điểm [H4.4.4.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn các khoa/bộ môn xây dựng, bổ sung đề cho ngân hàng đề thi, đảm bảo các câu hỏi phủ hết chương trình, không trùng lặp nội dung hoặc cùng thuộc một phần trong chương trình của học phần [H4.4.4.06], [H4.4.4.07]. Việc tổ chức chấm thi, vào điểm thi và lưu trữ hồ sơ kết quả học tập cũng được quy định chặt chẽ [H4.4.4.08]. Nội dung đề thi, kiểm tra đánh giá chú trọng đến khả năng tư duy, sáng tạo, thể hiện năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo [H4.4.4.09], [H4.4.4.10]. Trong các kỳ thi kết thúc học phần, đề thi được tổ hợp hoặc bốc thăm ngẫu nhiên để đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Tất cả các quy định này đều được áp dụng đồng nhất cho các hệ đào tạo/các hình thức đào tạo của nhà trường.

Về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học theo quá trình học tập (đánh giá ban đầu, trong

quá trình và cuối khóa học/chương trình học). Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện đánh giá học phần không phải chỉ căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần (đánh giá tổng kết) mà còn kết hợp với điểm đánh giá của GV trong quá trình giảng dạy (điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần; điểm nhận thức, thái độ học tập; điểm thi giữa học phần;...), đảm bảo tỉ trọng điểm đúng theo quy định. Quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, cải tiến [H4.4.4.03], [H4.4.4.011]. Các hình thức thi, kiểm tra cũng được đa dạng hoá để phù hợp với đặc thù của từng môn học: tự luận, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H4.4.4.12] [H4.4.4.13], [H4.4.4.14], [H4.4.4.15], [H4.4.4.16]. Nhiều SV khá, giỏi được chọn làm tiểu luận khoa học thay cho thi kết thúc học phần. Tất cả những điều đó nhằm đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng và năng lực phát hiện giải quyết vấn đề ở người học.

Các kì thi được tổ chức nghiêm túc, công bằng, khách quan theo đúng quy trình: thành lập Hội đồng thi; ban đề thi; ban chấm thi [H4.4.4.17]. Công tác coi thi, chấm thi và xử lý kết quả thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất, chính xác, khách quan, đúng quy định và được thông báo công khai [H4.4.4.18], [H4.4.4.19], [H4.4.4.20]. Ngoài ra, quy trình thi và xét tốt nghiệp của Trường cũng được thực hiện nghiêm túc thông qua Hội đồng thi và Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp [H4.4.4.21], [H4.4.4.22]. Người học được xét công nhận tốt nghiệp dựa trên cơ sở kết quả điểm tích lũy toàn khóa, có đủ chứng chỉ Giáo dục thể chất, chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và các chuẩn đầu ra (Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm) đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, đúng quy chế [H4.4.4.23], [H4.4.4.24].

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức họp tổng kết công tác đào tạo, trong đó việc đánh giá công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường là một nội dung quan trọng [H4.4.4.25]. Việc đánh giá dựa trên kết quả ý kiến phản hồi của người học và báo cáo công tác thanh tra [H4.4.4.26],

[H4.4.4.27]. Trong quá trình lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, các tiêu chí đưa ra đánh giá đều chú trọng đến việc GV sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, đáp ứng mục tiêu của học phần, việc đánh giá được thực hiện một cách chính xác, công bằng và khách quan [H4.4.4.28]. Trên 90% số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố (mức điểm đánh giá dao động từ 3,69 đến 3,98/4) [H4.4.4.26]. Từ 2012 - 2017, ở Trường ĐHHT chưa từng có trường hợp SV xin phúc tra kết quả học tập, các ý kiến phản hồi hoặc đơn thư khiếu nại từ phía SV liên quan đến kết quả học tập được Nhà trường giải quyết thông qua các đơn vị chức năng một cách kịp thời, thỏa đáng [H4.4.4.29].

2. Điểm mạnh

Các quy trình, quy định về kiểm tra đánh giá đã được Nhà trường cụ thể hóa bằng các văn bản đúng theo quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo lợi ích và động viên tinh thần học tập của người học. Các văn bản này đều được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá. Công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học; đánh giá được mức độ tích luỹ của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

3. Tồn tại

Số lượng câu hỏi trắc nghiệm trong các ngân hàng đề thi đã đáp ứng yêu cầu theo quy chế của Bộ GD&ĐT, tuy nhiên chưa nhiều, cần bổ sung thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng Đào tạo, Phòng ĐBCL, các khoa, bộ môn trực thuộc triển khai xây dựng ngân hàng đề thi ngày một phong phú hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Tại Trường ĐHHT, kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Các hoạt động này đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại Quy định về việc thực hiện quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ CQ theo hệ thống tín chỉ [H4.4.5.01], Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần [H4.4.5.02] và Quy định về việc chấm thi, vào điểm và lưu trữ kết quả học tập [H4.4.5.03]. Trong đó quy định cụ thể thời gian chấm thi kết thúc học phần, thời gian thông báo kết quả học tập của người học (10 ngày sau khi kết thúc đợt thi kết thúc học phần), quy định lưu trữ và quản lý kết quả thi. Khi có kết quả thi, Phòng Đào tạo kịp thời thông báo kết quả đến người học. SV có thể tra cứu điểm môn học thông qua tài khoản cá nhân trên cổng thông tin của Trường nên rất thuận lợi [H4.4.5.04]. Vào cuối mỗi học kỳ, cuối năm học, Nhà trường in bảng điểm tổng hợp các học phần và thông báo công khai cho người học thông qua trợ lý giáo vụ và tại văn phòng các khoa. Kết quả thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm: bảng điểm, bài thi) được lưu trữ (dưới dạng văn bản, tệp tin điện tử) theo quy định về lưu trữ văn bản. Khi khoá học kết thúc, toàn bộ kết quả học tập của người học được in và lưu trữ lâu dài cùng với bảng điểm gốc và lưu trong máy tính [H4.4.5.05], [H4.4.5.06]. Các thắc mắc của người học về kết quả thi đều được giải đáp thông qua Phòng KT&ĐBCL (từ 01/3/2017 được giải quyết tại Phòng Đào tạo), quy trình giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của Nhà trường [H4.4.5.01]. Kết quả học tập của người học được quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ, chính xác bằng hệ thống sổ sách ở các khoa/bộ môn, Phòng Đào tạo, Trung tâm GDTX và bằng máy tính nên thuận tiện cho việc kiểm tra, tìm kiếm và báo cáo [H4.4.5.07]. Hệ thống máy tính được cập nhật chương trình chống virus thường xuyên. Dữ liệu được đưa lên hệ thống website của Nhà trường và lưu trữ bằng bản in, bằng các ổ đĩa cứng

trên máy tính và đĩa CD. Phần mềm chuyên dụng quản lý đào tạo EDUSOFT được bảo dưỡng theo định kỳ giúp giảm thiểu các sự cố hệ thống và vận hành, khai thác hiệu quả hơn.

Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định, các thông tin về người học tốt nghiệp được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và thông báo về các khoa chủ quản [H4.4.5.08], [H4.4.5.09]. Quy trình làm bằng tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ; hệ thống sổ cấp phát bằng tốt nghiệp, cấp chứng chỉ rõ ràng, được lưu giữ theo từng khoá tốt nghiệp theo đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Bộ GD&ĐT với các thông tin: họ tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, dân tộc, quốc tịch, ngành học, khóa học, hệ đào tạo, năm tốt nghiệp, mã số bằng, ngày cấp, ngày nhận, ký nhận,... [H4.4.5.10], [H4.4.5.11], [H4.4.5.12]. Người học tốt nghiệp khi nhận bằng phải trình giấy chứng minh nhân dân và thẻ SV, trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, có bản sao giấy chứng minh nhân dân của người ủy quyền và người được ủy quyền [H4.4.5.10].

Đối với những văn bằng, chứng chỉ bị sai sót, bị lỗi, Nhà trường căn cứ vào Nghị định số 75/2006/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục ngày 02 tháng 08 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT về ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ngày 20 tháng 06 năm 2007 của Bộ GD&ĐT; Điều lệ Trường ĐH ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ để tiến hành xử lý theo quy trình: Phòng Đào tạo tham mưu BGH ra Quyết định thành lập Hội đồng, tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng hủy bỏ văn bằng chứng chỉ; Các thành viên tổ giúp việc thống kê kiểm tra lại các phôi, văn bằng chứng chỉ hỏng lập danh sách có "thứ tự, số hiệu, loại phôi văn bằng, lý do hỏng, trình trạng, ghi chú" báo cáo cho Hội đồng hủy văn bằng, chứng chỉ; Hội đồng căn cứ vào tình hình thực tế, tiến hành ra Quyết định hủy bỏ số phôi văn bằng, chứng chỉ hỏng theo báo cáo của tổ giúp việc bằng cách cắt bỏ và tiêu

hủy, tiến hành lập báo cáo gửi Bộ GD&ĐT. Trong 5 năm qua, Trường đã tiến hành thủ tục hủy văn bằng 1 lần vào năm 2016 với số lượng văn bằng chứng chỉ đã hủy: Bằng ĐH: 37; Bằng CĐ: 21; Bằng Trung cấp: 19; Chứng chỉ (Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và Tiếng Việt): 25 [H4.4.5.13], [H4.4.5.14], [H4.4.5.15], [H4.4.5.16].

Nhà trường thực hiện việc cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp, cấp bảng điểm toàn khóa [H4.4.5.17]. Các trường hợp người học có sai sót hoặc thắc mắc về điểm thi, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp được giải quyết thỏa đáng, nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện. Không có trường hợp thất lạc văn bằng trong quá trình cấp phát văn bằng hằng năm. Dữ liệu về người học tốt nghiệp được đối chiếu trước khi làm thủ tục hồ sơ thi và xét tốt nghiệp nên có rất ít trường hợp in sai về thông tin của người tốt nghiệp [H4.4.5.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống hồ sơ quản lý kết quả học tập của người học song song với hệ thống máy tính đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo an toàn. Phần mềm chuyên dụng quản lý đào tạo được trang bị đã giúp cho việc quản lý và chiết xuất dữ liệu thuận lợi, nhanh chóng, tạo điều kiện cho việc quản lý dễ dàng, nhanh gọn, hiệu quả.

Hệ thống văn bằng, chứng chỉ được cấp phát và lưu trữ theo đúng quy chế, quy định; thuận tiện trong việc tra cứu, xác minh.

3. Tồn tại

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập tra cứu điểm cũng như các thông tin khác liên quan trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Trung tâm CNTT tiến hành nâng cấp đường truyền internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Vì vậy, CSDL về hoạt động đào tạo của Nhà trường được lưu trữ có hệ thống và cập nhật thường xuyên, đảm bảo đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý cũng như nhu cầu học tập của người học. CSDL về hoạt động đào tạo của Nhà trường có đầy đủ thông tin về công tác tuyển sinh, điểm trúng tuyển và danh sách trúng tuyển [H4.4.6.01]; danh sách SV nhập học, danh sách SV theo lớp môn học [H4.4.6.02], [H4.4.6.03]. Hồ sơ triển khai công tác đào tạo từ CTĐT, CTCT học phần, kế hoạch đào tạo toàn khoá, năm học, thời khoá biểu các lớp đến các điều kiện ĐBCL về GV, học liệu qua các năm đều được các đơn vị xây dựng và lưu trữ [H4.4.6.04], [H4.4.6.05], [H4.4.6.06], [H4.4.6.07], [H4.4.6.08]. Kết quả đào tạo của người học cũng được đảm bảo lưu trữ đầy đủ thông tin từ điểm học tập, kết quả điểm tốt nghiệp; quyết định và danh sách tốt nghiệp [H4.4.6.09], [H4.4.6.10], [H4.4.6.11] Tất cả những thông tin này đều được lưu giữ bằng bản in tại các bộ phận chuyên trách và file điện tử trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H4.4.6.12].

Nhà trường giao cho Trung tâm DVHTSV làm đơn vị chuyên trách thực hiện thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin về tình hình việc làm sau tốt nghiệp của người học. Đồng thời, đơn vị này là cầu nối giữa nhà trường với các cơ sở tuyển dụng, tìm kiếm việc làm cho người học cũng như nắm bắt tình hình của người học sau khi tốt nghiệp; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyển dụng đối với người học tốt nghiệp [H4.4.6.13]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp để xây dựng CSDL về tình hình việc làm và thu nhập của người học tốt nghiệp (bao gồm: thông tin cá nhân, tình hình việc làm, thu nhập) [H4.4.6.14], [H4.4.6.15]. Việc thu thập thông tin được các khoa triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, tuỳ thuộc vào điều kiện cụ thể

của từng đối tượng SV. Kết quả điều tra được các khoa tổng hợp, phân tích theo từng CTĐT cụ thể [H4.4.6.16]. Trung tâm DVHTSV có nhiệm vụ lưu trữ CSDL về tình hình việc làm và thu nhập của cựu SV trong toàn trường [H4.4.6.17], [H4.4.6.18]. Số liệu cụ thể được trình bày trong Bảng 4.1:

Bảng 4.1: Thống kê về khảo sát việc làm của người học sau năm đầu tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	Số Sinh viên tốt nghiệp (1)	Số người sinh viên có phản hồi (2)	Tỉ lệ SV có phản hồi(%)	Tỉ lệ có việc làm (Số sinh viên có việc làm/ Số SV có phản hồi)	Tỉ lệ % chưa có việc làm	Thu nhập bình quân (triệu đồng)
2013	2163	1131	52,29	63,57	36,43	3,2
2014	2006	1109	55,16	57,08	42,93	3,2
2015	1041	736	70,70	54,08	33,2	3,2
2016	597	325	54,44	79,69	20,31	3,2
2017	1098	499	45,45	71,94	18,06	3,2

2. Điểm mạnh

Hệ thống CSDL của các hoạt động đào tạo đầy đủ; thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động đào tạo được thực hiện trên sổ sách và phần mềm quản lý đào tạo EDUSOFT. Phần mềm máy tính thuận tiện cho công tác tra cứu và xử lý các số liệu thống kê khi cần thiết, đáp ứng kịp thời công tác quản lý và nhu cầu người học.

Có đơn vị chuyên trách về hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, đã triển khai thu thập thông tin về tình hình việc làm, thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp và xây dựng CSDL về các thông tin này.

3. Tồn tại

Việc thu thập thông tin về việc làm và thu nhập của SV Lào sau khi tốt nghiệp chưa được đầy đủ do khó khăn về khoảng cách địa lý và ngôn ngữ của nhà tuyển dụng nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường chỉ đạo Trung tâm DVHTSV chủ trì, phối hợp với Phòng QHĐN&TT liên hệ với Đại sứ quán Lào đề nghị hợp tác thu thập thông tin từ các nhà tuyển dụng ở nước sở tại.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo của Trường ĐHHT. Chính vì thế, việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng lao động và cựu SV về chất lượng đào tạo của nhà trường đã được chú trọng thực hiện [H4.4.7.01], [H4.4.7.02]. Từ năm 2016, Trung tâm DVHTSV được giao làm cầu nối giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động để khảo sát đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp [H4.4.7.03]. Nhà trường đã xây dựng phiếu khảo sát nhà tuyển dụng lao động về CTĐT và chất lượng SV tốt nghiệp, phiếu khảo sát cựu SV về tình hình việc làm, thu nhập và CTĐT [H4.4.7.04], [H4.4.7.05]. Kết quả khảo sát cho thấy có 82,78% đơn vị sử dụng lao động đánh giá người học tốt nghiệp từ mức đáp ứng công việc cho đến hoàn toàn đáp ứng; nhìn chung các đơn vị sử dụng lao động đánh giá SV tốt nghiệp của Trường đáp ứng khá tốt về kiến thức (trên 65%), kỹ năng (trên 75,8%) và người học tốt nghiệp được đánh giá cao về thái độ [H4.4.7.06]. Đối tượng cựu SV cũng đánh giá cao về chất lượng đào tạo của Nhà trường, có trên 95% số SV được điều tra trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp [H4.4.7.07]. Số liệu cụ thể được trình bày trong Bảng 4.2 và Bảng 4.3:

Bảng 4.2: Thống kê khảo sát cựu người học về hoạt động đào tạo

Năm	Số SV tốt nghiệp	Thời điểm khảo sát	Số người được khảo sát	Số người trả lời
2013	2163	T11,12	1131	1131
2014	2006	T11,12	1109	1109
2015	1041	T11,12	736	736
2016	597	T11,12	325	325
2017	1098	T11,12	499	499

Bảng 4.3: Thống kê khảo sát nhà sử dụng lao động về SV tốt nghiệp

Năm	Số SV tốt nghiệp	Số người được khảo sát	Số người trả lời
2016	597	166	166
2017	1098	184	184

Từ năm 2014, Nhà trường đã tiến hành khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo của khóa học đối với HSSV chuẩn bị tốt nghiệp (SV tốt nghiệp ở tất cả các ngành được lấy ý kiến phản hồi) nhằm góp phần đánh giá một cách khách quan, chính xác chất lượng đào tạo [H4.4.7.08]. Năm 2014, khảo sát 707/1308 (54,05%) người học tốt nghiệp; năm 2015 khảo sát 834/1017 (82%) người học tốt nghiệp, năm 2016 khảo sát 43/62 (69,3%) người học tốt nghiệp ở 1 lớp đào tạo. Kết quả phân tích cho thấy người học đánh giá cao chất lượng đào tạo khóa học của Nhà trường. Phần lớn người học cho rằng, khóa học đã cung cấp cho họ những kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết và sự tự tin về nghề nghiệp, có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của xã hội đối với ngành đào tạo. Đồng thời, kết quả khảo sát cũng cho thấy có những điểm Nhà trường cần tiếp tục cải thiện để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ, cung cấp cho người học những khóa học có chất lượng hơn [H4.4.7.09].

Dựa trên các thông tin phản hồi của nhà tuyển dụng lao động, người học chuẩn bị tốt nghiệp/cựu người học, Nhà trường có kế hoạch thực hiện điều chỉnh

hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội [H4.4.7.10]. Việc điều chỉnh tập trung vào các vấn đề chính như CTĐT của các ngành, kế hoạch giảng dạy, kế hoạch rèn nghề, kế hoạch thực tập,... Trên cơ sở kế hoạch điều chỉnh đó, Nhà trường đã mở mới các CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội [H4.4.7.11], tiến hành cải tiến CTĐT sau một chu kỳ đào tạo theo học chế tín chỉ vào năm 2015 [H4.4.7.12]. Dựa vào CTĐT sau cải tiến, Nhà trường điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp trong tình hình mới. Đến năm 2016, căn cứ thực tế nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực của địa phương và xã hội, Nhà trường đã tiến hành cải tiến CTĐT theo định hướng CDIO [H4.4.7.13]. Với phương châm gắn nhà trường với doanh nghiệp, gắn SV với cơ hội việc làm. Hoạt động đào tạo của Nhà trường cũng đã có sự điều chỉnh tương ứng. Năm 2016, Nhà trường đã đưa 34 SV ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sang thực tập 3 tháng tại Trường ĐH Nakhon Phanom (Thái Lan) [H4.4.7.14], đưa gần 16 SV sang thực tập 1 năm có trả lương tại Israel [H4.4.7.15]. Năm học 2017-2018, Nhà trường dự kiến đưa 60 SV sang thực tập 1 năm có trả lương tại Đài Loan (đợt 1 đã có 09 em sang thực tập) [H4.4.7.16]. Kết quả những thay đổi, điều chỉnh trong hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu xã hội được thể hiện trong báo cáo tổng hợp đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo hằng năm của nhà trường [H4.4.7.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch khảo sát và có báo cáo đánh giá chất lượng đào tạo của khóa học đối với người học tốt nghiệp.

Quan tâm lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo của Nhà trường để phù hợp hơn với yêu cầu xã hội thông qua đơn vị chuyên trách.

Ý kiến phản hồi của người học chuẩn bị tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động đã được xem xét để điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại

Việc thu thập thông tin của các đơn vị sử dụng lao động là SV tốt nghiệp của Nhà trường tại Lào chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Trung tâm DVHTSV phối hợp với Phòng QHĐN&TT đề xuất Đại sứ quán Lào tại Việt Nam hỗ trợ thu thập thông tin từ các đơn vị sử dụng lao động tại Lào.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Sự đa dạng hóa về CTĐT là một trong những điểm mạnh của Nhà trường, trong đó có sự đa dạng về ngành học đối với đào tạo ĐH chính quy; sự đa dạng về hình thức đào tạo liên thông. CTĐT của Nhà trường có thể đáp ứng một cách linh hoạt với các nhu cầu học tập khác nhau của người học: Học theo hình thức chính quy, liên thông chính quy; VLVH, liên thông VLVH; liên kết đào tạo ĐH, cao học với các trường ĐH khác. Bên cạnh đó, việc chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm học 2010-2011 đến nay đã tương đối ổn định và có tính hệ thống. Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng theo hướng tích luỹ kết quả học tập theo từng học phần đáp ứng lợi ích người học. Đổi mới/cải tiến CTĐT được đặt ra là một nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường nhằm thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Nhà trường cũng đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp và kỹ năng hướng dẫn thực hành/thí nghiệm cho các GV của Trường nhằm giúp cho GV tiếp cận và đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp và kỹ năng hướng dẫn thực hành/thí nghiệm, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm. Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng thông qua các quy định chặt chẽ và đầy đủ.

Hệ thống lưu giữ và quản lý kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ đã được cải tiến với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người học, người học tốt nghiệp và phụ huynh.

Trong thời gian tới, Nhà trường cần hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà tuyển dụng lao động, làm cơ sở cho việc hoàn thiện các CTĐT, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như chất lượng giáo dục nói chung của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

Tự đánh giá: Đạt 7/7 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ, GV, NV là nguồn lực quyết định của Nhà trường trong các hoạt động. Vì vậy, việc ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường củng cố đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng quy mô của nhà trường.

Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBQL, GV và NV. Quá trình tuyển dụng CB, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ CB, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Trường có chính sách hỗ trợ, động viên CB, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ CBQL của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV ở các Khoa, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lí, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đảm nhận. Đội ngũ GV hiện đang được trẻ hóa, GV được tuyển mới hầu hết có trình độ ThS, TS, số GV có trình độ từ ThS trở lên trên tổng số GV đạt tỷ lệ cao. Đội ngũ KTV, NV chủ yếu có trình độ ĐH các ngành phù hợp, có nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ: CBQL, GV, NV và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi đề xuất, kiến nghị chính đáng được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ GV ở một số bộ môn còn chưa phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Nhà trường; số cán bộ có uy tín cao về chuyên môn chưa nhiều; số GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ còn ít.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng,

nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Trường ĐHHT xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV và NV, qui hoạch bổ nhiệm CBQL là nhiệm vụ quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường đã có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và NV; quy hoạch bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường ĐH; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

Đối với công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và NV, Đảng uỷ đã ban hành Nghị quyết nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường [H5.5.1.01]. Trên cơ sở Nghị quyết nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, Trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H5.5.1.02]. Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ xác định mục tiêu tổng quát "đến năm 2020 xây dựng được đội ngũ có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức tốt, đủ về số lượng, đạt và trên chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, cân đối về ngành nghề đào tạo; đến năm 2030 có đủ đội ngũ đáp ứng yêu cầu chuyển từ đào tạo theo hướng thực hành, ứng dụng sang đào tạo theo định hướng vừa ứng dụng, vừa nghiên cứu". Nhà trường cũng đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhằm khuyến khích, động viên CB học tập nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ ngày càng tốt hơn trong công tác [H5.5.1.03]. Trong 5 năm qua, Trường đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, KTV và NV của Nhà trường như: lên kết với trường ĐH Vinh tổ chức lớp bồi dưỡng chương trình nghiệp vụ sư phạm cho 62 cán bộ, giảng viên [H5.5.1.04], liên kết với Trường ĐH Sư phạm Hà Nội tổ chức lớp bồi dưỡng chương trình nghiệp vụ sư phạm cho 158 CB, GV [H5.5.1.05], tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ

khung năng lực 6 bậc cho 179 CB, GV, NV [H5.5.1.06]; mở 03 khóa bồi dưỡng tiếng Lào, tiếng Trung cơ bản [H5.5.1.07], mở 01 khóa bồi dưỡng kỹ năng tin học cơ bản cho CB, GV, NV [H5.5.1.08]. Trường cử nhiều lượt cán bộ, GV, KTV và NV đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ như: tham gia khóa học của Đề án "Đào tạo kiến thức hội nhập cho CB, công chức, viên chức thế hệ trẻ Hà Tĩnh", tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN, ANQP, LLCT,…. [H5.5.1.09]. Giai đoạn 2012-2017, Trường cử 70 CB, GV, NV đi học ThS, 40 cán bộ, GV đi nghiên cứu sinh [H5.5.1.10]. Cho đến nay trường có 183 người có trình độ ThS (tăng 86,7% so với năm 2012), 27 người có trình độ TS (tăng 350 % so với năm 2012).

Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó để thực hiện tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ và quy hoạch, bổ nhiệm CBQL [H5.5.1.11].

Đối với công tác tuyển dụng, Trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và Quy chế tuyển dụng GV hợp đồng [H5.5.1.12]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ CB, công chức, viên chức. Trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị trực thuộc, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV, NV [H5.5.1.13]. Kế hoạch tuyển dụng, danh sách ứng viên dự tuyển, Quyết định trúng tuyển được công bố công khai trên trang website của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H5.5.1.14]. Trong giai đoạn từ 2012-2017, Trường đã tiếp nhận và tuyển dụng mới 54 viên chức, 32 hợp đồng, trong đó GV chiếm 75,6%. Các GV biên chế được tiếp nhận, tuyển dụng theo chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Hà Tĩnh chiếm 50% . Trong số GV được tiếp nhận, tuyển dụng có 01 PGS, 04 TS, 02 NCS, 22 ThS. Việc tiếp nhận và tuyển dụng vừa đảm bảo về chất lượng, vừa đảm bảo thay thế đội ngũ cán bộ, GV, NV nghỉ hưu, chuyển công tác, đồng thời đáp ứng được nhu cầu về nhân lực của Nhà trường [H5.5.1.15], [H5.5.1.16].

Việc quy hoạch cán bộ được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả các cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2025

[H5.5.1.17]. Để lựa chọn CBQL nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Nhà trường đã ban hành tiêu chuẩn cán bộ các vị trí quản lý nhằm bổ nhiệm CBQL phù hợp với các vị trí công việc [H5.5.1.18]. Giai đoạn 2012-2017, Trường đã quy hoạch được 64 chức danh quản lý với 226 lượt người [H5.5.1.19]. Trong số quy hoạch có 69 người được bổ nhiệm, chiếm 30,5.% trong số lượt người được quy hoạch [H5.5.1.20].

Nhờ làm tốt công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm CBQL, Nhà trường có được đội ngũ CB, GV, NV, CBQL đáp ứng ngày càng tốt hơn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí công tác góp phần thúc đẩy sự phát triển của Trường.

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch chiến lược tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và NV; Có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, công bố công khai, rộng rãi; Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ công khai minh bạch; Có các giải pháp thực hiện kế hoạch một cách nghiêm túc.

3. Tồn tại

Chưa tuyển dụng được nhiều GV có trình độ TS.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng TCHC phối hợp Phòng KHTC tham mưu Hiệu trưởng trình UBND Tỉnh ban hành chính sách đặc thù để tiếp tục thu hút cán bộ có trình độ TS trở lên về Trường công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng đảm bảo quyền dân chủ của CBQL, GV, NV đối với mọi hoạt động của Trường thông qua việc ban hành Quy chế dân chủ trên cơ sở cụ thể hóa quy định thực hiện dân chủ của Nhà nước

[H5.5.2.01], [H5.5.2.02]. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban. Ban chỉ đạo đã ban hành kế hoạch thực hiện, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường [H5.5.2.03], [H5.5.2.04]. Hằng năm, để đánh giá hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ, Ban chỉ đạo đã tham mưu cho Nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ đối với toàn thể CBQL, GV, NV của Trường [H5.5.2.05]. Quyền dân chủ của CB,GV, NV được đảm bảo thông qua việc tiếp nhận và giải quyết những kiến nghị, phản ánh liên quan đến hoạt động của Trường theo các quy định hiện hành [H5.5.2.06]. Đồng thời, Nhà trường đã có cơ chế giám sát đối với quyền dân chủ của CB, GV, NV thông qua các tổ chức như Ban thanh tra nhân dân, Ban Kiểm tra Công đoàn [H5.5.2.07], [H5.5.2.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thành lập các hội đồng như: Hội đồng KH&ĐT, hội đồng tuyển dụng, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tuyển sinh, Hội đồng lương...Các hội đồng này có sự tham gia đại diện của các đơn vị trong Nhà trường nhằm đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Trường [H5.5.2.09]. Việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của Trường; lập hòm thư góp ý ở tất cả các khu nhà làm việc, các giảng đường; số điện thoại đường dây nóng; hộp thư; mục tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh trên Website Trường nhằm tiếp nhận, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đảm bảo cho CBQL, GV, NV, SV phát huy quyền dân chủ đối với mọi hoạt động của Trường [H5.5.2.10]. Ngoài các hình thức trên, CBQL, GV, NV đã phát huy quyền dân chủ trực tiếp hoặc dân chủ đại diện của mình thông qua các hội nghị được Nhà trường tổ chức hằng năm như: Hội nghị tổng kết năm học; Hội nghị công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị và của Trường, các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV của từng đơn vị [H5.5.2.11]. Tại các hội nghị này, CB, GV, NV, SV đã được thảo luận, đóng góp ý kiến về tất cả các hoạt động của Nhà trường và những kiến nghị, thắc mắc của CB,

GV, NV, SV được Lãnh đạo Trường, Trưởng các đơn vị liên quan giải đáp công khai, thỏa đáng và hình thức này đã phát huy được hiệu quả cao trong việc đảm bảo quyền dân chủ trong trường học. Bên cạnh đó, quyền dân chủ còn được phát huy rộng rãi trong toàn thể CBQL, GV, NV thông qua việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về chiến lược phát triển, CTĐT, quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản tổ chức, quản lý (Quy định, Quy chế) của Nhà trường theo Quy chế dân chủ của [H5.5.2.12]. Từ kết quả đóng góp ý kiến, Nhà trường đã hoàn thiện, ban hành các văn bản để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành các hoạt động của Trường, thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở. Trong giai đoạn từ năm 2012-2017, Trường không xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo môi trường dân chủ để CB, GV NV và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

Tất cả các ý kiến phản hồi, góp ý hay kiến nghị được Lãnh đạo Trường và các đơn vị liên quan tiếp thu và giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Nhà trường đảm bảo và phát huy quyền dân chủ của CB, GV, NV, SV thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Một số CB, GV, NV chưa phát huy tối đa quyền dân chủ trực tiếp của mình trong các hoạt động của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo, Nhà trường giao cho Trưởng các đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích CB, GV, NV phát huy quyền dân chủ trực tiếp của mình tại các Hội nghị CBVC, các buổi tiếp công dân của lãnh đạo Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Để tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ CBQL, GV, NV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, Nhà trường đã quy định cụ thể, rõ ràng chế độ về thời gian, kinh phí tại Quy định về chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định quản lý, đào tạo bồi dưỡng của Trường [H5.5.3.01], [H5.5.3.02], [H5.5.3.03]. Quy định về chế độ làm việc đối với GV quy định quy đổi giờ chuẩn cho các GV khi đi ôn thi thạc sỹ, chuẩn bị các điều kiện để dự tuyển NCS, đi học ThS, đi làm NCS, đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... [H5.5.3.01]. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đã quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng như thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ công tác phí, cho CBGV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; CBQL, GV, NV đi đào tạo sau ĐH trong nước được hỗ trợ một khoản tiền khi ôn thi ThS, dự tuyển NCS, khi bảo vệ thành công luận văn ThS, luận án TS [H5.5.3.02]. Bên cạnh chính sách thể hiện trong văn bản của Trường ban hành, UBND Tỉnh Hà Tĩnh còn có các chính sách tạo điều kiện, khuyến khích tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước cho CBVC của Tỉnh nói chung và chính sách đặc thù đối với Trường ĐHHT nói riêng [H5.5.3.04], [H5.5.3.05]. Theo các chính sách này, tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ thêm 30 triệu đồng đối với người có bằng ThS, 70 triệu đồng đối với người có bằng TS, sau khi các CB, GV tốt nghiệp trở về Trường ĐHHT công tác. Riêng trường hợp đi đào tạo ThS, TS ở nước ngoài được hỗ trợ 60% mức lương theo ngạch, bậc. Đối với những người có trình độ cao được thu hút về làm việc tại Trường ĐHHT, ngoài việc hỗ trợ tiền, UBND tỉnh Hà Tĩnh còn có chính sách cấp đất ở [H5.5.3.04], [H5.5.3.05]. Đối với những người cử đi đào tạo TS, sau khi có Quyết định công nhận tiến sỹ được nâng lương trước thời hạn 12 tháng; đối với những người đi học ThS tốt nghiệp loại xuất sắc được nâng lương trước thời hạn 09 tháng [H5.5.3.06].

Quy định quản lý, đào tạo bồi dưỡng của Trường quy định cụ thể về độ tuổi tham gia đào tạo sau ĐH, thời hạn phải hoàn thành nhiệm vụ đi đào tạo sau ĐH, quy định về việc xử lý đối với những người không thực hiện đúng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng [H5.5.3.03].

Hàng năm, Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để CBQL và GV tham gia các hội thảo, tập huấn khoa học trong và ngoài nước [H5.5.3.07]. Bên cạnh đó, Trường cũng đã hợp tác về đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với nhiều cơ sở giáo dục ĐH và tổ chức khoa học quốc tế nhằm tạo thêm nhiều cơ hội cho CBGV tham gia nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H5.5.3.08]. Nhà trường đã dành một nguồn kinh phí không nhỏ để hỗ trợ cho hoạt động này [H5.5.3.09].

Với những chính sách và biện pháp về đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng. Năm 2012, Trường chỉ có 06 cán bộ, GV có trình độ TS, 89 CB, GV có trình độ ThS. Trong giai đoạn 2012-2017, Trường đã cử 40 cán bộ, GV, NV đi đào tạo trình độ tiến sĩ, 70 cán bộ, GV, nhân viên đi học thạc sĩ trong và ngoài nước; hàng trăm lượt cán bộ, GV, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn [H5.5.3.10], [H5.5.3.11]. Cho đến nay trường có 183 người có trình độ ThS (tăng 86,7% so với năm 2012), 27 người có trình độ TS (tăng 350 % so với năm 2012). Trên 90 % các GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo quy định [H5.5.3.12].

Nhà trường có nhiều chính sách, biện pháp hỗ trợ, khen thưởng các công trình khoa học nhằm khuyến khích, động viên CBQL, GV, NV tham gia NCKH như: đối với CBGV có bài báo khoa học được đăng ở tạp chí quốc tế có chỉ số ISI thưởng 10.000.000đ; đối với CBGV vượt giờ NCKH được thưởng với mức từ 3.000đ đến 30.000đ, đề tài NCKH đã được nghiệm thu trong năm xếp loại xuất sắc và đúng thời hạn được hỗ trợ 23.000đ... [H5.5.3.02]. Trường còn có chính sách thưởng đối với các GV có thành tích trong hướng dẫn SV NCKH [H5.5.3.13]. Từ năm 2012-2017, Nhà trường đã đầu tư 15,1 tỷ đồng cho hoạt động KHCN, bình

quân mỗi năm là 3,0 tỷ đồng [H5.5.3.14]. Kết quả, cán bộ, GV Nhà trường đã triển khai thực hiện 34 đề tài cấp trường, 13 đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và 2 đề tài cấp Nhà nước [H5.5.3.15].

Từ năm học 2016-2017, Trường đã nâng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu cấp trường và cấp trường trọng điểm từ 6-10 triệu đồng lên 20 đến 35 triệu đồng trên mỗi đề tài [H5.5.3.02]. Nhà trường đã thành lập 6 nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học thuộc CB, GV của nhà trường, mỗi nhóm có quy chế hoạt động và hướng nghiên cứu riêng [H5.5.3.16]. Các nhóm từ khi thành lập đến nay đã hoạt động rất tích cực và có nhiều có nhiều đóng góp cho hoạt động NCKH của Trường.

Hết năm 2015 chính sách đặc thù do UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành đối với Trường ĐHHT đã hết hiệu lực. Trường đã có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách trong thời gian qua và đề xuất Tỉnh tiếp tục thực hiện các chính sách để tạo điều kiện cho Trường nâng cao chất lượng đội ngũ nói riêng, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường nói chung [H5.5.3.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lí và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Một số CBGV chưa khai thác, tận dụng các chính sách hiện có của Tỉnh và của Nhà trường để tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường giao phòng TCHC phối hợp với các đơn vị liên quan giao nhiệm vụ và động viên các CBGV tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lí có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lí chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Trên cơ sở cụ thể hóa Điều lệ trường ĐH và các quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà trường đã ban hành các quy định làm căn cứ để đánh giá phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý và nhiệm vụ được giao đối với đội ngũ CBQL [H5.5.4.01]. Hiện tại, đội ngũ CBQL của Trường từ cấp Phó đơn vị trở lên có 58 người, trong đó CBQL có trình độ từ ThS trở lên chiếm 79,3%; số lượng nữ CBQL là 24 người, chiếm 41,4%. Đội ngũ CBQL của Trường hầu hết là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H5.5.4.02].

Năm 2012, Trường đã thực hiện qui hoạch đội ngũ CB giai đoạn 2015-2020, kết quả qui hoạch này hàng năm được rà soát, bổ sung [H5.5.4.03]. Trường đã bổ nhiệm nhiều CB trẻ có học vị tiến sĩ vào các chức vụ từ Trưởng bộ môn trở lên nhằm phát huy khả năng, trí tuệ của các nhà khoa học trẻ [H5.5.4.04]. CBQL được bổ nhiệm dựa trên các điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của Trường, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phù hợp với Chiến lược phát triển của Trường [H5.5.4.05], [H5.5.4.06]. Cùng với việc bổ nhiệm, Nhà trường đã tổ chức cho CBQL là trưởng các đơn vị ký cam kết về trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Trường ĐHHT tại các Hội nghị cán bộ, viên chức Trường [H5.5.4.07].

Hằng năm, Đảng ủy Trường đã có biện pháp bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho CB, đảng viên thông qua việc ban hành kế hoạch, tổ chức các hội nghị tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, góp phần trau dồi phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người CBQL [H5.5.4.08]. Trong 05 năm qua, Trường không có

CBQL vi phạm nghiêm trọng các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm [H5.5.4.09].

Song song với việc nâng cao phẩm chất đạo đức, công tác bồi dưỡng năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ đối với CBQL đã được triển khai bằng các hình thức như: tạo điều kiện, khuyến khích CBQL tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; cử tham gia các khoá bồi dưỡng như kỹ năng quản lý cấp khoa, phòng, cao cấp lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh. Năm 2011 Đảng ủy Trường đã đề xuất Tỉnh ủy cử 06 cán bộ đi học cao cấp lý luận chính trị và có 05 người hoàn thành khóa học; năm 2017 Đảng ủy Trường tiếp tục đề xuất Tỉnh ủy cử các CB trong quy hoạch đi học cao cấp LLCT [H5.5.4.10]. Hiện nay các CBQL của Trường hầu hết được tham gia bồi dưỡng kỹ năng quản lý, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh [H5.5.4.11].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức phân loại đánh giá CBQL về tất cả các mặt theo quy định của Nhà nước và Nhà trường. Đối với cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, năm 2013 Đảng ủy Trường đã thực hiện đánh giá giữa nhiệm kỳ [H5.5.4.12], năm 2018 tiếp tục thực hiện đánh giá giữa nhiệm kỳ CB do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý theo quy định [H5.5.4.13]. Hàng năm Đảng ủy Trường tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá CBQL là Thường vụ Đảng ủy, thành viên BGH, Ban Chấp hành đảng bộ, lấy phiếu tín nhiệm đối với các đồng chí trong Thường vụ Đảng ủy, BGH [H5.5.4.14]. Việc đánh giá CBQL ở các đơn vị được thực hiện thông qua: họp đơn vị, họp chi bộ, hội nghị tổng kết năm học [H5.5.4.15]. Trong 05 năm qua, các CBQL của Trường được cấp trên, CBGV, NV đánh giá tốt về năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân cũng như tập thể đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều CBQL đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, được tặng Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh, Thủ tướng chính phủ và được phong tặng Huân chương Lao động hạng Ba, danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo Ưu tú [H5.5.4.16], [H5.5.4.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các biện pháp để bồi dưỡng, trau dồi phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đội ngũ CBQL của Nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định, điều hành đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều CBQL hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được cấp trên khen thưởng.

3.Tồn tại

Một số CBQL chưa được tham gia khoá bồi dưỡng cao cấp LLCT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Đảng uỷ Nhà trường đề xuất Tỉnh uỷ tăng chỉ tiêu cho CBQL của Trường đi bồi dưỡng cao cấp LLCT để CBQL hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ số lượng GV để thực hiện CTĐT và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình SV/GV**.**

Hiện tại, đội ngũ GV của Trường có 212 người, chiếm gần 70% cán bộ, công nhân viên toàn trường với 01 GS, 02 PGS, 24 TS. Tỉ lệ GV có trình độ từ ThS trở lên trong tổng số GV cơ hữu là 92% [H5.5.5.01]. Để có được đội ngũ GV đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, Trường đã liên tục cử GV đi đào tạo sau ĐH, đồng thời tuyển dụng đội ngũ GV có trình độ cao [H5.5.5.02], [H5.5.5.03]. Các ngành đào tạo của Trường đều có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành, đảm bảo tối thiểu có 01 TS và 03 ThS [H5.5.5.04]. Trường có đủ số lượng GV đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện CTĐT ở hầu hết các chuyên ngành đào tạo [H5.5.5.05], [H5.5.5.06], [H5.5.5.07]. Hiện nay, Trường còn có 17 GV đang ở trình độ ĐH, trong đó có 06 GV chỉ tham gia

đào tạo tiếng Việt cho LHS Lào, 04 GV giảng dạy các môn đặc thù (mỹ thuật, âm nhạc) và 07 GV đang được cử đi đào tạo ThS. Bên cạnh đó, Nhà trường còn mời một số GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, có uy tín ở các cơ sở giáo dục ĐH, các cơ quan khác về thỉnh giảng tại Trường [H5.5.5.08].

Trường là cơ sở đào tạo đa ngành, gồm: 22 ngành đào tạo trình độ ĐH (với 27 chương trình đào tạo) và 15 ngành đào tạo trình độ CĐ (với 27 chương trình đào tạo), 14 ngành đào tạo trình độ TC. Tỉ lệ SV/GV quy đổi của Trường theo từng năm như sau:

Bảng 5.1: Bảng thống kê tỷ lệ SV/GV quy đổi của Trường từ năm học 2012 - 2013 đến 2017 - 2018

Năm học	Số lượng quy đổi		Tỉ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi
	Sinh viên	Giảng viên	
2012 - 2013	5161,3	136,6	37,8/1
2013 - 2014	4215,7	152,8	27,6/1
2014 - 2015	3197,5	172,9	18,5/1
2015 - 2016	3518,7	183,6	19,2/1
2016 - 2017	3957,0	207,2	19,1/1
2017 - 2018	3420,8	215,1	15,9/1

Số liệu trên khẳng định tỷ lệ trung bình SV/GV quy đổi của Trường có xu hướng giảm dần ngày càng được đảm bảo theo quy định, đáp ứng theo đề án mở ngành, quy định về điều kiện ĐBCL [H5.5.5.09].

Các GV không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và CGCN. Trong giai đoạn 2012-2017, CBGV của Nhà trường đã thực hiện 13 đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh và 34 đề tài cấp Trường [H5.5.5.10]; 15 giáo trình giảng dạy, 10 sách tham khảo, 12 sách chuyên khảo, 02 sách hướng dẫn của GV đã được nghiệm thu, xuất bản và ứng dụng trong giảng dạy, học tập [H5.5.5.11]; có 377 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, 22 đăng trên các tập san cấp trường [H5.5.5.12]. Nhiều GV tham gia hướng dẫn SV NCKH, một số đề tài của SV đã đạt giải trong các cuộc thi SV NCKH, sáng tạo KH-KT toàn quốc [H5.5.5.13].

Như vậy, Trường có đủ số lượng GV đảm bảo tiêu chuẩn để thực hiện CTĐT và NCKH trong giai đoạn hiện nay cũng như phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Có đủ số lượng GV để thực hiện CTĐT và NCKH đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường.

3. Tồn tại

Tỷ lệ GV có trình độ tiến sỹ, thạc sỹ phân bố chưa đồng đều giữa các Khoa, các Bộ môn trong trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường giao các đơn vị đào tạo tích cực triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các GV trong đơn vị. Mặt khác, Trường đề xuất với UBND Tỉnh có các chính sách tích cực hơn để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ cao về công tác tại Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo qui định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo qui định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

1. Mô tả

Trường có đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đến nay, đội ngũ GV cơ hữu của Trường là 212 người với 01 Giáo sư, 02 Phó Giáo sư, 24 tiến sỹ. Tỉ lệ GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên trong tổng số GV cơ hữu là 92% [H5.5.6.01]. Từ năm học 2013-2014 đến nay, Nhà trường thực hiện phân công giảng dạy các học phần lý thuyết và thực hành theo bậc học đảm bảo yêu cầu chuẩn trình độ theo quy định: GV có trình độ ThS trở lên đảm nhận những học phần lý thuyết; các GV có trình độ ĐH giảng dạy một số ngành đặc thù do Bộ GD&ĐT quy định, đảm nhận những học phần thực hành,

hướng dẫn thí nghiệm và tham gia giảng dạy ở bậc CĐ. Tất cả các GV tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành, các học phần lý thuyết ở bậc ĐH đều có trình độ thạc sĩ trở lên [H5.5.6.02]. Để cải thiện chất lượng đội ngũ, trong những năm qua nhà trường đã chú trọng việc tuyển dụng những người có trình độ từ ThS trở lên, bên cạnh đó trường còn chú trọng việc bồi dưỡng đội ngũ hiện có, cử số lượng lớn đi đào tạo sau ĐH trong nước và ngoài nước [H5.5.6.03], [H5.5.6.04].

Dựa trên chuyên môn đã được đào tạo, Lãnh đạo khoa và Trưởng bộ môn phân công GV giảng dạy các học phần phù hợp với chuyên ngành đào tạo đối với từng môn học, bởi vậy, tất cả GV được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H5.5.6.05].

Cơ cấu chuyên môn và trình độ của GV trong Nhà trường phù hợp với nhiệm vụ đào tạo; đội ngũ GV cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của CTĐT. Đội ngũ GV có trình độ TS ở các ngành đào tạo của Trường có sự cân đối theo cơ cấu đào tạo [H5.5.6.06].

Tất cả GV đều sử dụng thành thạo CNTT để ứng dụng vào công tác giảng dạy và NCKH. Nhiều GV của Trường sử dụng thành thạo một ngoại ngữ, tăng khả năng khai thác học bổng đi đào tạo SĐH ở nước ngoài và tham gia viết bài hội nghị, hội thảo quốc tế [H5.5.6.07]. Đến nay trên 90% GV của Trường có trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH [H5.5.6.08].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Nhà trường đạt trình độ chuẩn theo quy định, 100% GV giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Đội ngũ GV sử dụng thành thạo CNTT, ứng dụng vào công tác giảng dạy và NCKH.

3. Tồn tại

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của GV trong việc nghiên cứu tài liệu khoa học nước ngoài phục vụ công tác giảng dạy và NCKH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về

kinh phí và tạo điều kiện, khuyến khích GV tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo qui định

1. Mô tả

Đội ngũ GV được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ GV theo qui định.

Trong giai đoạn từ 2012-2017, Trường đã tiếp nhận và tuyển dụng mới 54 viên chức, 32 hợp đồng, trong đó GV chiếm75,6%. Các GV biên chế được tiếp nhận, tuyển dụng theo chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Hà Tĩnh chiếm 50%. Trong số GV được được tiếp nhận, tuyển dụng có 01 PGS, 04 TS, 02 NCS, 22 ThS. Việc tiếp nhận và tuyển dụng vừa đảm bảo về chất lượng, vừa đảm bảo thay thế đội ngũ CB, GV, NV nghỉ hưu, chuyển công tác, đồng thời đáp ứng được nhu cầu về nhân lực của Nhà trường [H5.5.7.01], [H5.5.7.02].

Đối với GV mới được tuyển dụng, Nhà trường cử GV có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn hướng dẫn, giúp đỡ các GV trẻ nhằm trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và NCKH [H5.5.7.03]. Đồng thời, Nhà trường luôn tạo điều kiện cả về thời gian và kinh phí cho đội ngũ GV trẻ đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm trong công tác giảng dạy [H5.5.7.04]. Theo thống kê từ năm 2012-2017, cơ cấu GV cơ hữu của Trường có sự cân đối theo thâm niên công tác chuyên môn, thể hiện cụ thể ở Bảng dưới đây:

Bảng 5.2: Bảng thống kê thâm niên công tác của giảng viên từ năm 2012 - 2017

Năm	Thâm niên công tác của giảng viên		
	Dưới 10 năm	Từ 10 - 20 năm	Trên 20 năm
2012	78	59	35
2013	89	56	37
2014	104	61	36
2015	112	54	43
2016	109	67	42
2017	104	71	37

Qua bảng thống kê cho thấy, số lượng GV có thâm niên trên 20 năm của Trường không cao nhưng đang có xu hướng tăng lên theo từng năm. Mặc dù thâm niên dưới 10 năm khá cao nhưng phần lớn số lượng này được tuyển dụng khi Trường mới thành lập (chủ yếu là sau năm 2008), do đó, số GV ở mức thâm niên này chuẩn bị bước sang mức thâm niên từ 10-20 năm, vì thế Trường vẫn đảm bảo các yêu cầu về cân bằng kinh nghiệm công tác chuyên môn theo quy định [H5.5.7.03].

Bảng 5.3: Bảng thống kê số lượng giảng viên theo nhóm tuổi của Trường từ năm 2012 - 2017

	Số lượng giảng viên theo nhóm tuổi				Độ tuổi TB
	Dưới 30 tuổi	Từ 30 - 40 tuổi	Từ 41 - 50 tuổi	Trên 50 tuổi	
2012	50	61	28	23	37,26
2013	48	85	34	24	37,31
2014	49	96	35	21	37
2015	38	106	42	23	37,5
2016	30	110	54	24	37,88
2017	24	111	62	15	37,88

Từ bảng thống kê cho thấy, từ năm 2012 đến 2017, đội ngũ GV ở độ tuổi dưới 41 các năm chiếm tỷ lệ bình quân trên 70%, điều này cho thấy số GV trẻ của Trường chiếm tỷ lệ khá cao và đã được trẻ hóa theo quy định. Bên cạnh đó, với độ tuổi trung bình thể hiện qua các năm ở bảng trên chứng tỏ độ tuổi trung bình đội ngũ GV của Nhà trường cơ bản ổn định [H5.5.7.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều biện pháp cụ thể để đội ngũ GV trẻ tích luỹ kinh nghiệm; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng hợp lý, khoa học, đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

Số lượng GV được phân bố đồng đều ở các mức thâm niên công tác để đảm nhận và chịu trách nhiệm giảng dạy các học phần, đảm bảo được tính kế thừa và phát triển trong công tác cán bộ.

3. Tồn tại

Độ tuổi của GV chia theo các nhóm tuổi còn có sự chênh lệch, chưa đồng đều do GV tập trung ở độ tuổi giao thoa giữa 35-45 khá nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018 đến 2020, các GV có độ tuổi từ 35-45 sẽ chuyển sang nhóm tuổi trên 40. Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng GV phù hợp với phân bố độ tuổi đảm bảo cân đối chuyển giao các thế hệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kĩ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kì bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH.

1.Mô tả

Song song với việc tuyển chọn, phát triển đội ngũ GV, Nhà trường đã chú trọng trong việc tuyển dụng đội ngũ KTV, NV đảm bảo cơ cấu phù hợp, đủ số lượng theo ngành đào tạo và nhu cầu thực tế của Trường. Tính đến nay, Nhà trường có 78 kỹ thuật viên, NV, chiếm tỷ lệ 27,7% trong tổng số đội ngũ cán bộ cơ hữu của Trường, trong đó có 13 ThS, 48 ĐH và 17 trình độ khác [H5.5.8.01]. Đội ngũ này được bố trí làm việc tại các khoa, phòng, ban, trung tâm và Trường TH, THCS, THPT để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CBGV và người học

Đội ngũ KTV, NV được tuyển dụng có bằng cấp chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, có năng lực và đảm bảo sức khỏe để đáp ứng yêu cầu công việc được giao; đồng thời có trình độ tiếng Anh và Tin học theo yêu cầu của vị trí việc làm. Hiện tại, đội ngũ NV, KTV có trình độ ĐH trở lên được bố trí làm việc tại chủ yếu ở các khoa, trung tâm, ban và một số phòng như: Phòng Đào tạo, Phòng QLKH, Phòng ĐBCL, Phòng TT-PC…, có năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng tốt yêu cầu công việc [H5.5.8.02].

Hằng năm, Trường đã tạo điều kiện và hỗ trợ về thời gian, kinh phí để KTV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như: đào tạo SĐH, tập huấn chuyên môn định kỳ, bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp, đạo đức công

vụ, quản lý hành chính, văn thư lưu trữ, phòng cháy chữa cháy, tin học,… nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ KTV, NV từng bước đưa đội ngũ này trở thành đội ngũ chuyên nghiệp phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH. Sau khi hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, kỹ thuật viên, NV báo cáo kết quả cho Nhà trường thông qua hình thức nộp văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận. Trong giai đoạn 2012-2017, Trường đã cử được hơn 100 lượt NV, KTV đi tập huấn nghiệp vụ về công tác văn thư lưu trữ, công tác phòng chống cháy nổ, nghiệp vụ bảo vệ…, cử 12 người đi đào tạo sau đại học [H5.5.8.03], [H5.5.8.04], [H5.5.8.05].

Để đánh giá mức độ hài lòng của người học và GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ KTV, NV, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ KTV, NV với các nội dung đánh giá như: tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ [H5.5.8.06]. Kết quả khảo sát cho thấy, có trên 75% người học, GV hài lòng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ KTV, NV [H5.5.8.07].

Trong những năm qua, mặc dù phải đảm trách một khối lượng công việc khá lớn, nhưng đội ngũ KTV, NV của Trường đã phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Cuối mỗi năm học, hầu hết đội ngũ KTV, NV đều được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên [H5.5.8.08], [H5.5.8.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ KTV, NV đủ số lượng đáp ứng nhu cầu công việc thực tế của Trường.

100% đội ngũ KTV, NV là chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên có trình độ ĐH trở lên.

Mỗi KTV, NV đều được cử đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Tồn tại

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với một số vị trí công tác của KTV, NV chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, ngoài việc cử KTV, NV tham gia các lớp bồi dưỡng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức, Nhà trường ban hành kế hoạch và đăng ký với các cơ sở có bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tạo điều kiện cho đội ngũ KTV, NV được tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên hơn.

Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác khảo sát mức độ hài lòng đối với đội ngũ KTV, NV theo định kỳ hằng năm và có biện pháp khắc phục đối với các vấn đề chưa hài lòng theo khảo sát, đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Đội ngũ CBQL, GV và NV của Trường hiện có 303 người, được phân bổ phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy gồm 7 khoa , 02 bộ môn, 10 phòng, 01 ban và 06 trung tâm, 02 Trường. Trong những năm qua, việc tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển và quy hoạch bổ nhiệm CBQL được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định. Nhà trường luôn quan tâm đảm bảo quyền dân chủ để CBQL, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi trong mọi hoạt động của Trường; giải quyết kịp thời các vấn đề thắc mắc, kiến nghị tạo sự ổn định cho Nhà trường phát triển. Trường có chế độ, chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Đội ngũ GV đảm bảo số lượng và đạt trình độ chuẩn, giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, góp phần quan trọng mang lại sự thành công trong hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Bên cạnh những điểm mạnh nổi bật trên, Nhà trường vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục trong thời gian tới: GV có học hàm GS, PGS chưa nhiều; năng lực sử dụng ngoại ngữ của một số GV trong việc nghiên cứu tài liệu khoa học nước ngoài nhằm phục vụ công tác giảng dạy và NCKH còn hạn chế.

Tự đánh giá: Đạt 8/8 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 6. NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, Đảng ủy và BGH đã xác định nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo quyền lợi của "Người học" là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Ngoài các tổ chức ĐTN, HSV, Nhà trường có đơn vị chuyên trách về công tác HSSV là Phòng Công tác CT-HSSV và tại mỗi khoa đều có một cán bộ hành chính chuyên trách là Trợ lí công tác sinh viên. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến người học; thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Kỹ năng mềm, Trung tâm DVHTSV nhằm hỗ trợ người học trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tìm kiếm việc làm phù hợp; thành lập bộ phận "Một cửa" tại Phòng Công tác CT-HSSV để giải quyết những vấn đề về thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người học.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức triển khai một cách có hệ thống và hiệu quả các hoạt động liên quan đến người học theo quy chế 42/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 16/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Các hoạt động này đã góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Ngay khi nhập trường, người học đã được Nhà trường phổ biến đầy đủ các văn bản liên quan; được giới thiệu chi tiết về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; người học được giải quyết kịp thời các chế độ chính sách xã hội, được chăm sóc sức khỏe theo qui định, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động VHVN, TDTT trong các tổ chức đoàn thể; được giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động định hướng, tư vấn và hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường đã làm tốt công tác quản lí HSSV. Với những thành tích đã đạt được, năm 2012, Trường được Bộ GD&ĐT tặng bằng khen ghi nhận thành tích trong việc thực hiện chương trình công tác HSSV giai đoạn 2009 - 2012, là mô hình để các trường trên toàn quốc học tập trong việc quản lí LHS Lào. Cũng trong

năm 2012, Nhà trường được Chính phủ nước CHDCND Lào tặng huân chương hữu nghị ghi nhận thành tích trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Lào.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Việc cung cấp thông tin và hướng dẫn cặn kẽ cho người học về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người học. Chính vì thế, Nhà trường đã và đang đa dạng hoá các hình thức phổ biến, hướng dẫn nhằm giúp người học nắm bắt được các thông tin đầy đủ, từ đó xây dựng kế hoạch học tập một cách khoa học, hiệu quả.

Ngay từ khi nhập học vào Trường ĐHHT, người học đã được cung cấp cuốn "Sổ tay đào tạo", trong đó có đầy đủ thông tin giới thiệu về Trường, hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo trình độ ĐH, CĐ; quy định về kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; các quy chế, quy định liên quan đến công tác HSSV,... Cuốn sổ này được cập nhật theo từng năm [H6.6.1.01]. Đồng thời, SV được nhà trường hướng dẫn cụ thể về CTĐT, về quy định khối lượng kiến thức năm học thông qua kế hoạch đào tạo toàn khoá và kế hoạch đào tạo năm học để SV tự đăng ký khối lượng kiến thức học tập cho từng học kỳ [H6.6.1.02], [H6.6.1.03], [H6.6.1.04].

Trong Tuần SHCD đầu năm học, người học của tất cả các khoá học được yêu cầu tham gia đầy đủ để họ nắm được các thông tin cần thiết [H6.6.1.05]. Thông qua nội dung chương trình Tuần SHCD, người học được giới thiệu về kế hoạch đào tạo, mục tiêu, nội dung CTĐT; được hướng dẫn, trao đổi, giải đáp về các nội dung liên quan đến đào tạo theo các quy chế, quy định chung của Bộ GD&ĐT và các quy định cụ thể của Nhà trường [H6.6.1.06]. Kết thúc Tuần SHCD đầu khóa học, người học được kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức thông qua viết bài thu hoạch, 100% SV tham gia viết bài thu hoạch và tất cả đều đạt yêu cầu [H6.6.1.07], [H6.6.1.08].

Ngay trong tiết học đầu tiên của mỗi học phần, người học ở tất cả các bậc, các hệ đào tạo được GV giới thiệu đầy đủ về mục tiêu, nội dung chi tiết học phần, hình thức kiểm tra đánh giá [H6.6.1.09]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ, hướng dẫn người học, Nhà trường phân công các cán bộ cố vấn học tập và trợ lí đào tạo tại các khoa [H6.6.1.10]. Họ là những người trực tiếp tư vấn, hướng dẫn cho người học về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định khác trong suốt quá trình học tập tại trường.

Tất cả những thông tin về CTĐT, kế hoạch đào tạo toàn khoá, kế hoạch đào tạo năm học, quy định kiểm tra đánh giá còn được phổ biến qua cổng thông tin đào tạo. Nhà trường cũng thường xuyên cập nhật các chủ trương, chính sách, thông báo nội bộ, lập diễn đàn sinh viên để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người học [H6.6.1.11].

Ngoài ra, hàng tháng, Nhà trường tổ chức hội nghị lớp trưởng, bí thư chi đoàn; các khoa tổ chức sinh hoạt lớp định kì để cung cấp thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nội qui, qui chế đào tạo và phương pháp học tập cho người học [H6.6.1.12].

Nhà trường có số sinh viên Lào theo học tăng lên theo từng năm học [H6.6.1.13]. SV Lào có sự khác biệt hơn so với sinh viên Việt Nam về ngôn ngữ giao tiếp, văn hóa, các qui định khác nên ngoài thầy cô cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý CTSV thì các GV trực tiếp giảng dạy, Ban chủ nhiệm khoa và các bạn SV Việt thường xuyên quan tâm, kèm cặp và hướng dẫn thường xuyên trong việc cung cấp đầy đủ thông tin cho người học [H6.6.1.14], [H6.6.1.15]. Trên cơ sở thông tư 03/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành qui chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam, Nhà trường đã cụ thể hóa thành qui chế người nước ngoài học tập tại Trường ĐHHT và phổ biến đầy đủ, cụ thể đến toàn thể SV Lào ngay khi nhập trường [H6.6.1.16], [H6.6.1.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã giới thiệu đầy đủ cho người học về CTĐT, các quy định về kiểm tra, đánh giá ngay khi nhập học và trong suốt quá trình học tập tại trường.

Các qui định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, các văn bản cụ thể hóa của Nhà trường đã được phổ biến cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá. Đối với sinh viên Lào được Nhà trường cung cấp thông tin, hướng dẫn đầy đủ và thường xuyên hơn.

3. Tồn tại

Việc phổ biến qui chế đào tạo, hướng dẫn CTĐT cho LHS Lào còn nhiều khó khăn do rào cản ngôn ngữ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 Nhà trường giao Phòng Công tác CT - HSSV phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ SV Lào để hướng dẫn việc thực hiện đầy đủ về quy chế, chương trình, phương thức kiểm tra đánh giá LHS Lào.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khoẻ theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

1. Mô tả

Trong quá trình học tập tại Trường ĐHHT, người học luôn được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo đúng quy định Nhà nước, được chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động tập luyện VHVN, TDTT và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

Các văn bản về chế độ, chính sách liên quan đến người học được Nhà trường phổ biến đầy đủ, kịp thời ngay trong tuần SHCD đầu khóa, đầu năm học [H6.6.2.01], [H6.6.2.02]. Người học được thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thực hiện việc miễn giảm học phí, hưởng chế độ ưu đãi theo qui định của Nhà

nước [H6.6.2.03]. Các chính sách vay vốn học tập của người học đều được Nhà trường phối hợp tốt với Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện kịp thời, đồng thời hướng dẫn người học ký cam kết trả nợ sau vay vốn ngay khi kết thúc khóa học [H6.6.2.04], [H6.6.2.05].

Trong mỗi học kì, Nhà trường đã xét và công bố công khai danh sách người học thuộc đối tượng được hưởng học bổng khuyến khích học tập và các chế độ, chính sách, theo qui định của Nhà nước trên website của Trường [H6.6.2.06], [H6.6.2.07]. Trong 5 năm, từ năm 2012-2017 toàn trường đã có 3.596 người học được Nhà trường xét miễn giảm học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP Nghị định số 74/2013/NĐ-CP, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 09/2016/TTLT - BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội [H6.6.2.08]; có 8.436 lượt người học được Nhà trường xác nhận vay vốn học tập theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [H6.6.2.09]; có 56 người học được miễn giảm học phí thuộc đối tượng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển theo chính sách hỗ trợ của tỉnh [H6.6.2.10]. Kết quả 100% người học thuộc diện chính sách được đảm bảo chế độ theo quy định [H6.6.2.11]. Riêng đối với SV Lào đang học tập tại Trường, ngoài học bổng của tỉnh Hà Tĩnh cấp, các SV học giỏi đều được xét học bổng khuyến khích học tập như đối với SV Việt Nam. Nhà trường đã dành 20% chỉ tiêu trong tổng số LHS Lào học tự túc kinh phí để cấp học bổng [H6.6.2.12]; [H6.6.2.06].

Bên cạnh đó, người học cũng được định kỳ khám sức khoẻ theo qui định y tế học đường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách về công tác chăm sóc sức khỏe cho người học là Trung tâm YT - MT, với đội ngũ chuyên môn y tế và môi trường đủ về số lượng, ĐBCL [H6.6.2.13], [H6.6.2.14]. Trong các năm từ 2012-2017, Trung tâm đã tham mưu và giúp Nhà trường triển khai đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người học. Ngay từ đầu khóa học, Trung tâm YT - MT đã phối hợp với các đơn vị như: Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh, Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe CB tỉnh Hà Tĩnh, Bệnh viện điều dưỡng Hà Tĩnh để khám sức khỏe

cho HSSV năm thứ nhất, với kết quả hàng năm có 100% HSSV được khám sức khỏe [H6.6.2.15]. Ngoài việc khám sức khỏe ban đầu, trong quá trình học tập người học được khám, cấp thuốc và xử lý ban đầu, đối với những trường hợp nặng làm thủ tục chuyển lên tuyến trên. Mỗi năm trung bình khám cho 814 lượt người học, cấp thuốc 772 lượt người học và chuyển lên tuyến trên 17 lượt người học [H6.6.2.16]. Công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể ngay từ khi người học mới nhập trường được đảm bảo. Có 100% người học tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc [H6.6.2.17]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức chương trình tư vấn, phổ biến cho người học về sức khỏe sinh sản và giáo dục giới tính [H6.6.2.18].

Trong quá trình học tập tại Trường, người học cũng được tạo mọi điều kiện để tham gia các hoạt động, tập luyện VHVN, TDTT. Nhà trường có đầy đủ hội trường, nhà đa năng, sân tập thể thao, CSVC phục vụ các chương trình văn nghệ, các giải thể thao đáp ứng nhu cầu của người học [H6.6.2.19]. Các hoạt động VHVN, TDTT cũng được tổ chức thường xuyên trong từng năm học [H6.6.2.20]. Các hoạt động này không những được triển khai ở cấp trường mà còn được tổ chức thường xuyên ở cấp khoa cho tất cả các lớp, chi đoàn thông qua hoạt động của ĐTN và HSV. Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều chương trình VHVN, TDTT như Hội thi tiếng hát HSSV; Hội thi sinh viên thanh lịch; Hành trình văn hóa Việt - Lào, Hội diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn; các giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật… [H6.6.2.21]. Phong trào VH, VN, TDTT của SV Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ: Đội tuyển sinh viên Lào tham gia Hội thi tiếng Việt và giao lưu văn hóa tại Trường Đại học Hồng Đức (Thanh Hóa) năm 2015 đạt giải nhì và thi tại Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ) năm 2016 đạt giải nhất, Đội tuyển bóng đá nam đạt giải nhất vòng loại Cúp Huda khu vực Hà Tĩnh năm 2012, giải ba chương trình tuổi trẻ khám phá trên sóng truyền hình Hà Tĩnh, giải ba Hội thi tuổi trẻ Hà Tĩnh đồng hành cùng hàng Việt Nam năm 2015,.. [H6.6.2.22]. Đặc biệt, đội tuyển võ thuật Vovinam Trường tham gia giải toàn quốc tại Bắc Ninh đã đạt 7 HCV [H6.6.2.23]. Các hoạt động này đã góp phần rèn luyện

sức khỏe, tinh thần và tạo được môi trường văn hóa lành mạnh, bổ ích giúp người học học tập và rèn luyện tốt hơn.

Công tác an ninh trật tự của Nhà trường luôn được đảm bảo. Nhà trường đã ban hành quy định về công tác bảo vệ cơ quan [H6.6.2.24]. Khuôn viên Trường có bờ rào kiên cố bao quanh; lắp đặt hệ thống camera tại một số điểm ở cổng trường, hội trường, giảng đường,... để theo dõi, quản lý; thành lập các đội tự vệ, đội xung kích tình nguyện trong các dịp lễ, tết để làm nhiệm vụ trực 24/24h [H6.6.2.25], [H6.6.2.26].

Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường tổ chức ký kết qui chế phối hợp với Công an huyện Cẩm Xuyên và Công an Thành phố Hà Tĩnh nhằm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn [H6.6.2.27]. Người học được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường, cụ thể trong 5 năm từ 2012-2017 Nhà trường không có người học nào bị đe dọa hoặc bị hại về sức khỏe, tính mạng và không xảy ra vụ việc nào về mất an ninh trật tự, an toàn xã hội [H6.6.2.28]. Với thành tích đó Nhà trường đã được Bộ Công an tặng bằng khen về phong trào"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" năm 2015 [H6.6.2.29].

Trong từng năm học, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị dân chủ SV từ lớp đến cấp khoa và cấp trường; tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với người học; người học được phản ánh những thắc mắc, đề xuất những tâm tư, nguyện vọng thiết thực để Nhà trường điều chỉnh kịp thời các chủ trương, biện pháp nhằm hỗ trợ, giúp đỡ và nâng cao hiệu quả việc thực hiện chế độ chính sách xã hội, tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT, an ninh trường học,… [H6.6.2.30].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt nhiều hoạt động để cho 100% người học thuộc diện chính sách được đảm bảo chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời theo qui định. Người học được khám sức khỏe theo qui định y tế học đường từ đầu khóa học, trong quá trình học tập và trước khi tốt nghiệp.

Người học được tạo mọi điều kiện tham gia nhiều hoạt động VHVN, TDTT và được đảm bảo an toàn ở trường và nơi cư trú.

3. Tồn tại

Phong trào VHVN, TDTT chưa đồng đều giữa các khoa trong Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng Công tác CT-HSSV phối hợp tốt với các đơn vị liên quan khuyến khích các khoa trong Trường triển khai hoạt động VHVN, TDTT thường xuyên, hiệu quả và đồng đều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp người học có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh. Ngay trong Tuần SHCD đầu khóa, nhiều nội dung quan trọng về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, qui chế đánh giá rèn luyện đã được phổ biến đến người học [H6.6.3.01]. Nhà trường tổ chức cho người học viết bài thu hoạch với kết quả hàng năm được đánh giá 100% người học đạt yêu cầu trở lên [H6.6.3.02]. Mặt khác, để nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho người học, Nhà trường đã ban hành Quy chế văn hóa học đường Trường ĐHHT đối với người học [H6.6.3.03].

Hàng năm, Nhà trường đã triển khai nhiều buổi học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng có những sinh viên là Đảng viên tham gia [H6.6.3.04]. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức nhiều buổi học tập, sinh hoạt chính trị, các buổi nói chuyện chuyên đề nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, qua đó định hướng cho người học xác định được mục tiêu, lý tưởng để học tập tốt và rèn luyện tốt [H6.6.3.05], [H6.6.3.06]. Tiếp tục triển khai sâu rộng cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và cuộc

vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục" của Bộ GD&ĐT [H6.6.3.07], Nhà trường đã tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học như tổ chức: Hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh "Ánh sáng soi đường 2017", cuộc thi tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Diễn đàn "Thanh niên với Đảng - Đảng với Thanh niên"... Các hoạt động này đã tạo môi trường phấn đấu, rèn luyện cống hiến và đạo đức, lối sống, thu hút được đông đảo người học tham gia [H6.6.3.08], [H6.6.3.09].

Ngoài ra, để công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV có hiệu quả, Nhà trường duy trì và tổ chức liên tục các hoạt động tình nguyện: "Đông ấm nơi biên cương", "Xuân yêu thương","Mùa hè tình nguyện", "Ngày hội xuân hồng", "Ngày hội hiến máu",... [H6.6.3.10]. Từ đó người học có điều kiện tham gia vào các hoạt động xã hội, hình thành các kỹ năng sống, có tinh thần tương thân tương ái, biết phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong 5 năm, từ 2012-2017, toàn trường đã có hơn 16.000 lượt người học tham gia các hoạt động tình nguyện quyên góp được tổng số tiền 450.000.000 đồng tặng cho người nghèo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiến gần 2.000 đơn vị máu [H6.6.3.11]. Trong những năm qua, Nhà trường còn tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện của Nhà trường nhằm giáo dục truyền thống cho người học [H6.6.3.12].

Hà Tĩnh nơi có nhiều tổ chức phản động hoạt động chống phá cách mạng, gây bất ổn về an ninh chính trị, cụ thể qua sự kiện khu công nghiệp Formosa xả thải đã để lại hậu quả nặng nề về môi trường biển kèm theo đó là sự kích động bạo loạn, biểu tình nhưng trong 5 năm qua không có người học nào của Trường tham gia vào các tổ chức này. Nhờ nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học đã góp phần hạn chế tỉ lệ người học vi phạm kỉ luật, tỉ lệ người học vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống và pháp luật bị cơ quan chức năng xử lí hàng năm đều dưới 0,1% [H6.6.3.13].

Dựa trên quy định tại Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 và các Thông tư, hướng dẫn khác của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học tại Trường ĐHHT với nhiều tiêu chí và mức điểm đánh giá, xếp loại tương ứng [H6.6.3.14], [H6.6.3.15]. Thực hiện các quy định đó, Nhà trường đã tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của SV 2 lần/năm vào cuối mỗi học kỳ. Hiệu quả của công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của SV được thể hiện rõ qua kết quả SV đạt loại khá trở lên trong 5 năm qua đều trên 85% [H6.6.3.16], [H6.6.3.17], [H6.6.3.13].

Trong giai đoạn 2012-2017, Trường ĐHHT có 06 tập thể và 07 cá nhân đã vinh dự được Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khen thưởng; có 40 cá nhân và 12 tập thể được Trung ương Hội, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên cũng như các hoạt động tình nguyện Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi [H6.6.3.18].

2. Điểm mạnh

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả. Người học có tư tưởng chính trị đúng đắn, có lập trường vững vàng, không bị dao động khi kẻ xấu kích động, lôi kéo nên trong 5 năm qua không có người học nào của Trường tham gia vào các tổ chức phản động, tụ tập biểu tình, vi phạm pháp luật.

Hàng năm, người học có điểm rèn luyện đạt loại khá, giỏi và xuất sắc chiếm tỉ lệ trên 85%

3. Tồn tại

Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, lối sống cho Lưu học sinh Lào gặp nhiều khó khăn do có những khác biệt nhỏ về văn hoá, phong tục, tập quán giữa 2 nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng Công tác CT-HSSV phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên trao đổi, tư vấn, hỗ trợ Lưu học sinh

Lào trong việc nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng, lối sống nhằm từng bước hoà hợp đời sống văn hoá tinh thần giữa SV hai nước Hữu nghị Việt - Lào.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường có tổ chức Đảng và hai tổ chức đoàn thể quan trọng của người học là ĐTN và HSV [H6.6.4.01]. ĐTN và HSV có 01 cán bộ chuyên trách, có văn phòng riêng với đầy đủ trang thiết bị để làm việc [H6.6.4.02]. Hoạt động của ĐTN, HSV Trường được tổ chức có hệ thống, theo qui định của Điều lệ Đoàn và Điều lệ Hội, có kế hoạch và chương trình công tác cụ thể, rõ ràng bám sát mọi hoạt động trong năm học của Nhà trường [H6.6.4.03], [H6.6.4.04]. Tổ chức ĐTN trực thuộc Tỉnh đoàn Hà Tĩnh. Hiện nay BCH Đoàn Trường có 33 đồng chí, có 8 Liên chi đoàn và 01 Chi đoàn trực thuộc và 57 Chi đoàn; HSV Trường trực thuộc Trung ương HSV Việt Nam, hiện nay HSV trường có 7 Liên chi hội, 47 Chi hội với 1.301 Hội viên [H6.6.4.05].[H6.6.4.06]. Kinh phí cho các hoạt động của Đoàn và Hội đã được cụ thể hóa trong Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.6.4.07]. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ Nhà trường, ĐTN và HSV đã phối hợp tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chính trị nhằm tuyên truyền, đưa Nghị quyết, chính sách, đường lối của Đảng, Đoàn, Hội cấp trên đến với toàn thể Đoàn viên, SV [H6.6.4.08]. Bên cạnh đó, ĐTN, HSV còn tổ chức các hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo thu hút đông đảo người học tham gia [H6.6.4.09]. Trong các năm học, người học đều tham gia hiến máu với quy mô lớn, được Ban chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Hà Tĩnh ghi nhận và đánh giá cao [H6.6.4.10]. Các hoạt động này đã có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Trong 5 năm qua không có người học nào của Nhà trường tham gia vào hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép [H6.6.4.11].

ĐTN, HSV luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức lối sống của đoàn viên thanh niên; tổ chức thành lập nhiều câu lạc bộ để thông qua đó triển khai các hoạt động rèn luyện cho người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng [H6.6.4.12].

Trong giai đoạn 2012-2017, Trường ĐHHT có 06 tập thể và 07 cá nhân đã vinh dự được Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khen thưởng, có 40 cá nhân và 12 tập thể được Trung ương Hội, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên cũng như các hoạt động tình nguyện Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi [H6.6.4.13]. Đặc biệt, trong năm học 2012 - 2013, Đoàn trường vinh dự được Tỉnh Đoàn Bôlykhămxay của Lào tặng bằng khen vì có thành tích trong công tác Đoàn của Lưu học sinh Lào; được Tỉnh ủy Hà Tĩnh tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh [H6.6.4.14], [H6.6.4.15]. Những thành tích này cho thấy công tác Đảng, Đoàn thể đã có nhiều biện pháp, hình thức rèn luyện cho người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống.

Về công tác Đảng, Nhà trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong người học. Đảng bộ Trường ĐHHT là đơn vị đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh" trong nhiều năm và có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đảng [H6.6.4.16], [H6.6.4.17]. Tính đến năm 2017, Đảng bộ Trường ĐHHT có 15 chi bộ trực thuộc [H6.6.4.18]. Những năm trước, Đảng viên là sinh viên được sinh hoạt với Chi bộ Công tác CT - HSSV, nhưng từ năm 2016 đến nay Đảng viên là sinh viên đã chuyển về sinh hoạt tại các Chi bộ khoa nên thuận lợi cho công tác phát triển Đảng trong sinh viên tại các khoa [H6.6.4.19]. Nhiều người học có quá trình phấn đấu, rèn luyện tốt được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam [H6.6.4.20]. Trong công tác phát triển Đảng, Đảng ủy Trường đã tổ chức nhiều lớp học cảm tình Đảng cho đối tượng là đoàn viên đạt kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện [H6.6.4.21]. Từ năm 2013-2017, toàn trường có 620 sinh viên được học

cảm tình Đảng và có 184 sinh viên được kết nạp Đảng [H6.6.4.19]. Số lượng sinh viên được học cảm tình Đảng và được kết nạp Đảng được trình bày cụ thể trong Bảng 6.1.

Bảng 6.1: Bảng thống kê về tình hình kết nạp Đảng của người học trong toàn Trường

Năm	SV được học cảm tình Đảng	Số SV được kết nạp Đảng	Tỷ lệ SV được kết nạp Đảng so với số SV học nhận thức Đảng (%)
2013	238	39	16.39
2014	46	27	58.70
2015	97	60	61.86
2016	189	24	12.70
2017	50	34	68.00
Tổng	**620**	**184**	**29,67**

Nhìn chung số lượng SV được kết nạp Đảng hàng năm có tăng. Tuy hầu hết sinh viên được kết nạp Đảng là SV năm cuối nên chưa phát huy được vai trò của Đảng viên mới.

2. Điểm mạnh

Công tác Đảng đoàn thể của Trường đã có tác dụng tốt trong việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

ĐTN, HSV đã tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện cộng đồng và ngày càng thu hút nhiều người học tham gia.

3. Tồn tại

Hoạt động Đoàn, Hội tại các khoa chưa đồng đều do có chênh lệch về quy mô SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho ĐTN và HSV có kế hoạch tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp để thu hút sự tham gia của SV ở các khoa được đồng đều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHHT bắt đầu thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2010. Chính vì thế, Nhà trường rất chú trọng đến việc xây dựng và thực hiện các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt tại trường.

Để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập, Nhà trường đã có hệ thống cố vấn học tập tại tất cả các khoa, trong đó mỗi bộ môn hoặc mỗi ngành đào tạo đều được phân công một cố vấn học tập phụ trách [H6.6.5.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ người học lập kế hoạch học tập, xử lí học vụ, hướng dẫn người học phương pháp học ở đại học,…đồng hành cùng SV trong suốt quá trình đào tạo [H6.6.5.02].

Các biện pháp hỗ trợ của Nhà trường có tác dụng tích cực cho người học trong học tập và sinh hoạt. Nhà trường đã tổ chức hướng dẫn người học phương pháp học ở ĐH, hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập trong chương trình Tuần SHCD đầu khóa học [H6.6.5.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng thông tin nhằm giúp người học khai thác và sử dụng nguồn thông tin hiệu quả phục vụ cho hoạt động học tập, NCKH [H6.6.5.04]. Hằng năm, vào dịp Ngày sách Việt Nam, Nhà trường giao Trung tâm TT - TV chủ trì tổ chức các hoạt động như Diễn đàn Sách - Chìa khoá thành công, Diễn đàn Văn hoá đọc,…nhằm tạo ra môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh, bổ ích cho người học [H6.6.5.05].

Bên cạnh các biện pháp hỗ trợ học tập, Nhà trường cũng rất quan tâm đến các biện pháp hỗ trợ sinh hoạt của người học. Nhà trường có Tổ quản lý nội trú trực thuộc Phòng Quản trị luôn bố trí người trực 24/24, mỗi dãy nhà đều có một cán bộ trực và kiểm tra tình hình chấp hành việc thực hiện các qui định tại khu nội trú sinh viên, đồng thời kịp thời hỗ trợ người học khi có sự cố về điện, nước,…[H6.6.5.06].

Đầu tư xây dựng CSVC đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT cũng là một trong những biện pháp hỗ trợ người học trong sinh hoạt. Hiện nay, Nhà trường có đầy đủ hội trường, nhà đa năng, sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân tennis… để phục vụ người học. Hệ thống ký túc xá của Trường hiện nay đáp ứng gần 4.000 người ở, đủ cho nhu cầu ở của toàn bộ người học với đầy đủ trang thiết bị và diện tích đạt chuẩn, đảm bảo chất lượng, áp dụng giá rẻ cho người học. Hệ thống nhà ăn rộng, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ tốt. Khu giảng đường, hội trường, nội trú và nhà ăn được phủ sóng wifi miễn phí. Trong trường còn có hệ thống xe ô tô điện đáp ứng việc đi lại thuận tiện. Nhìn chung, môi trường học tập và sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của người học [H6.6.5.07]. Hiện tại, Nhà trường đang hoàn thiện nhà đa năng 15 tầng gồm khu làm việc, hội trường và thư viện sắp đưa vào sử dụng với tổng diện tích sử dụng là 13.490m^2 [H6.6.5.08].

Hàng năm, Nhà trường đã khai thác tốt các nguồn học bổng tài trợ, hỗ trợ=’ người học trong học tập như: Học bổng Vallet, học bổng Hessen, học bổng Kova, học bổng Hội khuyến học, các chương trình học bổng tài trợ của các đơn vị, doanh nghiệp…; mỗi năm trung bình Nhà trường đã thu hút được hơn 300 triệu đồng học bổng tài trợ và trao trực tiếp cho người học có hoàn cảnh khó khăn, bị thiên tai, hoạn nạn và có kết quả học tập xuất sắc với hơn 200 suất được trao mỗi năm; mỗi suất học bổng được trao có giá trị từ 500 nghìn đồng đến 10 triệu đồng [H6.6.5.09]. Trong những năm qua, Nhà trường cũng thực hiện hiệu quả chương trình tín dụng sinh viên, tạo điều kiện cho người học nghèo có điều kiện để tiếp tục học tập [H6.6.5.10]. Ngoài ra, Trường còn tạo mọi điều kiện cũng như dành nhiều kinh phí cho các hoạt động ngoại khoá, tham quan, kiến tập, các hoạt động hỗ trợ học tập, cũng như tổ chức hội nghị sinh viên NCKH, Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Hội thi rèn nghề từ cấp khoa đến cấp Trường [H6.6.5.11], [H6.6.5.12], [H6.6.5.13], [H6.6.5.14]. Từ năm 2011, Nhà trường đã thành lập Bộ phận giao dịch một cửa, tạo

điều kiện thuận lợi cho người học trong việc thực hiện các công việc hành chính trong quá trình học tập và rèn luyện [H6.6.5.15].

Riêng đối với sinh viên Lào đang học tập tại trường, ngoài học bổng do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp, các SV Lào có kết quả học tập tốt đều được Nhà trường xét cấp học bổng khuyến khích học tập hàng kỳ, hàng năm giống như sinh viên Việt Nam [H6.6.5.16], [H6.6.5.17]. ĐTN, HSV đã thành lập các câu lạc bộ đội nhóm hỗ trợ lưu học sinh Lào trong việc nâng cao trình độ tiếng Việt và nâng cao chất lượng học tập tại Trường [H6.6.5.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đề ra các giải pháp thực hiện đồng bộ, toàn diện và thường xuyên nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học. Đặc biệt là các hoạt động hỗ trợ LHS Lào.

Trường đã phát huy tốt vai trò của đội ngũ cố vấn học tập; có các đơn vị chuyên trách về công tác quản lí và hỗ trợ người học là Phòng Công tác CT-HSSV, Trung tâm DVHTSV, Tổ quản lý nội trú. Đây là những đơn vị trực tiếp hỗ trợ người học trong quá trình học tập.

3. Tồn tại

Mặc dù Trường đã rất cố gắng trong việc hỗ trợ người học nhưng việc hỗ trợ tư vấn tâm lý lứa tuổi, cách giao tiếp ứng xử,… còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho Trung tâm DVHTSV, Phòng Công tác CT-HSSV cùng các đơn vị tăng cường hoạt động hỗ trợ, tư vấn tâm lý và giao tiếp ứng xử cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiểu biết và tôn trọng luật pháp, cũng như các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội qui của Nhà trường cho người học. Phòng Công tác CT - HSSV là đơn vị đầu mối, thường trực tổ chức triển khai thực hiện công tác này [H6.6.6.01].

Trong Tuần SHCD đầu năm, Nhà trường đã tuyên truyền, phổ biến cho người học các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Trung ương về GD&ĐT [H6.6.6.02]. Qua đó, giáo dục cho người học về đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật. Riêng đối với LHS Lào, vào đầu năm học Nhà trường đã tổ chức cho tất cả các em được học tập quán triệt Qui chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và các qui định của Nhà trường trên cơ sở đó các em đều phải ký cam kết chấp hành [H6.6.6.03], [H6.6.6.04].

Ngoài ra, Phòng Công tác CT-HSSV đã phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể để triển khai cho người học ký cam kết chấp hành pháp luật về ATGT, ANTT, không sản xuất mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, pháo nổ trái phép và bài trừ các tệ nạn xã hội, không vi phạm qui chế thi,… [H6.6.6.05].

Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp cho người học còn được Nhà trường triển khai thường xuyên thông qua việc tổ chức và tham gia nhiều hội thi như: "Lái xe an toàn", "Sinh viên với an toàn giao thông", "Sinh viên Hà Tĩnh với An toàn giao thông" và các cuộc thi hiểu biết pháp luật cấp trường với tỉ lệ người học tham gia đạt gần 100%. Qua cuộc thi đã có nhiều tập thể và cá nhân đạt được các giải thưởng cao như đội tuyển Trường ĐHHT đạt giải Nhì cuộc thi "Sinh viên với an toàn giao thông" khu vực Bắc Trung Bộ do Bộ GD&ĐT phối hợp với UBATGT quốc gia tổ chức tại Trường Đại học Vinh năm 2013, đạt giải khuyến khích toàn đoàn và giải nhất phần thi tiểu phẩm cuộc thi "Sinh viên Hà Tĩnh với an toàn giao thông do Ban ATGT Tỉnh tổ chức năm 2014 [H6.6.6.06], [H6.6.6.07].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị, hội thảo và mời các chuyên gia về báo cáo, diễn thuyết cho người học như diễn đàn sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính, Hội nghị về phòng chống ma túy, diễn đàn Sinh viên khởi nghiệp; các lớp chuyên đề bồi dưỡng kĩ năng mềm, kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp [H6.6.6.08], [H6.6.6.09].

Nhà trường thường xuyên mời cán bộ Ban tuyên giáo Tỉnh, các báo cáo viên trong và ngoài trường nói chuyện chuyên đề và tuyên truyền cho người học về "Tình hình chính trị, KTXH trong nước và quốc tế", các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nội dung "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" [H6.6.6.10].

Hàng năm, Nhà trường đã điều sinh viên với số lượng lớn tham gia các sự kiện của Tỉnh. Từ 2012-2017 điều động hơn 3.000 lượt người học tham gia các sự kiện của tỉnh Hà Tĩnh như: Lễ đón nhận Bằng chứng nhận dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Lễ phát động Tuần lễ an toàn vệ sinh thực phẩm - PCCC; Lễ kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ; Lễ vinh danh Bà mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh; biểu diễn trong chương trình "Tiếng thơ ai động đất trời" kỷ niệm 250 ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, danh nhân văn hóa thế giới,… [H6.6.6.11], [H6.6.6.12]. Tham gia vào những hoạt động văn hoá này giúp người học vun đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước và lòng tự hào dân tộc.

Từ năm từ 2012 đến nay, Trường ĐHHT được UBND Tỉnh giao đỡ đầu xây dựng Nông thôn mới cho các xã Thạch Hạ (TP Hà Tĩnh), Đức Lĩnh (huyện Vũ Quang), Cẩm Vịnh (huyện Cẩm Xuyên) và Đức Lập (huyện Đức Thọ) [H6.6.6.13]. Hằng năm có hơn 1.000 lượt người học tham gia các hoạt động hỗ trợ Nông thôn mới như quyên góp, ủng hộ nguồn lực và ngày công tham gia xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa,… tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ neo đơn, học sinh nghèo học giỏi, tặng sách, tivi cho các nhà văn hóa các thôn, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ cho các xã [H6.6.6.14], [H6.6.6.15]. Các hoạt

động này đã góp phần giáo dục tinh thần trách nhiệm cho người học đối với địa phương và cộng đồng xã hội.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội qui của Nhà trường cho người học một cách kịp thời và đầy đủ nên trong những năm qua không có người học nào vi phạm nội qui, qui chế; vi phạm pháp luật [H6.6.6.16].

Trong thời gian qua, mặc dù tình hình chính trị, xã hội ở địa phương có nhiều diễn biến phức tạp, các tổ chức phản động hoạt động mạnh, thường xuyên lôi kéo, tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước nhưng người học được định hướng tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, nhận thức chính trị đúng đắn, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh nên không có người học nào tham gia vào các tổ chức này dẫn đến vi phạm pháp luật [H6.6.6.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục pháp luật nên người học hiểu biết và chấp hành đúng pháp luật, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Trong 5 năm từ 2012-2017 Nhà trường không có người học nào tham gia vào các tổ chức phản động, biểu tình, vi phạm pháp luật.

3. Tồn tại

Vẫn còn một số ít người học vi phạm các nội quy, quy chế văn hóa học đường của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Phòng Công tác CT-HSSV tiếp tục là đầu mối tuyên truyền, giáo dục ý thức học tập và rèn luyện cho người học, tăng cường các hoạt động nêu gương điển hình người tốt, việc tốt trong học tập và rèn luyện của người học. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng và giáo dục pháp luật, từng bước đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục nâng cao chất lượng và bám sát tình

hình hiện nay, tăng cường công tác giáo dục cho người học hiểu biết và tôn trọng pháp luật, hiểu biết đầy đủ các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, năm 2013 Nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn và giới thiệu việc làm trực thuộc Phòng Công tác HSSV (nay là Phòng Công tác CT-HSSV). Đến năm 2015 đã tách Trung tâm này thành một trung tâm trực thuộc Trường với tên gọi Trung tâm Giới thiệu việc làm và DVHTSV và đến năm 2016 đổi tên thành Trung tâm DVHTSV. Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học, là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường ĐHHT với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm học bổng, giới thiệu thực tập và liên hệ việc làm nhằm mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H6.6.7.01].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức cho người học đi kiến tập và thực tập cuối khóa tại các trường học, các doanh nghiệp, công ty trên địa bàn tỉnh [H6.6.7.02]. Nhà trường đã ký biên bản hợp tác với các doanh nghiệp như Oleco, VNPT, Vietel, Mobifone, Ngân hàng Agribank Hà Tĩnh... [H6.6.7.03]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã tổ chức các chương trình thực tập cho SV các ngành kinh tế, du lịch, nông nghiệp, ngoại ngữ... đi thực tập tại các nước. Năm 2016 và 2017 đưa 16 sinh viên sang thực tập tại Israel, năm 2017 đưa 34 sinh viên sang thực tập tại Nakhon Phanom (Thái Lan), 09 sinh viên thực tập một năm có hưởng lương theo chương trình liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Đài Loan [H6.6.7.04], [H6.6.7.05], [H6.6.7.06]. Đối với sinh viên các ngành sư phạm, theo truyền thống hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm và tổ chức các đợt kiến

tập, thực tập tại các trường học để rèn luyện kỹ năng giảng dạy [H6.6.7.07], [H6.6.7.08]. Qua việc thực tập tại các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, người học được tiếp cận với môi trường thực tế, hoạt động kinh doanh, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm. Từ đó, người học có nhiều khả năng để tìm kiếm việc làm hơn.

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã giao cho Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Kỹ năng mềm phối hợp với các đơn vị tổ chức đào tạo được 283 lớp Kỹ năng mềm, Tin học, Ngoại ngữ với số học viên đăng ký tham gia là 7.338 người [H6.6.7.09], [H6.6.7.10]. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng này được tổ chức nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm tăng cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Để giúp sinh viên của Trường có thể tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, Trường ĐHHT thường xuyên tổ chức các hoạt động Hội chợ giới thiệu việc làm, Ngày hội tuyển dụng, quảng bá tuyển sinh…[H6.6.7.08]. Từ năm 2012-2017, Trung tâm DVHTSV tổ chức được 11 Hội nghị tư vấn và giới thiệu việc làm với 30 doanh nghiệp tham gia [H6.6.7.11]. Bên cạnh đó, Trung tâm còn phối hợp với 394 doanh nghiệp để giới thiệu 2431 vị trí tuyển dụng trên Wesite, Facebook của Nhà trường và Trung tâm (Website: http://cecss.htu.edu.vn/; Facebook trung tâm:

https://www.facebook.com/profile.php?id=100007419555735) [H6.6.7.12].

Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên kết nối với sàn giao dịch việc làm Hà Tĩnh để nắm bắt thông tin tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp [H6.6.7.13].

Song song với các hoạt động hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, trong thời gian qua, Trường đã có nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo như: rà soát và điều chỉnh CTĐT [H6.6.7.14], đổi mới phương pháp giảng dạy [H6.6.7.15], tăng cường CSVC [H6.6.7.16]. với

mục tiêu đào tạo ra những giáo viên, kỹ sư, cử nhân đáp ứng được yêu cầu của vị trí công việc đã nêu trong chuẩn đầu ra của CTĐT [H6.6.7.17].

Đồng thời, Nhà trường cũng rất chú trọng đến công tác khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát về tình hình việc làm, thu nhập của SV trong năm đầu sau khi tốt nghiệp. Số liệu khảo sát cho thấy tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2013 là 60,95%; năm 2014 là 62,95%; năm 2015 là 66,73%; năm 2016 là 79,59%; năm 2017 sau 4 tháng tốt nghiệp kết quả khảo sát có tỷ lệ là 71,94% (số liệu % tính theo tỷ lệ SV có việc làm/số SV được điều tra có phản hồi) [H6.6.7.18], [H6.6.7.19], [H6.6.7.20]. Điều này cho thấy các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường đã có hiệu quả tích cực trong tăng tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Từ những hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giới thiệu việc làm mà tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo hàng năm có tỷ lệ cao.

3. Tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động, việc làm tại Lào và việc lấy ý kiến phản hồi của LHS Lào sau khi tốt nghiệp còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho Trung tâm DVHTSV phối hợp với Phòng QHĐN&TT khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và việc làm tại Lào; phối hợp Trung tâm CNTT thiết kế câu hỏi điều tra bằng tiếng Lào và ứng dụng CNTT để điều tra trực tuyến LHS Lào.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo của Nhà trường là nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, người học tốt nghiệp ra trường không những có khả năng tìm việc làm mà còn tự tạo ra việc làm cho chính bản thân. Chính vì thế, Nhà trường đã chú trọng phát triển CTĐT theo hướng phát triển kỹ năng, năng lực, tăng thời lượng thực hành nhằm tăng khả năng tìm kiếm việc làm cho SV [H6.6.8.01]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức cho người học đi kiến tập và thực tập cuối khóa tại các trường học, các doanh nghiệp, công ty trên địa bàn tỉnh [H6.6.8.02]. Đối với SV các ngành sư phạm, theo truyền thống hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm và tổ chức các đợt kiến tập, thực tập tại các trường học để rèn luyện kỹ năng giảng dạy [H6.6.8.03], [H6.6.8.04].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học tốt nghiệp ra trường, có mời tham dự của các cựu HSSV của trường để chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình phỏng vấn tìm việc làm, họ là những người đã thành đạt trong công tác, từ đó giúp người học chuẩn bị tốt nghiệp ra trường có thêm kinh nghiệm [H6.6.8.05], [H6.6.8.06].

Từ năm 2013, Nhà trường đã giao cho Bộ phận Giới thiệu việc làm thuộc Phòng Công tác CT-HSSV (nay là Trung tâm DVHTSV) làm đầu mối khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp qua các kênh như điện thoại trực tiếp, khảo sát bằng phiếu hỏi, email, facebook... [H6.6.8.07]. Kết quả khảo sát cho thấy, sau khi ra trường đa số SV đã đi làm, có thu nhập, bên cạnh đó vẫn còn một số tìm được việc làm nhưng chưa đúng với ngành được đào tạo; có trên 80% người học của Nhà trường có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp, trong đó có 80% có việc làm đúng ngành đào tạo, mức thu nhập bình quân khoảng 3 triệu đồng/tháng. Một số em tự thành lập công ty, doanh nghiệp, một số thay đổi nơi làm việc thường xuyên

và có những em cùng một thời điểm làm việc cho nhiều công ty. Đánh giá chung, việc làm của người học sau khi tốt nghiệp rất đa dạng. Theo điều tra hàng năm thì người học ở một số ngành như Sư phạm Mầm non, Du lịch sau khi tốt nghiệp có việc làm 100% [H6.6.8.08], [H6.6.8.09]. Cụ thể, số lượng sinh viên được khảo sát và tỉ lệ có việc làm được trình bày cụ thể trong Bảng 6.2.

Bảng 6.2: Thống kê khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	Số Sinh viên tốt nghiệp (1)	Số người được khảo sát (2)	Tỉ lệ được khảo sát (%)	Tỉ lệ có việc làm (Số sinh viên có việc làm/ Số SV được khảo sát)
2013	2113	1178	55,75	60,95
2014	2207	1460	66,15	62,95
2015	889	506	56,92	66,8
2016	517	312	60,35	82,05
2017	499	798	62,53	71,94

Nhà trường thường xuyên nắm bắt thông tin từ phía các nhà tuyển dụng để đánh giá nhận xét về chất lượng SV khi tiếp cận với công việc và có sự phản hồi ý kiến nhận xét từ phía nhà tuyển dụng. Đặc biệt là khu kinh tế lớn của tỉnh như khu kinh tế Vũng Áng Hà Tĩnh [H6.6.8.10].

2. Điểm mạnh

Người học được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất của người học cần thiết để sinh viên có khả năng tìm được việc làm và tự tạo việc làm ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

3. Tồn tại

Còn có người học sau khi tốt nghiệp đang làm việc không đúng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho Trung tâm DVHTSV có giải pháp hỗ trợ, tư vấn định hướng việc làm lựa chọn ngành học ngay từ khi vào

Trường và trong suốt quá trình học tập phù hợp với nhu cầu của thị trường việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng dạy và học, từ năm 2012 Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ [H6.6.9.01] và lấy ý kiến của người học sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của khoá học [H6.6.9.02]. Nhiệm vụ này được giao cho Phòng ĐBCL là đơn vị chủ trì phối hợp với các khoa/bộ môn và các đơn vị liên quan thực hiện [H6.6.9.03].

Nội dung trọng tâm của công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là khảo sát mức độ hài lòng của người học sau khi kết thúc học phần về các vấn đề liên quan như thái độ, tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá,…[H6.6.9.04]. Hoạt động lấy ý kiến người học sắp tốt nghiệp về chất lượng khoá đào tạo tập trung khảo sát mức độ hài lòng của người học về chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo và chương trình đào tạo, mức độ đáp ứng các kiến thức và kỹ năng cần thiết, chất lượng các hoạt động dạy và học; mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu; mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng dạy và đội ngũ phục vụ; chất lượng phục vụ và các dịch vụ hỗ trợ học thuật cũng như các ý kiến góp ý khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H6.6.9.05].

Trường hướng dẫn quy trình người học đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng khoá đào tạo, quy trình xử lý số liệu, báo cáo và các hoạt động sau đánh giá theo quy định chung của Bộ GD&ĐT [H6.6.9.06]. Trước khi thực hiện lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của

khoá học, Nhà trường xây dựng kế hoạch yêu cầu các khoa tổ chức quán triệt và phổ biến để người học hiểu được ý nghĩa và lợi ích của hoạt động này để người học tham gia đánh giá một cách đầy đủ, tích cực, khách quan [H6.6.9.01], [H6.6.9.02]. Việc lấy ý kiến của người học được triển khai trên toàn bộ các hệ đào tạo với các hình thức, công cụ khác nhau để phù hợp với từng loại hình đào tạo tương ứng. Đối với hệ đào tạo đại học chính quy, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến trực tuyến thông qua phần mềm tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của Trường [H6.6.9.07]. Đối với các hệ đào tạo khác, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi qua việc phát phiếu giấy [H6.6.9.08]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV (từ năm 2012-2017) cho thấy hơn 90% người học hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV [H6.6.9.09]; Chất lượng đào tạo của khoá học cũng được đánh giá tốt với hơn 90% sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H6.6.9.10]. Cụ thể: số lượng môn học/học phần và số lượng giảng viên được đánh giá được trình bày trong Bảng 6.3, số lượng người học tham gia đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp được trình bày trong Bảng 6.4.

Bảng 6.3: Bảng thống kê đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên

Năm	Đánh giá môn học			Đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên		
	Tổng số học phần/môn học	Số học phần/môn học được đánh giá	Tỉ lệ %	Tổng số giảng viên (cả thỉnh giảng)	Số giảng viên được đánh giá	Tỉ lệ %
2013-2014	1038	823	79.29	215	145	67,44
2014-2015	888	849	95.61	239	163	68,20
2015-2016	844	806	95.50	251	158	62,95
2016-2017	841	799	95.01	261	164	62,84
2017-2018	695	652	93.81	255	121	47,45

Bảng 6.4: Thống kê người học đánh giá chất lượng đào tạo trước khi tốt nghiệp hệ chính quy

Năm	Số SV tốt nghiệp	Số người được khảo sát	Số người trả lời	Tỉ lệ %	Ghi chú
2013-2014	2006	1313	1182	90,02	Hệ chính quy
	498	498	492	98,80	Hệ VLVH
2014-2015	1041	1026	948	92.40	Hệ chính quy
	672	672	644	95,83	Hệ VLVH
2015-2016	597	552	499	90,40	Hệ chính quy
	252	252	250	99,21	Hệ VLVH
2016-2017	1098	800	765	95,63	Hệ chính quy
	215	215	213	99,07	Hệ VLVH

Việc tổ chức cho người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp đã được thực hiện thường xuyên ở Trường. Các ý kiến nhận xét, góp ý của người học bao gồm cả sinh viên hệ chính quy và hệ VLVH đã giúp Nhà trường có đánh giá cụ thể về đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo và công tác phục vụ giảng dạy. Qua đó có các biện pháp cụ thể, tích cực để cải tiến phương pháp dạy, điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho người học [H6.6.9.11], [H6.6.9.12], [H6.6.9.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng quy trình và tạo điều kiện thuận lợi để người học của các hệ đào tạo đều được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp. Phần lớn sinh viên có ý thức tự giác và thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Tồn tại

Vẫn còn người học chưa ý thức được ý nghĩa của hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của khoá học nên chưa thực hiện việc đánh giá một cách có tinh thần trách nhiệm cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng ĐBCL chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tư vấn, hướng dẫn, phổ biến cho người học để nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hoạt động đánh giá và ý thức trách nhiệm của người học trong quá trình đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Nhà trường luôn tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nội qui, qui định cho người học trong tuần "Sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa và đầu năm. Phòng Công tác CT - HSSV của Trường có nhiệm vụ đảm bảo các chế độ, chính sách xã hội đối với người học. Công tác Đảng và đoàn thể trong Nhà trường phát triển mạnh có tác dụng đối với việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Các hoạt động VHVN, TDTT luôn được quan tâm, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho người học. Việc tổ chức cho người học đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo của Nhà trường,… đã được triển khai có hiệu quả. Từ đó có những biện pháp kịp thời điều chỉnh để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học cũng như của xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế như: hầu hết người học tốt nghiệp ra trường đã tìm được việc làm nhưng việc làm không ổn định, một số việc làm không đúng với ngành được đào tạo ở Trường; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học đôi lúc còn chưa kịp thời.

Tự đánh giá: Đạt 9/9 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 7. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Trong những năm qua, Trường ĐHHT đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý hoạt động NCKH trong CB, GV và SV toàn trường. Đối với GV, ngoài công tác giảng dạy, hoạt động NCKH luôn được gắn liền với biên soạn các bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo môn học; chủ trì đề tài NCKH các cấp; viết bài cho tạp chí, hội nghị, hội thảo trong và ngoài trường. Đối với sinh viên, hoạt động NCKH gắn với nghiên cứu đề tài, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp…

Nhà trường đã có kế hoạch và chủ động đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trên cả ba bình diện: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Hầu hết giảng viên chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt. Kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong Trường đã được công bố trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, cơ sở vật chất của Trường được tăng cường, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường, đồng thời đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và sự phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Để quản lý, tổ chức hoạt động KHCN đúng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu phát triển, Trường đã thành lập Phòng QLKH (tiền thân là Phòng NCKH&HTQT) [H7.7.1.01]. Đội ngũ cán bộ của Phòng gồm 06 người, trong đó có 01 giáo sư, 02 người có trình độ tiến sĩ và 03 người có trình độ cử nhân [H7.7.1.02].

Trường ĐHHT đã xác định NCKH là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng đội ngũ cũng như nâng cao uy tín và vị thế của Nhà trường. Vì thế, chiến lược phát triển về lĩnh vực KHCN là một nội dung trọng tâm trong "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030". Trong đó, các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện đều được xây dựng rất rõ ràng, cụ thể. Mục tiêu chiến lược về NCKH xác định rõ: (i) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trường ĐH Hà Tĩnh theo hướng tăng cả về số lượng và chất lượng các công trình khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế. (ii) Nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống. Để đạt được các mục tiêu đó các công trình NCKH cần được tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, tăng các đơn đặt hàng về các sản phẩm KHCN và kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong thực tiễn [H7.7.1.03]. Căn cứ vào Chiến lược phát triển KHCN của quốc gia, của tỉnh Hà Tĩnh và Kế hoạch chiến lược phát triển chung của Nhà trường, Trường ĐHHT đã xây dựng Kế hoạch hoạt động KHCN trung hạn và dài hạn phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng nghiên cứu và phát triển đã xác định [H7.7.1.04], [H7.7.1.05], [H7.7.1.06].

Trên cơ sở kế hoạch trung hạn và dài hạn, Phòng QLKH xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm và tổ chức thực hiện [H7.7.1.07]. Căn cứ vào kế hoạch được xây dựng, các hoạt động KH&CN của nhà trường được triển khai đồng bộ ở các cấp, theo các quy trình thống nhất. Đề tài KHCN cấp cơ sở, giáo trình, tài liệu học tập do Nhà trường quản lý được triển khai theo Quy định quản

lý KHCN của nhà trường [H7.7.7.08], việc đăng ký tên đề tài và xét duyệt bắt đầu từ cấp Khoa và các đơn vị trực thuộc, sau đó Phòng QLKH tổng hợp và lập danh mục [H7.7.1.09]. Nhà trường tổ chức Hội đồng xét duyệt danh mục đề tài, Hội đồng đánh giá tuyển chọn chủ trì đề tài và sau đó ban hành quyết định triển khai hoặc ký hợp đồng triển khai đề tài với các chủ nhiệm đề tài [H7.7.1.10]. Để đảm bảo các đề tài, dự án KHCN được thực hiện đúng tiến độ, hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện các đề tài NCKH [H7.7.1.11]. Kết thúc thời gian nghiên cứu nhà trường tiến hành lập hội đồng nghiệm thu cho các đề tài [H7.7.1.12].

Đối với đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, việc triển khai đăng ký đề xuất được thực hiện đến từng đơn vị và GV. Phòng QLKH tổng hợp và hỗ trợ việc thực hiện các công tác chuẩn bị đăng ký đề tài các cấp. Sau khi nhận được đề tài, hoạt động triển khai được thực hiện theo đúng kế hoạch được phê duyệt, thỏa thuận giữa hai bên [H7.7.1.13].

Các hội nghị, hội thảo khoa học, là cầu nối để các nhà khoa học có điều kiện tiếp cận, chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp được nhà trường triển khai hàng năm. Trong những năm qua, Nhà trường thường xuyên tổ chức các Hội thảo, Hội nghị khoa học, các buổi tọa đàm; cử cán bộ tham gia các hoạt động KHCN như triển lãm KHCN, tổ chức hội thảo khoa học chuyên ngành, thuyết trình khoa học [H7.7.1.14].

Năm 2012, Nhà trường đã được Bộ Thông tin Truyền thông cấp giấy phép cho phép nâng cấp thông báo khoa học của nhà trường thành tạp chí khoa học; được Cục TT&CN quốc gia cấp mã số chuẩn quốc tế ISSN - 0866 - 7594 [H7.7.1.15]. Tạp chí hoạt động mục đích đăng tải nội dung các đề tài, các công trình nghiên cứu KHCN nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của CB, GV và SV nhà trường. Từ năm 2013, Hội đồng chức danh GS nhà nước đã công nhận Tạp chí Khoa học của trường được tính điểm cho các bài báo khoa học thuộc nhóm tạp chí chuyên ngành: Văn hóa, Nghệ thuật, Du lịch [H7.7.1.16].

Hoạt động NCKH của SV, nhà trường luôn quan tâm và triển khai đều đặn hàng năm. Trên cơ sở kết quả hoạt động NCKH của SV hàng năm của các đơn vị, Nhà trường lập kế hoạch và triển khai hội nghị SV NCKH cấp trường [H7.7.1.17]. Với sự quan tâm của Nhà trường, trong 5 năm qua đã có tổng cộng 87 đề tài của sinh viên tham dự hội nghị SV NCKH cấp trường, được đánh giá và trao giải thưởng, nhiều sinh viên đạt giải cao trong cuộc thi [H7.7.1.18].

Từ năm 2013-2017, nhà trường đã đầu tư 16,1 tỷ đồng cho hoạt động KHCN, bình quân mỗi năm là 3,22 tỷ đồng [H7.7.1.19]. Kết quả, cán bộ, giảng viên nhà trường đã triển khai thực hiện 34 đề tài cấp trường, 13 đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh và 2 đề tài cấp Nhà nước [H7.7.1.20].

Từ năm học 2016-2017, trường đã nâng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu cấp trường và cấp trường trọng điểm từ 6-10 triệu đồng lên 20 đến 35 triệu đồng trên mỗi đề tài [H7.7.1.21]. Nhà trường đã thành lập 6 nhóm nghiên cứu gồm tập hợp các nhà khoa học thuộc cán bộ, giảng viên của nhà trường, mỗi nhóm có quy chế hoạt động và hướng nghiên cứu riêng [H7.7.1.22]. Các nhóm từ khi thành lập đến nay đã hoạt động rất tích cực và có nhiều đóng góp cho hoạt động NCKH của Trường.

Tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá thành quả cũng như những hạn chế, tồn tại trong năm vừa qua, đặc biệt chú trọng sự phù hợp của hoạt động KHCN thường niên với chiến lược phát triển về KHCN của Trường, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục và hướng phát triển cho năm tới [H7.7.1.23]. Các sản phẩm NCKH tương ứng với Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ hàng năm.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường; kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm được thực hiện theo đúng thủ tục, qui trình, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của Trường.

3. Tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch KHCN đôi khi chưa kịp thời trước những biến động bất ngờ về KTXH, môi trường của địa phương.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Ban rà soát, điều chỉnh kế hoạch nghiên cứu KHCN thường xuyên nghiên cứu, dự báo những biến động bất ngờ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã và đang chủ trì thực hiện 49 đề tài NCKH các cấp, số lượng đề tài có xu hướng tăng hàng năm [H7.7.2.01]. Tổng số cán bộ cơ hữu hiện nay của nhà trường là 303 người. Bình quân tỉ lệ số đề tài trong 5 năm của từng cán bộ cơ hữu là 0,1122 (Bảng 7.1). Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch KHCN và phổ biến cho từng đơn vị đăng ký triển khai. Các loại hình hoạt động KHCN của Nhà trường rất phong phú và đa dạng, bao gồm các đề tài, dự án, hội nghị, hội thảo, NCKH của SV… [H7.7.2.02].

Bảng 7.1. Số lượng đề tài NCKH và CGCN của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	Tổng số
1	Đề tài cấp NN	1	0	0	1	0	**2**
2	Đề tài cấp Bộ*	3	1	1	2	6	**13**
3	Đề tài cấp trường	7	3	2	6	16	**34**
	Tổng	**11**	**4**	**3**	**9**	**22**	**49**

Nhằm đảm bảo các đề tài NCKH được thực hiện đúng hạn và đạt chất lượng, việc xét chọn danh mục đề tài, tuyển chọn tập thể, cá nhân thực hiện được Nhà trường căn cứ vào kết quả đánh giá thuyết minh đề tài, năng lực của chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia, các điều kiện đảm bảo và sự phù hợp của dự toán

kinh phí [H7.7.2.03], [H7.7.2.04], [H7.7.2.05], [H7.7.2.06]. Sau khi xét duyệt thuyết minh đề tài, Hiệu trưởng Nhà trường giao nhiệm vụ cho các cá nhân và các nhóm chủ động triển khai các công việc theo kế hoạch. Nhà trường luôn chỉ đạo sát sao việc thực hiện các hoạt động KHCN, để kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ và đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra [H7.7.2.07].

Hằng năm, căn cứ vào quyết định phê duyệt về việc giao nhiệm vụ và kế hoạch thực hiện, Nhà trường thông báo tới chủ nhiệm các đề tài/dự án về nội dung và kế hoạch nghiệm thu. Quy trình nghiệm thu được thực hiện theo các quy định về nghiệm thu đề tài các cấp đã ban hành [H7.7.2.08], [H7.7.2.09]. Đối với đề tài, nhiệm vụ cấp Tỉnh, Nhà trường phối hợp quản lý tình hình thực hiện đề tài, quyết toán kinh phí hàng năm và thành lập hội đồng nghiệm thu cấp có sở theo đúng quy định [H7.7.2.10]. Trong 5 năm gần đây, tất cả các đề tài KHCN của Trường được tổ chức nghiệm thu đạt yêu cầu, nghiêm túc và đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra [H7.7.2.11]. Từ năm 2012 đến nay, Trường không có đề tài thanh lý trước hạn; nhiều đề tài được đánh giá cao và ứng dụng trong thực tiễn và Trường đã có quy định khen thưởng đối với các đề tài cấp cơ sở nghiệm thu đúng hạn, xếp loại tốt, xuất sắc [H7.7.2.12], [H7.7.2.13].

Đối với đề tài NCKH của SV, Nhà trường giao cho các khoa chủ động quản lý, tổ chức nghiệm thu theo kế hoạch. Tính đến nay, tất cả các đề tài NCKH của SV đều được nghiệm thu đạt yêu cầu, nhiều đề tài có chất lượng tốt, được giải thưởng SV NCKH cấp Trường và được Trường gửi đi báo cáo tại hội nghị SV NCKH toàn quốc [H7.7.2.14], [H7.7.2.15], [H7.7.2.16].

Ngoài việc tham gia các đề tài dự án, các GV của trường đã làm chủ biên hoặc đồng tác giả của các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo. Trong 5 năm qua, GV của nhà trường đã viết 12 sách chuyên khảo, 15 giáo trình, 12 sách tham khảo và sách hướng dẫn [H7.7.2.17].

Bảng 7.2. Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, khách tham khảo của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Số lượng					
		2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	Tổng
1	Sách chuyên khảo	0	0	2	2	8	12
2	Sách giáo trình	3	0	3	1	8	15
3	Sách tham khảo	1	1	0	2	6	10
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	1	1	2
Tổng		**4**	**1**	**5**	**6**	**23**	**39**

2. Điểm mạnh

Số lượng đề tài NCKH của CBGV thực hiện có xu hướng tăng hàng năm. Quy trình nghiệm thu các đề tài của Nhà trường chặt chẽ, khoa học và hợp lý, đảm bảo việc thực hiện nghiệm thu đề tài các cấp đạt yêu cầu và đúng kế hoạch.

3. Tồn tại

Việc chủ trì thực hiện đề tài NCKH các cấp hiện chủ yếu đang tập trung vào một số CBGV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao phòng QLKH tham mưu chính sách tạo điều kiện khuyến khích nhiều CBGV tham gia chủ trì thực hiện đề tài NCKH các cấp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Để đánh giá chất lượng hoạt động KHCN của giảng viên, Nhà trường yêu cầu tất cả các giảng viên trong trường đều phải tham gia các hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó bài viết đăng trên tạp chí khoa học chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên trong nhà trường

[H7.7.3.01]. Giai đoạn từ năm 2012-2017, Trường ĐHHT có số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài/dự án NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Trường. Cụ thể, trong 5 năm qua, Trường đã hoàn thành 49 đề tài các cấp [H7.7.3.02]. Về bài báo khoa học, theo thống kê, từ năm 2012-2017, CBGV của Nhà trường đã công bố 52 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 325 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 22 bài công bố trên các tập san cấp trường, 330 bài báo được đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, 95 bài báo được đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia [H7.7.3.03].

Bảng 7.3: Số lượng bài báo khoa học của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại tạp chí	Số lượng					Tổng số
		2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	
1	Tạp chí quốc tế	6	0	7	6	33	52
2	Tạp chí trong nước	34	43	42	61	145	325
3	Tập san trong trường	22		0	0	0	22
4	Hội thảo quốc tế	5	3	10	216	96	330
5	Hội thảo quốc gia	4	7	8	23	53	95
6	Hội thảo cấp trường	20	13	15	21	152	221
	Cộng	**91**	**66**	**82**	**228**	**578**	**1045**

Tỷ lệ bình quân số bài đăng tạp chí và báo cáo kỷ yếu khoa học công bố trên một cán bộ cơ hữu trên một năm là 1,366 và 1,4282. Các bài báo của cán bộ, giảng viên Nhà trường đều có nội dung trình bày, mô tả kết quả nghiên cứu thuộc những lĩnh vực khoa học mà Trường đang đào tạo và nghiên cứu, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, khoa học tự nhiên, quản lý giáo dục, du lịch,…. [H7.7.3.04]. Giảng viên của trường cùng đồng tác giả trong các bài bài báo quốc tế có chỉ số tác động (IF) trong cộng đồng học thuật cao [H7.7.3.05]. Điển hình là trường đã có giảng viên được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trao thưởng công trình Toán học trong chương trình trọng điểm quốc gia phát triển toán học giai đoạn 2010 - 2020 [H7.7.3.06]. Từ năm

2013, Nhà trường quy định đề tài NCKH cấp trường trở lên đều phải có công bố khoa học [H7.7.3.07]. Chính vì thế, nhiều bài báo là kết quả của các đề tài/dự án KHCN các cấp [H7.7.3.08], tính trung bình có 21,33 bài báo/đề tài quy đổi.

Nhà trường luôn khuyến khích CBGV công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trường có chế độ hỗ trợ kinh phí cho bài báo khoa học được đăng trên tạp chí nước ngoài (có chỉ số SCI và IF) [H7.7.3.09]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng định mức 200 giờ NCKH/bài báo trong nước và 300 giờ NCKH/bài báo quốc tế [H7.7.3.10]. Những chính sách này đã thực sự có tác dụng khuyến khích các hoạt động viết và đăng bài trên các tạp chí. Các kết quả đạt được hoàn toàn phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường là phát triển đào tạo và NCKH các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, quản trị kinh doanh, lý luận chính trị,... [H7.7.3.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Trường.

Số lượng bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế tăng hàng năm.

Trường có tạp chí KH&CN để công bố các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài Trường.

3. Tồn tại

Việc công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế mới chỉ tập trung vào một số CBGV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao phòng QLKH tham mưu, đề xuất các biện pháp để xây dựng và hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh để đẩy mạnh hoạt động công bố quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy định về việc xét duyệt, cấp kinh phí triển khai khi các đề tài, dự án chứng minh được tính mới, tính khoa học và khả năng ứng dụng thực tiễn. Nhờ vậy 100% đề tài của Trường thực hiện được Hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học và được triển khai thực hiện. Một số đề tài, bài báo khoa học có giá trị ứng dụng thực tế vào giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng. Một số công trình NCKH điển hình như:

- Đề tài " *Từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành Việt - Lào* " (2016) do GS, TS Nguyễn Văn Đính chủ trì đã góp phần hỗ trợ cho việc học tập và giảng dạy tiếng Lào của sinh viên và cán bộ, giáo viên trường Đại học Hà Tĩnh, trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, trường Cao đẳng Nghề Việt Đức Hà Tĩnh, trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch,…đồng thời nó còn là tài liệu dành cho các nhà khoa học, độc giả nghiên cứu các từ điển chuyên ngành Việt – Lào. Hiện nhà trường đã liên kết xuất bản ấn phẩm tại Lào [H7.7.4.01].

- Đề tài "*Chiến lược đô thị hóa gắn với phát triển bền vững" (2014-2016)* do PGS, TS Nguyễn Đình Thọ thực hiện đã đề xuất những mô hình, chiến lược phát triển đô thị gắn với phát triển bền vững nền kinh tế, đề tài là tài liệu hữu ích cho việc tham khảo xây dựng phát triển một nền kinh tế đô thị hiện đại trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay [H7.7.4.02].

- Đề tài cấp tỉnh: *"Nghiên cứu một số vấn đề trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo hiện nay ở Hà Tĩnh"* (2015) của tác giả TS Nguyễn Hoài Sanh đã phản ánh đời sống tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay ở Hà Tĩnh, các vấn đề còn tồn tại và giải pháp để nâng cao hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phát huy đời sống tinh thần cho một số bộ phận dân cư tỉnh Hà Tĩnh [H7.7.4.03].

- Các bài báo *Vai trò của chính quyền địa phương đối với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại tỉnh Hà Tĩnh* (2016), *Điều chỉnh mô hình tăng trưởng để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Hà Tĩnh* (2016) của tác giả PGS, TS Nguyễn Đình Thọ cũng là những công trình khoa học tiêu biểu góp phần xây dựng đội ngũ và các mô hình kinh tế, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương [H7.7.4.04].

Hiện nay, trường đang tiến hành triển khai đề tài cấp tỉnh *"Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu GIS các nguồn nước thải điểm phục vụ công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh Hà Tĩnh"* với mục tiêu giám sát diễn biến phát thải từ các nguồn thải, phục vụ thuận lợi công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường ở địa phương và cung cấp thông tin cho những nghiên cứu đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm điểm đến môi trường và sức khoẻ cộng đồng [H7.7.4.05].

Các sản phẩm KHCN có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển KTXH của địa phương, được chuyển giao công nghệ cho các đối tác dưới nhiều hình thức khác nhau như đào tạo, hướng dẫn xây dựng mô hình nông thôn mới, dạy nghề,… [H7.7.4.06]. Một số công trình đạt giá trị khoa học cao, có nhiều đóng góp cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn, các công trình khoa học này được đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI/Scoper [H7.7.4.07].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trong thời gian qua của Trường đã có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết một số vấn đề phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có nhiều đề tài thực hiện theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao các khoa, bộ môn tổ chức đẩy mạnh việc đề xuất và tuyển chọn các đề tài mang tính ứng dụng phù hợp với sự

phát triển của Nhà trường và địa phương; Phát huy các hướng nghiên cứu có tính ứng dụng cao, đề xuất các đề tài phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp. Phòng QLKH tham mưu, tổ chức, xây dựng mạng lưới liên kết với các doanh nghiệp, kết nối hoạt động NCKH của nhà trường với cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Là một trường đại học địa phương, do địa phương cấp kinh phí; các hoạt động NCKH không thuộc quyền quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nguồn thu hằng năm của các đề tài, dự án NCKH và chuyển giao công nghệ cấp Bộ, cấp Tỉnh được sử dụng để triển khai đề tài; kinh phí chi cho hoạt động NCKH lấy từ ngân sách tỉnh cấp và nguồn thu của nhà trường. Các khoản chi được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ [H7.7.5.01].

Hằng năm, Nhà trường đã dành một nguồn ngân sách không nhỏ cho việc thực hiện các đề tài, viết bài giảng, tổ chức hội thảo, cử cán bộ tham dự các hoạt động hội thảo, hội nghị về KHCN [H7.7.5.02]. Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường gồm nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp và từ nguồn hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác. Như kinh phí cấp cho đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Tỉnh, cấp Bộ; thu từ bán giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; thu từ các hợp đồng liên kết chuyển giao công nghệ các chương trình trong tỉnh [H7.7.5.03], [H7.7.5.04]. Từ 2013-2017, nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ là hơn 5574,8 triệu đồng, trung bình mỗi năm là 1114,92 triệu đồng. Trường lưu giữ các báo cáo tài chính các khoản chi từ ngân sách của trường cho NCKH và các quyết định phân bổ kinh phí của trường cho các hoạt động KHCN [H7.7.5.05], [H7.7.5.06], [H7.7.5.07].

Bảng 7.3. Thống kê nguồn thu từ NCKH và CGCN từ năm 2013-2017

(đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Nguồn thu/Năm	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng
1	Đề tài/dự án các cấp	740	250	410	260	**523**	**2.183**
2	Chuyển giao công nghệ	209,8	233,2	2.012,60	936	**-**	**3.391,6**
Tổng thu		**950**	**483,2**	**2422,6**	**1196**	**523**	**5.574,6**

(Tổng hợp từ nguồn: [H7.7.5.03])

Để có được nguồn thu như trên, trong những năm qua Nhà trường đã đầu tư cho cán bộ, giáo viên thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ khác nhau, đầu tư nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Từ 2013 đến 2017, Nhà trường đầu tư 16.100 triệu đồng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trung bình mỗi năm hơn 3.220 triệu đồng.

Bảng 7.4: Thống kê chi cho NCKH và CGCN từ năm 2013-2017

(đơn vị tính: triệu đồng)

Chi/Năm	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng
Hoạt động NCKH và CGCN	2.600	3.300	3.400	3.400	3400	**16.100**
Cộng	**2.600**	**3.300**	**3.400**	**3.400**	**3400**	**16.100**

(Tổng hợp từ nguồn: [H7.7.5.02])

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã cố gắng khai thác tối đa các nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ, đóng góp một phần vào nguồn kinh phí tự bổ sung của Nhà trường cho hoạt động này.

3. Tồn tại

Chưa có nhiều đề tài, dự án đem lại nguồn thu lớn cho Nhà trường nên nguồn thu từ NCKH và CGCN còn chưa bù được kinh phí của Trường dành cho các hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường giao cho Phòng QLKH điều chỉnh qui chế, chính sách theo hướng khuyến khích CB, GV tích cực hơn trong việc tìm kiếm các

đề tài NCKH và CGCN bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách. Phấn đấu để đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của Trường dành cho các hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo là yêu cầu bắt buộc đối với CB, GV nhà trường. Trong quá trình xét duyệt đề tài NCKH các cấp của trường, những nhiệm vụ nghiên cứu gắn kết với hoạt động đào tạo, các sản phẩm của đề tài phải là sản phẩm ứng dụng trong đào tạo được ưu tiên tuyển chọn. Các kết quả nghiên cứu của đề tài đã được sử dụng để hướng dẫn sinh viên NCKH, sinh viên làm khóa luận, luận văn thạc sĩ… [H7.7.6.01].

Để thúc đẩy hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, trường có các hoạt động hợp tác với các trường ĐH, học viện, viện nghiên cứu chuyên ngành, các viện nghiên cứu vùng, các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong và ngoài nước:

Nước ngoài: Hợp tác với Học viện kinh tế và Pháp luật Maxcơva, trường Đại học Savannakhet – Lào, trường Đại học Kasetsart, Đại học Nakhon Phanom - Thái Lan, đại học Chungyu - Đài Loan, đại học Nanhua - Đài Loan, Viện Công nghệ Lee - Ming, Viện Công nghệ Tatung - Đài Loan,… bằng các Hợp đồng, biên bản ghi nhớ hợp tác về NCKH [H7.7.6.02]. Trường đã phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) tập huấn cho GV và SV của trường về vấn đề tích hợp thích ứng biến đổi khí hậu vào chương trình đào tạo của Trường [H7.7.6.03]. Trong những năm qua trường đã cử cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động NCKH, hợp tác đào tạo với một số trường ĐH, viện nghiên cứu nước ngoài [H7.7.6.04] và tiếp

nhận các giảng viên các nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại trường [H7.7.6.05]. Thông qua đó, các giảng viên tham gia các khóa học, đào tạo, bồi dưỡng đã hoàn thành và bảo vệ thành công các Luận án tiến sỹ trong và ngoài nước.

Trong nước: Trường đã liên kết với các trường ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐHQGHN,... mở các lớp đào tạo ThS cho CB trong tỉnh và một số CB, GV của Trường các ngành về Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh,... kết quả đào tạo là 100% học viên tốt nghiệp [H7.7.6.06]. Bên cạnh đó, hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ cũng được nhà trường hết sức quan tâm. Trong những năm qua, Trường thường xuyên tổ chức mở các lớp đào tạo, hướng dẫn về xây dựng mô hình Nông thôn mới, dạy nghề, ... với các doanh nghiệp, các huyện, xã trên địa bàn toàn tỉnh [H7.7.7.07].

Kết quả hoạt động KHCN đã đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

Về nguồn lực tài chính:

Bảng 7.5: Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2013	950	1,83% (51.917 trđ)	3,442 (/276 CBCH)
2	2014	483.2	0,69% (70.363 trđ)	1,64354 (/294 CBCH)
3	2015	2422.6	3,19% (75.903 trđ)	8,07533 (/300 CBCH)
4	2016	1196	1,7% (70.184 trđ)	3,88312 (/308 CBCH)
5	2017	523	0,85% (61.565 trđ)	1,81822 (/303 CBCH)
Tổng		**5574.6**	**8,26%**	**3,76408 (1481 CBCH)**

(Tổng hợp từ nguồn: [H7.7.6.11])

Trong khuôn khổ hợp các hợp đồng hợp tác nhà trường đã được hỗ trợ nhiều tài liệu, sách báo, giáo trình và thiết bị nghiên cứu như nhận được tài trợ của quỹ Hỗ trợ Cộng đồng Lawrence S.Ting tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tiến sĩ Nguyễn Hướng Việt, phòng thực hành Trường ĐHHT đã được tiếp nhận một bộ thiết bị

NHV - CAM vào tháng 6/2015 phục vụ thực hành và nghiên cứu sinh học,…. [H7.7.6.06].

Về phát triển nguồn nhân lực:

Hoạt động NCKH của Trường ĐHHT trong những năm qua đóng góp vào phát triển nguồn nhân lực của nhà trường, nhất là xây dựng đội ngũ NCKH bằng nhiều hình thức, như:

(i) Tổ chức Hội thảo khoa học các cấp. Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều Hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia, tiêu biểu là: Hội thảo Quốc gia: "Đánh giá chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ sau một chu kì thực hiện" (2015), "Phát triển nguồn nhân lực Hà Tĩnh trong thời kỳ hội nhập" (2016) Trường Đại học Hà Tĩnh phối hợp với các trường đại học, các học viện trong nước và quốc tế tổ chức các buổi hội thảo "Cộng đồng ASEAN - Khởi đầu và triển vọng" (2016); Hội thảo quốc tế "Ứng dụng phân tích không gian trong quản lý Tài nguyên và Môi trường" (2016), tham dự hội thảo là các chuyên gia đến từ trường đại học Portland State, Dự án lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam,...; Năm 2017, các Hội thảo Quốc tế: "Quản lý Môi trường và Phát triển bền vững", "Toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững", "Phát triển du lịch bền vững các nước tiểu vùng sông Mekong" - được tổ chức tại Trường Đại học Nakhon Phanom, Thái Lan,… với sự tham gia của đông đảo các nhà nghiên cứu trong và ngoài trường đến từ các trường ĐH, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp. Đây là diễn đàn tạo môi trường giao lưu học hỏi giữa CB trong Trường với các nhà khoa học trong và ngoài nước [H7.7.6.08], [H7.7.6.09].

(ii) Triển khai thực hiện các đề tài. Đề tài "*Đánh giá thực trạng đô thị hóa gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam từ khi Đổi mới (Đề tài nhánh 2 thuộc đề tài Nhà nước KX.01.16/11-15 "Chiến lược đô thị hóa gắn với phát triển bền vững*", thuộc Chương trình *"Nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020",* mã số KX.01/11-15". (2014 – 2016) của tác giả PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ xác định mục tiêu đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững đến

năm 2025 tầm nhìn 2050 là: Hình thành hệ thống đô thị Việt Nam nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng trên toàn lãnh thổ gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phù hợp với thực tiễn theo từng giai đoạn; Hiện đại hóa hệ thống đô thị hiện có theo hướng xây dựng đô thị phát triển bền vững thông minh. Đề tài mang lại những đóng góp cho việc phân bố đô thị bền vững theo vùng lãnh thổ, định hướng phát triển các đô thị theo các chỉ tiêu cơ bản của đô thị đặc biệt, đô thị lớn, đô thị vừa, đô thị nhỏ và đô thị đặc thù trong tương lai; Đề tài cấp tỉnh "*Nghiên cứu nâng cao năng lực đào tạo gắn với đào tạo chất lượng cao tại Trường Đại học Hà Tĩnh"* (2013) của TS Cao Thành Lê đã nghiên cứu thực trạng đội ngũ cán bộ giảng viên trong nhà trường, thực trạng đào tạo tại Trường ĐHHT, phương hướng, nhiệm vụ đào tạo chất lượng cao trong thời gian sắp tới. Muốn vậy, cần phải nâng cao năng lực đào tạo của đội ngũ cán bộ giảng viên gắn với đào tạo chất lượng cao. Đề tài là cơ sở để trường thành lập các chương trình đào tạo chất lượng cao, góp phần vào việc phát triển trường đại học Hà Tĩnh trong thời gian tới; Sách tham khảo: "*Chương trình giáo dục đại học đào tạo giáo viên vật lý THPT"* (2013) của tác giả Đoàn Hoài Sơn, Mai Văn Trinh là sự hợp tác giữa nhóm nghiên cứu trường đại học Hà Tĩnh và Bộ GD&ĐT thực hiện, tài liệu đã đề xuất một chương trình giáo dục đào tạo cơ bản và hữu ích dành cho việc đào tạo riêng đội ngũ giáo viên vật lý khối THPT; Đề tài: *"Nghiên cứu các giải pháp để hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh"* (2015) của tác giả TS Bùi Thị Quỳnh Thơ được thực hiện trên cơ sở đánh giá nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và ý kiến từ các chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, đề xuất của sinh viên, qua đó đã xây dựng một CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H7.7.6.10].

Về phát triển nguồn học liệu:

Trường đại học Hà Tĩnh giai đoạn mới thành lập từ 2007 – 2012 chỉ thực hiện việc phát triển nguồn học liệu bằng những bài giảng được biên soạn. Tuy

nhiên, từ năm 2013 đến nay ngoài các bài giảng nội bộ thì hoạt động biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo,... đã được quan tâm thực hiện hơn.

Bảng 7.6: Số lượng sách của nhà trường được xuất bản

(đơn vị tính: quyển)

STT	Phân loại sách	Số lượng					
		2013	2014	2015	2016	2017	Tổng
1	Sách chuyên khảo	0	0	1	2	8	11
2	Sách giáo trình	3	0	3	1	8	15
3	Sách tham khảo	1	1	0	2	6	10
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	1	1	2
	Tổng	**4**	**1**	**4**	**6**	**23**	**38**

(Tổng hợp từ nguồn: [H7.7.2.17])

Các giảng viên được tạo cơ hội để đi học tập kinh nghiệm, tham gia Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế [H7.7.6.11], cũng như các cơ hội hợp tác, liên kết biên soạn sách, giáo trình, đề tài,… không những đóng góp vào quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên mà còn huy động nguồn thu về KHCN cho nhà trường [H7.7.6.12].

Công tác NCKH của sinh viên được chú trọng nâng cao chất lượng. Hội nghị sinh viên NCKH được các khoa tổ chức thường niên [H7.7.6.13]. Từ năm học 2012 - 2013, Hội nghị sinh viên NCKH cấp trường cũng được tổ chức thường niên để đáp ứng nhu cầu công bố công trình nghiên cứu của sinh viên, đồng thời tạo sân chơi cho sinh viên tham gia NCKH [H7.7.6.14]. Đa phần các công trình có chất lượng tốt, trình bày công phu, thể hiện sự nghiệm túc trong nghiên cứu của các tác giả; hướng đến nghiên cứu, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong và sau quá trình đi thực tập tại các đơn vị trong và ngoài nước [H7.7.6.15].

Có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã tích cực tham gia NCKH và phát triển công nghệ; đồng thời, nhờ hoạt động NCKH và phát triển công nghệ mà chất lượng đội ngũ giảng viên của Trường ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường gắn với hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu, các cơ sở và tổ chức giáo dục trong và ngoài nước và các doanh nghiệp; hiệu quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đã đóng góp quan trọng vào phát triển các nguồn lực của Trường.

3. Tồn tại

Hợp tác trong hoạt động NCKH với các doanh nghiệp của Lào để hỗ trợ cho hoạt động NCKH của SV Lào còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Phòng QLKH phối hợp với Phòng QHĐN&TT đề xuất với Đại sứ quán Lào tại Việt Nam đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp và xin hỗ trợ kinh phí để tổ chức các hoạt động NCKH, đặc biệt là các hoạt động hỗ trợ LHS Lào trong NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7. Có các qui định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo qui định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Căn cứ theo các quy định của Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã có quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN. Văn bản quy định rõ tiêu chuẩn tham gia chủ trì, thực hiện đề tài NCKH. Chủ nhiệm đề tài phải là CB cơ hữu, có trình độ sau ĐH, ưu tiên CB đã có kết quả công bố thuộc lĩnh vực đăng ký làm chủ nhiệm, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; tại thời điểm tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp không là chủ nhiệm đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cùng cấp hoặc đang bị xử lý kỷ luật [H7.7.7.01]. Việc tuyển chọn các cá nhân làm chủ nhiệm đề tài các cấp, cá nhân làm trưởng các nhóm nghiên cứu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và đạo đức [H7.7.7.02], [H7.7.7.03].

Đồng thời, Nhà trường cũng quy định mức giờ NCKH cho các chức danh, học vị khác nhau, quy định số giờ (quy đổi) trong NCKH [H7.7.7.01]. Đối với GV, số giờ NCKH cần đạt tối thiểu 155 giờ/năm; đối với CBQL ngạch GV được giảm trừ theo quy chế này. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của cán bộ, GV dựa vào tổng số giờ NCKH hàng năm của từng cán bộ, GV. Số giờ NCKH được tính từ việc tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp, hướng dẫn SV NCKH, viết bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế… Nhà trường cũng quy định tham gia NCKH là yêu cầu bắt buộc của GV và là tiêu chí xét thi đua khen thưởng hàng năm [H7.7.7.04], [H7.7.7.05].

Quy trình đăng bài trên Tạp chí khoa học công nghệ của Nhà trường được thực hiện theo đúng Luật báo chí, Luật xuất bản trong đó các bài báo gửi đăng yêu cầu chưa từng được công bố ở các ấn phẩm khác trước đó [H7.7.7.06].

Nhà trường đã có văn bản Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định rõ các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, như: Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ; tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo, đạo văn trong hoạt động KHCN; cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định [H7.7.7.07].

Các quy định về quản lý hoạt động KHCN, quy định về sở hữu trí tuệ của Nhà trường cũng như các quy định của các cấp quản lý về quyền sở hữu trí tuệ như Luật Khoa học và công nghệ 2013, Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học,…đều được thông báo đến toàn thể CBGV và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H7.7.7.08], [H7.7.7.09].

Đối với các sinh viên, các giảng viên của nhà trường giảng dạy vấn đề này trong môn phương pháp nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiều nội dung trình bày về vấn đề đảm bảo tính cấp thiết, tính mới, tính kế thừa, sự không trùng lặp,... trong

các đề tài nghiên cứu. Ngoài ra, SV tham gia NCKH cũng được các GV hướng dẫn nhắc nhở tuân thủ các nguyên tắc chung về đạo đức trong NCKH [H7.7.7.10].

Nhà trường cũng có các hướng dẫn cụ thể trong việc trích dẫn tài liệu trong quá trình viết báo hay thực hiện đề tài NCKH [H7.7.7.06].

Với việc xây dựng các quy định cụ thể về hoạt động KHCN, về sở hữu trí tuệ, đồng thời có những hình thức phổ biến rộng rãi các quy định đó đến toàn thể CBGV và SV nên từ trước đến nay, chưa có vụ việc nào vi phạm tiêu chuẩn năng lực, đạo đức hay quyền sở hữu trí tuệ xảy ra trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có các qui định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ; có các văn bản qui định và biện pháp cụ thể để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. CB, GV của Nhà trường không vi phạm liên quan đến tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hay quyền sở hữu trí tuệ.

Các kết quả NCKH được sử dụng trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Tồn tại

Đội ngũ CBGV chưa quan tâm nhiều đến việc đăng kí quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ các sản phẩm NCKH của mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, nhà Trường giao phòng QLKH tham mưu giải pháp khuyến khích cán bộ giảng viên quan tâm hơn về vấn đề đăng kí bản quyền và sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm KHCN.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Với định hướng chiến lược đến năm 2030, Trường ĐHHT trở thành một cơ sở đào tạo, NCKH, CGCN và cung ứng đa dịch vụ có chất lượng, uy tín trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động NCKH thông qua các chính sách khuyến khích hỗ trợ để cán bộ viên chức

nâng cao năng lực nghiên cứu, tham gia các đề tài NCKH, viết bài trên các tạp chí, giáo trình, tài liệu học tập,… Các đề tài khoa học luôn gắn kết với các yêu cầu đào tạo và phục vụ cho địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào sự phát triển các nguồn lực của trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đưa ra các quy định về năng lực và đạo đức, các chế tài nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc hoạt động NCKH đối với cán bộ viên chức trong toàn trường. Nhờ đó, trong thời gian qua, hoạt động KHCN của nhà trường đã có những bước phát triển mạnh mẽ thể hiện ở số lượng và chất lượng đề tài, dự án được nghiệm thu và bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các sản phẩm khoa học của CBVC Nhà trường đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý của nhà trường.

Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu KHCN hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng của trường nên thời gian tới Nhà trường cần có chiến lược cụ thể nhằm tăng nguồn thu của trường từ các dự án, đề tài khoa học công nghệ, các hợp đồng CGCN, các dịch vụ KHCN theo đơn đặt hàng của các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như mở rộng hợp tác trong NCKH với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong nước và quốc tế.

Tự đánh giá: Đạt 6/7 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu và rộng hiện nay, nhằm đáp ứng nhiệm vụ đối ngoại của địa phương, hoạt động HTQT của Trường ĐHHT luôn được xem là một nhiệm vụ quan trọng đối với lãnh đạo, cán bộ, GV và SV nhà trường; là trách nhiệm to lớn đối với sự phát triển chung của tỉnh Hà Tĩnh trong tiến trình hội nhập văn hóa và kinh tế.

Từ năm 2012 đến 2017, Trường không ngừng mở rộng đối tác hợp tác trong và ngoài khu vực bằng việc ký các bản ghi nhớ; tổ chức, đồng tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học quốc tế; trao đổi thông tin tư liệu, thăm viếng lẫn nhau với các đối tác; trao đổi sinh viên, đưa sinh viên đi thực tập ngắn hạn và dài hạn… Hiện nay, nhà trường đã có quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới như Canada, Nga, Hoa Kỳ, Đài Loan (Trung Quốc), Đức; các nước trong khu vực như Lào, Thái Lan. Đặc biệt, nhiều năm liền Trường được xem là cơ sở GDĐH có số LHSLào đông nhất trong cả nước.

Tuy nhiên, hoạt động HTQT của trường vẫn chưa phát triển mạnh và mang tính bền vững, chưa đáp ứng được sự phát triển của nhà trường; phạm vi hoạt động chưa mở rộng, hoạt động hợp tác trao đổi chuyên gia, liên kết NCKH vẫn còn hạn chế… Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan như khoảng cách địa lý không thuận tiện cho việc di chuyển của các đối tác, kinh phí ngân sách dành cho HTQT không nhiều, nguyên nhân chính vẫn là nhà trường chưa có đội ngũ cán bộ, giảng viên mạnh về chuyên môn, giỏi về ngoại ngữ để chủ động thực hiện các hoạt động HTQT, đặc biệt là trong hoạt động NCKH.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Trường ĐHHT xác định hoạt động HTQT là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín đào

tạo của trường. Năm 2013, Phòng QLKH&HTQT được thành lập và hoạt động với chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về quản lý các hoạt động NCKH và HTQT [H8.8.1.01]. Tháng 3 năm 2017, để đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động đối ngoại trong tình hình mới, Phòng QHĐN&TT được thành lập với chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về hoạt động đối ngoại và truyền thông, là đơn vị chủ trì đón đoàn vào, tổ chức đoàn ra; phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động có yếu tố nước ngoài [H8.8.1.02].

Hàng năm, Trường luôn có kế hoạch cụ thể về hoạt động HTQT trên cơ sở chiến lược phát triển dài hạn chung của nhà trường [H8.8.1.03]. Theo đó, nhà trường lập kế hoạch cho số lượng đoàn ra, đoàn vào; số bản ghi nhớ, số hội thảo quốc tế sẽ tổ chức, đồng tổ chức; số lượng bài báo quốc tế… Trong các nghị quyết Đại hội Đảng bộ và nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức, hoạt động HTQT luôn được đánh giá khách quan nhằm khắc phục các tồn tại và định hướng các chiến lược phát triển hoạt động HTQT trong thời gian tiếp theo [H8.8.1.04].

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý các hoạt động HTQT tại Trường ĐHHT [H8.8.1.05], [H8.8.1.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về đoàn ra, đoàn vào, về hợp tác và đào tạo, về tổ chức các hội thảo quốc tế…theo một quy trình thống nhất [H8.8.1.07]. Theo đó, Trường có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác quốc tế.

Trong quá trình triển khai các hoạt động HTQT, Trường đã thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, của UBND tỉnh Hà Tĩnh và của Trường. Các kế hoạch tổ chức từng hoạt động cụ thể phân rõ trách nhiệm và quyền hạn của các phòng/khoa và các đơn vị trong nhà trường nhằm phát huy tốt sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị liên quan được ban hành. Phòng QHĐN&TT là đơn vị chủ trì thực hiện các hoạt động hợp tác như đón đoàn vào, tổ chức đoàn ra, các hoạt động giao

lưu văn hóa có yếu tố nước ngoài trong và ngoài trường; là đơn vị phối hợp với Phòng QLKH tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế….; phối với Phòng CTHSSV, Phòng Quản trị trong quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại Trường. [H8.8.1.08], [H8.8.1.09], [H8.8.1.10].

Trong 5 năm qua, Trường đã và đang từng bước tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác với các trường đại học, các cơ sở đào tạo với các nước trong khu vực như Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Canada, Hoa Kỳ, Nga... Trường đã ký Bản ghi nhớ với 06 trường đại học, 02 học viện trên thế giới và 12 Sở Giáo dục và Thể thao các tỉnh của nước bạn Lào. Việc ký các văn bản hợp tác về giáo dục giữa nhà trường với các cơ quan tổ chức và các trường đại học luôn được thực hiện đúng theo khuôn khổ hiệp định hợp tác về giáo dục của Việt Nam với nước ngoài, các quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh [H8.8.1.11]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã đón hơn 80 đoàn vào từ Lào, Thái Lan, Canada, Đức, Đài Loan,… với mục đích ký kết bản ghi nhớ, đưa lưu HS nhập học, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học; tham quan, làm việc, khảo sát nhu cầu hợp tác và trao đổi kinh nghiệm; tổ chức được 17 đoàn đi công tác nước ngoài tới Lào, Thái Lan, Hoa Kỳ, Đài Loan nhằm quảng bá tuyển sinh, học hỏi kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội hợp tác [H8.8.1.12], [H8.8.1.13]. Trước khi tiếp nhận và thiết lập quan hệ với các đối tác nước ngoài hay đón tiếp các đoàn khách quốc tế, Trường có báo cáo và gửi văn bản xin phép đến Sở Ngoại vụ Hà Tĩnh, đồng thời thông báo Công an tỉnh Hà Tĩnh để phối hợp theo dõi, quản lý người nước ngoài theo đúng quy định [H8.8.1.14], [H8.8.1.15].

Mặc dù có số lượng SV quốc tế rất đông nhưng Trường đã luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý người nước ngoài trên địa bàn; đảm bảo công tác an ninh, chế độ chăm sóc sức khỏe ban đầu, chế độ học bổng cho người học [H8.8.1.16], [H8.8.1.17], [H8.8.1.18]. Việc triển khai và hoàn thiện dự án Trường ĐHHT giai đoạn 2 đã giúp Nhà trường có cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học hiện đại phục vụ HTQT trong đào tạo, đồng thời đáp ứng yêu cầu tham quan khi có đoàn vào [H8.8.1.19].

Trường quản lý CB, GV đi công tác, học tập ở nước ngoài một cách chặt chẽ, đúng theo quy định của các cấp quản lý [H8.8.1.20]. Trước khi cử CBGV đi nước ngoài, Nhà trường có công văn xin phép, UBND Tỉnh có quyết định và Nhà trường có báo cáo kết quả sau khi kết thúc chuyến công tác [H8.8.1.21]. Trường đã cử nhiều cán bộ, GV đi học tại các trường ĐH trong và ngoài diện hợp tác với trường nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, GV. Các cán bộ, GV được cử đi đào tạo ở nước ngoài về cơ bản hoàn thành tốt chương trình đào tạo và về nước đúng hạn, thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ [H8.8.1.22], [H8.8.1.23].

Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về HTQT gửi Sở Ngoại vụ, UBND tỉnh Hà Tĩnh và các đơn vị cấp trên theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất [H8.8.1.24]. Báo cáo hoạt động HTQT hàng năm, bao gồm các chi tiết về các quan hệ hợp tác mới (tên đối tác, nội dung hợp tác, kết quả hợp tác), kết quả thực hiện các chương trình, dự án; tình hình quản lý đoàn vào, đoàn ra và các nội dung khác theo yêu cầu của các bộ, sở, ngành liên quan [H8.8.1.25].

Trong 5 năm qua, Nhà trường không có bất kì vi phạm nào trong hoạt động HTQT [H8.8.1.26]. Trường đã được Chính phủ Nước CHDCND Lào trao tặng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Lao động Hạng 3 vì những đóng góp cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực của nước bạn Lào [H8.8.1.27].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã bám sát các văn bản về HTQT của Nhà nước, các Bộ, ban ngành, UBND Tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các hoạt động HTQT phù hợp với các qui định pháp luật của Nhà nước Việt Nam và các điều ước quốc tế.

Nhà trường thiết lập được sự phối hợp chặt chẽ với Sở Ngoại vụ Hà Tĩnh, các sở ban ngành của Lào trong quản lý và tổ chức các hoạt động HTQT; được các đối tác tin tưởng.

3. Tồn tại

Một số đối tác chỉ dừng lại ở việc thăm hỏi và trao đổi thư với nhau, chưa đi

đến được ký kết bản ghi nhớ và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng QHĐN&TT chủ động tham mưu lựa chọn đối tác phù hợp với nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường để triển khai ký kết và tổ chức thực hiện khai thác tối đa các mối quan hệ HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, Trường không ngừng tìm kiếm, khai thác các cơ hội để mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo với các cơ sở giáo dục hoặc các cơ quan quản lý giáo dục nước ngoài từ các nước như: Lào, Thái Lan, Hoa Kỳ, Nga, Đài Loan, Đức… Nhà trường đã tổ chức được 17 đoàn đi công tác nước ngoài tới Lào, Thái Lan, Hoa Kỳ, Đài Loan nhằm quảng bá tuyển sinh, học hỏi kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội hợp tác; đón hơn 80 đoàn vào từ Lào, Thái Lan, Canada, Đức, Đài Loan,… với mục đích ký kết bản ghi nhớ, đưa LHS nhập học, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học; tham quan, làm việc, khảo sát nhu cầu hợp tác và trao đổi kinh nghiệm [H8.8.2.01], [H8.8.2.02]. Số lượng bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo được ký kết là 22, trong đó có 02 Bản ghi nhớ đã hết hiệu lực, sẽ ký lại 06 Bản ghi nhớ vào năm 2018 [H8.8.2.03]. Đặc biệt, thông qua việc ký bản ghi nhớ với các sở Giáo dục và Thể thao của Lào, Trường đã phối hợp tuyển sinh và đào tạo được 3.088 lưu học sinh học tiếng Việt, 798 LHS đã tốt nghiệp và hiện tại có 1.854 đang học tiếng Việt và chuyên ngành [H8.8.2.04]. Trường dẫn đầu cả nước về số sinh viên quốc tế đang theo học.

Hoạt động trao đổi GV và SV được nhà trường chú trọng. Năm 2015 và

2016 Trường đã đào tạo tiếng Việt ngắn hạn cho sinh viên Trường ĐH Kasertsat (Thái Lan) [H8.8.2.05]. Năm 2017, Trường đã đưa SV chuyên ngành Khách sạn, Du lịch sang thực tập 1 tháng tại Thái Lan [H8.8.2.06]. Năm 2016 và 2017 Trường đã đưa 16 sinh viên đi thực tập sinh tại Israel [H8.8.2.07]. Năm học 2017-2018, thực hiện nội dung đã ký với các trường đại học Đài Loan, Trường đã đưa 02 sinh viên đi thực tập hưởng lương 1 năm tại Đài Loan [H8.8.2.08]. Thông qua chương trình này, sinh viên được học thêm chuyên ngành về quản lý dịch vụ khách sạn và lữ hành, công nghệ thông tin, cơ khí tại các trường đối tác và được thực tập hưởng lương tại các doanh nghiệp liên kết đào tạo với nhà trường.

Qua chương trình trao đổi, Trường đã cử được 02 cán bộ, GV sang học thạc sĩ tại Trường Đại học Nakhon Phanom [H8.8.2.09].

Hoạt động HTQT đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho CB, GV, SV của Nhà trường. Năm 2012, lần thứ 3 nhà trường tiếp nhận trợ giảng tiếng Anh về trợ giảng tại Khoa Ngoại ngữ từ Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Thông qua tổ chức này, nhà trường đã tổ chức các chương trình giới thiệu học bổng, tổ chức seminar, tập huấn…với sự tham gia của các GV đến từ Hoa Kỳ đang làm việc và nghiên cứu ở Việt Nam cho cán bộ, GV nhà trường [H8.8.2.10]. Từ đó, GV đã biết được thông tin dự tuyển và trúng tuyển vào các chương trình đi học thạc sĩ tại Hoa Kỳ, hay được tham gia các Hội thảo - tập huấn trong và ngoài nước [H8.8.2.11]. Năm 2015 thực hiện nội dung hợp tác, Trường đã tiếp nhận 01 GV và 04 SV từ Trường ĐH Trinitry, Canada, sang giảng dạy tiếng Anh và tổ chức các hoạt động văn hóa cho sinh viên nhà trường. Nhờ đó, GV và SV nhà trường có cơ hội nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và hiểu thêm về đất nước, con người Canada thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa [H8.8.2.12].

Trong 5 năm Trường đã cử 24 GV đi học tập ngắn hạn và dài hạn, đi hội thảo, đi học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Năm 2012 có 01 GV đi học nâng cao tiếng Anh theo Chương trình 165 tại Úc. Năm 2017 Trường có 01 GV đi học về phương pháp giảng dạy đại học tại Israel. Từ năm 2012 đến nay có hơn 20 lượt GV

đi học nước ngoài, 20 GV được cử đi dự hội thảo ở nước ngoài [H8.8.2.13], [H8.8.2.14].

CB, GV của Nhà trường được cử đi công tác, học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác đều có báo cáo đầy đủ cho nhà trường theo đúng quy định [H8.8.2.15], [H8.8.2.16].

Hoạt động HTQT giúp nhà trường nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của Nhà trường. Năm 2016, thông qua chương trình hợp tác với Trường Đại học Langley (Canada), nhà trường tiếp nhận hơn 1.129 đầu sách tiếng Anh các chuyên ngành khác nhau phục vụ cho công tác Thư viện của Trường và là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho GV và SV nhà trường [H8.8.2.17]. Ngoài ra, Nhà trường nhận được sự hỗ trợ về tài chính là 80.000 USD từ UB Chính quyền tỉnh Bôlykhamxay để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác đào tạo Lưu học sinh Lào [H8.8.2.18].

Hoạt động HTQT về đào tạo nguồn nhân lực cho Lào mang lại hiệu quả cao không chỉ làm tăng uy tín của nhà trường là trường có số sinh viên quốc tế nhiều nhất trong cả nước mà còn giữ vững nguồn tài chính ổn định cho Trường. [H8.8.2.19]. Đặc biệt, LHS Lào tốt nghiệp tại Trường ĐHHT được tuyển vào làm việc tại các cơ quan, sở ban ngành của Lào như Sở Ngoại giao, Sở Giáo dục và Thể thao đã nâng cao uy tín cho nhà trường trong công tác đào tạo; đồng thời sinh viên lại trở thành các đồng nghiệp với cán bộ nhà trường trong quá trình phối hợp tuyển sinh đào tạo và tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế với nước bạn Lào [H8.8.2.20].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động HTQT về đào tạo đã được thực hiện có hiệu quả. Nhà trường đã thiết lập các mối quan hệ hợp tác với nước ngoài trong trao đổi GV, sinh viên và tạo được uy tín, sự tin cậy của các đối tác.

3. Tồn tại

Trường chưa có chương trình hợp tác, phối hợp với đối tác nước ngoài để

cấp bằng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, giao Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng QHĐN&TT và các khoa chuyên môn nghiên cứu tiền khả thi khả năng hợp tác với các đối tác hiện có để triển khai đào tạo cấp bằng của cơ sở đào tạo nước ngoài theo hình thức 0+4, 1+3, 2+2.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Các hoạt động HTQT liên quan đến thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung là những nội dung quan trọng mà lãnh đạo nhà trường hết sức quan tâm và chỉ đạo thực hiện.

Trường đã thực hiện 01 Đề tài nghị định thư *"Nghiên cứu mối quan hệ thu chi trong phân cấp chi NSNN ở Việt Nam dựa trên kinh nghiệm Pháp"* (Đề tài nhánh 1 thuộc đề tài nhà nước theo nghị định thư *"Phân cấp chi NSNN - Khả năng vận dụng kinh nghiệm của Pháp vào Việt Nam")* do PGS.TS Nguyễn Đình Thọ chủ trì [H8.8.3.01]; Đề tài NCKH cấp tỉnh *"Nghiên cứu xây dựng Từ điển thuật ngữ chuyên ngành Việt - Lào"* do GS.TS Nguyễn Văn Đính chủ trì được thực hiện với sự phối hợp của các chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực rà soát và dịch tiếng Lào đã được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy cho Lưu học sinh Lào tại Trường, sẽ được xuất bản và sử dụng rộng rãi tại Lào và Việt Nam trong năm 2018 [H8.8.3.02].

Ngoài ra, Năm 2015, Trường phối hợp với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam triển khai chương trình nghiên cứu thực tiễn trong giảng dạy Tiếng Anh cho cán bộ GV Khoa Ngoại ngữ và giáo viên Tiếng Anh THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tổng cộng có 53 giáo viên tham gia các đợt tập huấn, trong đó có 17 giáo viên hoàn thành chương trình nghiên cứu với sự tham gia và cố vấn của các chuyên gia nước ngoài [H8.8.3.03].

Năm 2016, Trường ĐHHT phối hợp với các trường ĐH, các học viện trong nước và quốc tế tổ chức các Hội thảo quốc tế: "Cộng đồng ASEAN - Khởi đầu và triển vọng" và "Ứng dụng phân tích không gian trong quản lý Tài nguyên và Môi trường" với sự tham gia của các chuyên gia đến từ trường đại học Portland State, Dự án lồng ghép chiến lược thích ứng dựa vào hệ sinh thái tại Việt Nam...

Năm 2017, Trường đã tổ chức Hội thảo quốc tế "Quản lý Môi trường và Phát triển bền vững" và "Toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững" tại Hà Tĩnh với sự tham gia của các nhà khoa học đến từ Trường Đại học Loyola Chicago, Trường Đại học Wyoming, Trường Đại học Baylor, Trường Đại học Illinois Wesleyan… Tháng 4 năm 2017, lần đầu tiên Trường phối hợp với Trường Đại học Nakhon Phanom và Trường Đại học Kasertsat (Thái Lan) tổ chức Hội thảo quốc tế "Phát triển du lịch bền vững các nước tiểu vùng sông Mekong" tại Thái Lan với sự tham gia của nhiều trường đại học và viện nghiên cứu đến từ các nước trong khối ASEAN.[H8.8.3.04], [H8.8.3.05], [H8.8.3.06]; [H8.8.3.07]; [H8.8.3.08].

Năm 2017 Trường đã phối hợp với Tổ chức Phát triển Đức - GIZ tổ chức Khóa đào tạo ngắn hạn "Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIZ)" cho hơn 20 sinh viên và GV ngành Khoa học Môi trường [H8.8.3.09]; Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Dự án "YSEALI Social Entrepreneurship Empowerment" tổ chức Hội thảo chuyên đề "Khởi nghiệp xã hội - Kiến tạo giá trị bền vững" cho 43 sinh viên và học viên đến từ các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn. Thông qua Hội thảo - Tập huấn, sinh viên nhà trường đã được tiếp cận với các kiến thức về khởi nghiệp xã hội và mô hình khởi nghiệp xã hội; chia sẻ kinh nghiệm của các doanh nghiệp

khởi nghiệp thành công tại Hà Tĩnh; giới thiệu với các chuyên gia về các dự án khởi nghiệp của sinh viên. Đặc biệt, sinh viên Trường ĐHHT đã được nhận kinh phí tài trợ của Đại sứ quán Hoa Kỳ để thực hiện dự án khởi nghiệp [H8.8.3.10].

Bên cạnh tổ chức hội thảo, chuyên đề quốc tế, từ năm 2012 đến nay nhà trường đã cử 20 lượt cán bộ, GV và 34 SV đi dự Hội thảo khoa học quốc tế tại Trường Đại học Nakhon Phanom, (Thái Lan), giúp GV nhà trường có cơ hội giao lưu, tiếp cận với cách làm việc, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ NCKH đến từ các nước.

GV của nhà trường đã hợp tác với các nhà nghiên cứu nước ngoài để nghiên cứu và công bố chung các công trình ở phạm vi quốc tế. Bài báo *The heart of school improvement: A multi-site case study of leadership for teacher learning in Vietnam* của GV Trần Hải Ngọc và Philip Hallinger and Thang Truong công bố trên tạp chí Scopus [H8.8.3.11], một số bài báo của GV Nguyễn Huyền Trang đăng trên các tạp chí chuyên ngành về Vật lý [H8.8.3.12], của GV Hồ Lê Phương Thảo đăng trên các chuyên ngành về Công nghệ thông tin [H8.8.3.13], của GV Đoàn Hoài Sơn với các nhà khoa học Nhật Bản về Vật lý công bố trên Springer Link [H8.8.3.14]; GV Nguyễn Gia Việt phối hợp xuất bản 03 chương sách cùng các đồng nghiệp nước ngoài với các nhà xuất bản Bloombury, Multilingual Matters và Routledge (Anh) [H8.8.3.15]; GV Hà Văn Xuân kết hợp với đồng nghiệp nước ngoài báo cáo tại Hội thảo quốc tế VietTESOL năm 2014 [H8.8.3.16]; GV Nguyễn Đình Thọ phối hợp công bố nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế và là thành viên Hội đồng biên tập của Tạp chí quốc tế về Kinh doanh và quản lý [H8.8.3.17]; đã khẳng định năng lực của GV nhà trường trong phối hợp nghiên cứu và công bố các kết quả nghiên cứu với các đồng nghiệp, các nhà khoa học nước ngoài...

2. Điểm mạnh

Các hoạt động HTQT về NCKH của nhà trường đã được thực hiện có hiệu quả.

Nhà trường ngày càng tăng cường củng cố và mở rộng mối quan hệ với các

tổ chức quốc tế để thực hiện các đề tài dự án NCKH và tổ chức các hội thảo quốc tế, góp phần tích cực vào việc nâng cao vị thế của Trường.

3. Tồn tại

Các công trình NCKH công bố chung với các nhà khoa học quốc tế chủ yếu tập trung ở các GV đi học nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng TCHC chủ trì, phối hợp với Phòng QLKH, QHĐN&TT tiếp tục xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ CB, GV từng bước chủ động mở rộng HTQT về NCKH nhằm thúc đẩy công bố chung với các nhà khoa học quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Hoạt động HTQT của Nhà trường trong thời gian qua đã có những bước tiến vượt bậc, đa dạng về đối tác, lĩnh vực, mở rộng về phạm vi quốc gia…Tuy nhiên, so với năng lực, tiềm năng và nhu cầu phát triển của nhà trường, hiệu quả hoạt động hợp HTQT vẫn chưa phát huy được một cách triệt để.

Định hướng HTQT của nhà trường trong thời gian tới là:

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được và khắc phục những khó khăn, tồn tại trong thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt là trong NCKH thời gian qua, Trường xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn phù hợp với tình hình, nhu cầu phát triển của nhà trường; xác định rõ các đối tác, lĩnh vực ưu tiên hợp tác đào tạo, đặc biệt là với nước bạn Lào; đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ, GV đáp ứng yêu cầu hội nhập và chủ động trong HTQT; mở rộng tìm kiếm, tiếp cận đối tác quốc tế nhất là các trường đại học trong khu vực, các tổ chức phi chính phủ nhằm tận dụng tối đa các nguồn lực, kinh nghiệm và chương trình đào tạo và tăng cường tham gia, tổ chức, đồng tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế nhằm nâng cao năng lực, vị thế của nhà trường trong nước, khu vực và trên thế giới.

Tự đánh giá: Đạt 3/3 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 9. THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Nhà trường có thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống thư viện của Trường được quản lí bằng các phần mềm thông qua mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet, thư viện phục vụ có hiệu quả.

Nhà trường có đầy đủ phòng học, giảng đường lớn, ký túc xá, trang thiết bị, sân bãi, phòng làm việc cho cán bộ theo quy định; các trang thiết bị cần thiết hỗ trợ dạy, học, NCKH, quản lý, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo các mã ngành của Nhà trường.

Hiện nay, Trường ĐHHT đã có quy hoạch và đang triển khai xây dựng giai đoạn 2 ở cơ sở chính với diện tích 76,76 ha, đạt tiêu chuẩn TCVN 3981-85.

Công tác an ninh trật tự của Nhà trường luôn đảm bảo, là đơn vị tiêu biểu trong nhiều năm, đã nhiều lần được Bộ Công an tặng bằng khen về thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trung tâm TT-TV được thành lập năm 2007, trên cơ cở sáp nhập tổ Thư viện Trường Cao đẳng Sư Phạm Hà Tĩnh, tổ Thư viện Trường trung cấp Kinh Tế Hà Tĩnh và tổ Thư viện phân hiệu Trường ĐH Vinh tại Hà Tĩnh. Trung tâm TT - TVcó 02 cơ sở với tổng diện tích 1.000m^2 (cơ sở chính diện tích 330 m^2, cơ sở Đại Nài diện tích 670 m^2) bao gồm: 03 phòng đọc với 180 chỗ ngồi, 31 máy tính được nối mạng internet tốc độ cao (trong đó 4 máy tính phục vụ xử lý nghiệp vụ và khai thác

tài liệu của cán bộ thư viện, 26 máy tính phục vụ tra cứu, mượn - trả tài liệu, truy cập của sinh viên , 01 máy chủ) và 03 kho sách [H9.9.1.01]. Hiện nay, Trung tâm TT - TV hiện có 08 CB thư viện, trong đó có trình độ thạc sĩ 02 người, đại học 04 người, trung cấp 02 người. CB thư viện chủ yếu đã được đào tạo về chuyên ngành thư viện chiếm 75,5% tổng số người làm công tác thư viện [H9.9.1.02]. Từ năm 2012 đến tháng 10 năm 2017, Trung tâm đã cử 03 người đi đào tạo nâng cao trình độ, trong đó Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học TT - TV 01 người, cử nhân TT - TV 02 người [H9.9.1.03].

Trung tâm TT - TV của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và người học. Tính đến tháng 12/2017, về tài liệu truyền thống, Trung tâm TT - TV có khoảng 11.618 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 73.766 bản, 20 loại báo và tạp chí, hàng trăm luận án và luận văn [H9.9.1.04]. Nguồn tài liệu được cập bổ sung nhật hàng năm [H9.9.1.05], kinh phí bổ sung tài liệu giấy hàng năm trung bình 130 triệu đồng [H9.9.1.06]. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo [H9.9.1.07]. Từ năm 2010 nguồn tài liệu giấy của thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0 với 06 phân hệ đảm bảo cho một thư viện điện tử vận hành tốt [H9.9.1.04].

Trung tâm TT - TV Trường ĐHHT có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy học và NCKH hiệu quả. Trung tâm TT - TV có cổng thông tin thư viện (website thư viện) cung cấp thông tin và dịch vụ thông tin trực tuyến; tích hợp website thư viện điện tử, thư viện số, tài nguyên giáo dục mở. Người dùng tin tra cứu tài liệu thư viện thông qua thư mục trực tuyến (OPAC) mọi lúc, mọi nơi khi có kết nối internet [H9.9.1.08]. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu số đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 200 tài liệu điện tử là tài liệu nội sinh của nhà trường bao gồm đề tài NCKH, luận án, luận văn, tạp

chí khoa học của Nhà trường được quản lý bằng phần mềm mã nguồn mở DSPACE phục vụ trực tuyến 24/24 [H9.9.1.09]. Nguồn tài liệu phục vụ các chương trình đào tạo của Nhà trường đảm bảo về bản quyền theo quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Điều 25 Nghị định 100/2006 của Chính phủ và Quy định quản lý sở hữu trí tuệ của Trường ĐHHT; phần mềm quảm lý thư viện có giấy chứng nhận được quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân. Để có thêm nguồn tài liệu số bản quyền, Nhà trường đã mua quyền sử dụng CSDL ProQuest Central của Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia với hơn 25 CSDL đa ngành, trên 19.000 tạp chí trong đó có hơn 13.000 tạp chí toàn văn phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho cán bộ, GV và SV [H9.9.1.10]. Ngoài ra, Trung tâm TT - TV đã sử dụng tài nguyên giáo dục mở của các thư viện số trên thế giới và của Việt Nam qua chuyên mục "Học liệu mở" trên cổng thông tin: http://lic.htu.edu.vn. Tài nguyên giáo dục mở trên thế giới: Thư viện số Questia, Thư viện số ĐH Waikato, Thư viện số University Libraries của ĐH Levada, Reno, Luận văn truy cập mở - Open Access Theses and Dissertations, Tạp chí khoa học của Viện Clute; Tài nguyên giáo dục mở của Việt Nam: Tài liệu số - Book online của Bộ GD&ĐT, Mạng Giáo dục Edunet, Thư viện học liệu mở Việt Nam (VOER), FETP OpenCourseWare - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Tài liệu mở Đại học Quốc gia Hà Nội,... người dùng tin sẽ được tải tài liệu miễn phí của các thư viện số mọi lúc, mọi nơi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Hơn nữa, nguồn tài nguyên giáo dục mở của các thư viện số luôn được cập nhật mới liên tục nội dung đa dạng, phong phú phục vụ cho tất cả các lĩnh vực và mã ngành đào tạo của Trường ĐHHT [H9.9.1.11].

Thư viện đã có qui định về thời gian mở cửa và các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện. Thư viện mở cửa phục vụ hai buổi mỗi ngày trong năm học [H9.9.1.12]. Số lượng HSSV đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm. Từ năm 2012-2017, số lượt người học và GV mượn tài liệu đạt 160797 lượt, bình quân 31708 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu [H9.9.1.13]. Để phát huy hiệu

quả hoạt động TT - TV, hàng năm Trung tâm TT - TV đã tổ chức các lớp bồi dưỡng "Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện" cho HSSV đầu khóa và chủ động biên soạn "Hướng dẫn sử dụng thư viện" gửi đến bạn đọc từng khoa và đưa lên website Trung tâm để thông báo rộng rãi đến các đối tượng bạn đọc [H9.9.1.14], [H9.9.1.15]. Trung tâm TT - TV còn tổ chức các lớp tập huấn "Nâng cao năng lực thông tin cho SV và CB, GV" [H9.9.1.16]. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông, liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Trung tâm TT - TV quan tâm thường xuyên với các hình thức như: Giới thiệu danh mục sách mới, giới thiệu sách mới trên cổng thông tin, giới thiệu tài nguyên thông tin chọn lọc qua Email group cho CB,GV toàn trường. Đặc biệt từ năm 2014 đến nay, Trung tâm TT - TV đã phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, Hội nghị bạn đọc, diễn đàn "Sinh viên với văn hóa đọc", diễn đàn "Sách - Chìa khóa thành công", đối thoại trực tiếp với sinh viên [H9.9.1.17], [H9.9.1.18]. Từ năm học 2012-2017, Trung tâm TT - TV đã tiến hành thăm dò lấy ý kiến của bạn đọc hằng năm bằng phiếu điều tra, các phiếu điều tra đều được tổng hợp kết quả, phân tích kết quả điều tra để có kế hoạch khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm; số lượng bạn đọc được lấy ý kiến thông qua phiếu điều tra từng năm học khoảng từ 200 - 300 bạn [H9.9.1.19]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến SV và GV về sự hài lòng, mức độ đáp ứng của thư viện cả về nguồn lực thông tin và công tác phục vụ, phát triển văn hóa đọc, phát triển năng lực thông tin. Năm học 2012-2013, về công tác phục vụ bạn đọc: có 84,2% SV trả lời nhiệt tình, 2,2% trả lời rất nhiệt tình; GV có tới 46% trả lời rất nhiệt tình, 54 % trả lời nhiệt tình. Năm học 2013-2014, về công tác phục vụ bạn đọc: có 83,8% SV trả lời nhiệt tình, 2,6% trả lời rất nhiệt tình; GV có tới 50,8 trả lời nhiệt tình, 49,2 trả lời rất nhiệt tình. Năm học 2014-2015, khi khảo sát tại Hội nghị bạn đọc về công tác phục vụ bạn đọc có 68,6 sinh viên trả lời nhiệt tình, 11,7% sinh viên trả lời rất nhiệt tình. Năm học 2015-2016, khảo sát về văn hóa đọc có tới 92% sinh viên có thói quen đọc sách, báo trên mạng, 72,4% SV có

thói quen đọc sách in. Về nguồn tài liệu SV sử dụng, có 90% SV sử dụng tài liệu trên internet và 78% SV sử dụng tài liệu thư viên trường. Năm học 2016 - 2017, khi khảo sát về năng lực thông tin của SV: có 78% SV hiểu biết về năng lực thông tin, có 46% SV tìm kiếm thông tin đúng và chính xác. Năm học 2017-2018, Nhà trường tổ chức khảo sát GV về hệ thống CSVC và đội ngũ KTV, NV: Số lượng giáo trình, bài giảng cho học tập và giảng dạy: có 3,3% chọn đáp ứng thấp, 16,4% chọn đáp ứng vừa phải, có 31,1% chọn đáp ứng, 46,5% chọn đáp ứng tốt, 2,7% chọn đáp ứng rất tốt; Số lượng tài liệu tham khảo cho giảng dạy và học tập: có 9,3% chọn đáp ứng thấp, 12% chọn đáp ứng vừa phải, có 32,2% chọn đáp ứng, 43,2% chọn đáp ứng tốt, 3,3% chọn đáp đáp ứng rất tốt; Chất lượng phục vụ bạn đọc của Thư viện: 0% chọn đáp ứng thấp, 5,5% chọn đáp ứng vừa phải, có 35,0% chọn đáp ứng, 51,4% chọn đáp ứng tốt, 8,1% chọn đáp ứng rất tốt [H9.9.1.20].

2. Điểm mạnh

Trung tâm TT-TV Trường ĐHHT có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB,GV và người học đối với tất cả các mã ngành Nhà trường đang đào tạo. Tập thể CB thư viện yêu nghề, nhiệt tình, tinh thần thái độ phục vụ bạn đọc tốt.

Trung tâm TT-TV đã xây dựng thư viện điện tử từ năm 2010, đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của thư viện, trong quản lý và phục vụ hoạt động TT-TV.

3. Tồn tại

Toà nhà trung tâm tích hợp không gian học tập, nghiên cứu tại thư viện chưa hoàn thành nên còn khó khăn trong việc phục vụ học tập, giảng dạy và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường giao TT-TV phối hợp với Ban QLDA nghiên cứu triển khai trang thiết bị thư viện và học liệu cho toà nhà đa năng 15 tầng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo

1. Mô tả

Trường ĐHHT có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo. Hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, thí nghiệm của Nhà trường đều được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt [H9.9.2.01].

Tổng diện tích phòng học, giảng đường, hội trường, nhà tập đa năng, nhà sinh hoạt đa năng hiện nay của Trường là: 18.274 m^2; bình quân diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 5.32 m^2/1SV chính quy [H9.9.2.02]. Hiện tại, Nhà trường có 61 phòng học, được bố trí tại 2 cơ sở: Cơ sở chính, có 36 phòng: 03 dãy nhà học 5 tầng A_1, A_3, A_5,1nhà tập đa năng A6, nhà sinh hoạt đa năng A_7; Cơ sở Đại Nài có 25 phòng: 02 nhà học bốn tầng A_1, A_2 và 1 nhà học hai tầng A_5, 1 nhà A_6 hội trường lớn trên 424 chỗ ngồi, 1 nhà giảng đường lớn A3 với 220 chỗ ngồi, 1 nhà tập đa năng A_8 [H9.9.2.03].

Nhà trường có 17 phòng thực hành, thí nghiệm với tổng diện tích 2.000m^2, bình quân 118 m^2/1 phòng, 4m^2/sinh viên/ca thực hành (trung bình 40 sinh viên/ca). Với phương thức tổ chức 2 ca/ngày, hiệu suất sử dụng phòng thực hành trung bình toàn trường ở mức 80% [H9.9.2.02].

Các phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí tại 2 cơ sở: có 05 phòng học đa phương tiện (Tin học, ngoại ngữ…), 03 phòng thực hành CNTT (tại nhà cơ sở chính, nhà A_4 cơ sở Đại Nài), 1 phòng thực hành nghe học ngoại ngữ (nhà A_4 cơ sở Đại Nài), 04 phòng thực hành múa, hát, nhạc cụ (01phòng tại cơ sở chính, 03 phòng tại cơ sở Đại Nài); 04 phòng thí nghiệm: Lý (tầng 4 nhà A_2); sinh, hóa, môi trường (nhà A_4 cơ sở Đại Nài) [H9.9.2.04].

Ngoài ra nhà trường còn ký hợp đồng thuê sử dụng các phòng nghiên cứu, thực hành của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh; Sở Xây dựng Hà Tĩnh và các đơn vị khác để đáp ứng theo kế hoạch đào tạo và NCKH của các chuyên ngành như xây dựng, điện, điện tử, môi trường [H9.9.2.05].

Nhằm ĐBCL phòng học, thực hành, thí nghiệm, hàng năm Nhà trường đầu tư, tu sửa để phục vụ hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống cơ sở hạ tầng tại phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm... được Phòng Quản trị quản lý bảo trì, sửa chữa, hiệu chỉnh theo qui định, luôn đảm bảo độ sẵn sàng cao [H9.9.2.06]. Nhằm đảm bảo tính sẵn sàng của cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giao cho Phòng Quản trị kết hợp phòng KHTC chủ trì thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch chung, hoạt động sửa chữa bảo dưỡng CSVC hạ tầng trong toàn trường được thực hiện thường xuyên theo đúng quy trình. Đối với tình trạng hư hỏng nhỏ, Phòng Quản trị và Phòng KHTC lập biên bản kiểm tra để sửa chữa, thay thế theo đúng quy trình; thiết bị hư hỏng nhỏ Phòng Quản trị cử CB đến kiểm tra và sửa chữa tại chỗ. Với tình trạng hỏng lớn, bộ phận kiểm tra và quản lý tài sản xác nhận biên bản và đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường xem xét giải quyết [H9.9.2.06], [H9.9.2.07].Mỗi năm Nhà trường dành khoảng 45% kinh phí chi thường xuyên cho việc mua sắm sửa chữa bảo dưỡng thiết bị dạy học và NCKH (tương đương với khoảng 2,5 tỉ đến 3.3 tỉ VNĐ) [H9.9.2.08].

Hiện nay, Nhà trường đang xây dựng nhà đa chức năng 15 tầng, đã xong phần thô gồm phòng làm việc, hội trường, thư viện… với diện tích 13.490 m^2, dự kiến hoàn thành vào tháng 10/2018 sẽ đưa vào hoạt động sẽ bổ sung nhiều phòng chức năng, trong đó có 5 phòng học với diện tích 363m^2, 6 phòng hội thảo với diện tích 424m^2, phòng hội trường với diện tích là 365m^2, Phòng Không gian học tập của SV với diện tích: 465 m^2, Phòng Thư viện 1.833 m^2, Phòng Không gian học tập của SV với diện tích: 465 m^2,Khu nghiên cứu tình huống với diện tích: 186 m^2Khu NCKH cho SV nước ngoài với diện tích:150 m^2, Phòng khoa học đào tạo từ xa với diện

tích: 97m^2, Khu NCKH cho giáo viên nước ngoài với diện tích: 150 m^{2}và nhiều phòng chức năng khác [H9.9.2.09].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của CB,GV và người học về mức độ hài lòng đáp ứng của hệ thống phòng học cho thấy: Tỉ lệ người học đồng ý với tiêu chí "Chất lượng máy móc, trang thiết bị phòng học đáp ứng được yêu cầu sử dụng" trung bình là 90% [H9.9.2.10], tỉ lệ GV đồng ý với tiêu chí này là 90%. Tính chung các tiêu chí khảo sát về phòng học và trang thiết bị hỗ trợ dạy, học và NCKH, tỉ lệ trả lời hài lòng đều đạt từ 85% trở lên ở phần lớn các tiêu chí [H9.9.2.11].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm và thiết bị thí nghiệm, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Do hoạt động đào tạo của Trường đang được triển khai ở hai cơ sở cách xa nhau nên khó khăn trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường nghiên cứu xây dựng kế hoạch di chuyển hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập về tập trung tại cơ sở chính Cẩm Vịnh sau khi hoàn thành nhà 15 tầng; giao Trường Phổ thông và Trường Mầm non quản lý và sử dụng Cơ sở Đại Nài.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo

1.Mô tả

Hiện tại, Nhà trường có 475 máy tính, 38 máy tính xách tay, 80 máy chiếu đa năng, 55 bộ âm ly, 86 camera, 5 đài cassette, 6 máy photocopy, 3 máy Scan, 30 máy ảnh kỷ thuật số, 194 thiết bị lưu điện ở các phòng máy, 17 tivi (từ 40 - 49 in), 12 máy

vân tay, 1 bộ dàn âm thanh cơ động (Source, Mixer, Processor, Amplifier, Speaker…) [H9.9.3.01]. Được trang bịở giảng đường, hội trường, phòng học, phòng máy thực hành tại cơ sở chính: A_1, A_3, A_5, cơ sở Đại Nài: A_1, A_3, A_4, A_5, A_6. Phòng học lý thuyết được trang bị đủ thiết bị hỗ trợ học tập từ cơ bản (bảng chống lóa, bàn ghế tiêu chuẩn, hệ thống đèn, quạt điện, ry đô che cửa…) đến hiện đại như máy chiếu, màn chiếu, ti vi, âm ly, loa, đài, máy điều hòa… [H9.9.3.02]. Ngoài ra, các phòng học đều có cổng kết nối mạng internet các nhà học được phủ sóng Wifi thường xuyên hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo, tổ chức hội thảo, báo cáo chuyên đề khoa học; bên cạnh đó Nhà trường đã mua và cấp các trang thiết bị cần thiết theo đề xuất của các khoa, bộ môn, đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo [H9.9.3.01].

Trường có 9 phòng thực hành tin học được trang bị 326 bộ máy tính bàn được nối mạng, bố trí tại các phòng 401, 402, 501, 502, 503 (nhà A_1 cơ sở chính); 01, 02, 03, 04 (nhà A_4 cơ sở Đại Nài). Trong các phòng học, thực hành có đầy đủ trang thiết bị dạy và họ để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học [H1.9.3.01].

Trường có 4 phòng thí nghiệm: Lý (tầng 4 nhà A_2); sinh, hóa, môi trường (nhà A_4 cơ sở Đại Nài) [H1.9.3.03].

Ngoài ra, Nhà trường còn ký hợp đồng thuê sử dụng các phòng nghiên cứu, thực hành của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh; Sở Xây dựng Hà Tĩnh và các đơn vị khác để đáp ứng theo kế hoạch đào tạo và NCKH của các chuyên ngành như xây dựng, điện, điện tử, môi trường [H9.9.3.04].

Trong các phòng học, thực hành thí nghiệm có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH [H1.9.3.05].

Theo định kỳ hàng năm để đảm bảo luôn có đủ trang thiết bị phục vụ học tập, NCKH nhà trường đều có kế hoạch bổ sung, mua mới tài sản, thiết bị. Vào đầu mỗi năm học, các đơn vị lập danh mục thiết bị mua sắm và báo cáo xin ý kiến của Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, Phòng Quản trị phối hợp Phòng Kế hoạch- Tài chính

để tổng hợp lập kế mua sắm [H9.9.3.06]. Trang thiết bị được bàn giao cho các đơn vị sử dụng quản lý theo danh mục và phòng Quản trị quản lý theo dõi điều chuyển tài sản [H9.9.3.01]. Mỗi năm nhà trường dành khoảng 45% kinh phí chi thường xuyên cho việc mua sắm sửa chữa bảo dưỡng thiết bị dạy học và NCKH (tương đương với khoảng 2,5 tỉ đến 3.3 tỉ VNĐ) [H9.9.3.07].

Thông qua các dự án chương trình hợp tác, nghiên cứu, Nhà trường được các doanh nghiệp, công ty là đối tác hỗ trợ hệ thống trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Năm 2016 Ngân hàng BIDV đã đầu tư cho trường 01 phòng học máy tính, 01 phòng nghe học ngoại ngữ với thiết bị hiện đại và đầu tư nâng cấp Giảng đường lớn [H9.9.3.08]. Nhờ vậy, số lượng thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm và đảm bảo đủ cho từng chương trình, nội dung đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Nhằm đảm bảo tính sẵn sàng của thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, hàng năm Nhà trường nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể giao cho Phòng Quản trị, TT CNTT chủ trì thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch chung, hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị tại các phòng học, phòng làm việc trong toàn trường được thực hiện thường xuyên theo đúng quy trình. Với các trường hợp máy móc, thiết bị cần phải sửa chữa, thay thế được thực hiện theo quy trình sửa chữa tài sản, thiết bị. Đối với tình trạng hư hỏng nhỏ, phòng Quản trị và Trung tâm CNTT (phụ trách thiết bị máy chiếu, âm ly, máy tính, thiết bị tin học…) cử CB đến kiểm tra và sửa chữa tại chỗ. Với tình trạng hỏng lớn, bộ phận kiểm tra và quản lý tài sản xác nhận biên bản và đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường xem xét giải quyết [H9.9.3.09].

Để khai thác và quản lý hiệu quả, Nhà trường có nội quy, quy định riêng cho phòng thực hành, thí nghiệm, giảng đường [H9.9.3.10] và có đội ngũ quản lý đóng mở cửa, làm vệ sinh hàng ngày báo cáo tình trạng thiết bị hư hỏng cho từng phòng học để kịp thời sửa chữa, thay thế đảm bảo phục vụ tốt nhất cho dạy học và nghiên cứu khoa học [H9.9.3.11]. Nhà trường đã tổ chức thực hiện việc theo dõi,

đánh giá tần suất sử dụng các thiết bị, máy móc, việc sử dụng có hiệu quả hệ thống máy móc thiết bị hiện có phục vụ hoạt động dạy học, hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, dự án qua lịch học của phòng Đào tạo và nhật ký phòng thực hành thí nghiệm [H9.9.3.12]. Nhà trường có kế hoạch mua sắm thiết bị từ năm 2018 đến năm 2021 nhằm đáp ứng đầy đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo [H9.9.3.13].

Phục vụ với tính năng động, chuyên nghiệp cao, trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH được giảng viên và người học đánh giá tốt, tỉ lệ người học trả lời hài lòng đồng ý một phần đến hoàn toàn đồng ý trung bình đạt trên 90% [H9.9.3.14], tỉ lệ giảng viên hài lòng với trang thiết bị giảng dạy và nghiên cứu khoa học (Trong 5 thang đánh giá chọn thang đáp ứng đến đáp ứng rất tốt) đạt trên 90% [H9.9.3.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị dạy và học, phòng học của Nhà trường được trang bị các thiết bị để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thiết bị sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các mã ngành đang đào tạo.

3. Tồn tại

Một số thiết bị thực hành phục vụ cho đào tạo chuyên sâu đang còn thiếu nên phải đi thuê.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Nhà trường giao cho Phòng Quản trị xây kế hoạch trung, dài hạn, huy động nguồn vốn dự án và các danh nghiệp kết hợp với vốn tự có để đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy- học, NCKH.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý. Hiện nay, Trường có 475 bộ máy vi tính, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy và học tập là 356 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lí và điều hành là 119 bộ, đảm bảo tỷ lệ 01 SV/ 01 máy tính khi học thực hành, 01 chuyên viên/01 máy tính trong công việc [H9.9.4.01]. Hệ thống mạng được kết nối bằng cáp quang giữa các tòa nhà, cáp đồng đến các vị trí làm việc cố định. Nhà trường sử dụng 15 đường FTTH và 01 đường MegaWAN để cung cấp các dịch vụ truy cập internet với tổng số băng thông hơn 400 MB đảm bảo cho 800 kết nối đồng thời với tốc độ hơn 512 kbps. Tất cả các máy tính được kết nối mạng nội bộ và internet, 100% phòng học được trang bị máy chiếu hoặc tivi, hệ thống âm thanh để phục vụ giảng dạy và học với 80 máy chiếu, 17 tivi. Khoa, bộ môn, phòng, ban, trung đều được cấp máy tính xách tay với tổng số 38 máy, 90 máy in, 04 máy photocopy, 30 máy ảnh kỹ thuật số, 03 máy scan [H9.9.4.02].

Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng Internet hoạt động 24/24 giờ thông qua các đường truyền dẫn do các nhà cung cấp dịch vụ VNPT, Viettel,... Hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá, thư viện, phòng máy với 114 điểm phát wifi tại cơ sở chính Cẩm Vịnh; 11 điểm phát wifi tại cơ sở Đại Nài, hệ thống mạng được kết nối đến từng vị trí làm việc, giữa các cơ sở được kết nối thông qua kênh trắng thuê riêng và kênh riêng ảo VPN đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, an ninh an toàn về cơ sở dữ liệu dùng chung. Trường đầu tư hệ thống máy chủ với 06 máy, 48 switch, firewall để đảm bảo cho hoạt động CNTT của trường thông suốt, an toàn và đạt hiệu quả tốt nhất [H9.9.4.03].

CB, GV, NV được cấp account thư điện tử miễn phí (theo tên miền …@htu.edu.vn). Mỗi sinh viên được cấp 01 hộp thư điện tử (theo tên miền …@daotao.htu.edu.vn, @hu.edu.vn) và một tài khoản (theo mã sinh viên) để phục vụ cho quá trình học tập của mình. Toàn bộ CB,GV, SV đều được cấp account thư

viện điện tử miễn phí để tra cứu thông tin, và lấy số liệu, bài viết, giáo trình để phục vụ cho quá trình dạy, học, NCKH. Tất cả các đơn vị và tổ chức đoàn thể đều có website riêng [H9.9.4.04].

Nhà trường đã tập trung tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lí. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lí nhân sự, quản lý đào tạo Edusoft, NCKH, quản lý thư viên Libo 6.0, quản lý tài kế toán Misa. Công tác quản lí của Trường thực hiện thông qua hệ thống M-Office, GoogleCalendar, GoogleDrive. Ngoài ra, Nhà trường đã đầu tư các phần mềm hỗ trợ dạy học như HiClass, Xclass, Sanako 1200….Các phần mềm đều được mua bản quyền hoặc được đơn vị cung cấp đảm bảo tính bản quyền. Ngoài các hệ thống trên, Nhà trường còn triển khai hệ thống Thư viện số, hệ thống Elearning, hệ thống Google Classroom…để hỗ trợ NCKH, dạy và học trực tuyến. Nhà trường đã trang bị hệ thống 80 camera, 12 máy vân tay phục vụ cho việc quản lý, điều hành. Hàng năm, kinh phí được Nhà trường đầu tư để sửa chữa, nâng cấp hệ thống tin học là hơn 500 000 000 đồng [H9.9.4.05].

Nhà trường có Trung tâm Công nghệ thông tin chuyên trách quản lý , vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ quản lý, giảng dạy và NCKH, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H9.9.4.06].

Để đảm bảo cho hệ thống CNTT của trường hoạt động tốt, Trường đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính trong Trường. Cụ thể, Trường có hệ thống tường lửa (Firewall), Router, phần mềm phòng chống virus… cho các máy chủ và mạng LAN của Trường [H9.9.4.07].

Từ năm 2014, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của người học. Theo khảo sát năm 2017, 82,02% người học trả lời từ đồng ý về tiêu chí: “Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập”. Đối với CB,GV có 99,6% hài lòng về thiết bị tin học, phần mềm hỗ trợ giảng dạy [H9.9.4.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của trường gồm hạ tầng mạng, máy chủ, máy trạm, phần mềm, các thiết bị tin học và bộ phận chuyên trách hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

3. Tồn tại

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập internet bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ học năm học 2017-2018, Nhà trường chỉ đạo Trung tâm CNTT lập kê hoạch nâng cấp hạ tầng CNTT để nâng cao tốc độ đường truyền Internet.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học. Tổng diện tích lớp học, hội trường, giảng đường là 16.938 m^2 …. được tổ chức học 02 ca/ngày, bình quân diện tích là 4,01m^2/người học, đảm bảo đủ diện tích lớp học theo tiêu chuẩn thiết kế trường ĐH. Diện tích giảng đường trung bình cho 01 chỗ cho người học được đảm bảo đúng quy định tại TCVN 3981-1985 [H9.9.5.01].

Ký túc xá nhà trường được bố trí ở cả 2 cơ sở: Cơ sở chính có nhà A_1, A_2, A_3, B_1, B_2, $B_{3;}$ cơ sở Đại Nài có nhà B_1, B_2, B_3 [H9.9.5.02] đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú. Tổng diện tích đất phục vụ nhà ở và sinh hoạt của sinh viên nội trú là 13ha , tính trung bình hơn 4,0 ha/1000 sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 3981: 1985. Ký túc xá nhà trường có 464 phòng với tổng diện tích là 28.089 m^2, sức chứa 3.540 chỗ ở nội trú [H9.9.5.01]. Hàng năm, hiệu suất sử dụng chỗ ở nội trú đạt trung bình 85%, đáp ứng 100% nhu cầu ở nội trú của người học. Phòng ở ký túc xá có diện tích từ 35m^2 trở lên,được thiết kế vệ sinh khép kín

và trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dung phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt và học tập của người học [H9.9.5.03]. Các quy định, quy trình, hướng dẫn công tác quản lý, nội quy ký túc xá đầy đủ, rõ ràng, được công bố công khai [H9.9.5.04]. Với các đối tượng chính sách, nhà trường có quy định ưu tiên về tiêu chuẩn ở ký túc xá. Để đảm bảo an toàn, tại các nhà ký túc xá đều có tiêu lệnh hệ thống trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy [H9.9.5.05]. CB, GV, NV và HSSV của trường đều được học tập, tập huấn nghiệp vụ phòng chống cháy nổ do Công an tỉnh tổ chức tập huấn và diễn tập phòng cháy và chữa cháy ngay trong khu ký túc xá trường [H9.9.5.06].

Nhà trường đã xây dựng tại 2 cơ sở 02 nhà ăn 2 tầng với diện tích 1.990 m^2, có sức chứa 1.000 HSSV/ lần. Nhà ăn phục vụ SV được trang bị đầy đủ thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế [H9.9.5.07], thực phẩm được lưu mẫu theo quy định [H9.9.5.08], NV phục vụ nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm do Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm Hà Tĩnh tổ chức và cấp chứng nhận [H9.9.5.09]. Nhà trạm xá với diện tích 255m^2, có các phòng chuyên môn với quy mô 20 giường bệnh [H9.9.5.10].

Sân bãi phục vụ hoạt động thể dục, thể thao có tổng diện tích là 19.588 m^2 sử dụng tại 2 cơ sở đào tạo của Nhà trường, cơ sở chính gồm 01 sân vận động diện tích 5.000m^2, 05 sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích 5.250 m^2, 3 sân bóng chuyền diện tích 1.080 m^2, 01 sân Tennis diện tích 630m^2, cơ sở Đại Nàicó 01 sân vận động diện tích 5.000m^2, 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích 2.100m^2, 02 sân bóng chuyền trong và ngoài nhà [H9.9.5.11].

Nhà trường có hệ thống trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ như hệ thống ánh sáng, âm thanh, đạo cụ, trang phục biểu diễn [H9.9.5.12]. Hệ thống sân bãi phục vụ các hoạt động vặn hóa văn nghệ cũng được nhà trường chú trọng, bên cạnh sân bãi ngoài trời, Nhà trường có 3 nhà với 2.108m^2 diện tích có mái che [H9.9.5.13] phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT trong nhà. Đến tháng 10 năm 2018, Nhà trường sẽ hoàn thành việc xây dựng tòa nhà đa năng

15 tầng và đưa vào sử dụng [H9.9.5.14].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học, các phòng học được trang bị tốt và đảm bảo về diện tích, ánh sáng, trang thiết bị hỗ trợ dạy và học. Có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, TDTT theo qui định. Nhà ăn cho cán bộ, GV và HSSV; trạm xá được đầu tư, đảm bảo số lượng và chất lượng.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng được khu nhà ký túc xá phục vụ riêng cho LHS Lào.

4. Kế hoạch hành động.

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao Ban Quản lý dự án tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền để xây dựng KTX cho LHS Lào.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Hiện nay Nhà trường tổ chức đào tạo tại 2 cơ sở: Cơ sở chính và cơ sở Đại Nài, có đủ phòng làm việc cho CB, GV và NV cơ hữu [H9.9.6.01]; các nhà và phòng làm việc được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam [H9.9.6.02]. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cải tạo, sửa chữa nâng cấp phòng làm việc, thực hành, thí nghiệm... [H9.9.6.03]. Ngoài 2 nhà làm việc D_1, D_2, do chưa xây xong khu làm việc tập trung nên Nhà trường bố trí các phòng làm việc ở các khu vực khác nhau; hiện Trường có 97 phòng làm việc và Phòng sinh hoạt chuyên môn với tổng diện tích là 4.110 m^2 (trung bình 11,29m^2/người), số lượng phòng và diện tích hoàn toàn đáp ứng đủ yêu cầu làm việc của CB, GV và NV cơ hữu của nhà trường theo đúng quy định [H9.9.6.04].

Phòng làm việc của BGH được bố trí tại tầng 2 nhà D_2 với 4 phòng và 3 phòng tại nhà D_1 cho từng đồng chí riêng biệt với diện tích trung bình 22 m^2/phòng. Các phòng được trang bị CSVC hiện đại phục vụ tốt yêu cầu quản lý của Nhà trường [H9.9.6.05].

Các Phòng chức năng có 25 phòng làm việc, được bố trí phòng làm việc riêng cho từng bộ phận. 100% trưởng phòng được bố trí phòng làm việc riêng với diện tích trung bình là 22 m^2/phòng; 40 % vị trí phó phòng được bố trí phòng làm việc riêng với diện tích trung bình là 22 m^2/phòng [H9.9.6.06].

Các khoa đào tạo được bố trí 30 phòng làm việc có diện tích sử dụng 970m^2, trong đó 100% trưởng khoa có phòng làm việc riêng với diện tích trung bình 26m^2/phòng, một số phó trưởng khoa được bố trí phòng làm việc riêng với diện tích 26 m^2/phòng. Các tổ môn trực thuộc Khoa đào tạo đều có phòng làm việc chung với diện tích trung bình 26 m^2/phòng [H9.9.6.07];

Các trung tâm hỗ trợ, phục vụ được bố trí 42 phòng làm việc. 100% các đồng chí Giám đốc được bố trí phòng làm việc riêng với diện tích trung bình 26 m^2/phòng [H9.9.6.08] 100% chuyên viên, NV đều có vị trí làm việc riêng. Các tổ chức Đảng, đoàn thể đều được bố trí văn phòng với diện tích rộng rãi, trang thiết bị văn phòng đầy đủ [H9.9.6.09], Nhà trường có phòng làm việc riêng cho Giáo sư, Phó Giáo sư, gồm 6 phòng tổng diện tích 156 m^2, đủ không gian và các thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động nghiên cứu [H9.9.6.10];

CB, GV và NV cơ hữu được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị thực hiện nhiệm vụ. Nhà trường luôn chú trọng đầu tư bổ sung tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của đội ngũ CB, GV và NV. BGH, trưởng các đơn vị và cán bộ, GV có trình độ tiến sĩ được Nhà trường trang bị máy tính xách tay. Chuyên viên, NV khoa đều được trang bị 1 người/ máy tính. Tại các phòng làm việc được bố trí đầy đủ các trang thiết bị cơ bản để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ như bàn ghế, tủ lưu hồ sơ, bảng thông báo, máy tính, máy photocopy, máy in, điện thoại nội bộ...hệ thống máy tính được cài đặt các phần mềm quản lý, kết nối mạng nội bộ, internet,

wifi [H9.9.6.11]. Một số đơn vị như phòng Đào tạo, phòng TCHC, Trung tâm TT-TV còn được trang bị máy in màu, photocopy khổ lớn, máy Fax, máy ảnh...

Tại các khoa đào tạo, các phòng thực hành, thí nghiệm có đủ các thiết bị phục vụ đào tạo [H9.9.6.12]. CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường luôn được GV đánh giá cao [H9.9.6.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định; Có phòng làm việc riêng cho mỗi bộ phận, phòng, ban, khoa, bộ môn.

3. Tồn tại

Các phòng làm việc đang được bố trí cách xa nhau nên khó khăn trong quản lý điều hành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, giao Phòng Quản trị phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất phương án bố trí phòng làm việc ở vị trí thuận lợi, hợp lý, tập trung vào khu nhà đa năng 15 tầng tại cơ sở chính Cẩm Vịnh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường ĐHHT, hiện chỉ tổ chức đào tạo ở 2 cơ sở với diện tích đã có Quyết định quyền sử dụng đất là 787.914,6m^2 [H9.9.7.01], trong đó cơ sở chính có diện tích là 739.779,6m^2 [H9.9.7.02], cơ sở Đại Nài có diện tích là 48.135m^2 [H9.9.7.03]. Với quy mô hiện tại, bình quân diện tích sử dụng là hơn 186m^2/người học. Riêng cơ sở Thạch Quý diện tích 18.840m^2 [H9.9.7.04] và cơ sở Nghi Xuân diện tích 71.950m^2 [H9.9.7.05] vì chưa có sổ đỏ nên không tính trong diện tích của Trường;

Chỉ tính diện tích mặt bằng của Nhà trường là 787.914,6m^2 với quy mô hiện tại 3.204 sinh viên chính quy, đạt tỉ lệ 24,6ha/1000 sinh viên. Mặt bằng 02 cơ sở đang đào tạo này của Nhà trường đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt [H9.9.7.06], được bố trí các tòa nhà, các phòng học, xưởng thực hành, thí nghiệm, khu ký túc xá, khu thể thao giải trí, công trình kỹ thuật, cây xanh tương đối hợp lý phục vụ tốt các hoạt động của Nhà trường;

Tính đến năm 2017, tổng diện tích sân bãi phục vụ hoạt động thể dục, thể thao (cơ sở chính và cơ sở Đại Nài) của Nhà trường là 17.830 m^2 [H9.9.7.07]; bình quân diện tích sân bãi phục vụ hoạt động thể dục thể thao đạt hơn 4,22ha/1000 SV. Nhà trường đang và sẽ từng bước thực hiện dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 tại cơ sở chính với tổng mức đầu tư 196.417.052.000 đồng, sau khi hoàn thành sẽ có khu thể dục thể thao và sân bãi hiện đại phục phụ tốt nhất cho nhu cầu của CBGV và HSSV;

Diện tích mặt bằng xây dựng ký túc xá (chỉ tính cơ sở chính) là 11,3 ha, bình quân diện tích mặt bằng xây dựng ký túc xá 35,27 m^2/sinh viên.

2. Điểm mạnh

Diện tích đất được cấp sử dụng cho Nhà trường đã quy hoạch và sử dụng hợp lý, đầy đủ theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể vượt tiêu chuẩn quy định của TCVN 3981-85.

3. Tồn tại

Nhiều khu đất đã được quy hoạch sử dụng cho đào tạo thực nghiệm và NCKH nhưng chưa có nguồn lực để triển khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường giao Ban QLDA phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng đề án, huy động nguồn lực của Trung ương, địa phương và xã hội hoá từng bước đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Trường ĐHHT đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường. Bản đồ mặt bằng chính thức quy hoạch tỷ lệ 1/500 [H9.9.8.01] tại Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường ĐHHT, thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập giai đoạn 2010-2015 tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 12/2/2015 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường ĐHHT (giai đoạn I) [H9.9.8.02]; gồm san nền khu đất xây dựng khu giảng đường, khu học lý thuyết, cổng, hàng rào, khu hiệu bộ, khu biểu tượng danh nhân, sân vận động, bãi đỗ xe; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông trong các khu nối đến ký túc xá; xây dựng nhà hiệu bộ, 03 nhà học (A_1, A_3, A_5); xây dựng cổng, hàng rào, 02 nhà bảo vệ tại trụ sở chính.

Năm 2016, nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà trường thành cơ sở giáo dục "đào tạo đa cấp, đa ngànhvà cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ chất lượng cao" Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường quy hoạch phát triển cơ sở vật chất theo hướng mở rộng quy mô đào tạo, mở rộng cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm đạt chuẩn. Nhà trường đã xây dựng và phát triển cơ sở vật chất tại Trụ sở chính tại xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường ĐHHT (giai đoạn II) [H9.9.8.03]: Gồm nhà hiệu bộ 15 tầng; nhà học A_2, 5 tầng và các hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Hiện nay,Nhà trường đang xây dựng Khu nhà Hiệu bộ 15 tầng bao gồm: Nhà hiệu bộ 15 tầng, Nhà trạm bơm, trạm điện, Trạm biến áp 560KVA, đường dây cáp ngầm 35KV, Máy phát điện 350KVA, hệ thống sân

đường nội bộ, mương thoát nước quanh nhà Hiệu bộ với tổng giá trị xây dựng 142 tỷ đồng. Trong đó Nhà hiệu bộ 15 tầng được xây dựng với tổng diện tích sàn 13.490m2, trang bị hệ thống thiết bị hiện đại gồm: 3 thang máy, hệ thống điều hòa trung tâm, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống mạng LAN, internet, điện thoại. Nhà Hiệu bộ được tích hợp các công năng thư viện, hội trường, văn phòng các khoa và khu học tập cho sinh viên. Nhà 15 tầng bố trí 14 văn phòng khoa với tổng diện tích 1.371m^2 ; 28 phòng gồm: Phòng ban, trung tâm, ban dự án với diện tổng tích 1.231m^2; 05 phòng học với tổng diện tích 363 m^2 ; 06 phòng hội thảo với tổng diện tích 424 m^2 ; 02 Khu NCKH cho SV nước ngoài với diện tích sàn 300 m2 và một số phòng chức năng khác [H9.9.8.04].

Nhà trường có kế hoạch, đề án, dự án triển khai kế hoạch chiến lược về CSVC theo từng giai đoạn; giai đoạn 2018-2020) [H9.9.8.05]; đầu tư xây dựng nhà học 5 tầng nhà A_2 (đã được bố trí nguồn vốn từ Ngân sách trung ương đầu tư từ chương trình mục tiêu phát triển KTXH các vùng trong kế hoạch trung hạn (2016-2020), tổng diện tích sàn 4.655m2, trong đó mỗi sàn có diện tích 931m2, bố trí 6 phòng học, mỗi phòng 50 sinh viên, 1 kho dụng cụ, 1 phòng nghỉ giáo viên và phòng vệ sinh, giá trị xây dựng 25.709 triệu đồng; đầu tư xây dựng nhà ký túc xá sinh viên Lào 5 tầng, diện tích sàn 3.873m2, có 60 phòng nội trú TMĐT: 34.451 triệu đồng (Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2012 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà ký túc xá sinh viên Lào tại Trường ĐHHT); giai đoạn 2020-2025 đầu tư xây dựng Hệ thống nhà cầu Khu giảng đường tại cơ sở 3, diện tích sàn 8.557m2, giá trị đầu tư 38,6 tỷ đồng; san lấp mặt bằng số diện tích còn lại 17ha, giá trị 70 tỷ đồng; xây dựng 02 nhà xưởng thực hành X_1, X_2 có diện tích sàn 8.122m2, giá trị đầu tư 89 tỷ đồng; xây dựng nhà giảng đường 3 tầng, có diện tích sàn: 15.860m2, giá trị đầu tư: 84 tỷ đồng; giai đoạn 2025-2030 xây dựng các trung tâm, viện nghiên cứu nhà 3 tầng, diện tích sàn: 3.764m2, giá trị đầu tư: 19,8 tỷ đồng. Phân kỳ đầu tư xây dựng các hạng mục, công trình trên cơ sở

nguồn vốn Ngân sách của Nhà nước cấp và Chủ đầu tư huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy hoạch tổng thể, để thực hiện chiến lược đầu tư xây dựng và phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 xác định mục tiêu xây dựng Trường ĐHHT trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, đa cấp và định hướng ứng dụng, đạt chuẩn TCVN.

3. Tồn tại

Việc triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực tài chính để thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, giao Phòng Quản trị phối hợp với Ban QLDA rà soát quy hoạch tổng thể, xây dựng kế hoạch ngắn hạn và trung hạn huy động nguồn lực tài chính sắp xếp thứ tự ưu tiên các hạng mục của công trình, tập trung đầu tư cho các hạng mục cần thiết phục vụ cho đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo tài sản, an ninh, trật tự trong khuôn viên trường, Nhà trường đã thành lập Đội bảo vệ trực thuộc phòng Quản trị với 14 nhân viên [H9.9.9.01]; Đội bảo vệ có quy định về chức năng nhiệm vụ cụ thể [H9.9.9.02]; theo đó, hàng tháng đội bảo vệ đều phân công các ca trực (mỗi ca tối thiểu 2 nhân viên bảo vệ) đảm bảo an ninh, trật tự tại 3 cơ sở của Nhà trường (Cơ sở chính, cơ sở Đại Nài, cơ sở Nghi Xuân, riêng cơ sở Thạch Quý đã giao cho Trung đoàn Cảnh sát cơ động quản lý). Các ca trực đảm bảo trực 24/24h trong tất cả các ngày, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết; ngoài ra Nhà trường còn thành lập lực lượng Tự vệ, Đội xung kích để hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ. Đội ngũ bảo vệ Nhà trường được đào tạo về chuyên

môn, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ, được trang bị trang phục, phương tiện và công cụ cần thiết [H9.9.9.03] để thực hiện nhiệm vụ. Để nâng cao nghiệp vụ kế hoạch hàng năm sẽ cử nhân viên bảo vệ tham gia tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, lắp thêm ca me ra một số điểm để phục vụ tốt cho công tác ăn ninh [H9.9.9.04];

Nhà trường đã ký Quy chế phối hợp với Công an huyện Cẩm Xuyên [H9.9.9.05] và bố trí 01 phòng làm việc cho Đội phong trào Công an huyện thường trực thường xuyên tại trường để đảm bảo an ninh trật tự; Nhà trường xây dựng Nội quy bảo vệ [H9.9.9.06]; hàng năm xây dựng Kế hoạch đảm bảo an ninh, Kế hoạch thực hiện Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc [H9.9.9.07]; Kế hoạch phòng chống ma túy và các tai tệ nạn xã hội [H9.9.9.08]; thành lập mô hình "trường học an toàn về an ninh trật tự" và các tiểu mô hình đảm bảo an ninh như: Đội xung kích, Câu lạc bộ phòng chống ma túy, Đội sinh viên tự quản ở ký túc xá [H9.9.9.09]… Định kỳ 1 năm 1 lần, Nhà trường thực hiện sơ kết công tác đảm bảo an ninh trật tự và bảo vệ tài sản trong trường đồng thời xây dựng nhiệm vụ cho năm học tới. Hội nghị bao gồm các thành phần: Công an tỉnh, phòng PA83, Công an huyện thị, thành, phường, xã và cán bộ chủ chốt của Nhà trường [H9.9.9.10]. Phòng Công tác HSSV luôn phối hợp với công an xã, phường, lực lượng dân phòng nơi có sinh viên Nhà trường cư trú (trọ) thực hiện kiểm tra sinh viên ngoại trú và nắm bắt tình hình an ninh trật tự. Trong các dịp Lễ, Tết hoặc những thời gian cao điểm Nhà trường đều có Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn tài sản và an toàn giao thông [H9.9.9.11].

Năm 2015 Nhà trường đã ban hành văn bản qui định về văn hóa học đường [H9.9.9.12]; Nhà trường còn tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề [H9.9.9.13]; tổ chức các buổi sinh hoạt để kiểm điểm, đánh giá các hoạt động trong tuần, trong tháng, thông báo tình hình thời sự trong nước và thế giới, qua đây để nghe những phản ánh, tâm tư, nguyện vọng của người học [H9.9.9.14], từ đó đã cao hiệu quả trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học, góp phần hạn chế tỉ lệ người học vi phạm kỉ luật, tỉ lệ người học vi phạm các vấn đề về

đạo đức, lối sống và pháp luật bị cơ quan chức năng xử lí hàng năm đều dưới 0,1% [H9.9.9.15];

Công tác phòng cháy, chữa cháy được Nhà trường quan tâm, các tòa nhà khi xây dựng đều được thẩm duyệt của cơ quan PCCC, được thiết kế lối thoát hiểm theo tiêu chuẩn, được trang bị thiết bị chữa cháy theo quy định và được Phòng cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ hàng năm [H9.9.9.16]. Để chủ động ứng phó với sự cố cháy nổ, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch phòng cháy chữa cháy [H9.9.9.17], ban hành Nội quy phòng cháy [H9.9.9.18]; thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và PCCC [H9.9.9.19], thành lập đội PCCC [H9.9.9.20]; tổ chức diễn tập phòng cháy và tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, có 60 NV đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện phòng cháy chữa cháy [H9.9.9.21]. Kết quả năm 2017, Nhà trường được công nhận là đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy [H9.9.9.22]. Để công tác phòng cháy chữa cháy luôn đảm bảo nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị phòng chống cháy, nổ theo hàng năm, mỗi năm sẽ mua bổ sung: 10 bình chống cháy MT3, 10 bình MT4 [H9.9.9.23].

Các biện pháp đảm bảo an toàn cho CB, GV, SV được Nhà trường chú trọng; tại các phòng học, giảng đường Nhà trường ban hành quy định sử dụng phòng học, Nội quy sử dụng tài sản công, các biển báo tiết kiệm điện, nước [H9.9.9.24]; các phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm đều có Nội quy phòng thí nghiệm, thực hành [H9.9.9.25]; các nhân viên phục phụ điện nước và phòng thí nghiệm hàng năm đều được trang bị bảo hộ lao động [H9.9.9.26]. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện nghiêm túc, 100% mẫu thức ăn được lưu, bảo quản và theo dõi hàng ngày; các khâu chế biến, bảo quản đều thực hiện đúng quy trình nên được các cơ quan quản lý, người dùng đánh giá tốt và được cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm [H9.9.9.27]. Nguồn nước nước của Nhà trường sử dụng do Nhà máy cấp nước Hà Tĩnh cung cấp nên luôn đảm bảo sạch và an toàn, ngoài ra hàng năm Nhà trường tổ chức phun thuốc diệt muỗi định kỳ [H9.9.9.28]; nhờ vậy trong nhiều năm qua không có bệnh lây lan, truyền nhiễm tại các khu vực trong trường. Để đảm bảo cảnh quan, môi trường, Nhà trường ký hợp đồng với lực lượng vệ sinh chuyên nghiệp làm vệ sinh hàng ngày toàn bộ khuôn

viên của Nhà trường và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt [H9.9.9.29]; nhờ đó, cảnh quan Nhà trường luôn sạch đẹp, tạo môi trường tốt, lành mạnh cho CB, GV, SV Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có lực lượng chuyên trách bảo vệ với các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự và đảm bảo an toàn tài sản. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường đầy đủ phương tiện sẵn sàng cho các tình huống xảy ra. Trong nhiều năm qua, tình hình an ninh, trật tự nơi địa bàn trường đóng quân luôn đảm bảo an toàn; tài sản của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học luôn được đảm bảo; 2 năm 2015, 2017 Nhà trường được Bộ Công an tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

3. Tồn tại

Khuôn viên Trường rộng nên việc tổ chức giám sát thường xuyên liên tục gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017-2018, Trường giao Phòng Quản trị phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất xây dựng cơ chế phối hợp triển khai đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự với công an huyện Cẩm Xuyên và công an Thành phố, xây dựng mô hình tự quản để huy động lực lượng sinh viên tham gia cùng nhà trường để bảo vệ tốt hơn nữa tài sản, trật tự, an toàn cho CB, GV và HSSV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường có đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị kỹ thuật công nghệ để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng xã hội... Với quy mô lưu lượng HSSV đào tạo tại Trường là 10 000HSSV.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để phát triển trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học cung cấp nguồn nhân lực cho Tỉnh Hà Tĩnh, khu vực bắc Miền Trung và cả nước.

Tự đánh giá: Đạt 9/9 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 10. TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Trường ĐHHT được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ - TTG, ngày 19/3/2007, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Tỉnh Hà Tĩnh, tự chủ một phần kinh phí thường xuyên. Công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường luôn được quan tâm, chú trọng từ khâu tạo lập nguồn thu hợp pháp đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đến việc chủ động lập kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách hàng năm sát đúng với thực tế và phân bổ sử dụng ngân sách một cách hợp lý, minh bạch, có hiệu quả, được cụ thể hoá ở 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Nhà trường là một đơn vị dự toán cấp 1 trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ - CP [H10.10.1.01].

Trường được tự chủ một phần kinh phí thường xuyên, để thực hiện giải pháp về tự chủ tài chính Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ dựa trên những tiêu chuẩn định mức của Nhà nước, thực tế của đơn vị và được thảo luận lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường [H10.10.1.02]. Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của đơn vị và những thay đổi trong quản lý tài chính của Nhà nước, Nhà trường đều có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp [H10.10.1.03].

Các giải pháp phát triển tài chính của Nhà trường được xác định trong chiến lược phát triển nguồn thu giai đoạn 2013 - 2017 và giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030", Kế hoạch trung hạn phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch hằng năm [H10.10.1.04].

Trường ĐHHT có các nguồn thu hợp pháp như sau:

- Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp, bao gồm kinh phí đào tạo, nghiên cứu khoa học, đào tạo lưu học sinh Lào, kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ đột xuất khác;

- Các nguồn thu sự nghiệp, bao gồm nguồn thu học phí đào tạo chính quy (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, liên kết sau đại học), lệ phí tuyển sinh, học phí đào tạo hệ không chính quy;

- Các nguồn thu hợp pháp khác như: hoạt động dịch vụ, phục vụ đào tạo (dịch vụ giữ xe, lãi tiền gửi, liên kết đào tạo, đào tạo cấp chứng chỉ ngắn hạn);

- Nguồn thu đầu tư xây dựng cơ bản cho dự án xây dựng trường mới tại xã Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Nguồn thu của Trường từ 2013 đến 2017 được thể hiện tại [H10.10.1.05] (*Bảng 10.1)*.

Bảng 10.1: Bảng phân tích cơ cấu nguồn tài chính giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	2013		2014		2015		2016		2017		Cộng	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
I	**Kinh phí thường xuyên**	**51,917**	**100**	**70,363**	**100**	**75,903**	**100**	**70,184**	**100**	**61,565**	**100**	**329,932**	**100**
1	***Ngân sách NN cấp***	***32,660***	***63***	***48,579***	***69***	***48,700***	***64***	***46,453***	***66***	***41,561***	***68***	***217,953***	***66***
	NS cấp tự chủ	25,060	48	30,579	43	29,200	38	30,446	43	28,541	46	143,826	44
	NS cấp không tự chủ	7,600	15	18,000	26	19,500	26	16,007	23	13,020	21	74,127	22
2	***Thu sự nghiệp***	***19,257***	***37***	***21,784***	***31***	***27,203***	***36***	***23,731***	***34***	***20,004***	***32***	***111,979***	***34***
	Học phí, lệ phí	11,962	23	11,726	17	8,795	12	6,865	10	5,242	9	44,590	14
	Thu sự nghiệp khác	6,110	12	8,707	12	16,577	22	13,411	19	11,691	19	56,496	17
	Thu dịch vụ	1,185	2	1,351	2	1,831	2	3,455	5	3,071	5	10,893	3
II	**Kinh phí ĐTXDCB**	**82,390**		**63,100**		**79,000**		**41,350**		**64,578**		**330,418**	
	Cộng	**134,307**		**133,463**		**154,903**		**111,534**		**126,143**		**660,350**	

Phân tích cơ cấu nguồn thu cho thấy: Nguồn thu từ Ngân sách Nhà nước tăng chủ yếu là ngân sách cấp không tự chủ cho đào tạo Lưu học sinh Lào, cấp đào tạo nguồn nhân lực cho khu kinh tế Vũng Áng; Nguồn thu sự nghiệp giảm chủ yếu là giảm thu học phí hệ chính quy giảm chỉ bằng 50% so với đầu kỳ (2017 so với 2013); Nguồn thu sự nghiệp khác tăng chủ yếu do tăng nguồn thu kinh phí đào tạo LHS Lào học tự túc; Nguồn kinh phí Ngân sách cấp cho đầu tư xây dựng trường tại cơ sở mới thực hiện theo tiến độ dự án và được hình thành từ Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương một phần từ nguồn thu sự nghiệp.

Tất cả các nguồn thu của đơn vị đều được tập hợp đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo một hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước, được thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán tài chính hàng quý, hàng năm và được lưu trữ ở Phòng KH-TC [H10.10.1.06] và lưu tại Ban quản lý dự án [H10.10.1.07].

Không có vi phạm liên quan đến các nguồn thu theo kết luận của kiểm toán và qua kết quả xét duyệt quyết toán tài chính hằng năm [H10.10.1.08]; Trong báo cáo của thanh tra nhân dân trình bày tại Hội nghị CBVC hằng năm không có các vi phạm về hoạt động thu của Nhà trường [H10.10.1.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính nhằm phát huy được hiệu quả mọi nguồn lực, chủ động trong thực hiện dự toán thu chi Ngân sách, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; Nhà trường cũng đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu một cách hợp lý, hợp pháp.

3. Tồn tại

Nguồn thu chưa đa dạng, tập trung chủ yếu từ ngân sách Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 Nhà trường giao Phòng KHTC phối hợp với các đơn vị trong Trường rà soát kế hoạch chiến lược phát triển nguồn thu nhằm đa dạng hoá các nguồn thu bằng các hoạt động mở rộng các loại hình đào tạo cấp chứng chỉ ngắn hạn, phát triển Trường Phổ thông và Trường Mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả

Trong từng giai đoạn 5 năm, theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND tỉnh Hà Tĩnh, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm phù hợp với sự phát triển của xã hội, theo yêu cầu thực tế của ngành và chiến lược phát triển của đơn vị [H10.10.2.01]. Hàng năm vào khoảng tháng 7, nhà trường tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong năm và tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm sau theo hướng dẫn của Sở Tài chính, UBND tỉnh Hà Tĩnh [H10.10.2.02].

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trong quá trình xây dựng kế hoạch nhà trường luôn bám sát kế hoạch hoạt động của mình, phù hợp và ưu tiên cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các chiến lược quy hoạch phát triển cụ thể, đồng thời có tích luỹ để tái đầu tư phát triển, kế hoạch được công khai, minh bạch [H10.10.2.03].

Hàng năm, toàn bộ dự toán thu chi cũng như tình hình quyết toán tài chính đều được cấp trên đánh giá tốt [H10.10.2.04] và được báo cáo công khai trong Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu mỗi năm học [H10.10.2.05]. Các định mức chi tiêu theo quy định của Nhà nước và của đơn vị thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ đều được nhà trường công bố và phát hành rộng rãi đến từng cán bộ, giảng viên, nhân viên [H10.10.2.06].

Công tác quản lý tài chính luôn luôn rõ ràng, minh bạch và đúng theo quy định của Nhà nước [H10.10.2.07]. Hàng quý, hàng năm, qua các đợt xét duyệt quyết toán của Sở Tài chính, kết quả kiểm toán đơn vị đều được đánh giá tốt, không vi phạm cơ chế quản lý tài chính [H10.10.2.08]. Trong báo cáo của thanh tra nhân dân trình bày tại Hội nghị CBVC hằng năm không có các vi phạm về quản lý tài chính [H10.10.1.09].

Công tác tổ chức bộ máy kế toán được thực hiện khá chặt chẽ và khoa học nên công việc luôn được tiến hành thông suốt và có hiệu quả cao [H10.10.2.10]. Nhà trường đã đầu tư các phần mềm kế toán Misa, phần mềm quản lý đào tạo Edusof có phân hệ thu học phí để thực thi công việc; công tác quản lý tài chính được tin học hoá toàn bộ từ khâu lập kế hoạch đến báo cáo quyết toán, in sổ sách lưu trữ [H10.10.2.11].

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch theo đúng quy trình, được chuẩn hóa, công khai, minh bạch, theo đúng chế độ và quy định hiện hành, sát với yêu cầu thực tiễn đáp ứng được nhiệm vụ chính trị được giao; Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng quy định của Nhà nước.

3. Tồn tại

Nhà trường đã công khai các thủ tục, quy trình và chế độ tài chính, tuy nhiên một số cán bộ giảng viên chưa quan tâm đúng mức nên còn lúng túng trong quá trình thực hiện các thủ tục thanh toán.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường giao cho phòng KH-TC phối hợp với các đơn vị trong Trường tiếp tục phổ biến, hướng dẫn CBGV thực hiện các thủ tục, quy trình đã được ban hành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả

Cùng với việc xây dựng kế hoạch ngân sách tài chính hàng năm sát với thực tế, nhà trường cũng đã có các giải pháp phù hợp để quản lý, điều hành tập trung các nguồn thu [H10.10.3.01]. Tất cả các nguồn lực tài chính đều được phân bổ sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch và phát huy hiệu quả tốt [H10.10.3.02].

Định mức sử dụng các nguồn kinh phí được phân bổ, cụ thể hóa bằng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, được công khai có sự thống nhất tất cả các đơn vị trực thuộc, được các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn, công đoàn trường, đoàn

thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thông qua. Hằng năm, các quy định về sử dụng nguồn kinh phí đã được cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát lại, những điểm bất cập, không phù hợp với thực tế và các văn bản hiện hành được điều chỉnh kịp thời [H.10.10.3.03].

Hàng năm, sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND tỉnh Hà Tĩnh cho đơn vị, nhà trường đã căn cứ vào tình thực tế để phân bổ kinh phí đúng quy định, phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm về đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong trường. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với quy hoạch tổng thể ngắn hạn và dài hạn của nhà trường, cũng như đáp ứng được trọng tâm chiến lược ưu tiên phát triển hàng năm của đơn vị và tuân thủ theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh [H10.10.3.04].

Kinh phí phân bổ cho các hoạt động trong năm được cân đối theo nhiệm vụ chính trị được giao và chỉ tiêu ngân sách nhà nước phân bổ; việc bố trí ngân sách nhà trường luôn ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo, NCKH [H10.10.3.05].

CSVC của nhà trường cũng được nâng cao nhờ nguồn kinh phí tiết kiệm và tích luỹ để tái đầu tư phát triển. Trong 5 năm qua, bằng nguồn vốn tự cân đối, đơn vị cũng bố trí hàng tỉ đồng để nâng cấp, trang bị mới hệ thống máy móc, trang thiết bị (Projector, máy vi tính, hệ thống âm thanh, phòng thực hành máy tính camera quan sát...) dùng cho học tập, giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.3.06].

Nhà trường cũng luôn ưu tiên bố trí kinh phí để nâng cao chất lượng đội ngũ GV (thông qua chế độ đãi ngộ khuyến khích đi học sau ĐH, chế độ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho CB giảng dạy tập sự, CB chuyên môn) [H10.10.3.07], đồng thời cũng thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất của CB, GV, NV [H10.10.3.08].

Nhà trường cũng dành một khoản kinh phí không nhỏ trong ngân sách chi thường xuyên để tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao hàng năm cho cán bộ. Vì vậy, phong trào văn hoá thể thao trong đơn vị luôn được quan tâm và đời sống tinh thần của người lao động được nâng cao, đa số cán bộ, giảng viên, nhân viên yên tâm công tác [H10.10.3.09].

Việc phân bổ nguồn kinh phí thường xuyên giai đoạn 2013 - 2017 được thể hiện tại [H10.10.3.10] *(Bảng 10.2)*.

Bảng 10.2: Bảng phân tích các khoản chi giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	2013		2014		2015		2016		2017		Cộng	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1	Thanh toán cho con người	30,356	59	41,944	63	39,749	57	37,935	55	38,452	62	**188,436**	**59**
2	Thanh toán cho chuyên môn	9,622	19	9,480	14	13,141	19	17,021	23	13,864	22	**63,128**	**20**
	Trong đó thanh toán cho hoạt động NCKH	*2,600*	*5*	*3,300*	*5*	*3,400*	*5*	*3,400*	*5*	*3,400*	*6*	***16,100***	***5***
3	Tăng cường cơ sở vật chất	5,527	11	9,047	14	6,974	10	5,029	7	1,976	3	**28,553**	**9**
4	Thanh toán khác	4,693	9	4,982	8	8,662	12	7,120	10	5,102	8	**30,559**	**10**
5	Chi hoạt động dịch vụ	1,001	2	855	1	1,386	2	2,204	5	2,295	4	**7,741**	**2**
	Cộng	**51,199**	**100**	**66,308**	**100**	**69,912**	**100**	**69,309**	**100**	**61,689**	**100**	**318,417**	**100**

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản được quản lý riêng do ban quản lý dự án theo dõi và quyết toán, số liệu giai đoạn 2013 - 2017 được thể hiện tại *Bảng 10.3* [H10.10.3.11].

Bảng 10.3: Bảng thống kê ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Cộng
Ngân sách - Đầu tư XDCB	82,390	63,100	79,000	41,350	64,578	330,350

Qua các lần duyệt quyết toán năm của Sở Tài chính, nhà trường không có sai phạm nào về nguyên tắc quản lý tài chính tài sản và luôn được đánh giá tốt [H10.10.3.12]. Trong báo cáo của thanh tra nhân dân trình bày tại Hội nghị CBVC

không nêu nội dung về phân bổ kinh phí chưa hợp lý và không công khai minh bạch [H10.10.3.13]. Nhà trường chú trọng lấy ý kiến rộng rãi của CB,GV, NV để sửa đổi và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ qua các năm, trong đó công khai rõ ràng các định mức chi tiêu [H10.10.3.14].

Việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý và có hiệu quả đã góp phần nâng cao nguồn lực của nhà trường. Số lượng và chất lượng đội ngũ được tăng lên nhanh chóng, tỷ lệ giảng viên có trình độ sau ĐH chiếm tỷ lệ khá cao, CSVC được nâng cấp. Các nội dung trên thể hiện tính hợp lý, công khai, minh bạch, có hiệu quả trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc phân bổ và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả, luôn bám sát với nhiệm vụ trọng tâm về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, gắn với quy hoạch tổng thể về phát triển nhà trường trong ngắn hạn và dài hạn.

3. Tồn tại

Do nguồn thu ngân sách cấp còn hạn chế, chủ yếu đủ để đáp ứng kinh phí thường xuyên tối thiểu cho chi trả tiền lương nên việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động khác gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017- 018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp lập dự toán toàn, phân bổ và sử dụng kinh phí một cách hợp lý tăng nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tiết kiệm chi phí dành nguồn kinh phí thỏa đáng đầu tư cho trang thiết bị cơ sở vật chất từng bước đáp ứng cho công tác đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự toán theo đúng chế độ hiện hành và theo quy chế chi tiêu nội bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trên đây là 3 tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn tài chính và quản lý tài chính của Trường ĐHHT, mặc dù được đánh giá là đạt yêu cầu nhưng vẫn còn phải bổ sung hoàn thiện hơn nữa về công tác tài chính và quản lý tài chính để đáp ứng với nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt 3/3 tiêu chí.

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Trường ĐHHT là một cơ sở giáo dục đa ngành trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và CGCN phục vụ nhiệm vụ phát triển KTXH của địa phương và cả nước. Sau 10 năm thành lập, với sự quan tâm tạo điều kiện của lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh, Bộ GD&ĐT, các cấp, các ngành cùng với sự nỗ lực phấn của toàn thể CBVC, Nhà trường đã có bước trưởng thành vượt bậc, xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững và lâu dài theo mục tiêu đã xác định.

Thực hiện Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL giáo dục trường ĐH, CĐ và TCCN ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Trường ĐHHT đã triển khai công tác tự đánh giá giai đoạn 2012-2017 một cách nghiêm túc, công khai và minh bạch, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của Trường. Tất cả các nhận định, giải thích, kết luận đưa ra trong báo cáo tự đánh giá đều được dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Quá trình tự đánh giá của Nhà trường đã bao quát đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành (Văn bản hợp nhất 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ GD&ĐT Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH).

Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Trường đã được toàn thể CBVC và SV đóng góp với tinh thần trách nhiệm và dân chủ cao. Từ đó, đã phác họa được một bức tranh toàn cảnh, chân thực về Trường ĐHHT với những điểm mạnh nổi mật trong giai đoạn 2012-2017, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế mà Nhà trường cần tiếp tục khắc phục, sửa đổi. Từ đó, Trường đã xây dựng kế hoạch hành động nhằm liên tục cải tiến để duy trì và nâng cao chất lượng. Báo cáo tự đánh giá của Trường ĐHHT cũng chính là minh chứng để công bố với các cơ quan quản lý Nhà nước, với người học và với xã hội về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá cho thấy, trong tổng số 61 tiêu chí thuộc 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã đạt yêu cầu 60 tiêu chí (98.36%), số tiêu chí chưa đạt: 1 (1.64%), số tiêu chí không đánh giá: 0 (0%).

Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHHT đã nhất trí thông qua kết quả tự đánh giá Nhà trường với mức: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: HTU
Tên trường: Trường ĐHHT
Khối ngành: Đa ngành
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 31/12/2017

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học			
1	Đ		
2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
1	Đ	5	Đ
2	Đ	6	Đ
3	Đ	7	Đ
4	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
1	Đ	4	Đ
2	Đ	5	Đ
3	Đ	6	Đ
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
1	Đ	5	Đ
2	Đ	6	Đ
3	Đ	7	Đ
4	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
1	Đ	7	Đ
2	Đ	8	Đ
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		

Tiêu chuẩn 6: Người học			
1	Đ	6	Đ
2	Đ	7	Đ
3	Đ	8	Đ
4	Đ	9	Đ
5	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
1	Đ	5	C
2	Đ	6	Đ
3	Đ	7	Đ
4	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động HTQT			
1	Đ	3	Đ
2	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
1	Đ	6	Đ
2	Đ	7	Đ
3	Đ	8	Đ
4	Đ	9	Đ
5	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ	3	Đ
2	Đ		

Tổng hợp:
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 60 (100%)
- Số tiêu chí chưa đạt: 1 (1.64%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (0%).

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ

PHẦN V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Thời điểm báo cáo: cập nhật số liệu đến 31/12/2017)

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):
   Tiếng Việt: Trường Đại học Hà Tĩnh
   Tiếng Anh: Ha Tinh University
2. Tên viết tắt của trường:
   Tiếng Việt: TĐHHT
   Tiếng Anh: HTU
3. Tên trước đây (nếu có): Không
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh
5. Địa chỉ trường:
   Trụ sở chính: Xã Cẩm Vịnh, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh
   Cơ sở Đại Nài: Số 447, đường 26/3 phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02393885376 Số fax: 02393885224
   E-mail: vanphong@htu.edu.vn Website: http://htu.edu.vn
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 2007
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2008
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2012
10. Loại hình trường đào tạo:
    Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
    Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật.

Trường Đại học Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ, chính thức đi vào hoạt động 10/5/2007, khi mới thành lập Trường có 21 đơn vị trực thuộc, gồm 7 khoa 02 bộ môn, 08 phòng, 03 trung tâm và 01 ban quản lý dự án; đến tháng 11/2013 Trường sáp nhập thêm trường Trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quy mô đào tạo của Trường năm 2007 gồm có 2.489 HSSV (trong đó, hệ chính quy: 2.079;

không chính quy: 410) với 17 mã ngành đào tạo. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường mới có 204 người, trong đó có 06 Tiến sĩ (01 GS, 02 PGS), 53 thạc sĩ và 95 cử nhân đại học;

Trường ĐHHT hiện có 32 đơn vị trực thuộc gồm: 07 khoa, 02 bộ môn, 10 phòng, 06 trung tâm, 02 trường trực thuộc (Mầm non, Phổ thông) 01 ban và 04 tổ chức đoàn thể. Toàn Trường có 303 CB, GV và nhân viên. Đội ngũ GV cơ hữu gồm 212 người, trong đó có 01 GS, 02 PGS, 24 TS, 168 ThS và 17 GV có trình độ ĐH. Nhà trường hiện đang đào tạo 15 ngành học ở bậc CĐ, 22 ngành học ở bậc ĐH, chưa có đào tạo bậc ThS và TS. Tổng số HSSV của Trường tính đến tháng 12/2017 là 4.506 HSSV, trong đó hệ ĐH là 3.726 SV, hệ CĐ là 81 SV, SV Lào học tiếng Việt là 450 SV, học sinh hệ TH, THCS, THPT là 217 HS, học sinh hệ mầm non là 32. Trường thường xuyên phối hợp với các trường: Trường ĐH Bách khoa Hà Nội; Trường ĐH Xây dựng; Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn (ĐH Quốc gia Hà Nội), Trường ĐH Kinh tế (ĐH QGHN)… để đào tạo thạc sĩ.

Từ năm 2007 đến nay Trường đã đào tạo được 12.706 HSSV tốt nghiệp ra trường, trong đó: Đại học: 4.549, Cao đẳng: 4.617, Trung cấp: 3.540. Các cán bộ tốt nghiệp từ Trường ĐHHT đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện KTXH trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh và trong cả nước. Ngoài ra, Nhà trường còn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho nước bạn Lào.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường:

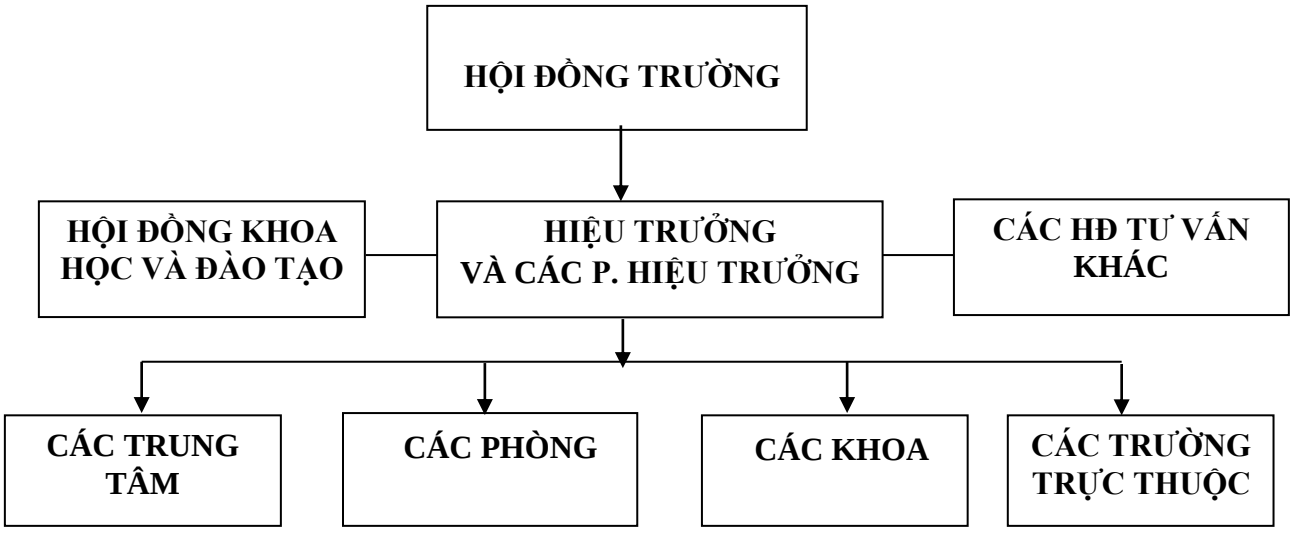

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường:

TT	Thông tin / Các bộ phận	Họ và tên (Trưởng đơn vị)	Học hàm, học vị	Điện thoại, E-mail
1.Ban giám hiệu				
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thọ	GVCC PGS.TS	0941698999 tho.nguyen
2	Phó Hiệu trưởng	Cao Thành Lê	GVC.TS	0916836489 le.caothanh
3	Phó Hiệu trưởng	Đoàn Hoài Sơn	GVC.TS	0916877248 son.doanhoai
4	Phó Hiệu trưởng	Lê Thị Hường	GVC.ThS	0915234235 huong.lethi
2. Các tổ chức Đảng, đoàn thể				
1.	Bí thư Đảng ủy	Cao Thành Lê	GVC.TS	0916836489 le.caothanh
2	Bí thư Đoàn trường	Biện Văn Quyền	GV.ThS	0914482739 quyen.bienvan
3	Chủ tịch công đoàn cơ sở	Nguyễn Hoài Sanh	GVC.TS	0917789988 sanh.nguyenhoai
4	Chủ tịch Hội sinh viên	Nguyễn Công Viên	GV.ThS	0973330100 vien.nguyencong
5	Chủ tịch Hội cựu chiến binh	Đinh Văn Nam	GVC.ThS	0918337033 nam.dinhvan
3. Các phòng, ban chức năng				
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Đình Tuấn	CN	0915565439 tuan.nguyendinh
2	Phòng Đào tạo	Trần Anh Vũ	GVC.TS	0904391227 vu.trananh
3	Phòng Đảm bảo chất lượng	Phan Thị Dung	GV.ThS	0948192278 dung.phanthi
4	Phòng Kế hoạch-Tài chính	Nguyễn Viết Hùng	CN	0912277316 hung.nguyenviet
5	Phòng Quản lý KH	Bùi Thị Quỳnh Thơ	GV.TS	0912883114 tho.buithiquynh
6	Phòng QHĐN&TT	Hồ Thị Nga	GVC.TS	0947311271 nga.hothi
7	Phòng Quản lý Đào tạo SĐH	Trần Thị Ái Đức	GV.TS	0902262369 duc.tranthiai
8	Phòng Thanh tra - pháp chế	Trương Quang Duẩn	ThS	0912385998 duan.truongquag
9	Phòng Công tác CT-HSSV	Ngô Tất Đạt	ThS	0912591778 dat.ngotat

TT	Thông tin / Các bộ phận	Họ và tên (Trưởng đơn vị)	Học hàm, học vị	Điện thoại, E-mail
10	Phòng Quản trị	Ngô Đăng Thuận	CN	0916955478 thuan.ngodang
11	Ban QL Dự án	Cù Huy Lộc	CN	0913071224 loc.cuhuy
4. Các trung tâm trực thuộc				
1	Giáo dục thường xuyên.	Nguyễn Thị Hải Yến	GVC.ThS	0988823808 yen.nguyenthihai
2	Y tế - Môi trường	Hoàng Văn Thiềm	CN	0943742678 thiem.hoangvan
3	Công nghệ thông tin	Nguyễn Viết Phú	GV.ThS	0912539858 phu.nguyenviet
4	Thông tin - Thư viện	Đinh Văn Nam	GVC.ThS	0918337033 nam.dinhvan
5	Ngoại ngữ-Tin học-Kỹ năng mềm	Cao Thành Lê	GVC.TS	0983336489 le.caothanh
6	Dịch vụ Hỗ trợ sinh viên	Thái Đình Hưng	CV.ThS	0912266799 hung.thaidinh
5. Các khoa, bộ môn, trường trực thuộc				
1	Khoa Sư phạm	Nguyễn Thị Thanh Tâm	GVC.TS	0912999125 Tam.nguyethithanh
2	Khoa Kinh tế - Quản trị KD	Nguyễn Đình Thọ	GVCC PGS.TS	0941698999 tho.nguyen
3	Khoa Tiếng Việt	Nguyễn Thái Hòa	GVC.ThS	0948866538 hoa.nguyenthithai
4	Khoa Lý luận Chính trị	Nguyễn Hoài Sanh	GVC.TS	0917789988 sanh.nguyenhoai
5	Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Gia Việt	GV.TS	0984639778 viet.nguyengia
6	Khoa Kỹ thuật-Công nghệ	Nguyễn Sỹ Minh	GV.TS	0912442405 minh.nguyensy
7	Khoa Nông nghiệp	Lâm Xuân Thái	GV.TS	0913397899 thai.lamxuan
8	Bộ môn Tâm lý-Giáo dục	Nguyễn Văn Tịnh	GVC.TS	0916955505 tinh.nguyenvan
9	Bộ môn Giáo dục thể chất	Nguyễn Văn Thành	GV.ThS	0988363755 thanh.nguyenvan
10	Trường TH, THCS, THPT	Phan Đình Anh	GVC.ThS	0916955501 anh.phandinh
11	Trường mầm non	Lưu Thị Thu Hằng	GV. ThS	0913335557 hang.luuthithu

Ghi chú*:** tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường đều được cấp email với đuôi ***@htu.edu.vn

14. Các ngành/chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không có
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không có
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 22
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 15
- Số lượng ngành đào tạo nghề: Không có
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 14).

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước	x	

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Đào tạo ngắn hạn cấp giấy chứng nhận (Kỹ năng mềm, các hoạt động tập huấn …,) chứng chỉ (Ngoại Ngữ Tiếng Anh, Tiếng Trung, Pháp, Tin học, Tiếng Việt); bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo lại.

16. Tổng số các khoa đào tạo: 11 khoa, bộ môn, trường trực thuộc

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu[1]**: 303 *Trong đó:*	113	190	303
I.1	Cán bộ trong biên chế: 256	99	157	256
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	14	33	47
II	**Các cán bộ khác** (Giảng viên thỉnh giảng[2])	11	1	12

[1]Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên *(chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):*

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn[3] trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	13	1	0	1	11	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	36	16	0	8	12	0
5	Thạc sĩ	211	152	12	16	31	0
6	Đại học	26	20	6	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	287	190	18	25	54	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 287- 54 = 233

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 233/335 (69,55%).

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường[4]:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	

[2]Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[3]Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

[4]Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
1	Giáo sư	5	1	1	0	0	0	0	5
2	Phó Giáo sư	3	13	1	0	1	11	0	10,5
4	Tiến sĩ	2	36	16	0	8	12	0	41,6
5	Thạc sĩ	1	211	152	12	16	31	0	175
6	Đại học	0,5	26	20	6	0	0	0	13
	Tổng		**287**	**190**	**18**	**25**	**54**	**0**	**245,1**

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 5,0; 3,0; 2,0; 1,0; 0,5; Cách tính:

Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0,47	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	2	0,94	2	0	0	0	1	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	24	11,32	16	8	0	5	15	4	0
5	Thạc sĩ	168	79,25	56	112	18	100	42	8	0
6	Đại học	17	8,02	6	11	6	6	4	1	0
7	Cao đẳng	0	0			0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0			0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0			0	0	0	0	0
	Tổng	212	100,00	81	131	24	111	62	13	2

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của	-	100%

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
	công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5%	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5%	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	70%	-
	Tổng	100%	100%

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37.87 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 27/212 (12,74%)

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 168/212 (79,25%)

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh %	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2012-2013	1405	920	65,48	879	13	16,5	124
2013-2014	1348	1041	77,23	815	13	18,5	179
2014-2015	1345	1236	91,9	929	13	17,5	375
2015-2016	1531	1231	80,4	1100	15	19,5	458
2016-2017	1463	1306	89,27	1056	15	18,25	430
2017-2018	1470	948	64,49	701	15.5	18.25	165
Cao đẳng							

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh %	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2012-2013	1053	985	93,54	727	10	11,5	
2013-2014	320	306	95,63	208	10	11,5	
2014-2015	166	161	96,99	122	10	12,5	
2015-2016	267	258	96,63	216	12	14,25	
2016-2017	29	29	100	2	9	11,25	
Trung cấp							
2012-2013	201	201	100	140	10,2	14,2	
2013-2014	86	86	100	74	10,6	13,5	
2014-2015	87	87	100	49			
2015-2016	70	70	100	45			

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 3.437 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**2012-2013**	**2013-2014**	**2014-2015**	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**
1. Nghiên cứu sinh						
2. Học viên cao học						
3. Sinh viên đại học Trong đó:	**1.199**	**1.053**	**1.160**	**1.241**	**1.096**	**701**
Hệ chính quy	879	815	929	1100	1056	701
Hệ không chính quy	320	238	231	141	40	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	**822**	**292**	**205**	**239**	**2**	**0**
Hệ chính quy	727	208	122	216	2	0
Hệ không chính quy	95	84	83	23	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	**371**	**357**	**49**	**45**	**0**	**0**
Hệ chính quy	140	74	49	45	0	0
Hệ không chính quy	231	283	0	0	0	0

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
6. Khác…	0	0	0	0	0	0

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi):

2012-2013	2003-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
5.765	4.612	3.367	3.666	4.017	3.437

Tổng số sinh viên quy đổi:

2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
5161,3	4215,7	3197,5	3518,7	3957,0	3420,8

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi):

2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
37,78/1	27,59/1	18,49/1	19,17/1	19,1/1	15,9/1

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học					
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng	124	179	375	458	430	165
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	2,40%	4,25%	11,73%	13,02%	10,87%	4,82%

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	6.278	25.150	29.255	29.255	29.255
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	2.600	2.600	2.678	3.981	2.695
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	810	2.528	2.678	2.981	2.695
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m^2/người	7,75	9,95	10,92	9,81	10,85

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học (cấp trường):

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng (người)	120	83	92	131	168
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	2,32	1,97	2,88	3,72	4,25

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học **Trong đó:**	**1542**	**1417**	**938**	**644**	**1087**
Hệ chính quy	1118	1117	687	353	874
Hệ không chính quy	424	300	251	291	213
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng **Trong đó:**	**938**	**744**	**375**	**242**	**231**
Hệ chính quy	762	744	302	194	192
Hệ không chính quy	176	0	73	48	39
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp **Trong đó:**	**483**	**205**	**165**	**50**	**32**
Hệ chính quy	283	145	52	50	32
Hệ không chính quy	200	60	113	00	0
6. Khác…					

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên Đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**				
	2012-2013	**2013-2014**	**2014-2015**	**2015-2016**	**2016-2017**
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1118	1117	687	353	874
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	92,53	89,01	82,33	86,14	80,98
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4	A	B	B	B	B

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	**2013-2014**	**2014-2015**	**2015-2016**	**2016-2017**
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		97,23	95,78	97,37	97,81
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		0	0	2,63	2,19
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		1,04	0,71	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	B	B	B	B	B
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	80,1	89,8	85,2	88,1	86,3
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	19,9	20,2	14,8	11,9	13,7
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (Triệu đồng)	3	3	3	3	3
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	A	A	B	B	B
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)			73,5	74,2	75,4
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)			20,4	19,6	18,7

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)			6,1	6,2	5,9

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	762	744	302	194	192
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	97,26	70,97	88,09	75,00	90,82
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	A	B	B	B	B
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		97,23	95,78	98,65	96,77
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		0	0	1,35	3,22
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)		1,04	0,71	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5	B	B	B	B	.B

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	79,.5	78	80,3	77,2	86,3
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	20,5	22	19,7	22,8	13,7
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu đồng)	3	3	3	3	3
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	A	A	B	B	B
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)			70,3	73,4	72,5
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)			14,8	15,7	13,3
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)			14,9	10,9	14,2

Ghi chú: Sử dụng các chú thích ở câu 27

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1			1		4
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	3	1	1	2	6	13
3	Đề tài cấp trường	0,5	7	3	2	6	16	17
	Tổng		**11**	**4**	**3**	**9**	**22**	**34**

Cách tính: Cột 9 = cột 3 x (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 34

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,1122

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2013	950	1,83% (51.917 trđ)	3,442 (/276 CBCH)
2	2014	483.2	0,69% (70.363 trđ)	1,64354 (/294 CBCH)
3	2015	2422.6	3,19% (75.903 trđ)	8,07533 (/300 CBCH)
4	2016	1196	1,7% (70.184 trđ)	3,88312 (/308 CBCH)
5	2017	523	0,85% (61.565 trđ)	1,81822 (/303 CBCH)
Tổng		**5574.8**	**8,26%**	**3,76408 (1481 CBCH)**

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	99	103	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	6	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	**1**	**105**	**103**	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2013	2014	2015	2016	2017	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	1	1	2	8	24
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	3	1	8	22,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	1	0	2	6	10

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2013	2014	2015	2016	2017	Tổng (đã quy đổi)
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	1	1
	Tổng		**4**	**2**	**4**	**6**	**23**	**57,5**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 57,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,1898

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	10	19	11	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	02	0	0
Trên 6 cuốn sách	01	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**11**	**21**	**11**	**1**

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	6	0	7	6	33	78
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	34	43	42	61	145	325
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	22	0	0	0	0	11
	Tổng		**62**	**43**	**49**	**67**	**178**	**414**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 414

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,366

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	10	96	25
Từ 6 đến 10 bài báo	3	9	0
Từ 11 đến 15 bài báo	1	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**14**	**105**	**25**

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2013	2014	2015	2016	2017	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	3	10	216	96	330
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	7	8	23	53	47,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	20	13	15	21	152	55,25
4	**Tổng**		**29**	**23**	**33**	**161**	**400**	**432,75**

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 432,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,4282

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	117	47	91
Từ 6 đến 10 báo cáo	10	1	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**128**	**48**	**91**

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2012-2013	0
2013-2014	0
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	01	140	87 đề tài cấp trường
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	**0**	**1**	**140**	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	8	12	13	19	16
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	2	3	1
3	Kỷ yếu Hội nghị	18	14	16	19	54
	Cộng	**27**	**28**	**31**	**41**	**71**

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m^2): 787.914,6m^2 .

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

- Nơi làm việc: 4.110m^2 Nơi học: 18.274m^2 Nơi vui chơi giải trí: 2.021 m^2

41. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 18.274m^2
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 5,32 m^2/SV

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 11.618 đầu sách, tổng 73.766 bản bản.

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 6.694 đầu sách, tổng 66.941 cuốn.

43. Tổng số máy tính của trường: 475

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 119 máy
- Dùng cho sinh viên học tập: 356 máy

Tỷ số số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: 356/3.437= 0,1036 máy/SV

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây: 299 216 triệu đồng

- Năm 2013: 48 452 triệu
-Năm 2014: 65 677 triệu
-Năm 2015: 68 894 triệu
-Năm 2016: 67 421 triệu
-Năm 2017: 61 565 Triệu đồng

45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây: 51 525 triệu đồng

- Năm học 2012-2013: 11 962 triệu
- Năm học 2013-2014: 11 383 triệu
- Năm học 2014-2015: 8 795 triệu
- Năm học 2015-2016: 6 865 triệu
- Năm học 2016-2017: 5 242 triệu đồng

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 212

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 212/303=69,97%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu

của nhà trường (%): 27/212 (12,74%)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 168/212 (79,25%)

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 3.437

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 3.420,8

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 15,9 SV/GV

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):ĐH: 80,98%; CĐ: 90,82%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): ĐH: 97,81%; CĐ: 96,77%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): ĐH: 2,19%; CĐ: 3,22%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): ĐH: 86,3%; CĐ: 86,3%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): ĐH: 13,7%; CĐ: 13,7%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 3

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): ĐH: 75,4%; CĐ: 72,5%.

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): ĐH: 18,7%; CĐ: 13,3%.

Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%): ĐH: 5,9%; CĐ: 14,2%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.1122;

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

3,8182 triệu/người;

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,1898

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,366

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,4282

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,095 máy/SV

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 6,46 m^2/SV

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 12,43 m^2/SV

Phụ lục 2.
CÁC VĂN BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Số: 553 /QĐ-TĐHHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v Kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá giữa kỳ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy định về Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 2342/KH-ĐHHT ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc Triển khai công tác Kiểm định chất lượng giáo dục;

Xét nhu cầu, khả năng cán bộ và đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá giữa kỳ cơ sở đào tạo Trường Đại học Hà Tĩnh gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai các hoạt động tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 2354/QĐ-TĐHHT ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng;

Các ông, bà Trưởng đơn vị và các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Hiệu trưởng, các PHT (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT và ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

PGS.TS Nguyễn Đình Thọ

UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Số: 554/QĐ-TĐHHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v Kiện toàn Ban thư ký và các nhóm chuyên trách tự đánh giá giữa kỳ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành theo Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy định về Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 2342/KH-ĐHHT ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc Triển khai công tác Kiểm định chất lượng giáo dục;

Xét nhu cầu, khả năng cán bộ và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban thư ký và các nhóm chuyên trách tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh giữa kỳ bao gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban thư ký và các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ giúp Hội đồng tự đánh giá triển khai các hoạt động tự đánh giá của Trường Đại học Hà Tĩnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 2355/QĐ-TĐHHT ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng;

Các ông, bà Trưởng đơn vị, các thành viên của Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Hiệu trưởng, các PHT (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: ĐBCL, VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

PGS.TS Nguyễn Đình Thọ

UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH TỰ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ

(Kèm theo Quyết định số: 554/QĐ-TĐHHT ngày 15/ 8 /2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

1. Danh sách các thành viên Ban thư ký

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1	Bà Phan Thị Dung	PTP. Đảm bảo chất lượng	TB. Thư ký
2	Bà Dương Quỳnh Lưu	PTP. Đào tạo	PTB. Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Hải Lý	CV Phòng ĐBCL	Thành viên
4	Ông Phan Anh	PTP. Quản lý Khoa học	Thành viên
5	Bà Trần Thị Kim Hiền	PTP. Tổ chức - Hành chính	Thành viên
6	Ông Nguyễn Viết Thừa	PTP. Công tác HSSV	Thành viên
7	Ông Nguyễn Văn Đình	CV. Phòng QHĐN&TT	Thành viên
8	Ông Trần Dương	CV Trung tâm Thư viện	Thành viên
9	Ông Nguyễn Tr. Viết Công	CV. Phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách này gồm có 09 người).

2. Danh sách thành viên các nhóm công tác chuyên trách

STT	TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	**Nhóm 1** ***Tiêu chuẩn 1:*** *Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học*	Ông Đoàn Hoài Sơn	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Bà Phan Thị Dung	PTP. ĐBCL	Thư ký
		Ông Trần Anh Vũ	TP. Đào tạo	Thành viên
		Ông Nguyễn Đình Tuấn	TP. TC-HC	Thành viên
		Ông Nguyễn Viết Hùng	TP. KH-TC	Thành viên
2	**Nhóm 2** ***Tiêu chuẩn 2+5:*** *Tổ chức và Quản lý + Đội ngũ CBQL, GV và NV*	Ông Nguyễn Đình Tuấn	TP. TC-HC	Trưởng nhóm
		Bà Trần Thị Kim Hiền	PTP. TC-HC	Thư ký
		Ông Nguyễn Hoài Sanh	TK. Lý luận chính trị	Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Thoa	PTP. TC-HC	Thành viên
		Bà Trần Hòa Bình	PTP. TC-HC	Thành viên

		Bà Nguyễn Thị Thủy	CV. Phòng TC-HC	Thành viên
3	**Nhóm 3** ***Tiêu chuẩn 3 và 4:*** *Chương trình đào tạo + Hoạt động ĐT*	Ông Trần Anh Vũ	TP. Đào tạo	Trưởng nhóm
		Bà Dương Quỳnh Lưu	PTP. Đào tạo	Thư ký
		Bà Nguyễn Thị Hải Yến	GĐ. TT GDTX	Thành viên
		Ông Nguyễn Hải Trung	PTP. Đào tạo	Thành viên
		Ông Trần Mạnh Hùng	PTP. Đào tạo	Thành viên
4	**Nhóm 4** ***Tiêu chuẩn 6:*** *Người học*	Ông Ngô Tất Đạt	TP. Phòng CT HSSV	Trưởng nhóm
		Ông Nguyễn Viết Thừa	PTP. CT HSSV	Thư ký
		Ông Biện Văn Quyền	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
		Ông Thái Đình Hưng	GĐ. TT DV&HTSV	Thành viên
		Ông Nguyễn Công Viên	Chủ tịch HSV	Thành viên
5	**Nhóm 5** ***Tiêu chuẩn 7*** *Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ*	Bà Bùi Thị Quỳnh Thơ	TP. Quản lý KH	Trưởng nhóm
		Ông Phan Anh	PTP.Quản lý KH	Thư ký
		Ông Trần Viết Cường	GV. Khoa SPTN	Thành viên
		Bà Đặng Thị Thái Linh	CV. Phòng QLKH	Thành viên
6	**Nhóm 6** ***Tiêu chuẩn 8*** *Hoạt động HTQT*	Bà Hồ Thị Nga	TP. QHĐN&TT	Trưởng nhóm
		Ông Nguyễn Văn Đình	CV Phòng QHĐN&TT	Thư ký
		Ông Nguyễn Gia Việt	TK. Ngoại ngữ	Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Thái Hoà	TK. Tiếng Việt	Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Cẩm	GV. Khoa Tiếng Việt	Thành viên
7	**Nhóm 7** ***Tiêu chuẩn 9:*** *Thư viện, trang*	Ông Ngô Đăng Thuận	TP. Quản trị	Trưởng nhóm
		Ông Trần Dương	CV. TT Thư viện	Thư ký

	thiết bị học tập và csvc khác	Ông Đinh Văn Nam	GĐ. TT Thư viện	Thành viên
		Ông Nguyễn Viết Phú	GĐ. TT CNTT	Thành viên
		Ông Cù Huy Lộc	Trưởng Ban Dự án	Thành viên
8	**Nhóm 8** ***Tiêu chuẩn 10:*** *Tài chính và quản lý tài chính*	Ông Nguyễn Viết Hùng	TP. KH - TC	Trưởng nhóm
		Ông Nguyễn Tr. Viết Công	CV Phòng KH-TC	Thư ký
		Bà Nguyễn Thị Hiền	PTP. KH-TC	Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Thọ	CV Phòng KH-TC	Thành viên

Ghi chú: *Các thành viên khác của Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ phối hợp và hỗ trợ các nhóm công tác chuyên trách để triển khai tự đánh giá./.*

UBND TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2367/KH-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH, GIAI ĐOẠN 2012 - 2017

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động toàn diện của Nhà trường theo Qui định về các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, giai đoạn 2012 - 2017.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 2354/QĐ-TĐHHT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh, Hội đồng gồm có 27 thành viên (có danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban Thư ký gồm 09 thành viên và 06 nhóm công tác chuyên trách gồm 29 thành viên (có danh sách kèm theo).

3.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập TT và MC	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn1: Sứ mạng và mục tiêu trường đại học; Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và Quản lý; Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên	Nhóm 1 Trưởng nhóm: Ông Nguyễn Đình Tuấn	02 tháng	17 tiêu chí
2	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo; Tiêu chuẩn 4: Hoạt động	Nhóm 2 Trưởng nhóm:	02 tháng	13 tiêu

	đào tạo	Ông Phan Đình Anh		chí
3	Tiêu chuẩn 6: Người học	Nhóm 3 Trưởng nhóm: Ông Ngô Tất Đạt	02 tháng	9 tiêu chí
4	Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	Nhóm 4 Trưởng nhóm: Bà Hồ Thị Nga	02 tháng	10 Tiêu chí
5	Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	Nhóm 5 Trưởng nhóm Ông Ngô Đăng Thuận	02 tháng	9 tiêu chí
6	Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	Nhóm 6 Trưởng nhóm: Ông Nguyễn Viết Hùng	02 tháng	3 tiêu chí

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính cần được huy động và cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực và tài chính cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động/ cung cấp
1	**Tiêu chuẩn 1:** Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Hà Tĩnh	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên. 2. Các đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
2	**Tiêu chuẩn 2:** Tổ chức và quản lý	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính. 2. Các đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, Đảng ủy, Đoàn TN. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
3	**Tiêu chuẩn 3:** Chương	1. Thu thập thông tin;	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục	04 tháng

	trình đào tạo	2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	thường xuyên, các Khoa/Bộ môn trực thuộc. 2. Các đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, sinh viên,cựu SV và các nhà sử dụng lao động. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
4	**Tiêu chuẩn 4:** Hoạt động đào tạo	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các Khoa/Bộ môn trực thuộc. 2. Các đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, sinh viên,cựu SV và các nhà sử dụng lao động. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
5	**Tiêu chuẩn 5:** Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng tổ chức - Hành chính. 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
6	**Tiêu chuẩn 6:** Người học	1. Thu thập thông tin; 2.Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3.Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Công tác học sinh - sinh viên. 2. Các đơn vị phối hợp: BGH, P.Đào tạo, P.KH-TC, P.Quản trị, P. TC-HC, Trung tâm thư viện, Khoa/Bộ môn trực thuộc, Đảng ủy, Đoàn TN, Hội SV. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
7	**Tiêu chuẩn 7:** Hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	1. Thu thập thông tin; 2.Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được ; 3.Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng NCKH và HTQT. 2. Các đơn vị phối hợp: P.Đào tạo, các Khoa/Bộ môn trực thuộc, Sở Khoa học và Công nghệ. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
8	**Tiêu chuẩn 8:** Hợp tác quốc tế	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân	1. Đơn vị chủ trì: Phòng NCKH và HTQT. 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám	04 tháng

		tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	hiệu, Sở Ngoại vụ. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
9	**Tiêu chuẩn 9:** Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Quản trị, Trung tâm thư viện, Trung tâm CNTT, Ban Quản lý dự án. 2. Đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch - Tài chính. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
10	**Tiêu chuẩn 10:** Tài chính và quản lý tài chính	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Kế hoạch - Tài chính. 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	04 tháng
11	**Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá**	1. Kết nối các nhóm công tác chuyên trách; 2. Rà soát, xử lý thông tin, minh chứng và báo cáo của các nhóm công tác chuyên trách; 3. Viết báo cáo tự đánh giá tổng thể; 4. In ấn, photocopy các bản báo cáo tự đánh giá; 5. Một số phần việc khác liên quan.	1. Đơn vị chủ trì: Ban thư ký giúp việc. 2. Các đơn vị phối hợp: Các nhóm công tác chuyên trách, Phòng/Ban/Trung tâm, khoa/bộ môn trực thuộc liên quan. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	05 tháng

4.1. Nhân lực

Ngoài các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, tùy tình hình thực tế khi triển khai công tác tự đánh giá, có thể huy động thêm cán bộ giảng viên từ các đơn vị trong trường.

4.2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị và có thể mua thêm các trang thiết bị cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở kinh phí được cấp hàng năm cho hoạt động tự đánh giá.

4.3. Tài chính

Về kinh phí tự đánh giá gồm các nội dung chi cơ bản sau:

- Chi phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.
- Chi tập huấn, hội nghị, hội thảo, thuê chuyên gia tư vấn.
- Chi thu thập tài liệu và xử lý minh chứng.
- Chi phỏng vấn, điều tra các nhà tuyển dụng.
- Chi viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Chi nghiệm thu từng tiêu chuẩn, báo cáo tự đánh giá
- Chi vật tư, văn phòng phẩm và chi khác.

Kinh phí từ các nguồn do Nhà trường cấp, trên cơ sở có dự toán cụ thể, hợp lý cho từng công việc được Ban giám hiệu phê duyệt.

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Văn bản hợp nhất 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ giáo dục và đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học; Công văn 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 03/8/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học; Công văn 462/KTKĐCLGD-KĐĐH của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường sẽ đề xuất (*các thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có, người thực hiện*…).

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, các nhóm chuyên trách có thể đề xuất nếu gặp khó khăn. Sau khi hoàn thành bản dự thảo báo cáo tự đánh giá, Nhà trường sẽ mời 01 đơn vị ngoài đánh giá, góp ý cho báo cáo tự đánh giá trước

khi nghiệm thu cấp trường và đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

8. Thời gian biểu:

Thời gian thực hiện tự đánh giá khoảng 6 tháng, cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1-2 (26/12/2016 đến 08/01/2017)	• Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá; - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Thành lập Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL.
Tuần 3-4 (09-22/01/2017)	• Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa/bộ môn, phòng/ban/trung tâm); • Tổ chức Hội thảo/tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường…(do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo/tập huấn); • Họp Hội đồng Tự đánh giá để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá của trường; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá; - Trình Hiệu trưởng xin phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 (23-29/01/2017)	• Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 6-8 (30/01-19/02/2017)	• Thu thập thông tin và minh chứng; • Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.
Tuần 9 (20-26/02/2017)	Họp Hội đồng Tự đánh giá để: • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 10 (27/02-05/3/2017)	• Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết); • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Tuần 11-12 (06-19/3/2017)	• Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); • Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); • Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 13-14 (20/2-02/3/2017)	• Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban, trung tâm… để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 15-16 (03-16/4/2017)	• Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Hiệu trưởng cho công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ Trường • Thu thập các ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 17-18 (17-30/4/2017)	• Hội đồng Tự đánh giá tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; • Hội đồng Tự đánh giá thông qua báo cáo TĐG lần cuối và trình Hiệu trưởng Nhà trường xin ý kiến phê chuẩn.
Tuần 19 (01-07/5/2017)	• Hiệu trưởng Nhà trường phê chuẩn báo cáo tự đánh giá.
Tuần 20 (08-15/5/2017)	• Nộp bản báo cáo tự đánh giá cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; • Hội đồng Tự đánh giá lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để đoàn chuyên gia đánh giá ngoài thẩm định.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các nhóm chuyên trách (để thực hiên);
- Ban thư ký giúp việc (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG
CT. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Đình Thọ

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG

TT	Trình độ đào tạo	Mã số	Tên ngành đào tạo	QĐ giao nhiệm vụ đào tạo	Năm bắt đầu ĐT	Địa điểm tổ chức đào tạo chương trình
1	Đại học	52140209	Sư phạm Toán học	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
2	Đại học	52140211	Sư phạm Vật lý	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
3	Đại học	52140212	Sư phạm Hóa học	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
4	Đại học	52140210	Sư phạm Tin học	Số 347/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2008	2008	Trường ĐHHT
5	Đại học	52140231	Sư phạm Tiếng Anh	Số 347/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2008	2008	Trường ĐHHT
6	Đại học	52140217	Sư phạm Ngữ văn	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
7	Đại học	52140202	Giáo dục Tiểu học	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
8	Đại học	52140201	Giáo dục Mầm non	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
9	Đại học	52140205	Giáo dục Chính trị	Số 275/QĐ-BGDĐT ngày 14/01/2009	2009	Trường ĐHHT
10	Đại học	52480201	Công nghệ thông tin	Số 347/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2008	2008	Trường ĐHHT
11	Đại học	52220201	Ngôn ngữ Anh	Số 275/QĐ-BGDĐT ngày 14/01/2009	2009	Trường ĐHHT
12	Đại học	52340301	Kế toán	Số 905/QĐ-BGDĐT ngày 16/02/2009	2009	Trường ĐHHT
13	Đại học	52340101	Quản trị kinh doanh	Số 347/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2008	2008	Trường ĐHHT

14	Đại học	52620115	Kinh tế nông nghiệp	Số 275/QĐ-BGDĐT ngày 14/01/2009	2009	Trường ĐHHT
15	Đại học	52340201	Tài chính-Ngân hàng	Số 5340/QĐ-BGDĐT ngày 25/10/2011	2011	Trường ĐHHT
16	Đại học	52440301	Khoa học môi trường	Số 3781/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2012	2012	Trường ĐHHT
17	Đại học	52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Số 3781/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2012	2012	Trường ĐHHT
18	Đại học	52580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	Số 554/QĐ-BGDĐT ngày 06/02/2013	2013	Trường ĐHHT
19	Đại học	52380101	Luật	Số 3215/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2013	2013	Trường ĐHHT
20	Đại học	52220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Số 4175/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2015	2015	Trường ĐHHT
21	Đại học	52620110	Khoa học cây trồng	Số 4175/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2015	2015	Trường ĐHHT
22	Đại học	52340301	Kế toán liên thông từ TCCN	Số 817/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2010	2010	Trường ĐHHT
23	Đại học	52380101	Luật liên thông từ TCCN	Số 2778/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2016	2016	Trường ĐHHT
24	Đại học	52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành liên thông từ TCCN	Số 2778/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2016	2016	Trường ĐHHT
25	Đại học	52140202	Giáo dục Tiểu học liên thông từ TCCN	Số 2778/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2016	2016	Trường ĐHHT
26	Đại học	52140201	Giáo dục Mầm non liên thông từ TCCN	Số 2778/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2016	2016	Trường ĐHHT
27	Đại học	52310201	Chính trị học	Số 4389/QĐ-	2017	Trường ĐHHT

				BGDĐT ngày 17/10/2017		
27	Cao đẳng	51140209	Sư phạm Toán học	Số 6209/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010	2010	Trường ĐHHT
28	Cao đẳng	51140210	Sư phạm Tin học	Số 7366/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2005	2005	Trường ĐHHT
29	Cao đẳng	51140211	Sư phạm Vật lý	Số 7366/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2005	2005	Trường ĐHHT
30	Cao đẳng	51140214	Sư phạm Công nghệ	Số 7366/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2005	2005	Trường ĐHHT
31	Cao đẳng	51140217	Sư phạm Ngữ văn	Số 1128/QĐ-BGDĐT&ĐT-ĐH ngày 13/5/1998	1998	Trường ĐHHT
32	Cao đẳng	51140222	Sư phạm Mỹ thuật	Số 383/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 22/01/2002	2002	Trường ĐHHT
33	Cao đẳng	51140221	Sư phạm Âm nhạc	Số 6564/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2003	2003	Trường ĐHHT
34	Cao đẳng	51140206	Giáo dục thể chất	Số 1128/QĐ-BGDĐT&ĐT-ĐH ngày 13/5/1998	1998	Trường ĐHHT
35	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Số 3228/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2002	2002	Trường ĐHHT
36	Cao đẳng	51140202	Giáo dục Tiểu học	Số 6209/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010	2010	Trường ĐHHT
37	Cao đẳng	51140213	Sư phạm Sinh học	Số 6209/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010	2010	Trường ĐHHT
38	Cao đẳng	51140212	Sư phạm Hóa học	Số 6209/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010	2010	Trường ĐHHT

39	Cao đẳng	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	Số 6209/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010	2010	Trường ĐHHT
40	Cao đẳng	51480201	Công nghệ thông tin	Số 1056/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2003	2003	Trường ĐHHT
41	Cao đẳng	51340301	Kế toán	Số 8091/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007	2007	Trường ĐHHT
42	Cao đẳng	51340301	Kế toán liên thông từ TCCN	Số 7901/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2007	2007	Trường ĐHHT
43	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non liên thông từ TCCN	Số 7901/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2007	2007	Trường ĐHHT
44	Trung cấp		Giáo dục Mầm non	Số 6127/THCN&DN ngày 19/6/2001	2001	Trường ĐHHT
45	Trung cấp		Giáo dục Tiểu học			Trường ĐHHT
46	Trung cấp	42340303	Kế toán doanh nghiệp	Số 331/BGDĐT-GDCN ngày 15/01/2009	2009	Trường ĐHHT
47	Trung cấp	42340301	Kế toán hành chính sự nghiệp	Số 331/BGDĐT-GDCN ngày 15/01/2009	2009	Trường ĐHHT
48	Trung cấp		Tin học	Số 10560/THCN&DN ngày 20/9/2001	2001	Trường ĐHHT
49	Trung cấp		Hành chính-Văn thư	Số 4386/THCN&DN ngày 22/5/2002	2002	Trường ĐHHT
50	Trung cấp		Lưu trữ	Số 4386/THCN&DN ngày 22/5/2002	2002	Trường ĐHHT
51	Trung cấp		Thiết bị-Thư viện	Số 331/BGDĐT-GDCN ngày 15/01/2009	2009	Trường ĐHHT

52	Trung cấp	42620107	Thủy lợi tổng hợp	Số 687/QĐ.UB-1998.TCCB ngày 12/6/1998	1998	Trường TCNN HT
53	Trung cấp	42620112	Quản lý và kinh doanh nông nghiệp			Trường TCNN HT
54	Trung cấp		Chăn nuôi-Thú y	Số 687/QĐ.UB-1998.TCCB ngày 12/6/1998	1998	Trường TCNN HT
55	Trung cấp		Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Số 687/QĐ.UB-1998.TCCB ngày 12/6/1998	1998	Trường TCNN HT
56	Trung cấp		Lâm sinh tổng hợp	Số 687/QĐ.UB-1998.TCCB ngày 12/6/1998	1998	Trường TCNN HT
57	Trung cấp		Quản lý đất đai	Số 687/QĐ.UB-1998.TCCB ngày 12/6/1998	1998	Trường TCNN HT